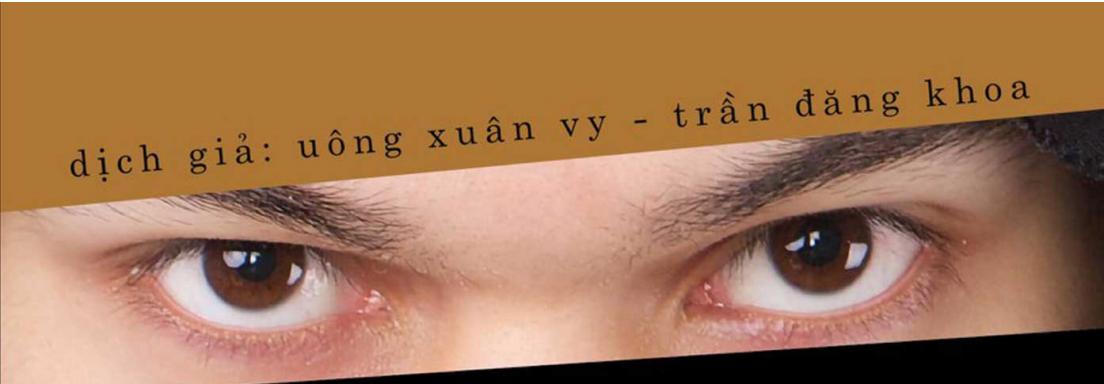


dịch giả: uông xuân vy - trần đăng khoa



“Khắc họa chân dung kẻ ác chính xác đến rợn người.”
_Jonathan Kellerman

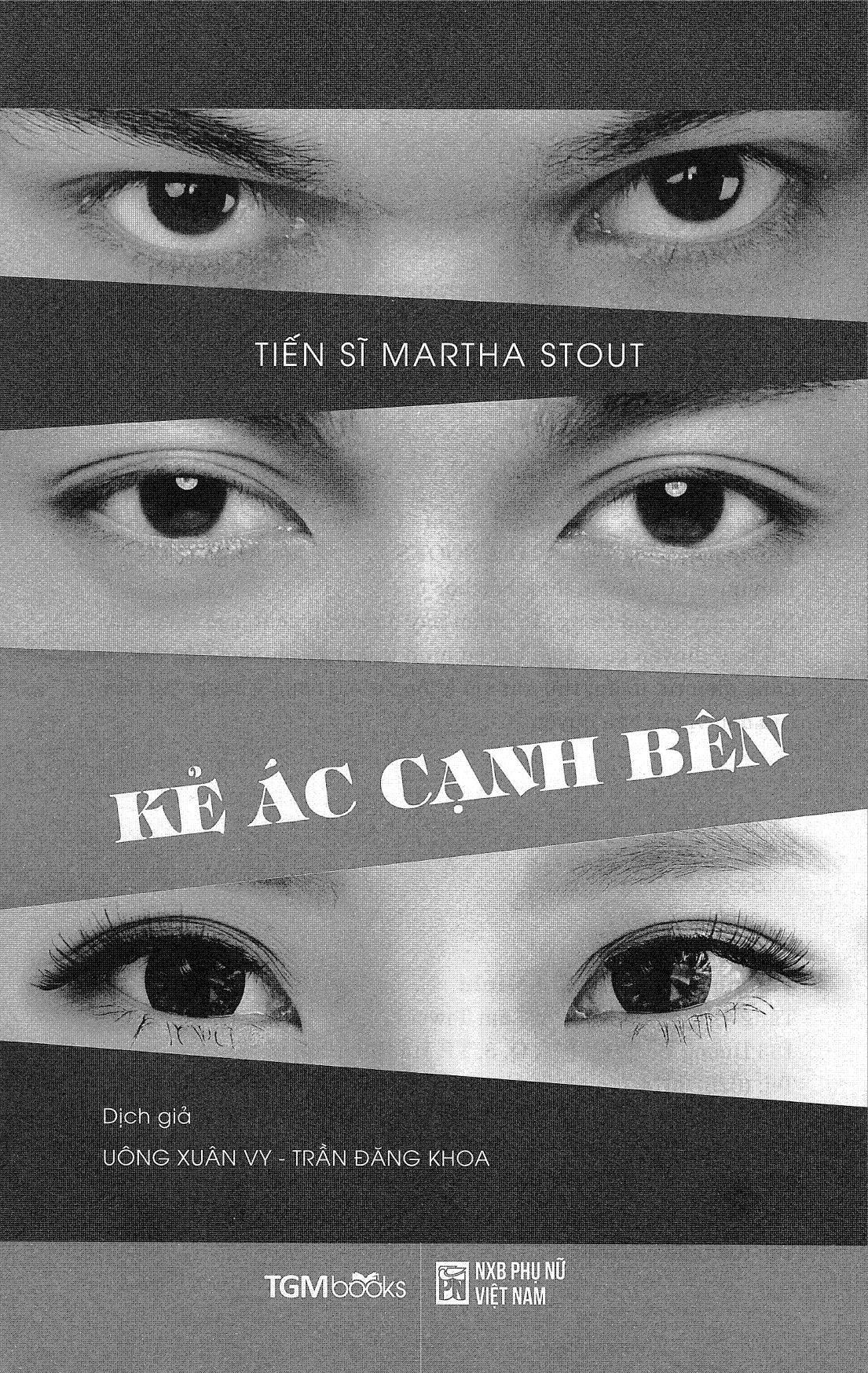


kẻ ác cạnh bên



Bạn có biết cứ mỗi 25 người bạn quen, sẽ có 1 người săn sàng làm bất kỳ việc xấu xa nào mà không hề cắn rút lưỡng tâm?

Và họ che giấu điều đó tốt hơn bạn nghĩ.



TIẾN SĨ MARTHA STOUT

KẺ ÁC CẠNH BÊN

Dịch giả

UÔNG XUÂN VY - TRẦN ĐĂNG KHOA

TGM books

NXB PHỤ NỮ
VIỆT NAM

THE SOCIOPATH NEXT DOOR

Martha Stout, Ph.D.

Copyright @ 2015 by Martha Stout.

All rights reserved.

This translation published by arrangement with Harmony Books,
an imprint of the Crown Publishing Group, a division of Penguin
Random House LLC.

KẺ ÁC CẠNH BÊN

Uông Xuân Vy - Trần Đăng Khoa - Lê Ngọc Song Thu

Bản quyền tiếng Việt @ TGM BOOKS.

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ.

Không phần nào trong tác phẩm này được sản xuất, sao chép, lưu trữ hay chuyển giao dưới bất cứ hình thức hay phương tiện nào, ở dạng điện tử, in ấn, thu âm mà không có sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị giữ bản quyền.

TGM BOOKS

<https://books.tgm.vn>

books@tgm.vn

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh:

Tầng 4, Tòa nhà Nguyễn Lâm Tower

133 Dương Bá Trạc, P. 1, Q. 8, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 6674 7542

Văn phòng Hà Nội:

Tầng 14, Tòa nhà CTM Complex

139 Cầu Giấy, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (024) 6259 7186

MỤC LỤC

CẢM NHẬN VỀ QUYẾN SÁCH **KẺ ÁC CẠNH BÊN**

LỜI GIỚI THIỆU / 01

một/ 21

GIÁC QUAN THỨ BÂY

hai/ 41

NHỮNG CON NGƯỜI LẠNH NHƯ BĂNG

ba/ 61

KHI LƯƠNG TÂM THIẾP NGỦ

bốn/ 83

NGƯỜI TỬ TẾ NHẤT ĐỜI

năm/ 103

VÌ SAO LƯƠNG TÂM BỊ CHE MẮT

sáu/ 121

CÁCH NHẬN DIỆN KẺ KHÔNG BAO GIỜ BIẾT HỐI HẬN

bảy/ 141

NGUYÊN NHÂN CỦA CHỨNG BỆNH KHÔNG BIẾT
HỐI HẬN: ĐIỀU GÌ TẠO RA SOCIOPATH?

tám/ 165

KẺ ÁC CANH BÊN

chín/ 195

NGUỒN GỐC CỦA LƯƠNG TÂM

mười/ 215

LỰA CHỌN CỦA BERNIE: TẠI SAO CÓ LƯƠNG TÂM
THÌ TỐT HƠN

mười một/ 235

NGÀY CHUỘT CHỮI

mười hai/ 249

LƯƠNG TÂM Ở DẠNG THUẦN KHIẾT NHẤT:
PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC ĐƯỢC ỦNG HỘ

VỀ TÁC GIẢ

CẢM NHẬN VỀ QUYẾN SÁCH KẺ ÁC CẠNH BÊN

“Nghe thật ớn lạnh như xem một bộ phim ly kỳ thuộc thể loại tâm lý vậy: một thế giới mà trong đó cứ 25 người thì có 1 người đang sống nhẫn nhơ mà không hề nhỏ một giọt tình thương nào dành cho đồng loại... [Nhưng] Tiến sĩ Martha Stout cho biết đó không phải chuyện khoa học viễn tưởng. Trong quyển sách gây tranh cãi vừa mới xuất bản, *Kẻ Ác Cạnh Bên*, Stout tuyên bố rằng 4% dân số thế giới là những kẻ vô nhân tính không có khả năng yêu thương hay đồng cảm... Stout miêu tả một cách sống động hành động của những kẻ đó - kết hôn vì tiền, nói xấu đồng nghiệp, hoặc đơn giản là lấy việc gây hấn làm thú vui - với những người không mảy may nghi ngờ.”

- **Sara Eckel, Salon**

“Tên bỉu bợm, kẻ mạo danh và tay sát nhân hàng loạt có điểm chung là gì? Như Martha Stout chỉ ra trong *Kẻ Ác Cạnh Bên*, tất cả bọn họ đều thiếu một thứ: lương tâm.”

- **John Rooney, Ph.D., Philadelphia Inquirer**

“Là nhà tâm lý học thực hành, Stout đã nhìn thấy biết bao nhiêu người phải gánh chịu tổn thương bởi một vài kẻ thiếu lương tâm, vì thế bà lèn tiếng cảnh báo cho những ‘người tốt.’ Quyển sách này của Stout khiến nhiều người cảm thấy lo sợ. Đó là lời kêu gọi hãy chuẩn bị tinh thần đối đầu, là hồi chuông cảnh báo để những người có lương tâm nhận ra đâu là ‘kẻ ác’ đang ẩn mình giữa họ.”

- **Rob Mitchell, Boston Herald**

“Người hàng xóm sát vách nhà bạn có thể trông bình thường như bao người khác, lại còn tốt bụng nữa chứ, nhưng đây thật ra chỉ là vỏ bọc bên ngoài mà thôi, vì thế tốt hơn hết là bạn hãy tránh xa họ ra, nếu không, bạn sẽ tiêu đời. Đó là nét hấp dẫn của *Kẻ Ác Cạnh Bên* của Martha Stout... Tôi nghĩ rằng đây là một quyển sách nên đọc.”

- **Norman E. Rosenthal, M.D., Washington Post Book World**

“Những kẻ vô nhân tính sẽ lộ nguyên hình khi Stout đào sâu vào bản chất của lương tâm... Stout đưa ra kết luận gì? Rất đơn giản, đó là chúng ta vốn đã quen với việc cúi đầu trước quyền lực ngay cả khi điều đó trái với lương tâm của chính mình.”

- **Amy Finch, Boston Phoenix**

Lương tâm chính là sức mạnh của con người.
- John Dryden

Ghi chú của tác giả

Những miêu tả trong quyển *Kẻ Ác Cạnh Bên* không tiết lộ danh tính cụ thể của bất kỳ cá nhân nào. Cốt lõi của tâm lý học trị liệu là quy tắc bảo mật, và như thường lệ, tôi đã nỗ lực hết sức để bảo vệ tính riêng tư của những người thật. Các tên sử dụng đều không phải tên thật, và những đặc điểm nhận dạng khác đều được thay đổi. Một số người đồng ý xuất hiện ẩn danh trong quyển sách này. Trong những trường hợp này, không có một thông tin nào có thể tiết lộ danh tính của họ được đưa vào.

Câu chuyện trong chương “Ngày Chuột Chui” là hư cấu. Còn tất cả những người, sự việc và các cuộc đối thoại được thể hiện trong đây đều được lấy từ hai mươi lăm năm thực hành ngành tâm lý học của bản thân tôi. Tuy nhiên, với trách nhiệm bảo mật, những con người và hoàn cảnh được miêu tả trong trang sách được tôi tổng hợp từ nhiều nguồn; điều này có nghĩa là mỗi trường hợp đại diện cho nhiều cá nhân có tính cách và trải nghiệm phù hợp với quan điểm trình bày, được điều chỉnh chi tiết một cách cẩn trọng, và kết hợp lại với nhau để tạo thành nhân vật minh họa. Bất kỳ sự tương đồng nào của nhân vật tổng hợp này với người nào ngoài đời thực hoàn toàn là sự trùng hợp.

LỜI GIỚI THIỆU

hãy tưởng tượng

Mặt người khác nhau, tâm người còn khác hơn.

- Voltaire

Hãy tưởng tượng - nếu có thể - rằng bạn là một người không có lương tâm, không một chút nào, không có cảm giác ăn năn, không hề hối hận trong bất kỳ việc gì, không mảy may lo lắng đến cảm xúc của người lạ, bạn bè hoặc ngay cả người thân trong gia đình. Hãy tưởng tượng bạn không hề đeo mang cảm giác dằn vặt vì hổ thẹn, không một lần nào trong suốt cuộc đời, cho dù bạn đã từng có những hành động ích kỷ, lười biếng, gây hại hoặc trái đạo đức. Và bạn hãy giả vờ rằng khái niệm trách nhiệm là thứ quá đỗi xa lạ, ngoại trừ việc bạn xem đó là một gánh nặng mà người khác dường như sẵn sàng chấp nhận, như những kẻ khờ cả tin. Nay giờ, hãy thêm vào câu chuyện tưởng tượng này khả năng che mắt không để người khác biết được cách tư duy và hành vi của bạn khác hẳn với họ. Vì mọi người thường giả định là con người ai cũng có lương tâm, nên việc che giấu rằng bạn không có lương tâm là một chuyện dễ dàng. Không có cảm giác hối lỗi hay xấu hổ nào níu giữ những mong muốn của bạn, và bạn không bao giờ bị ai chất vấn về sự lạnh nhạt nhẫn tâm của mình. Dòng máu lạnh chảy trong huyết quản của bạn quá sức kỳ quái, vượt ngoài trải nghiệm cá nhân của người khác đến mức họ không thể nào đoán ra được.

Nói cách khác, bạn hoàn toàn không chịu sự ràng buộc bên trong, và thế giới xung quanh không hề phát hiện việc bạn thoái mái làm những gì mình thích mà không một chút cắn rứt lương tâm. *Bạn làm gì mà chẳng được*, và lợi thế kỳ lạ này của

bạn so với đám đông những kẻ có lương tâm ngoài kia vẫn là một bí mật.

Bạn sẽ sống cuộc đời mình như thế nào đây? Bạn sẽ làm gì với lợi thế bí mật to lớn của mình, và với sự bất lợi tương ứng của người khác (những người có lương tâm)? Câu trả lời phụ thuộc chủ yếu vào những mong muốn của bạn, vì con người không ai giống ai. Ngay cả những kẻ bất lương cũng không ai giống ai. Một số người - dù có lương tâm hay không - thích an phận thủ thường trong khi số khác lại có đầy ước mơ và tham vọng. Một số người tài năng xuất chúng, một số kẻ kém cỏi đần độn, và đa số thì ở mức thường thường bậc trung. Người thì ưa bạo lực, người không ưa bạo lực; có kẻ khát máu, có người không.

Có thể bạn là một người hám tiền và quyền, và dù không hề có một chút lương tâm nhưng bạn lại có chỉ số IQ cao ngất ngưởng. Bạn có khả năng dẫn dắt và có năng lực trí tuệ để theo đuổi sự giàu sang và quyền thế, và bạn không để cho bất kỳ điều gì hoặc bất kỳ ai cản đường cản lối bạn. Bạn chọn lĩnh vực kinh doanh, chính trị, luật, ngân hàng, hoặc các tổ chức phát triển quốc tế, hay bất kỳ ngành nghề nào mang đến cho bạn quyền lực, và bạn lạnh lùng giẫm lên những rào cản pháp lý và đạo đức thông thường để theo đuổi sự nghiệp. Để có lợi cho mình, bạn giả mạo sổ sách, ngụy tạo chứng cứ, đâm sau lưng đồng nghiệp và khách hàng, kết hôn vì tiền, lên kịch bản nói dối nhằm làm hại những người tin tưởng bạn, ra sức hủy hoại những đồng nghiệp quyền uy hoặc có tài hùng biện, chèn ép những người không có tiếng nói. Và bạn làm tất cả những chuyện này một cách thoái mái bởi vì bạn không có một chút lương tâm nào cả.

Bạn bước lên đỉnh vinh quang và thậm chí thành công trên khắp toàn cầu. Tại sao lại không chứ? Là một người cực kỳ thông minh và không chịu sự kiểm soát của lương tâm, *bạn làm gì mà chẳng được*.

Hoặc giả sử bạn không phải là kiểu người y hệt như thế. Bạn đầy ắp tham vọng, đúng vậy, và để vươn tới thành công, bạn sẵn sàng làm những chuyện mà những ai có lương tâm sẽ không bao giờ cân nhắc đến, nhưng bạn không phải là người thông minh bẩm sinh. Trí thông minh của bạn chỉ trên mức trung bình mà thôi, nhưng người khác lại cho rằng bạn thông minh, thậm chí là cực kỳ thông minh. Nhưng trong thâm tâm bạn biết rõ rằng bạn không có năng lực hay óc sáng tạo để đạt đến đỉnh cao quyền lực trong sự nghiệp mà bạn âm thầm mơ tưởng đến, và điều này khiến bạn trút cơn phẫn nộ lên thế giới và đem lòng đố kỵ với những người xung quanh.

Nếu thuộc kiểu người này, bạn náu mình ở một công việc, hoặc một loạt công việc, mà ở đó bạn có quyền kiểm soát nhất định đối với một nhóm nhỏ. Những vị trí này thỏa mãn được chút ít khao khát quyền lực trong bạn, mặc dù vậy bạn vẫn thường xuyên cảm thấy bức tức về việc không có được nhiều hơn. Không đủ khả năng để tự mình theo đuổi thành công tột bậc, tiếng nói nội tâm lố bịch bên trong thúc đẩy bạn ngăn cản người khác thành công. Có những lúc, bạn trở nên nổi giận, mặt sưng mày xía mà không ai hiểu tại sao, ngoại trừ chính bạn.

Tuy nhiên, bạn rất thích những công việc mà bạn có quyền kiểm soát và giám sát một vài người hoặc vài nhóm nhỏ, đặc biệt là những người cần sự giúp đỡ hoặc dễ bị tổn thương. Bạn là một giáo viên, nhà tâm lý trị liệu, luật sư cố vấn về ly hôn hoặc huấn luyện viên trong trường phổ thông trung học. Hoặc có thể bạn là một chuyên gia tư vấn, người môi giới, chủ phòng tranh, giám đốc dịch vụ nhân sự. Hoặc có thể bạn có một công việc không lương như ban quản trị chung cư, tình nguyện viên trong bệnh viện, hoặc ở nhà nội trợ.

Dù làm bất kỳ công việc gì, bạn vẫn thường xuyên thao túng và bắt nạt những người dưới quyền một cách quá quắt mà không

bị sa thải hoặc phải chịu trách nhiệm. Bạn làm vậy chỉ đơn giản là vì bạn thích, ngay cả khi chẳng để làm gì, ngoại trừ việc đó mang lại cho bạn cảm giác phấn khích. Khiến cho người khác phải hoảng sợ đồng nghĩa với việc bạn nắm giữ quyền lực - ít ra thì đây là cách mà bạn nhìn nhận - và quá trình bắt nạt mang lại cho bạn sự phấn khích cực độ. Thật là vui.

Có thể bạn không phải là CEO của một tập đoàn đa quốc gia, nhưng bạn có thể làm một vài người khiếp sợ, hoặc quay họ như chong chóng hoặc - cao tay nhất là đây - tạo ra những tình huống khiến họ cảm thấy bản thân họ thật tồi tệ. Đó là quyền lực, đặc biệt là khi những người mà bạn thao túng lại tài giỏi hơn bạn ở một mặt nào đó. Vui nhất là khi bạn hạ bệ được những người thông minh hơn hoặc thành công hơn bạn, hoặc có thể ưu tú hơn, hấp dẫn hơn, được yêu mến hơn, được ngưỡng mộ hơn bạn về nhân cách. Đây không chỉ là thú vui, mà là sự trả thù. Và khi không có lương tâm, bạn ra tay mới dễ làm sao. Bạn âm thầm nói dối với sếp hoặc cấp trên của sếp, nhỏ vài giọt nước mắt cá sấu, ngầm ngầm phá hoại dự án của một đồng nghiệp, hoặc gieo rắc nghi ngờ cho một bệnh nhân (hoặc một đứa trẻ), giăng bẫy người khác bằng những lời hứa hẹn, hoặc nguy tạo ra những thông tin mà bạn chẳng đời nào bị nắm thóp.

Hoặc giả sử bạn có xu hướng bạo lực hoặc thích nhìn cảnh bạo lực. Bạn chỉ việc sát hại đồng nghiệp, hoặc thuê người sát hại cô ấy - hoặc sếp, hoặc vợ/chồng cũ, hoặc bạn đời của gã nhân tình giàu có, hoặc bất kỳ ai khiến bạn thấy chướng tai gai mắt. Bạn phải thật cẩn thận, vì nếu ra tay không thành, bạn sẽ bị bắt và bị trừng phạt bởi pháp luật. Nhưng bạn sẽ chẳng phải gánh chịu hình phạt của lương tâm, vì bạn không hề có nó. Nếu bạn quyết định giết người, bạn chỉ vấp phải những khó khăn bên ngoài thôi. Ở bên trong bạn, không có gì lên tiếng phản đối cả.

Miễn là không bị buộc phải dừng lại, *bạn làm gì mà chẳng được*. Nếu bạn chào đời vào đúng thời điểm, trong một gia đình cực kỳ giàu có, và bạn có tài năng đặc biệt trong việc khơi dậy lòng căm phẫn nơi người khác và ham muốn tước đoạt, bạn có thể sắp xếp kế hoạch giết số lượng lớn những người cả tin. Có điều tiên, bạn có thể tiến hành việc đó ở nơi cách xa mình, còn bạn ngồi ở một nơi an toàn và rung đùi xem một cách thỏa mãn. Trên thực tế, khủng bố (thực hiện từ xa) là công việc lý tưởng dành cho một kẻ khát máu và không có lương tâm, bởi vì nếu biết cách thực hiện, bạn có thể gây ra nỗi kinh hoàng cho cả một quốc gia. Và nếu đó không phải là quyền lực thì cái gì mới là quyền lực đây?

Hoặc, hãy tưởng tượng theo hướng đối lập: Bạn không ưa bạo lực. Ngược lại, bạn thuộc kiểu người thật sự không muốn sở hữu nhiều thứ. Tham vọng duy nhất của bạn là không phải nỗ lực để kiếm sống. Bạn không muốn làm việc quần quật như bao người khác. Vì không có lương tâm, bạn có thể ngủ một giấc ngon lành, hoặc làm những gì mình thích, hoặc xem ti-vi, hoặc đi chơi cả ngày. Sống ở ngoài rìa xã hội và được người thân, bạn bè chu cấp, bạn có thể làm việc này vô thời hạn. Người ta có thể nhỏ to sau lưng rằng bạn là kẻ kém cỏi, hoặc bạn bị trâm cắm, thật đáng thương, hoặc ngược lại, nếu họ nổi giận, họ có thể càu nhau rằng bạn là kẻ ăn không ngồi rồi. Khi họ hiểu bạn nhiều hơn và thật sự giận dữ, họ có thể hét vào mặt bạn và gọi bạn là kẻ thất bại, chỉ biết ăn bám. Nhưng họ không đời nào biết được rằng bạn không hề có lương tâm, rằng tư duy của bạn vốn dĩ không hề giống họ.

Cảm giác cắn rút lương tâm chưa bao giờ bóp nghẹn trái tim bạn hay khiến bạn giật mình tỉnh giấc lúc nửa đêm. Dù sống như thế nhưng bạn chưa bao giờ cảm thấy mình vô trách nhiệm hay đáng xấu hổ. Tuy vậy, để thích ứng, đôi khi bạn cũng giả vờ rằng mình có cảm giác đó. Ví dụ, nếu khéo quan sát phản ứng của người khác, bạn có thể làm ra bộ mặt thất thần và nói cho

họ biết là bạn cảm thấy hổ thẹn và cay đắng biết bao khi sống cuộc sống như thế này. Bạn làm điều này chỉ vì để người khác nghĩ bạn bị trầm cảm và không còn la mắng hay hối thúc bạn đi tìm việc làm nữa.

Bạn để ý thấy rằng những ai có lương tâm thường cảm thấy có lỗi khi họ “lên lớp” những người mà họ tin là “bị trầm cảm” hoặc “có vấn đề.” Trên thực tế, họ thường cảm thấy có trách nhiệm chăm sóc một người như thế, và điều này càng có lợi cho bạn. Trong trường hợp dù cuộc sống có thiếu trớc hụt sau, nhưng bạn vẫn có thể có mối quan hệ yêu đương với một người nào đó, thì người này, vốn không nghi ngờ bản chất của bạn, cũng cảm thấy có trách nhiệm với bạn. Và vì tất cả những gì mà bạn mong muốn là không phải làm việc, nên người chu cấp tài chính cho bạn không nhất thiết phải đặc biệt giàu có, chỉ cần có lương tâm là đủ.

Tôi tin rằng chỉ mỗi việc tưởng tượng bản thân là một trong số những kiểu người này thôi cũng khiến bạn cảm thấy phát điên phát rồ, bởi họ quả thật điên rồ và nguy hiểm đến mức như vậy đó. Nhiều chuyên gia sức khỏe tâm thần gọi trạng thái không có lương tâm này là “rối loạn nhân cách chống xã hội.” Theo ước đoán, số người mắc chứng rối loạn tính cách không chữa trị được này chiếm 4% dân số thế giới - theo đó, cứ 25 người thì có 1 người bị rối loạn tính cách. Tình trạng vô nhân tính này thường được gọi là *sociopath* hay một thuật ngữ khác quen thuộc hơn, *psychopath*. Trên thực tế, trong tâm thần học, triệu chứng đầu tiên để nhận ra chứng bệnh này là không biết hối hận sau khi gây ra tội lỗi.

Theo *Hệ thống Chẩn đoán và Thống kê các Rối loạn Tâm thần IV* của Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ, một người được chẩn đoán mắc chứng “rối loạn nhân cách chống xã hội” khi có ít nhất 3 trong số 7 đặc điểm sau: (1) không thích nghi được với

các tiêu chuẩn xã hội; (2) dối trá, thao túng; (3) bốc đồng, không theo kế hoạch; (4) căm kinh, hung hăng; (5) không màng đến sự an toàn của bản thân hoặc của người khác; (6) thường xuyên vô trách nhiệm; (7) không có sự ăn năn, hối lỗi sau khi gây tổn thương, ngược đãi hoặc cướp đoạt của người khác. Một người chỉ cần có 3 triệu chứng trong số các triệu chứng này là đủ để bác sĩ tâm thần chẩn đoán người đó bị rối loạn nhân cách chống xã hội, hay mắc chứng vô nhân tính.

Nhiều nhà nghiên cứu và chuyên viên lâm sàng cho rằng Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ chỉ giải nghĩa đơn giản về “tội phạm” trong khi đó “chứng vô nhân tính” thật sự có thêm một số đặc điểm riêng. Một trong những đặc điểm thường thấy hơn cả là khả năng khua môi múa mép và vẻ ngoài thu hút giúp *sociopath* lôi cuốn được người khác, theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng - một kiểu sức hút ngay từ phút ban đầu khiến chúng có vẻ thu hút hơn hoặc hấp dẫn hơn hầu hết những người bình thường xung quanh. Anh ta hoặc cô ta mang vẻ khoáng đạt hơn, mãnh liệt hơn, hoặc có lúc “phức tạp” hơn hoặc gợi cảm hơn, hoặc thú vị hơn những người khác. Thỉnh thoảng, “nét thu hút đặc trưng” này kết hợp với vẻ trịnh trọng của ý thức giá trị bản thân có thể tạo ra sức lôi cuốn ban đầu, nhưng nếu xét kỹ thì nó mang hơi hướm kỳ quặc hoặc khá là nực cười. (“Một ngày nào đó, thế giới này sẽ thấy được tôi là người đặc biệt như thế nào,” hoặc “Em biết là không có gã người yêu nào ngoài anh sẽ làm thế mà.”)

Ngoài ra, *sociopath* có nhu cầu cần sự kích thích cao hơn bình thường, dẫn đến việc chúng thường tạo ra những rủi ro về mặt xã hội, thể chất, tài chính hoặc pháp lý. Với tính cách đặc trưng, chúng có thể lôi kéo người khác cùng thực hiện những phi vụ mạo hiểm với mình, và chúng nổi tiếng về chứng bệnh nói dối và các mối quan hệ ký sinh với bạn bè. Dù có học vấn hoặc địa vị cao đến đâu khi đã trưởng thành, thì trước đây, chúng từng có các vấn đề về hành vi, có khi là sử dụng chất kích thích hoặc

có hồ sơ phạm pháp tuổi vị thành niên, và luôn chối bỏ trách nhiệm về bất kỳ vấn đề nào đã xảy ra.

Đặc biệt, người ta lưu ý thấy *sociopath* không có chút cảm xúc nào, không có chút yêu thương trong bất kỳ rung động âu yếm mà chúng tuyên bố là có, chúng lạnh lùng đến mức nghẹt thở. Chúng không có sự đồng cảm, cũng không hề thật lòng trong mối quan hệ gắn bó với người yêu. Một khi lớp mặt nạ giả dối bị lột ra, cuộc hôn nhân của chúng được phơi bày là không có tình yêu, chỉ từ một phía và hầu như luôn chóng vánh. Nếu người bạn đời có một chút giá trị trong mắt *sociopath* thì đó là bởi vì *sociopath* xem người này là vật sở hữu, một thứ mà *sociopath* sẽ nổi giận khi đánh mất chứ không bao giờ thấy buồn lòng hay cảm thấy có trách nhiệm.

Tất cả đặc điểm này cùng những “triệu chứng” được Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ liệt kê ra là những biểu hiện hành vi mà thông qua đó, ta thấy được một trạng thái tâm lý sâu kín và khuyết đi giác quan thứ bảy thiết yếu của con người - lương tâm.

Điên rồ, đáng sợ, có thật, và chiếm 4% dân số thế giới.

Nhưng con số 4% này thật sự có ý nghĩa gì đối với xã hội chúng ta? Hãy suy xét những con số thống kê mà chúng ta thường nghe nhắc đến hơn: Số người mắc chứng chán ăn là 3,43%, vậy mà chúng ta cho rằng chứng rối loạn ăn uống gần như là một bệnh dịch, trong khi tỷ lệ này còn thấp hơn tỷ lệ mắc chứng rối loạn nhân cách chống xã hội. Chứng rối loạn đứng đầu danh sách là bệnh tâm thần phân liệt, chiếm 1% dân số - chỉ bằng 1/4 tỷ lệ rối loạn nhân cách chống xã hội - và Trung tâm Kiểm soát và Phòng chống Dịch bệnh Hoa Kỳ cho biết ở Mỹ, cứ 100.000 người thì có 40 người mắc bệnh ung thư ruột già - một con số được xem là “đáng báo động” nhưng vẫn còn thấp hơn 100 lần

so với tỷ lệ những người mắc chứng rối loạn nhân cách chống xã hội. Nói ngắn gọn, số *sociopath* ở giữa chúng ta còn nhiều hơn số người mắc chứng chán ăn, nhiều gấp 4 lần số người tâm thần phân liệt và nhiều gấp 100 lần số người bị ung thư ruột già.

Là một nhà trị liệu, tôi chuyên chữa trị cho những người từng gặp phải chấn thương tâm lý. Trong hơn 25 năm qua, tôi đã chữa trị cho hàng trăm người đã và đang chịu đựng nỗi đau tinh thần trong cuộc sống hàng ngày do bị bạo hành hồi còng bé hoặc từng trải qua những chuyện kinh khủng khác. Như tôi đã miêu tả chi tiết từng trường hợp trong quyển *The Myth of Sanity (Bí Ẩn của Sự Minh Mẫn)*, các bệnh nhân của tôi chịu đựng sự giày vò, bao gồm lo lắng kinh niên, trầm cảm dẫn đến mất khả năng hoạt động bình thường, trạng thái tâm thần phân ly, cảm giác không còn thiết sống, nhiều người trong số họ tìm đến tôi sau những lần tự sát bất thành. Một số người bị chấn thương tâm lý sau thiêng tai và nhân tai như động đất và chiến tranh, nhưng đa số đều chịu sự kiểm soát và bị vắt kiệt tinh thần bởi thủ phạm là con người, thường là những *sociopath* - có lúc là người lạ nhưng phần lớn là người quen biết như cha mẹ, họ hàng lớn tuổi hơn, hoặc anh chị em họ. Trong quá trình giúp đỡ các bệnh nhân và gia đình họ giải quyết những khó khăn trong cuộc sống, và trong quá trình nghiên cứu hồ sơ bệnh án của từng người, tôi biết được rằng những tổn hại mà *sociopath* gây ra mang tính sâu sắc và kéo dài, thường dẫn đến các trường hợp chết người rất bi thảm, với mức độ vô cùng phổ biến. Làm việc với hàng trăm nạn nhân, tôi có lý do để tin rằng việc thảng thắn nhìn nhận sự thật và xử lý vấn đề một cách cởi mở về hiện trạng *sociopath* này là vấn đề cấp thiết đối với tất cả chúng ta.

Quan trọng là cứ 25 người thì có 1 người là *sociopath* - một kẻ không hề có lương tâm. Không phải nhóm người này không phân biệt được thiện ác, tốt xấu; mà sự phân biệt trắng-đen này không làm giới hạn hành vi của chúng. Lằn ranh giữa đúng

và sai không khiến chúng động lòng hay chùng bước, điều đó chỉ dành cho người bình thường chúng ta mà thôi. Không một chút ăn năn hay một tia sám hối nào, *1 người trong 25 người trên thế giới này làm gì mà chẳng được.*

Số lượng *sociopath* chiếm tỷ lệ cao trong xã hội loài người có ảnh hưởng sâu rộng đối với số người còn lại trên hành tinh này, kể cả với những người không hề bị tổn thương về phương diện lâm sàng. Những kẻ góp mặt tạo ra con số 4% này phá hủy các mối quan hệ của chúng ta, tài khoản ngân hàng và thành tựu của chúng ta, lòng tự trọng và những năm tháng bình yên của chúng ta trên trái đất. Nhưng bất ngờ thay, nhiều người lại không hề hay biết về những kẻ mắc chứng rối loạn nhân cách chống xã hội này, hoặc nếu có biết, họ nghĩ một cách đơn thuần theo kiểu đó là những *psychopath* ưa bạo lực - những kẻ giết người không gớm tay, những tay sát nhân hàng loạt, những kẻ giết người tập thể - những kẻ phạm pháp có tội danh rõ ràng, và nếu bị bắt thì sẽ bị tống giam, thậm chí bị xử tử theo pháp luật. Chúng ta chưa nhận thức được và cũng không hiểu được rằng có rất nhiều *sociopath* không bạo lực đang sống giữa chúng ta. Đây là những kẻ thường không phạm luật một cách rành rành và “lọt lưới” hệ thống pháp luật.

Đa số chúng ta sẽ không hình dung ra nổi bất kỳ mối liên kết nào giữa một kẻ phạm tội ác diệt chủng và, để xem nào, một kẻ nói dối không chớp mắt với sếp về đồng nghiệp. Nhưng mối liên kết về mặt tâm lý học không chỉ hiện hữu, mà còn rất kinh khủng. Đơn giản và thâm sâu, mối liên kết ở đây là sự thiếu vắng cơ chế nội tại kìm hãm ta lại khi ta đưa ra những lựa chọn mà ta cho là vô đạo đức, trái đạo lý, vô trách nhiệm hoặc ích kỷ. Đa số chúng ta đều cảm thấy có lỗi nếu ăn sạch miếng bánh cuối cùng trong nhà bếp, huống chi là việc ta sẽ cảm thấy ra sao nếu chủ động và cố ý lên kế hoạch gây tổn thương cho người khác. Những kẻ không hề có chút lương tâm tạo thành

một nhóm người biệt lập, cho dù bọn họ là những tên bạo chúa tàn độc hay chỉ là những tay bắn tỉa nhẫn tâm.

Sự hiện diện hay thiếu vắng lương tâm là một cách phân chia loài người sâu sắc, có thể còn quan trọng hơn trí thông minh, chủng tộc, thậm chí giới tính. Điểm phân biệt giữa một *sociopath* sống bám vào sức lao động của người khác với một kẻ thỉnh thoảng đến cướp máy cửa hàng tiện lợi - hoặc điểm phân biệt giữa một tên đầu gấu bình thường và tên sát nhân *sociopath* - chỉ nằm ở địa vị xã hội, động cơ, trí tuệ, sự khát máu hay đơn giản là cơ hội. Điểm phân biệt tất cả nhóm người này với số còn lại chúng ta là một lỗ hổng ở nhân tính, nơi mà đáng lẽ ra là chức năng tiến hóa nhất của loài người.

Đối với nhóm 96% chúng ta, lương tâm là thứ hiển nhiên ai cũng có nên ta hiếm khi nghĩ về nó. Quan trọng hơn cả, lương tâm hoạt động như một phản xạ. Trừ khi sức cảm dỗ vô cùng lớn (may là trong cuộc sống thường ngày thường không có loại cảm dỗ này), chúng ta không đắn đo cân nhắc về mặt đạo đức trong từng hành động của mình. Ta không nghiêm túc tự hỏi bản thân, Hôm nay mình có nên cho con tiền ăn trưa hay không? Hôm nay mình có nên ăn cắp chiếc túi của anh bạn đồng nghiệp hay không? Hôm nay mình có nên bỏ vợ hay không? Lương tâm sẽ thay ta đưa ra tất cả các quyết định này một cách âm thầm, tự động và liên tục đến mức dù cho trí tưởng tượng có bay bổng đến đâu, ta cũng không thể hình dung được cảnh không có lương tâm. Và vì thế, dĩ nhiên khi một ai đó thực hiện một quyết định thật sự vô lương tâm, thì tất cả chúng ta đều đưa ra lời bào chữa không hề đúng với sự thật chút nào: Cô ấy quên cho con tiền ăn trưa. Chắc là người đồng nghiệp của anh ta để quên chiếc túi ở đâu đó. Hắn là vợ anh ta là người không ai chịu đựng nổi. Hoặc ta có thể nghĩ ra nhiều cái cớ, miễn là ta không suy xét kỹ lưỡng, về hành vi chống xã hội của người khác, kiểu như: Anh ta “là người lập dị,” hoặc “thuộc kiểu nghệ sĩ,” hoặc “có tính cạnh tranh gay

gắt,” hoặc “lười nhác,” hoặc “không hay biết gì,” hoặc “lúc nào cũng ba gai xỏ lá.”

Ngoại trừ những kẻ thủ ác vô nhân tính mà thỉnh thoảng ta thấy trên ti-vi với những hành động hết sức man rợ không thể giải thích nổi theo cách hiểu thông thường, còn lại thì ta gần như không nhìn thấy những kẻ không có lương tâm đang sống trong đời thật. Ta quan tâm đến mức độ thông minh của mình và của những người khác. Một đứa trẻ con cũng biết phân biệt bé trai và bé gái. Ta đấu tranh chống lại sự phân biệt chủng tộc. Nhưng trước điều có thể là đặc điểm có ý nghĩa duy nhất phân hóa được loài người - có lương tâm và không có lương tâm - thì ta hoàn toàn mù tịt.

Hầu như chẳng mấy ai, dù cho có học vấn cao đến đâu, hiểu được ý nghĩa của từ *sociopath*. Càng ít người hơn hiểu được rằng nhiều khả năng là từ này có thể áp dụng phù hợp cho một nhóm người thân quen với họ. Và ngay cả sau khi chúng ta biết đến thể loại này thì đa số vẫn không chịu tin kẻ không có lương tâm là có thật. Trên thực tế, thật khó mà nghĩ đến một trải nghiệm nào không đi đôi với sự đồng cảm. Mù lòa, trầm cảm, trúng giải độc đắc, và hàng ngàn cực điểm khác của trải nghiệm làm người, ngay cả chứng rối loạn tâm thần, ta đều có thể tưởng tượng ra. Ta đều đã từng lạc lối trong bóng tối. Ta đều đã từng bị trầm cảm nhẹ. Ta đều đã từng cảm thấy mình ngu ngốc, ít nhất một hai lần. Hầu hết chúng ta đều đã từng lên danh sách trong đầu về những việc ta sẽ làm nếu có một gia tài từ trên trời rơi xuống. Và trong bao đêm say giấc, những suy nghĩ và mơ tưởng của ta trộn lẫn vào nhau.

Nhưng hành động *bất chấp* hậu quả xảy ra cho xã hội, bạn bè, gia đình và *con cái* ư? Là cái thể loại gì vậy? Không có trải nghiệm nào trong cuộc sống, dù ta đang thức hay ngủ, giúp ta biết được. Trải nghiệm gần nhất với điều đó có lẽ là trải nghiệm

nỗi đau thể xác cùng cực đến mức khả năng suy luận hoặc hành động của ta tạm thời trở nên tê liệt. Nhưng ngay cả trong lúc đau đớn như thế, ta vẫn cảm thấy hối lỗi. Việc không hề có cảm giác hối lỗi vượt quá sức tưởng tượng của ta.

Lương tâm là ông chủ tò mò mọi sự, đề ra các quy tắc hành động của ta và trừng phạt ta khi ta vi phạm. Ta chưa bao giờ tìm kiếm lương tâm. Lương tâm luôn hiện diện ở đó, mọi lúc, như làn da, lá phổi hay trái tim của một con người. Nói một cách nào đó thì ta thậm chí còn không nhớ đến nó. Và ta không tài nào tưởng tượng được ta sẽ cảm thấy ra sao nếu không có lương tâm.

Cảm giác không biết hối hận cũng gây bối rối một cách khác thường tương tự như một khái niệm y khoa. Hoàn toàn khác với bệnh ung thư, chứng chán ăn, bệnh tâm thần phân liệt, trầm cảm, thậm chí các chứng “rối loạn tính cách” khác như ái kỷ, chứng rối loạn nhân cách chống xã hội dường như có liên quan đến khía cạnh đạo đức. *Sociopath* luôn bị xem là xấu xa hay hiểm ác, ngay cả bởi (và có thể đặc biệt bởi) các bác sĩ sức khỏe tâm thần. Và quan điểm cho rằng các bệnh nhân này đáng khinh và đáng sợ về mặt đạo đức được thể hiện rất rõ trong các tài liệu y học.

Robert Hare, giáo sư tâm lý học của Đại học British Columbia, đã lập ra danh sách *Kiểm tra Chứng Rối Loạn Nhân Cách Chống Xã Hội* mà hiện nay đã được chấp nhận là công cụ chẩn đoán tiêu chuẩn dành cho các nhà nghiên cứu và bác sĩ trên toàn thế giới. Về các đối tượng nghiên cứu, nhà khoa học công tâm này viết, “Tất cả mọi người, bao gồm các chuyên gia, đều có thể bị chúng cho vào tròng, thao túng, giật dây, lừa dối và gây hoang mang. Một *psychopath* giỏi có thể diễn vở kịch tình cảm với bất kỳ ai... Lá chắn tốt nhất là phải hiểu được bản chất của những con dã thú đói lết người này.” Và Hervey Cleckley, tác giả quyển

tài liệu kinh điển năm 1941 *The Mask of Sanity (Lớp Mặt Nạ Của Sự Đúng Đắn)*, đã đưa ra nhận xét về *psychopath* như sau: “Ngoại trừ theo nghĩa giả tạo, cái đẹp và xấu, thiện và ác, tình yêu, nỗi kinh hoàng và sự khôi hài đều không có ý nghĩa gì với chúng, không hề khiến chúng động lòng.”

Một lưu ý quan trọng là tất cả các chẩn đoán tâm thần (kể cả chúng ái kỷ) đều gây khó chịu cho người mắc phải ở một mức độ nào đó. Riêng chúng *rối loạn nhân cách chống xã hội* được xem là “bệnh” nhưng lại không hề khiến cho đối tượng cảm thấy “bệnh,” hay khó chịu trong người. *Sociopath* thường cảm thấy mãn nguyện với bản thân và với cuộc sống, và có lẽ chính vì lý do này mà không có cách “chữa trị” hiệu quả. Thường thì *sociopath* chấp nhận trị liệu khi có phán quyết của tòa án, hay khi họ cảm thấy việc trở thành bệnh nhân mang lại một lợi ích nào đó. Mong muốn hồi phục hiếm khi nào là chủ đích thật. Tất cả điều này dẫn đến nghi vấn rằng thiếu vắng lương tâm là một chứng bệnh hay là một tội danh - hay là một thứ hoàn toàn khác.

Thậm chí, khái niệm *sociopath* còn gây bối rối cho cả các chuyên gia giàu kinh nghiệm khi nó tiến gần một cách nguy hiểm đến quan điểm về linh hồn, về thiện ác, và sợi dây liên kết này khiến cho chủ đề này khó mà được suy xét một cách rõ ràng. Và việc chia thành hai phe (phe ta và phe chúng) không thể tránh khỏi việc dẫn đến những vấn đề mang tính khoa học, đạo đức và cả chính trị làm thách đố tâm trí. Làm sao nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu về một hiện tượng mà hiện tượng này có một phần liên quan đến đạo đức? Ai sẽ tiếp nhận sự giúp đỡ và hỗ trợ chuyên môn của chúng ta, “bệnh nhân” hay nạn nhân của họ? Với lĩnh vực nghiên cứu tâm lý học mở đường để “chẩn đoán” chứng rối loạn nhân cách chống xã hội, chúng ta nên xét nghiệm người nào đây? Trong một xã hội tự do, liệu có bất kỳ ai nên được xét nghiệm để chẩn đoán những thứ như thế này? Và nếu có người

đã được xác định rõ ràng là *sociopath*, vậy thì xã hội có thể làm gì, nếu được, với thông tin đó? Không có bất cứ chẩn đoán nào đặt ra những câu hỏi sai lệch về mặt chuyên môn và chính trị đến vậy, và chứng rối loạn nhân cách chống xã hội, cùng mối liên kết với hành vi từ đánh đập vợ/chồng và cưỡng hiếp cho đến giết người hàng loạt và gây chiến tranh, về mặt nào đó chính là ranh giới tâm lý cuối cùng và đáng sợ nhất.

Thật vậy, câu hỏi gây khó chịu nhất là những câu hỏi hiếm khi được đặt ra: Liệu ta có chắc rằng chứng vô nhân tính không liên quan đến những người mang những triệu chứng đó - những *sociopath*? Có phải vô nhân tính là một chứng rối loạn, hay nó là một chức năng? Lật ngược lại vấn đề, một câu hỏi nghi ngại cũng gây khó chịu tương đương: Liệu *lương tâm* có tác dụng với từng người, hay nhóm người vô nhân tính hay không? Hay lương tâm chỉ là “bức tường tâm lý” đối với số đông như ngụ ý của những *sociopath*? Dù cho ta có nói ra hay không, thì những hoài nghi này vẫn hiển hiện trên trái đất trong hàng ngàn năm qua, và những cái tên nổi tiếng nhất từ xưa đến nay luôn thuộc về những kẻ có những hành vi phi luân lý trên diện rộng. Trong văn hóa thời nay, lợi dụng người khác gần như trở thành một xu hướng, và các phương thức kinh doanh vô lương tâm có vẻ mang lại nguồn của cải vô tận. Ở cấp độ cá nhân, trong cuộc sống mỗi người, hầu hết chúng ta đều gặp qua một kẻ giành thắng lợi bằng cách lừa lọc, và có những lúc, hành động chính trực lại biến thành cách cư xử ngốc nghếch.

Liệu có phải là kẻ gian không bao giờ giàu nỗi, hay suy cho cùng, người tốt luôn phải chịu thiệt thòi? Số ít người không “ở hiền” kia có thật sự “gặp lành” hay không?

Những câu hỏi như thế phản ánh chủ đề trọng tâm của quyển sách này, một chủ đề mà tôi nghĩ đến ngay sau thảm họa 11/9/2001 đã đẩy tất cả những người có lương tâm vào nỗi đau

thương và một số khác vào trong tuyệt vọng. Thường thì tôi khá là lạc quan, nhưng vào thời điểm đó, tôi cùng với một số nhà tâm lý học và các nhà nghiên cứu bản chất con người lại dấy lên nỗi sợ hãi rằng nước Mỹ và nhiều quốc gia khác sẽ rơi vào những xung đột thù hận và những cuộc chiến trả thù gây ám ảnh trong nhiều năm tới. Không hiểu sao, mỗi khi tôi cố gắng thư giãn hoặc chợp mắt, một câu trong một bài hát khải huyền năm 1970 lại chiếm lấy suy nghĩ của tôi: "Satan giang cánh, bật cười ngạo nghẽ." Hình ảnh Satan sải rộng đôi cánh cất tiếng cười giễu cợt và trỗi dậy từ đống hoang tàn hiện ra trong tâm trí tôi không phải là một tên khủng bố, mà là một kẻ thao túng nham hiểm quý quyết đã mượn tay khủng bố để nhóm lên ngọn lửa hận thù trên toàn cầu.

Tôi bắt đầu quan tâm đến chủ đề về chứng vô nhân tính và về lương tâm trong một cuộc nói chuyện điện thoại với anh bạn đồng nghiệp. Anh vốn là một người tốt bụng, vui vẻ và luôn cổ vũ mọi người nhưng trong cuộc đối thoại đó, anh lại trở nên sững sờ và chán nản giống như hết thảy những người khác. Khi ấy, chúng tôi đang thảo luận về một bệnh nhân có các triệu chứng tự sát đang chuyển biến xấu đi một cách đáng báo động, nhất là sau các thảm họa ở nước Mỹ (giờ thì người này đã khá hơn rất nhiều). Anh nói rằng anh cảm thấy có lỗi bởi vì chính anh cũng đang đau buồn nên không có năng lượng tinh thần để khích lệ bệnh nhân. Giống như bao người khác, vị bác sĩ đầy tinh thần trách nhiệm và có lòng yêu thương hết mực này đã bị suy sụp bởi các sự kiện xảy ra, và anh cho rằng mình chưa làm tròn trách nhiệm. Trong quá trình phán xét bản thân, anh dừng lại, thở dài, cất giọng mệt mỏi nói với tôi, "Chỉ biết không, nhiều lúc tôi tự hỏi, con người có lương tâm để làm gì cơ chứ? Lương tâm chỉ khiến ta thua thiệt mà thôi."

Tôi cực kỳ sững sốt trước câu hỏi của anh, chủ yếu là vì giọng châm biếm không giống với vẻ thân tình thường thấy ở anh.

Sau một thoáng, tôi trả lời bằng một câu hỏi khác, “Vậy anh hãy nói cho tôi biết đi, Bernie. Nếu anh có sự lựa chọn, ý tôi là thật sự có sự lựa chọn theo đúng nghĩa - dĩ nhiên điều này không có khả năng xảy ra rồi - anh sẽ chọn có lương tâm như anh đang có, hay anh sẽ thích trở thành một người không có lương tâm, có thể... ờ, làm gì tùy ý?”

Anh ấy suy nghĩ rồi đáp, “Chị nói đúng.” (mặc dù tôi không có ý thân giao cách cảm ở đây). “Tôi sẽ chọn có lương tâm.”

“Tại sao?” tôi gặng hỏi.

Có một khoảng lặng kéo dài và cuối cùng anh cất tiếng, “À thì... Martha, tôi không biết lý do. Tôi chỉ biết là tôi sẽ chọn lương tâm.”

Có lẽ tôi đang quá mong chờ điều này chẳng nhưng tôi thấy có vẻ là sau khi Bernie khẳng định câu ấy, có sự thay đổi phảng phất trong giọng nói của anh. Anh trút bớt vẻ buông xuôi, và chúng tôi bắt đầu nói về những kế hoạch sắp tới của một trong những tổ chức nghiên cứu tâm lý của chúng tôi dành cho người dân ở New York và Washington.

Sau cuộc trò chuyện, suốt một khoảng thời gian dài, tôi vẫn trăn trở khôn nguôi về câu hỏi của người đồng nghiệp, “Con người có lương tâm để làm gì cơ chứ?” và về sự lựa chọn của anh về việc bị ràng buộc bởi lương tâm thay vì lựa chọn không có lương tâm, cả về việc anh không biết tại sao mình đưa ra lựa chọn này. Một nhà đạo đức học hoặc một nhà thần học có thể trả lời rành rọt, “Vì lựa chọn đó là đúng,” hoặc “Vì tôi muốn trở thành người tốt.” Nhưng anh bạn nhà tâm lý học của tôi lại không thể đưa ra câu trả lời theo khía cạnh *tâm lý học*.

Tôi cảm thấy chúng ta cần biết rõ nguyên nhân tâm lý. Đặc biệt là ngày nay, trong một thế giới có vẻ sẵn sàng tự hủy diệt với các mưu đồ bất lương trên phương diện thương mại toàn cầu, khủng bố và các cuộc chiến thù hận, ta cần lắng nghe *trên phương diện tâm lý* học lý do tại sao trở thành một người có lương tâm thì tốt hơn là trở thành một kẻ không bị ràng buộc bởi cảm giác tội lỗi hay không biết hối hận. Cụ thể, là một nhà tâm lý học, quyển sách này của tôi đưa ra câu trả lời cho câu hỏi, “Con người có lương tâm để làm gì?” Để tìm ra nguyên nhân, đầu tiên, tôi thảo luận về những kẻ không có lương tâm, chính là những *sociopath* - bọn chúng cư xử như thế nào, cảm nhận ra sao - để có thể đào sâu theo cách có ý nghĩa hơn về giá trị của một đặc tính mà 96% chúng ta đang sở hữu - một đặc tính có thể gây mệt mỏi, đau đớn và - vâng, đúng là như vậy thật - tạo ra sự hạn chế. Tiếp theo là những lời ca ngợi của một nhà tâm lý học về tiếng nói bên trong và về số đông những ai đang thấy mình được ban tặng lương tâm. Quyển sách này dành cho tất cả chúng ta - những con người không thể hình dung ra nổi cách nào khác để sống.

Quyển sách cũng là lời cảnh báo cho những người tốt về “kẻ ác cạnh bên,” và giúp họ đối phó với chúng. Là một nhà tâm lý học cũng như là một con người, tôi đã nhìn thấy biết bao mảnh đời gần như bị hủy hoại bởi lựa chọn và hành vi của một vài kẻ không có lương tâm. Những kẻ này vừa nguy hiểm lại vừa khó nhận ra. Ngay cả khi đó không phải là những kẻ bạo lực - và đặc biệt rất thân quen và gần gũi - thì bọn chúng vẫn có thể hủy hoại cuộc sống của ta và biến xã hội loài người thành một nơi không an toàn. Trong suy nghĩ của tôi, sự khống chế của những kẻ không có lương tâm này lên số người còn lại là một ví dụ đặc biệt đáng sợ và lan rộng mà tiểu thuyết gia F. Scott Fitzgerald gọi là “sự bạo ngược của số ít.” Và tôi tin rằng tất cả những con người có lương tâm nên học cách nhận biết hành vi thường ngày của bọn chúng để nhận dạng và đối phó hiệu quả với những kẻ nhẫn tâm và thiếu đạo đức này.

Nói đến lương tâm, chúng ta có vẻ là một giống loài của các thái cực. Chỉ cần bật ti-vi lên là ta sẽ thấy sự tương phản đáng kinh ngạc. Ta sẽ thấy hình ảnh những người cúi rạp người xuống để giải cứu một chú chó khỏi ống cống, tiếp theo đó là bản tin về những kẻ giết chết phụ nữ và trẻ em rồi chất xác thành đống. Và trong cuộc sống đời thường, mặc dù không đến mức kịch tính như vậy nhưng ta vẫn thấy muôn vàn sự tương phản. Vào buổi sáng, có người hồn hởi chạy vượt lên để đưa cho ta tờ 10 đô-la mà ta vừa đánh rơi, và đến buổi chiều, có kẻ cười nhăn nhở chạy vượt lên để cắt đầu xe của ta.

Dựa trên những hành vi hoàn toàn đối lập mà chúng ta tận mắt nhìn thấy mỗi ngày này, ta phải trao đổi cởi mở về cả hai thái cực của tính cách và hành vi con người. Để kiến tạo một thế giới tốt đẹp hơn, ta cần phải hiểu bản chất của những kẻ có thói quen đi ngược lại lợi ích cộng đồng mà không hề cắn rứt lương tâm. Chỉ bằng cách khám phá ra bản chất của sự tàn nhẫn, ta mới có thể tìm ra nhiều cách để chiến thắng nó, và chỉ bằng cách nhận biết bóng tối, ta mới có thể xác định rõ đâu là ánh sáng.

Tôi hy vọng quyển sách này sẽ có vai trò nhất định trong việc hạn chế hành vi hủy hoại của *sociopath* lên cuộc sống của chúng ta. Mỗi người có lương tâm trong chúng ta đều có thể học cách nhận biết “kẻ ác cạnh bên” và có thể vận dụng sự hiểu biết ấy để đánh bại những mục đích tư lợi của chúng. Ít nhất thì ta có thể bảo vệ bản thân và những người thương yêu khỏi những thủ đoạn bất lương của *sociopath*.



một

GIÁC QUAN THÚ BẤY

Đức hạnh không phải là không làm những chuyện xấu xa hay tránh xa những chuyện tổn hại đạo đức; đức hạnh là một thứ sống động và tách biệt, tương tự như nỗi đau hay một mùi vị cụ thể.

- G.K. Chesterton

Sáng nay, Joe, một luật sư 30 tuổi, đang bị trễ 5 phút cho một cuộc họp vô cùng quan trọng mà dù có hay không có sự hiện diện của anh vẫn sẽ bắt đầu vào đúng 8 giờ. Anh cần phải giữ hình tượng tốt đẹp với các thành viên lâu năm của công ty, tức là gần như tất cả mọi người, và anh muốn nói lời đầu tiên với các khách hàng giàu có đang quan tâm đến dịch vụ mà anh bắt đầu triển khai là hoạch định di sản. Anh đã ráo riết chuẩn bị nội dung trong nhiều ngày rồi bởi vì anh cảm thấy cuộc họp lần này rất quan trọng, và anh rất muốn có mặt tại phòng họp vào lúc mở đầu cuộc họp.

Không may là vào lúc nửa đêm, lò sưởi trong nhà Joe đột ngột ngừng tỏa nhiệt. Từ nửa đêm tới sáng, anh vừa lạnh còng đi tới đi lui vừa lo sợ mấy cái ống lò nổ tung, trong lúc thấp thỏm chờ đợi nhân viên sửa lò sưởi từ công ty nhiên liệu đến sửa gấp rồi mới rời nhà đi làm. Khi anh nhân viên xuất hiện, Joe đưa anh ấy vào nhà và vì quá nóng lòng đi đến cuộc họp, Joe để lại

anh ấy một mình trong nhà để sửa lò sưởi, hy vọng rằng đó là người có lòng dạ ngay thẳng. Cuối cùng, Joe đã có thể phóng chiếc Audi đến văn phòng, nhưng anh chỉ còn 25 phút lái xe cho chặng đường 30 phút. Anh quyết định luôn lách một chút để kịp thời gian.

Bây giờ, Joe đang phóng nhanh trên tuyến đường đi làm quen thuộc, vừa nghiến răng nghiến lợi lầm bầm chửi mắng gã lái xe rề rà, thật ra là chửi hết tất cả các tài xế không chừa một ai. Anh vượt hai cái đèn đỏ, lách lên trên một hàng xe đang nối đuôi nhau bằng làn đường khẩn cấp và bám lấy hy vọng bằng cách nào đó có thể đến văn phòng kịp lúc 8 giờ. Gặp ba cái đèn xanh liên tiếp, anh nghĩ rằng mình có thể đến kịp. Anh dùng tay phải chạm vào chiếc túi ngủ trong ghế hành khách để bảo đảm là anh nhớ mang theo nó. Một việc quan trọng khác là anh phải bắt chuyến bay vào lúc 10 giờ 15 phút đến New York để đi công tác, và chắc chắn anh sẽ không có thời gian để quay về nhà lấy đồ đạc. Bàn tay anh chạm vào lớp da mềm mại của chiếc túi - nó ở đây và đã được gói ghém cẩn thận.

Và ngay giây phút này, Joe chợt nhớ ra là anh đã quên cho Reebok ăn. Reebok là chú chó Labrador lông vàng 3 tuổi của Joe. Anh đặt tên cho nó là Reebok (tên một thương hiệu giày thể thao) là bởi vì trước thời điểm bận tối tăm mặt mũi tại công ty, anh có thói quen chạy bộ mỗi sáng cùng chú chó cưng mới này. Khi công việc chiếm hết thời gian và thói quen mỗi sáng thay đổi, Joe dựng hàng rào trong khoảnh sân sau và lắp một cánh cửa cho chó trong tầng hầm, để chú chó cưng của mình có thể tùy ý ra ngoài một mình. Giờ đây, cả hai chỉ chạy cùng nhau vào những ngày cuối tuần. Nhưng dù có vận động hay không, Reebok cũng ăn vài ký thức ăn dành cho chó đều đặn mỗi tuần cùng với mớ thức ăn thừa của chủ và ít nhất một hộp đầy ứ ụ xương gặm cỡ to. Chú chó đương tuổi lớn quả là có sức ăn đáng nể, và nó sống khá vui vẻ nhờ hai thú vui - được ở bên Joe và có đồ ăn.

Joe nuôi Reebok bởi vì khi Joe còn là một cậu bé, cha anh không cho anh nuôi thú cưng, và khi ấy, anh nguyện với lòng rằng khi anh trưởng thành và thành đạt, anh sẽ nuôi một chú chó, một chú chó thật to. Ban đầu, Reebok chẳng khác lăm với chiếc xe Audi, một thứ mà Joe trả tiền để mua, một cột mốc đánh dấu khả năng độc lập và tài sản vật chất của anh. Nhưng chẳng bao lâu sau, Joe thật lòng yêu thương chú chó này. Sao lại không chứ? Reebok yêu thương Joe vô điều kiện và từ hồi còn nhỏ xíu, nó đã bám theo anh khắp nhà như thể anh là niềm vui lê sống của nó vậy. Khi chú chó con lớn lên, Joe nhận thấy sinh vật này có tính cách như một con người và đôi mắt màu nâu trong trẻo của nó thật có hồn. Giờ đây, mỗi khi Joe nhìn vào mắt của chú chó cưng, Reebok sẽ nhíu cặp lông mày màu be mềm mại thành nếp gấp và nhìn chằm chằm lại. Với dáng vẻ như thế, chú chó bày tỏ tình cảm ngọt ngào một cách vụng về, như thể nó đọc thấu được tâm tư của Joe và biểu lộ sự quan tâm.

Thỉnh thoảng, khi có chuyến đi công tác như hôm nay, Joe vắng nhà một ngày rưỡi hoặc lâu hơn một chút, và khi anh trở về, Reebok luôn đón anh ở cửa với vẻ mừng rỡ và thứ tha. Trước mỗi chuyến đi, Joe lúc nào cũng để sẵn cho Reebok vài tô đầy thức ăn và nước uống để Reebok tự ăn uống một cách dễ dàng. Nhưng lần này, trong lúc xảy ra sự cố lò sưởi và lo lắng về cuộc họp lúc 8 giờ, Joe đã quên băng đi. Chú chó cưng không có thức ăn và có lẽ không còn nước uống, và chắc chắn là sẽ nhịn đói nhịn khát đến tận khi Joe đi công tác trở về vào tối mai.

Có lẽ mình phải nhờ người giúp, Joe buồn rầu lo nghĩ. Nhưng không có ai để nhờ cậy cả. Hiện anh đã chia tay bạn gái cũ và chưa có bạn gái mới, và vì thế không ai có chìa khóa vào nhà anh.

Tình huống bế tắc hiện ra trước mắt, và anh siết chặt tay lái. Anh nhất định phải tham dự cuộc họp này, và anh có thể có

mặt ở đó đúng giờ nếu tiếp tục đi. Nhưng còn Reebok thì sao? Joe biết trong một ngày ruỗi thì nó sẽ không chết đói, nhưng nó sẽ chịu khổ sở - còn nước uống nữa chứ - một con vật có thể nhịn khát bao lâu thì chết vì mất nước? Joe không biết. Chiếc xe vẫn lao vút đi trên đường, trong lúc Joe cố gắng suy nghĩ tìm phương án. Những lựa chọn thi nhau đổ bể. Anh có thể tham dự cuộc họp lúc 8 giờ và sau đó trở về nhà cho chó ăn, nhưng làm vậy sẽ khiến anh lỡ chuyến bay lúc 10 giờ 15 phút mà chuyến công tác lần này còn quan trọng hơn cả cuộc họp. Anh có thể đến tham dự và rời đi vào giữa cuộc họp. Không được, bỏ đi nửa chừng như vậy sẽ khiến mọi người nghĩ anh tỏ thái độ chống đối. Anh có thể đổi sang chuyến bay kế tiếp, nhưng như vậy thì anh sẽ bị trễ cuộc hẹn ở New York, thậm chí lỡ mất cuộc hẹn, điều này có thể khiến anh mất việc. Anh có thể không nghĩ đến chú chó cho đến ngày mai. Anh có thể vòng lại ngay tức thì, lỡ cuộc họp lúc 8 giờ tại công ty, chuẩn bị đầy đủ đồ ăn nước uống cho chú chó cưng và vẫn đến sân bay kịp chuyến bay lúc 10 giờ 15 phút.

Như một người đang chịu nỗi đau giày vò, Joe rên lên thật to và sụp người xuống trên ghế. Chỉ còn vài dây nhà nǔa là đến văn phòng, anh cho xe dừng lại ở chỗ có biển báo “CHỈ DÀNH CHO XÂY DỰNG,” bấm số điện thoại văn phòng và nhắn thư ký thông báo cho những người tham dự cuộc họp sáng nay rằng anh sẽ không có mặt. Anh vòng xe và về nhà cho Reebok ăn.

LUƠNG TÂM LÀ GÌ?

Thật kinh ngạc, theo quan điểm của chúng ta, một người tên Joe quyết định vắng mặt tại một cuộc họp quan trọng với một số khách hàng giàu có, một sự kiện mà anh đã dành ra nhiều ngày để lên kế hoạch và rõ ràng đây là lĩnh vực mà anh cực kỳ hứng thú. Thoạt đầu, anh làm mọi thứ có thể để đến cuộc họp đúng giờ, mạo hiểm để hết tài sản trong nhà cho nhân

viên sửa lò sưởi mà anh chưa từng gặp mặt trước đây và chẳng màng đến an toàn của bản thân khi phóng nhanh vượt ẩu trên đường. Và sau đó, vào giây phút cuối cùng, anh lại vòng xe về nhà để cho chó ăn, một con vật ngây thơ không biết nói thậm chí không hề trách cứ chuyện anh phớt lờ nó. Joe hy sinh mong muốn quan trọng của bản thân để thực hiện một hành động mà không ai chứng kiến (có lẽ trừ người thợ sửa lò sưởi), một lựa chọn không hề giúp anh giàu lên chút nào, dù chỉ là một xu. Vậy điều gì có thể khiến cho một luật sư trẻ đầy tham vọng làm một việc như thế?

Hầu hết các độc giả đều khẽ mỉm cười khi Joe vòng xe lại. Chúng ta cảm thấy vui vì anh quay về cho chú chó ăn. Nhưng tại sao ta lại vui? Có phải vì Joe đang hành động theo lương tâm hay không? Có phải ý ta là như vậy khi đưa ra bình luận về hành vi của một người nào đó, kiểu như “Lương tâm đã ngăn anh ta làm điều đó”?

Xét cho cùng thì cái phần vô hình, không thể phớt lờ, không thể mua chuộc bên trong ta mà ta gọi là “lương tâm,” là gì vậy?

Đây là một câu hỏi phức tạp, ngay cả khi nó nằm trong câu chuyện ngắn về Joe và Reebok, bởi vì thật bất ngờ, có một số động lực khác ngoài lương tâm, dù tách biệt hay đi đôi, có thể khiến cho Joe - hoặc bất kỳ ai trong chúng ta - đưa ra sự lựa chọn quên đi bản thân mình. Chẳng hạn như Joe đơn thuần là không thể chịu được ý nghĩ trở về nhà sau chuyến công tác New York và thấy cảnh chú chó Labrador đã chết vì khát trên sàn nhà bếp. Vì không biết loài chó có thể nhịn khát trong bao lâu nên anh không dám mạo hiểm, nhưng việc anh không muốn nhìn thấy cảnh tượng đáng sợ đó thật ra không xuất phát từ lương tâm. Nó giống với sự sợ hãi nhiều hơn.

Hoặc có thể Joe hành động như vậy vì lo sợ hàng xóm xung quanh sẽ suy nghĩ không tốt nếu họ nghe tiếng Reebok tru lên trong cơn đói, hay tệ hơn, nếu họ biết chú chó đã chết trong cô độc và bị nhốt trong nhà, còn Joe thì đang đi công tác xa. Anh sẽ giải thích như thế nào với bạn bè và những người quen biết? Lo lắng này cũng không phải thật sự xuất phát từ lương tâm, mà là anh để phòng tình huống không biết ăn nói làm sao và bị xã hội lên án. Nếu đây là lý do Joe về nhà cho chú chó ăn, thì anh cũng không phải là người đầu tiên đưa ra quyết định vì sợ người khác nghĩ gì về anh, chứ không phải vì đó là việc anh sẽ làm nếu hành động của anh hoàn toàn nằm trong vòng bí mật. Suy nghĩ của người khác khiến chúng ta cư xử đúng mực, hơn bất cứ lý do nào khác.

Hoặc có thể đây là cách Joe nhìn nhận bản thân. Có thể trong mắt Joe, anh không muốn thấy mình là loại người xấu xa và ngược đãi động vật. Với anh, việc giữ gìn hình ảnh bản thân là một người tử tế đủ mang tính quyết định để khi không có lựa chọn nào khác, anh sẽ bỏ cuộc họp quan trọng để giữ lấy hình ảnh ấy. Đây là lời giải thích hợp lý cho hành vi của Joe. Bảo vệ hình ảnh bản thân là động lực tránh tai tiếng. Trong văn chương và thường gặp trong sử sách, sự tận tâm vì hình ảnh bản thân được xem là “danh dự.” Mạng sống mất đi vì danh dự, chiến tranh nổ ra vì danh dự. Đó là mối quan tâm từ ngàn đời. Và trong lĩnh vực tâm lý ngày nay, cách ta nhìn nhận bản thân giờ đã chuyển sang một khái niệm mới, khái niệm “lòng tự trọng,” một chủ đề mà các quyển sách tâm lý học khai thác nhiều hơn bất kỳ chủ đề nào khác.

Hoặc có thể Joe săn lòng từ bỏ một vài cột mốc trong sự nghiệp hôm nay để cảm thấy thanh thản khi nhìn thấy bản thân mình trong gương vào ngày mai, để thấy mình “có danh dự” trong mắt chính mình. Điều này thật đáng khen ngợi và rất nhân tính - nhưng đó không phải là lương tâm.

Sự thật gợi tò mò ẩn sau vấn đề này chính là nhiều việc chúng ta làm có vẻ như xuất phát từ lương tâm lại thật ra bắt nguồn từ một số yếu tố kết hợp khác - nỗi sợ, áp lực xã hội, lòng kiêu hãnh, thậm chí là một thói quen đơn giản. Và một số độc giả sẽ muốn nghe lời giải thích khác về Joe bởi vì anh có một số hành vi đáng ngờ. Anh thường bỏ chú chó nhỏ một mình trong nhiều giờ, có lúc gần hai ngày. Ngay sáng nay thôi, anh vẫn có ý định bay chuyến 10 giờ 15 phút và vắng mặt cho đến tối hôm sau. Reebok sẽ không có ai bên cạnh và không có nơi nào để đi, trừ phần sân nhỏ có rào chắn sau nhà. Để mặc một chú chó trong tình huống như thế không phải là việc tử tế cho lăm - quan trọng nhất, hành vi này của Joe cho thấy anh thiếu lòng thương cảm đối với nhu cầu xã hội của động vật.

Tuy nhiên, sự thật là một người có hành vi tử tế cũng chưa hẳn là một người có lương tâm. Trong một giai đoạn ngắn ngủi, bất kỳ *sociopath* khá mưu trí nào cũng có thể giả vờ “hiền như bụt” nhằm mục đích thao túng. Và những người có lương tâm thường bất đắc dĩ có những hành vi không tốt, do vô tình hay do thiếu sự đồng cảm như trong trường hợp của Joe, hay đơn giản chỉ là do tâm lý chối bỏ phổ biến.

Hành vi tử tế, hành động khôn ngoan, suy nghĩ về phản ứng của người khác đối với chúng ta, cách cư xử đáng kính trọng vì lòng tự trọng của bản thân - giống như lương tâm, tất cả đều có ảnh hưởng tích cực đến thế giới, ít ra là trong hầu hết mọi lúc, và bất kỳ (hay tất cả) yếu tố trên đôi khi dẫn đến hành động cho chú chó cưng ăn, nhưng không có yếu tố nào trong số đó được định nghĩa là lương tâm của một con người. Đó là vì lương tâm không phải là một hành vi, không phải là một việc ta có thể làm, thậm chí cũng không phải là một điều ta suy nghĩ hay cân nhắc. Lương tâm là những gì ta *cảm thấy*. Nói cách khác, lương tâm không thuộc về hành vi cũng không thuộc về nhận thức. Lương tâm tồn tại chủ yếu trong phạm vi “tác động,” còn được gọi bằng một từ quen thuộc hơn là *cảm xúc*.

Để làm rõ sự khác biệt này, chúng ta hãy đưa ra góc nhìn khác về Joe. Không phải lúc nào anh cũng đối xử tốt với chú chó, nhưng anh có phải là một người có lương tâm không? Để xem chúng cứ nào có thể thuyết phục một nhà tâm lý học tin rằng việc Joe bỏ cuộc họp để trở về nhà cứu Reebok là vì anh đang hành động theo lương tâm chứ không phải vì suy nghĩ của người khác, cũng không phải vì bảo vệ hình ảnh bản thân, hay không phải do nghĩ về khoản tiền 1.200 đô-la mà anh đã bỏ ra 3 năm trước để mua chú chó Labrador thuần chủng đã được đảm bảo là không lai giống hay bị bệnh tim?

Là một nhà tâm lý học, tôi cảm thấy bị thuyết phục nhiều nhất bởi một tình tiết của câu chuyện mà đến giờ chúng ta vẫn chưa đề cập đến - đó là Joe có tình cảm với Reebok. Joe *cảm thấy gắn bó* với chú chó của mình. Reebok theo chân Joe đi khắp nhà, và Joe thích điều đó. Joe thường nhìn vào đôi mắt của Reebok. Reebok đã thay đổi Joe từ một người nuôi thú cưng cho vui thành một người nuôi thú cưng vì tình yêu thương. Và vì sự gắn bó này, tôi tin rằng khi Joe hủy bỏ kế hoạch buổi sáng và trở về nhà chăm sóc chú chó, có lẽ anh đã hành động theo lương tâm. Nếu chúng ta tiêm cho Joe một liều thuốc nói thật và hỏi điều gì đã diễn ra trong tâm trí anh vào giây phút anh quyết định quay xe trở về nhà, thì anh sẽ nói những câu như, “Tôi không chịu được ý nghĩ rằng Reebok sẽ chịu đói khát ở nhà,” rồi thì sau đó tôi có đủ cơ sở để tin rằng Joe đã được lương tâm dẫn dắt trong tình huống này.

Tôi chỉ dựa vào khía cạnh tâm lý học của lương tâm để đưa ra đánh giá về Joe. Nói theo tâm lý học thì lương tâm là ý thức về trách nhiệm dựa trên sự gắn bó tình cảm đối với một sinh vật sống (thường là một con người nhưng không phải lúc nào cũng vậy), hoặc một nhóm người, thậm chí trong nhiều trường hợp là đối với loài người nói chung. Lương tâm không tồn tại khi thiếu vắng mối liên kết tình cảm với một người hoặc với một điều gì

đó, và theo cách này, lương tâm rất gần với những cảm xúc mà chúng ta gọi là “tình yêu.” Chính sự gắn kết này tạo ra sự bền bỉ và một quyền uy đáng kinh ngạc lên những người có lương tâm, và cũng có thể mang lại cho họ cả sự bối rối lẫn bức dọc.

Lương tâm có thể thúc đẩy chúng ta đưa ra những quyết định có vẻ phi lý, thậm chí tự hủy hoại bản thân, từ những việc nhỏ đến những việc lớn, từ việc vắng mặt trong cuộc họp lúc 8 giờ sáng cho đến việc giữ im lặng cho dù bị tra tấn vì lòng yêu nước. Lương tâm có thể thúc đẩy ta như vậy chỉ bởi vì sức mạnh của nó không gì khác ngoài tình cảm mãnh liệt nhất của ta. Và chỉ cần chứng kiến hoặc nghe về một hành động có lương tâm, thậm chí một hành động bình thường như cho chó ăn, cũng khiến ta vui lòng, bởi vì bất kỳ lựa chọn có lương tâm nào cũng nhắc ta nhớ đến những mối quan hệ ngọt ngào gắn kết với nhau. Câu chuyện về lương tâm là câu chuyện về sự gắn kết của những sinh vật sống, và trong tiềm thức, ta mỉm cười khi nhận ra cốt lõi câu chuyện của Joe. Ta hiểu được Joe đã đau khổ đến mức nào khi anh đấu tranh với lương tâm của mình, và ta nở nụ cười với Joe và Reebok - bởi ta luôn luôn mỉm cười với những người mà ta yêu thương.

LỊCH SỬ CỦA LUƠNG TÂM

Không phải ai cũng có lương tâm, ý thức trách nhiệm này vốn dựa trên cảm xúc gắn bó với người khác. Một số người sẽ không bao giờ cảm thấy hối hận sau khi khiến người khác thất vọng hoặc tổn thương, hay hạ bệ họ, thậm chí sát hại họ. Nếu năm giác quan đầu tiên thuộc về thể chất - thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác - còn “giác quan thứ sáu” chính là trực giác, thì trong trường hợp lý tưởng, lương tâm có thể được xem là giác quan thứ bảy. Giác quan thứ bảy là giác quan “sinh sau đẻ muộn” trong quá trình tiến hóa của loài người và không phải ai cũng sở hữu nó.

Vấn đề càng trở nên ảm đạm hơn khi trong cuộc sống hàng ngày, ta thường không thể biết được sự khác biệt giữa những người có lương tâm và những người không có lương tâm. Một luật sư trẻ tuổi đầy tham vọng có thể có giác quan thứ bảy hay không? Có thể, dễ hiểu mà. Một người mẹ “một nách nhiều con nhỏ” có giác quan thứ bảy hay không? Dĩ nhiên là có thể. Một vị linh mục chịu trách nhiệm dẫn dắt tinh thần cho cả một cộng đồng có sự ràng buộc của lương tâm hay không? Hy vọng là có. Một vị lãnh đạo nắm quyền lực chính trị của cả một quốc gia có lương tâm hay không? Chắc chắn là có.

Hoặc ngược lại, liệu có ai trong số những người này hoàn toàn không có chút lương tâm hay không? Câu trả lời một lần nữa được khẳng định là có thể, một cách đáng lo ngại.

Sự ẩn nấp của “cái ác” và không có mối liên kết rõ ràng nào giữa “cái ác” với một vai trò xã hội cụ thể, một chủng tộc, hoặc một loại thực thể nào đó luôn gây bối rối cho các nhà thần học, và gần đây nhất là các nhà khoa học. Trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, chúng ta đã cống hết sức để xác định “thiện” và “ác,” đồng thời tìm cách phát hiện những người trong số chúng ta có vẻ như đang sống chung với “cái ác.” Vào thế kỷ IV, học giả người Công giáo Saint Jerome đã giới thiệu một từ Hy Lạp *synderesis* (lương tâm) để nói về một khả năng bẩm sinh được Thiên Chúa ban cho, đó là nhận biết được sự khác biệt giữa thiện và ác.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một vấn đề đáng chú ý. Nếu sự nhận thức tuyệt đối về thiện và ác được Thiên Chúa ban cho loài người, vậy thì tại sao không phải tất cả mọi người đều là người thiện lương? Và câu hỏi này vẫn là tâm điểm của cuộc thảo luận thần học về lương tâm trong suốt nhiều thế kỷ qua.

Một giải pháp cho vấn đề nan giải trong thần học về lương tâm này đã xuất hiện ở thế kỷ 13 khi Thomas Aquinas đề xuất sự

phân biệt theo đường vòng giữa *synderesis* của Saint Jerome, năng lực nhận thức về thiện và ác được Thiên Chúa ban tặng, và *conscientia*, những lý luận có xu hướng sai sót của con người trong lúc xoay xở đi đến những quyết định về mặt hành vi. Để đưa ra lựa chọn về việc nên thực hiện hành động nào, Lý Luận được cung cấp thông tin hoàn hảo từ Thiên Chúa, nhưng bản thân Lý Luận lại khá yếu kém. Theo cách này, những quyết định và hành động sai lầm xuất phát từ xu hướng sai sót trong việc đưa ra những lựa chọn của con người, chứ không phải do thiếu lương tâm. Làm điều sai trái đơn giản chỉ là phạm lỗi. Ngược lại, theo Aquinas, “*Synderesis* không thể mắc lỗi; nó đưa ra những quy tắc bất biến, cũng giống như quy luật thống trị vũ trụ vật chất cũng bất biến vậy.”

Áp dụng quan điểm này vào ví dụ hiện tại của chúng ta - khi Joe nhớ ra rằng chú chó của mình đang chịu đói khát, thì *synderesis* bẩm sinh do Thiên Chúa ban tặng ngay lập tức báo cho anh rằng hành động đúng đắn là quay xe trở về nhà để chăm sóc chú chó. Sau đó, *conscientia*, cuộc đấu tranh nội tâm về cách hành xử, sẽ cân nhắc thông tin này. Việc Joe không quay đầu xe ngay lập tức mà thay vào đó, anh mất một vài phút để suy xét chính là kết quả của sự yếu kém tự nhiên trong lý luận của con người. Theo góc nhìn của Aquinas, việc Joe cuối cùng cũng đưa ra được quyết định đúng đắn có nghĩa là phẩm chất đạo đức của Joe đang phát triển theo hướng đúng đắn thông qua Lý Luận vững chắc. Nếu Joe quyết định bỏ mặc chú chó đói khát, điều đó có nghĩa là nói theo thần học thì Lý Luận yếu kém đã đưa đường dẫn lối phẩm chất đạo đức của Joe xuống Địa Ngục.

Đi sâu vào vấn đề thần học, theo các giáo phụ tiên khởi, (1) các quy tắc đạo đức là tuyệt đối; (2) tất cả mọi người đều nhận thức được Sự Thật; và (3) hành vi xấu là kết quả của tư duy sai lầm, chứ không phải do thiếu *synderesis*, hay còn gọi là lương tâm,

và bởi vì tất cả chúng ta đều có lương tâm, vậy nên nếu như lý luận của con người là hoàn hảo thì sẽ không có hành vi xấu xảy ra. Thật vậy, đây là ba niềm tin về lương tâm của phần lớn thế giới trong suốt chiều dài lịch sử thời hiện đại. Sức tác động của ba niềm tin này đến cách chúng ta suy nghĩ về bản thân và những người khác, thậm chí trong thời đại ngày nay, là không thể ước lượng. Niềm tin thứ ba đặc biệt khó buông bỏ. Gần một thiên niên kỷ sau khi Aquinas tuyên bố về *synderesis*, khi một người nào đó liên tục cư xử theo cách ta cho là tảng tận lương tâm, ta sẽ viện dẫn đến phiên bản cập nhật mới nhất của quan niệm “Lý Luận yếu kém.” Chúng ta đưa ra những suy đoán rằng đối tượng phạm tội này ở trong hoàn cảnh túng quẫn, hoặc rằng tâm lý của hắn ta không bình thường, hoặc là do cuộc sống thời thơ ấu khiến hắn ta làm điều đó. Ta vẫn vô cùng do dự không dám đưa ra một lời giải thích đơn giản hơn rằng Thiên Chúa hay tạo hóa đã không ban phát lương tâm cho hắn.

Trong hàng trăm năm qua, những cuộc thảo luận về lương tâm có xu hướng xoay quanh mối quan hệ giữa lý luận con người và nhận thức thiên phú về đạo đức. Một vài tranh luận tất yếu đã phát sinh, gần đây nhất là cuộc tranh luận về thuyết tỷ lệ, một lỗ hổng thần thánh, trong đó Lý Luận yêu cầu ta phải làm một “điều xấu” nào đó để mang lại một điều “tốt đẹp” khác - một “cuộc chiến tranh chính nghĩa” chẳng hạn.

Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ 20, chính lương tâm phải trải qua một sự chuyển đổi quan trọng do ngày càng có nhiều người ở châu Âu và ở Mỹ chấp nhận giả thuyết của nhà khoa học/nhà vật lý học (và người theo thuyết vô thần) Sigmund Freud. Freud cho rằng trong quá trình phát triển bình thường, tư duy của một đứa trẻ tiếp nhận một “nhân vật” quyền uy ở bên trong được gọi là *superego* (*siêu ngã*), mà nhân vật này cuối cùng sẽ thay thế quyền uy thật sự từ bên ngoài - quyền uy bên ngoài này không phải đến từ Thiên Chúa mà đến từ chính cha mẹ của

đứa trẻ đó. Với “khám phá” về siêu ngã, Freud đã kéo lương tâm ra khỏi bàn tay của Chúa một cách hiệu nghiệm và đặt nó vào phạm vi kiểm soát đầy lo âu của một gia đình toàn là những con người. Sự thay đổi trong cách diễn giải về lương tâm này đòi hỏi sự chuyển đổi tồi tệ trong thế giới quan đã tồn tại hàng thế kỷ qua của chúng ta. Bất chợt, những quy tắc đạo đức của chúng ta có khiếm khuyết, và Sự Thật tuyệt đối bắt đầu phải chấp nhận tính không chắc chắn của thuyết tương đối văn hóa.

Mô hình tư duy theo cấu trúc mới của Freud không liên quan đến phần người. Thay vào đó, tầm nhìn của Freud liên quan đến siêu ngã, bản ngã và tự ngã. Tự ngã được cấu thành bởi mọi bản năng sinh lý và gây hấn bẩm sinh của con người cùng những nhu cầu sinh học. Như vậy là tự ngã thường mâu thuẫn với nhu cầu của xã hội văn minh. Ngược lại, bản ngã là lý trí, phần nhận thức của tư duy. Nó có thể suy nghĩ hợp lý, lên kế hoạch và ghi nhớ, và bởi vì bản ngã hoạt động theo cách này, nên nó có thể tương tác trực tiếp với xã hội và, ở nhiều mức độ khác nhau, nó có thể thực hiện công việc cho phần tự ngã còn nguyên sơ. Siêu ngã phát triển từ bản ngã khi đứa trẻ kết hợp những quy tắc bên ngoài từ cha mẹ và từ xã hội. Siêu ngã cuối cùng trở thành một lực đứng tự do trong quá trình phát triển tư duy, đơn phương đánh giá, định hướng hành vi và suy nghĩ. Chính tiếng nói bên trong lên tiếng ngăn chặn tội lỗi, thậm chí khi không có ai ở xung quanh.

Khái niệm cơ bản về siêu ngã là hoàn toàn hợp lý. Chúng ta thường quan sát trẻ em tiếp thu và thậm chí áp đặt việc thực hiện những quy định do cha mẹ đặt ra. (Người mẹ cau mày nói với cô con gái 4 tuổi, “Không được la hét trong xe.” Vài phút sau, cô bé 4 tuổi đó chỉ tay ra lệnh về phía đứa em gái 2 tuổi của mình đang làm ồn và hét to, “Không được la hét trong xe!”) Là những người trưởng thành, hầu hết chúng ta đều đã nghe thấy phần siêu ngã của mình. Trên thực tế, một số người trong

chúng ta nghe khá thường xuyên. Giọng nói bên trong nói với chúng ta, “Đồ ngốc! Tại sao mày lại làm như thế?” hoặc “Mày biết đó, nếu mày không hoàn thành báo cáo đó tối nay, mày sẽ phải hối tiếc,” hoặc “Tốt hơn là mày nên đi kiểm tra lượng cholesterol đi.” Và trong câu chuyện của Joe và Reebok, Joe có thể dễ dàng đưa ra quyết định bỏ cuộc họp là nhờ phần siêu ngã của anh. Để minh họa rõ hơn, chúng ta hãy giả sử rằng bố của Joe (người không muốn Joe nuôi thú cưng) đã nói với anh hồi năm anh 4 tuổi, “Thôi nào, Joe bé bỗng, chúng ta không thể nuôi chó được. Nuôi một con chó là một trách nhiệm nặng nề. Khi nuôi chó, con luôn phải tạm dừng những việc con đang làm để chăm sóc nó.” Quyết định quay xe về nhà của Joe, một quyết định của người trưởng thành, có thể đã được chi phối bởi phần siêu ngã vốn quyết liệt muốn anh phải thực hiện điều đó.

Nhin nhận sâu xa hơn, chính Freud có thể đã tự hỏi liệu có phải phần siêu ngã của Joe đã khiến anh sắp xếp mọi thứ cho toàn bộ buổi sáng hay không, đương nhiên là một cách vô thức - hối hả làm cái này cái kia, quên để sẵn thức ăn cho chó - theo cách chứng minh lời của bố anh nói là đúng và Joe đã “lãnh hậu quả” cho việc nuôi thú cưng. Theo thuyết của Freud, siêu ngã không chỉ là tiếng nói bên trong mà còn là phần chi phổi, phần điều khiển một cách tinh tế và phức tạp, phần chứng minh luận điểm. Nó xử lý thông tin, đánh giá, đưa ra những câu nhận định và nó làm tất cả những điều này bên ngoài nhận thức của chúng ta. Mặc dù phần siêu ngã, trong trường hợp lý tưởng, có thể giúp cho một cá nhân hòa hợp với xã hội, nó cũng có thể trở thành phần độc đoán nhất và mang tính hủy hoại nhất trong tính cách của người đó. Theo các nhà phân tích tâm lý, một siêu ngã cực kỳ khắt khe, liên tục hoạt động trong trí não của một người, có thể tạo ra chứng trầm cảm kéo dài suốt đời, thậm chí đẩy nạn nhân tội nghiệp của nó đến hành động tự sát.

Và vì thế Freud đã giới thiệu đến thế giới một quan niệm vô thần rằng lương tâm có thể cần phải được cải thiện ở một số

người và rằng thông qua phân tâm học, một người có thể thật sự cải thiện lương tâm.

Ngoài ra - bất ngờ hơn nữa - Freud và những người ủng hộ ông đã liên kết sự hình thành cuối cùng của siêu ngã với quyết tâm áp chế phức cảm Oedipus của trẻ. Phức cảm Oedipus, đôi khi được gọi là phức cảm Electra ở các bé gái, được hình thành khi một đứa trẻ, ở độ tuổi 3-5 tuổi, bắt đầu nhận ra rằng các em sẽ không bao giờ hoàn toàn sở hữu được bố mình (đối với bé gái) và mẹ mình (đối với bé trai). Nói nôm na là các bé trai phải chấp nhận rằng bé sẽ không thể kết hôn với mẹ mình và các bé gái phải chấp nhận rằng bé sẽ không thể kết hôn với bố mình. Theo Freud, các cuộc đấu tranh Oedipus và kéo theo sau đó là những cảm xúc cạnh tranh, sợ hãi, oán giận đối với người cha (của bé trai) hoặc với người mẹ (của bé gái) quá mãnh liệt và nguy hiểm lên những mối quan hệ trong gia đình của đứa trẻ đến nỗi trẻ phải “đè nén” hoặc giấu kín triệt để, và “sự đè nén” này có thể thực hiện được nhờ vào sức mạnh quyết liệt của siêu ngã mới hình thành ở trẻ. Kể từ thời điểm này trở đi, nếu có bất kỳ cảm xúc ghen tị nào đối với người mẹ (bé gái) hoặc người cha (bé trai), những cảm xúc này sẽ hoàn toàn bị đánh bại nhờ có loại vũ khí khủng khiếp và đáng sợ của siêu ngã mới được củng cố - cảm giác tội lỗi không thể chịu được xảy ra ngay tức thì. Theo cách này, siêu ngã giành lấy quyền tự chủ và lợi thế tối thượng bên trong tâm trí của đứa trẻ.

Cho dù người khác có nghĩ gì về giả thuyết trên đi nữa thì công trạng vẫn thuộc về Freud vì ông đã chỉ ra được rằng ý thức đạo đức của chúng ta không phải là một môt mã áp dụng trong mọi trường hợp, mà thay vào đó, nó có tính linh động và được gắn kết một cách phức tạp với gia đình và những mối ràng buộc xã hội thiết yếu. Với những bài viết về siêu ngã, Freud đã cảnh tỉnh giới khoa học rằng thái độ tôn trọng thông thường của chúng ta đối với luật pháp và mệnh lệnh không chỉ đơn thuần

là sự áp đặt từ bên ngoài. Ta tuân thủ luật lệ, ta tôn vinh đức hạnh, chủ yếu bắt nguồn từ nhu cầu nội tại nảy sinh từ thời thơ ấu là giữ gìn và duy trì tình cảm yêu thương trìu mến của gia đình và cộng đồng xã hội nơi ta sinh sống.

LƯƠNG TÂM VÀ SIÊU NGÃ

Dẫu cho một người có tin hay không tin về việc siêu ngã là yếu tố quyết định nội tâm lý, hay nói theo cách của Freud là “người thừa kế phức cảm Oedipus,” thì chính bản thân siêu ngã vẫn phải được thừa nhận là một khái niệm phong phú và hữu ích. Là tiếng nói nội tâm có được nhờ những mối quan hệ quan trọng từ thời thơ ấu của ta, nhờ những nhận định bên ngoài về những thiếu sót của ta, nhờ sự chỉ trích về những lỗi vi phạm của ta, siêu ngã là một đặc tính của trải nghiệm chủ quan mà phần lớn mọi người đều dễ dàng nhận ra. “Đừng làm thế.” “Không nên cảm thấy như vậy.” “Hãy cẩn thận; nếu không sẽ tự làm tổn thương mình.” “Hãy tử tế với em gái.” “Hãy dọn dẹp đống lộn xộn này đi.” “Không đủ tiền mua thứ này đâu.” “Điều đó không mấy khôn ngoan, đúng không nào?” “Phải xử lý chuyện này thôi.” “Đừng lãng phí thời gian nữa.” Siêu ngã kêu ca trong tâm trí ta mỗi ngày. Và siêu ngã của một số người dùng lời lẽ lăng mạ nhiều hơn siêu ngã của một số người khác.

Thế nhưng, siêu ngã không phải là lương tâm. Từ góc độ chủ quan thì siêu ngã nghe có vẻ giống như lương tâm, và có lẽ nó là một phần nhỏ của thứ gọi là lương tâm, nhưng siêu ngã tự nó không phải là lương tâm. Điều này là bởi vì khi Freud đưa ra khái niệm siêu ngã, ông đã vứt bỏ cả cành hoa chỉ vì một chiếc lá úa, nói một cách ẩn dụ. Bằng cách loại bỏ chủ nghĩa tuyệt đối về đạo đức ra khỏi tư duy tâm lý học, ông cũng đã loại bỏ những yếu tố khác. Nói đơn giản thì Freud đã loại bỏ tình yêu và tất cả những cảm xúc liên quan đến tình yêu. Mặc dù ông thường nói rằng trẻ con yêu thương cha mẹ chúng, bên cạnh cảm giác

sợ hãi, nhưng siêu ngã mà ông đề cập hoàn toàn dựa trên nỗi sợ hãi. Theo quan niệm của ông, tương tự như việc ta sợ sự phê bình nghiêm khắc của cha mẹ khi ta còn nhỏ, ta cũng sợ giọng điệu chỉ trích gay gắt của siêu ngã khi ta lớn lên. Và nỗi sợ hãi là tất cả. Không có chỗ nào trong siêu ngã của Freud nói đến tác động bồi đắp lương tâm của tình yêu thương, lòng trắc ẩn, sự dịu dàng, hay bất kỳ cảm xúc tích cực nào.

Và lương tâm, như chúng ta đã thấy ở Joe đối với Reebok, là ý thức trách nhiệm nảy sinh từ sự gắn bó tình cảm - mọi phương diện của sự gắn bó tình cảm - đặc biệt kể đến là tình yêu, lòng trắc ẩn và sự dịu dàng. Trên thực tế, giác quan thứ bảy ở những người sở hữu nó chủ yếu dựa trên tình yêu và lòng trắc ẩn. Chúng ta đã tiến triển, qua hàng trăm năm, từ niềm tin *synderesis* hướng vào Thiên Chúa, đến niềm tin về siêu ngã từ sự nghiêm khắc của cha mẹ, đến sự thấu hiểu rằng lương tâm gắn liền cũng như ảnh hưởng đến năng lực chăm sóc lẫn nhau của chúng ta. Sự phát triển thứ hai này - từ vị quan tòa trong tâm trí thành mệnh lệnh của trái tim - bớt đi tính nhạo báng bản chất con người, gia tăng hy vọng cho chúng ta trong một tập thể, đồng thời tăng trách nhiệm cá nhân và thỉnh thoảng, còn tăng thêm cả sự đau đớn của mỗi người.

Nhầm mục đích minh họa, hãy tưởng tượng rằng trong một hoàn cảnh vô cùng kỳ quặc, vào một buổi tối nọ, tạm thời mất đi lý trí, bạn lẻn vào nhà của một người hàng xóm được rất nhiều người yêu quý, và không vì lý do gì cả, bạn ra tay giết chết con mèo của cô ấy. Ngay trước khi trời sáng, bạn phục hồi lý trí và nhận ra việc bạn đã làm. Bạn cảm thấy thế nào? Bản chất cụ thể của phản ứng tội lỗi của bạn là gì? Nấp sau chiếc rèm cửa trong phòng khách nhà mình, bạn nhìn thấy cô hàng xóm bước xuống bậc tam cấp trước nhà và nhìn thấy con mèo. Cô ấy khuya gối xuống. Cô ấy bế thân hình bất động của con mèo trên tay. Cô ấy khóc rất lâu.

Điều đầu tiên xảy ra với bạn là gì? Có bất kỳ tiếng nói nào hét lên trong đầu bạn - Mày không nên giết nó! Mày sẽ vào tù! - nhắc bạn nhớ đến hậu quả do chính bạn gây ra hay không? Hoặc, thay vào đó, ngay lập tức bạn có cảm thấy buồn nôn vì đã giết chết một con vật và khiến cho người hàng xóm của bạn phải khóc thương không? Trong những phút giây ban đầu khi nhìn thấy người hàng xóm đau khổ, phản ứng nào có khả năng xảy ra với bạn nhiều nhất? Đây là câu hỏi mang tính quyết liệt. Câu trả lời có thể sẽ quyết định hướng hành động tiếp theo của bạn và cũng quyết định liệu bạn bị ảnh hưởng bởi tiếng nói đanh thép của siêu ngã hay bởi lương tâm thật sự của chính mình.

Cùng một kiểu câu hỏi được áp dụng cho anh bạn Joe của chúng ta. Có phải anh ấy quyết định hy sinh buổi họp là do nỗi sợ trong tiềm thức bắt nguồn từ quan điểm của cha anh về việc nuôi chó đã thấm nhuần trong anh từ thời thơ ấu, hay lý do khiến anh hy sinh là bởi vì cảm giác tồi tệ khi nghĩ đến cảnh Reebok phải chịu khổ sở? Điều gì đưa anh đến lựa chọn của mình? Là siêu ngã thuần túy hay là lương tâm hoàn thiện? Nếu đó là lương tâm, vậy thì quyết định vắng mặt trong buổi họp của Joe là một ví dụ nhỏ minh họa cho sự thật rằng thật trớ trêu, lương tâm không phải lúc nào cũng tuân theo quy tắc. Nó đặt con người (và đôi khi là con vật) lên trên những quy tắc ứng xử và kỳ vọng của tổ chức. Được cung cố bằng những cảm xúc mãnh liệt, lương tâm là chất keo gắn kết chúng ta lại với nhau, và nó kết dính nhiều hơn ta nghĩ. Nó ủng hộ những lý tưởng mang tính nhân văn hơn là luật pháp, và nếu bị đẩy vào đường cùng, lương tâm thậm chí có thể đi tù. Siêu ngã sẽ không bao giờ làm điều đó.

Một siêu ngã nghiêm khắc chỉ trích chúng ta, kiểu như, Mày đang quá hư hỏng, hoặc là Mày thật thiếu năng lực. Một lương tâm mạnh mẽ quá quyết, Mày phải chăm sóc cô ấy/anh ấy/nó/họ, dù cho có chuyện gì đi nữa.

Siêu ngã dựa trên nỗi sợ hãi đứng ẩn sau tấm màn tối, vừa kết tội chúng ta vừa lo lắng bất an. Lương tâm đẩy chúng ta ra bên ngoài hướng đến người khác, hướng đến hành động có ý thức, dù là nhỏ hay lớn. Lương tâm dựa trên tình cảm gắn bó khiến người mẹ trẻ quyết định mua hũ súp đậu nhỏ thay vì mua nước sơn móng tay mà cô yêu thích. Lương tâm bảo vệ đặc quyền của những mối quan hệ thân tình, khiến bạn bè giữ lời hứa, ngăn người bạn đời đang tức giận “ăn miếng trả miếng.” Lương tâm khiến cho vị bác sĩ kiệt sức vẫn nhấc máy nghe điện thoại của một bệnh nhân đang hoảng sợ vào lúc 3 giờ sáng. Lương tâm báo động cho các cơ quan tổ chức khi nhiều mạng sống gặp nguy hiểm. Lương tâm xuống đường biểu tình để phản đối chiến tranh. Lương tâm là điều thúc đẩy các nhà hoạt động nhân quyền mạo hiểm chính mạng sống của mình. Khi lương tâm kết hợp với lòng can đảm phi thường để hành động vì lẽ phải, thì đó là Mẹ Teresa, là Mahatma Gandhi, là Nelson Mandela, là Aung San Suu Kyi.

Dù là với mức độ nào, lương tâm đích thực thay đổi thế giới. Bắt nguồn từ sự kết nối cảm xúc, lương tâm dạy chúng ta về hòa bình, chống lại thù hận và bảo vệ trẻ em. Lương tâm giữ gìn hôn nhân, dọn rác trên sông, cho chó ăn và trả lời nhẹ nhàng. Lương tâm giúp con người sống tốt hơn và nâng cao đức hạnh con người nói chung. Lương tâm có thật, có sức thuyết phục, và nó khiến ta cảm thấy bứt rứt khó chịu nếu ta phá làng phá xóm.

Như chúng ta sắp sửa nhận thấy, vấn đề là không phải ai cũng có lương tâm. Trên thực tế, 4% số người trong chúng ta không hề có lương tâm. Böyle giờ, ta hãy chuyển sang thảo luận về một người như thế - một người đơn thuần là không có chút lương tâm nào - và xem hắn ta trông như thế nào trong mắt chúng ta.



hai

NHỮNG CON NGƯỜI LẠNH NHƯ BĂNG

Lương tâm là cửa sổ linh hồn; cái ác là tấm màn che.

- Doug Horton

Hồi Skip còn bé, gia đình hắn có một ngôi nhà nhỏ ở vùng ngoại ô, nằm bên bờ hồ thuộc vùng đồi núi Virginia. Kể từ khi hắn lên 8 tuổi, hàng năm gia đình hắn đều đến đây nghỉ hè cho tới khi hắn đến Massachusetts học phổ thông trung học. Skip rất mong chờ kỳ nghỉ hè ở Virginia. Ở đó không có nhiều hoạt động nhưng hắn đã chế ra một trò vui đến nỗi có thể khuấy động không khí buồn tẻ nơi đó. Thật vậy, có những lúc ngồi trong trường tiểu học vào mùa đông, trong khi ông thầy bà cô ngu ngốc nào đó đang giảng thao thao bất tuyệt, hắn chìm đắm trong những suy nghĩ riêng, tưởng tượng ra cảnh hắn đang chơi trò này bên hồ Virginia ấm áp rồi bật cười thành tiếng.

Skip thông minh và đẹp trai, ngay từ khi còn bé. “Thông minh và đẹp trai,” cha mẹ cũng như bạn bè của cha mẹ hắn, kể cả thầy cô giáo của hắn đều nói mãi câu ấy. Và vì thế, họ không hiểu được tại sao điểm số của hắn ở trường lại tệ như vậy, hoặc tại sao khi đến tuổi, hắn có vẻ chẳng quan tâm mấy đến chuyện hẹn hò. Họ không biết một điều rằng từ khi Skip 11 tuổi, hắn đã đi chơi với rất nhiều cô gái nhưng không phải theo cách mà cha mẹ, thầy cô hình dung. Luôn có một người, thường là một cô gái

lớn tuổi hơn hắn, bị những lời mật ngọt và nụ cười quyến rũ của Skip “cưa đổ.” Thường thì cô gái này sẽ lén dấn hắn về phòng mình, nhưng đôi khi, cả hai sẽ tìm một chỗ khuất trên sân chơi hoặc ở khán đài trên sân bóng mềm. Về điểm số ở trường, hắn thật sự cực kỳ thông minh - hắn hoàn toàn có thể đạt điểm A+ - nhưng đạt điểm C thì dễ như trở bàn tay nên hắn chỉ làm đến thế cho đỡ nhọc sức. Có lúc, hắn còn đạt điểm B, một việc khiến hắn thích thú vì hắn chẳng học hành gì cả. Thầy cô yêu mến hắn, có vẻ cũng mềm lòng trước nụ cười và lời tán dương của hắn như các cô gái, và mọi người đều cho rằng cậu bé Skip sẽ được vào một trường phổ thông trung học tốt rồi sau đó thi đậu vào một trường đại học có tiếng, bất chấp điểm số hiện tại.

Cha mẹ hắn có rất nhiều tiền, “giàu kέch xù,” mấy đứa trẻ khác thường nói vậy. Có nhiều lúc vào năm khoảng 12 tuổi, Skip ngồi cạnh chiếc bàn gỗ kiểu cổ trong phòng ngủ mà cha mẹ hắn mua cho, tính trong đầu xem hắn sẽ có được bao nhiêu tiền khi cha mẹ chết đi. Cách tính của hắn dựa trên một số tài liệu tài chính mà hắn lấy trộm từ phòng làm việc của cha. Những tài liệu tài chính này rõ ràng và không hoàn chỉnh, nhưng cho dù Skip không thể tính ra con số chính xác, hắn vẫn có thể thấy rõ rằng một ngày nào đó hắn sẽ trở nên khá giàu có.

Tuy vậy, Skip có một vấn đề. Hắn thường cảm thấy buồn chán. Những trò vui mà hắn theo đuổi, ngay cả bọn con gái, ngay cả việc đánh lừa thầy cô, ngay cả việc nghĩ về số tiền của mình, cũng không khiến hắn hào hứng quá nửa tiếng. Tài sản gia đình là trò tiêu khiển hứa hẹn nhất, nhưng hắn chưa có quyền kiểm soát số của cải đó - hắn vẫn còn là một đứa trẻ. Không, sự khuây khỏa thật sự duy nhất để thoát khỏi cơn buồn chán chính là trò vui mà hắn có thể chơi ở Virginia. Những kỳ nghỉ là khoảng thời gian vô cùng tốt đẹp. Mùa hè đầu tiên ấy, vào năm hắn 8 tuổi, hắn dùng kéo đâm mây con ếch vì hắn không biết cách nào khác. Hắn phát hiện ra rằng hắn có thể lấy cái

lưới từ kho chứa đồ đánh cá để bắt bầy ếch một cách dễ dàng từ lớp bùn đọng trong hồ. Hắn lật ngửa mấy con ếch lại, đâm vào cái bụng đang phồng lên của chúng rồi lật chúng lại để xem cặp mắt trong suốt đần độn của con ếch từ từ mất hết sinh khí trong lúc cơ thể chảy máu đến chết. Sau đó, hắn dùng hết sức bình sinh ném thật xa cái xác ếch xuống hồ, vừa ném vừa hét to, “Đáng đời tụi bây, lũ ếch đáng chết!”

Số ếch trong hồ nhiều vô kể. Hắn có thể dành hàng giờ giết chết chúng mà có vẻ như vẫn còn hàng trăm con cho ngày hôm sau. Nhưng đến cuối kỳ nghỉ hè đầu tiên ấy, Skip đã tìm ra cách làm hay hơn. Hắn đã chán đâm bụng ếch rồi. Thật tuyệt nếu có thể làm chúng nổ tan xác, làm cho cái lũ mập này phát nổ, và hắn đã nghĩ ra một kế hoạch hết ý. Ở nhà, hắn có quen mấy thằng nhóc lớn tuổi hơn mình, và trong đám có một đứa thường theo gia đình đi nghỉ xuân ở Nam Carolina vào tháng Tư hàng năm. Skip nghe nói người ta có bán pháo hoa ở Nam Carolina và rất dễ mua. Chỉ cần mua thuộc chút xíu là cậu bạn Tim của hắn sẽ mua pháo hoa ở đó và đem về cho hắn bằng cách nhét dưới đáy va-li. Thoạt đầu thì Tim sẽ sợ không dám làm chuyện này, nhưng sau khi Skip rỉ tai cổ vũ và đưa đủ tiền, cậu ta sẽ sẵn lòng làm. Mùa hè năm sau, Skip sẽ không dùng kéo nữa mà dùng pháo hoa!

Tìm thấy tiền mặt trong nhà là chuyện nhỏ và kế hoạch diễn ra trót lọt. Vào tháng Tư năm đó, hắn bỏ ra 200 đô-la để mua một gói pháo hoa đủ loại có tên là “Cờ Sao Lấp Lánh” mà hắn thấy trong một tờ tạp chí về súng ống, và bỏ thêm 100 đô-la để dụ ngọt Tim. Và khi cuối cùng thì Skip cũng cầm được gói hàng trên tay, đó là một thứ tuyệt đẹp. Hắn chọn “Cờ Sao Lấp Lánh” bởi vì gói pháo hoa này có nhiều nhất loại pháo nhỏ để nhét vừa hoặc gần vừa vào trong miệng một con ếch. Có loại pháo kiểu cây nến nhỏ; một số pháo thon nhỏ đủ màu có tên là “Ngón Tay Nàng”; một móng pháo dài khoảng 3 cm có tên là “Phù Thủ”; và

loại mà hắn thích nhất là loại pháo dài 6 cm đựng trong chiếc hộp dán nhãn “Hủy Diệt” có hình đầu lâu và xương bắt chéo phía trước.

Mùa hè năm ấy, hắn nhét từng quả pháo vào miệng lũ ếch mà hắn bắt được, châm lửa, và ném những con ếch lên cao ra phía mặt hồ. Hoặc thỉnh thoảng, hắn thả con ếch xuống đất sau khi đã châm ngòi pháo, bỏ chạy ra xa và giương mắt nhìn con vật đó nổ tan xác trên mặt đất. Màn trình diễn thật lộng lẫy - máu me, chất nhầy, tia lửa sáng, có lúc vang lên tiếng nổ lớn và những hình dạng như đóa hoa đủ màu rực rỡ. Cảnh tượng tuyệt vời đến nỗi chẳng bao lâu sau hắn thèm muốn có khán giả chứng kiến màn biểu diễn thiên tài của mình. Một chiều nọ, hắn rủ rê bé Claire, đứa em gái 6 tuổi của hắn, ra hồ bắt giúp hắn một con ếch, và sau đó ngay trước mắt cô bé, hắn thực hiện vụ nổ banh xác con ếch ở trên không. Claire la hét điên cuồng và chạy như ma đuổi về nhà.

Ngôi nhà nghỉ hè của gia đình hắn nằm cách hồ nước gần 1 km, ở phía bên kia hàng cây độc cần im lìm. Chỗ này không xa đến mức cha mẹ của Skip không nghe thấy được tiếng nổ, và họ đoán chắc là Skip đang chơi đốt pháo bên hồ. Nhưng từ lâu họ đã biết rằng đứa con trai của mình không phải là một đứa trẻ dễ dạy và rằng họ cần phải suy tính cực kỳ cẩn thận. Họ không muốn xử lý hắn chuyện pháo hoa, ngay cả khi cô con gái 6 tuổi Claire chạy trối chết về mách mẹ rằng anh Skip đang cho nổ banh xác bầy ếch. Mẹ Skip vặn nhạc trong phòng sách to hết mức, và Claire cố giấu con mèo Emily của cô bé đi.

SKIP SIÊU SAO

Skip chính là *sociopath*. Hắn không có lương tâm - không có ý thức trách nhiệm dựa trên tình cảm gắn bó với người khác - và cuộc đời sau này của hắn mà chúng ta sắp được biết trong chốc

lát đây sẽ đưa ra ví dụ hữu ích về chân dung một con người thông minh nhưng không có lương tâm.

Thật khó mà tưởng tượng được ta sẽ cảm thấy thế nào khi không có chút lương tâm; cho nên còn khó hơn để ta dùng trí tưởng tượng để phác họa hình ảnh chuẩn xác của một kẻ không có lương tâm. Vô đạo đức và thiếu lòng trắc ẩn, liệu hắn có bị cô lập bên lề xã hội hay không? Liệu hắn có luôn đe dọa, gầm gừ, và có thể là chảy nước dãi ròng ròng khi là một kẻ thiếu đi những đặc tính con người cơ bản như thế hay không? Một người có thể dễ dàng tưởng tượng rằng Skip lớn lên sẽ trở thành một kẻ giết người. Kết cục, có thể là hắn sẽ giết chết cha mẹ vì tiền. Biết đâu hắn cũng sẽ bị thương mà chết, hoặc bị tống vào một nhà tù an ninh tối đa. Nghe có vẻ hợp lý, nhưng không có gì như thế xảy ra cả. Skip vẫn còn sống sờ sờ. Hắn chưa bao giờ giết người, ít nhất là trực tiếp ra tay, và - cho đến nay - hắn chưa từng vào tù ra khám. Ngược lại, mặc dù chưa được thừa kế tài sản từ cha mẹ, nhưng hắn đã trở thành một người thành đạt và giàu có hơn cả vua. Và nếu bây giờ bạn gặp hắn như một kẻ xa lạ trong một nhà hàng hay trên đường phố, trông hắn sẽ giống như bất kỳ quý ông tuổi trung niên nào lịch lãm trong bộ vest doanh nhân đắt tiền.

Sao lại như thế được? Có phải hắn đã được chữa trị không? Hắn đã hồi phục ư? Hắn đã khỏi bệnh rồi sao? Không phải thế. Sự thật là hắn còn tệ hại hơn. Hắn đã trở thành Skip Siêu Sao. Với điểm số đủ đậu, chứ không phải là xuất sắc, cộng với vẻ cuốn hút và sức ảnh hưởng của gia đình, Skip đã vào được một trường nội trú tốt ở Massachusetts, và gia đình hắn thở phào nhẹ nhõm, vì hai lẽ - hắn được nhận vào trường và sự vắng mặt của hắn trong cuộc sống của họ. Các thầy cô ở trường vẫn thấy hắn đáng mến nhưng mẹ hắn và đứa em gái đã biết được rằng hắn là một người đầy thủ đoạn và đáng sợ. Thỉnh thoảng, Claire nói về “đôi mắt kỳ dị của anh Skip,” và mẹ cô bé sẽ tỏ vẻ

mặt chịu thua với hàm ý, mẹ không muốn nói về điều đó. Hầu hết những người khác đều chỉ nhìn thấy một anh chàng trẻ tuổi đẹp trai.

Đến khi vào đại học, Skip được nhận vào trường của cha hắn (trước kia là của ông nội hắn), nơi hắn trở thành một tay chơi và sát gái huyền thoại. Tốt nghiệp đại học với mức điểm trung bình như từ trước tới nay, Skip đăng ký chương trình cao học MBA ở một trường không quá danh tiếng, bởi vì hắn hiểu được rằng thương trường là một nơi mà hắn sẽ chơi thuần thục dễ dàng và có thể tiêu khiển bằng những kỹ năng bẩm sinh. Điểm số của hắn không tiến bộ hơn nhưng năng lực thu hút người khác và khiến họ làm theo ý muốn của hắn đã trở nên điêu luyện hơn.

Năm 26 tuổi, hắn gia nhập Tập đoàn Arika, một công ty sản xuất thiết bị làm nổ, khoan và tải hàng cho các mỏ kim loại. Hắn có đôi mắt xanh thăm thẳm và nụ cười gây xiêu lòng đúng lúc, và trong mắt những người sếp mới, hắn dường như có khả năng thần kỳ trong việc thúc đẩy nhân viên bán hàng và có sức ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong công việc. Về phía mình, Skip phát hiện ra rằng thao túng những người trưởng thành có học thức chẳng hề khó hơn việc thuyết phục cậu bạn Tim hồi nhỏ mua pháo hoa ở Nam Carolina, và dĩ nhiên là việc nói dối, theo cách ngày càng tinh vi hơn, đã trở thành chuyện dễ như ăn bánh. Hay ho hơn nữa là một Skip thường xuyên buôn chán giờ đây tha hồ tận hưởng áp lực của những mạo hiểm dồn dập và săn lùng đón nhận những cơ hội lớn mà không ai dám làm. Đến ngày kỷ niệm 3 năm hắn gia nhập công ty, hắn đã theo vụ khai thác mỏ đồng ở Chile và mỏ vàng ở Nam Phi, cuối cùng đưa Arika trở thành nhà cung cấp thiết bị nổ mìn hầm mỏ lớn thứ 3 thế giới. Nhà sáng lập của Arika, người mà trong lòng Skip xem như một kẻ ngốc, lại yêu mến Skip đến mức đã trao cho hắn chiếc Ferrari GTB mới cáu làm “quà tặng của công ty.”

Năm 30 tuổi, Skip kết hôn với Juliette, cô con gái 23 tuổi dễ thương, ăn nói nhỏ nhẹ của một tỷ phú nổi tiếng trong ngành khai thác dầu mỏ. Skip làm cho cha của Juliette xem hắn như đứa con trai tài năng đầy tham vọng mà ông không có. Skip xem cha vợ tỷ phú của mình là tấm vé để hắn có được mọi thứ. Và khá là chính xác, hắn đánh giá cô vợ mới cưới Juliette là một phụ nữ dịu dàng, ngoan ngoãn chấp nhận vai trò người vợ hiền và đảm trách việc kết nối xã hội cho hắn, đồng thời sẽ vờ như không biết tính vô trách nhiệm trong đời sống cá nhân cũng như tính trắng trợn cố hữu của hắn. Cô ấy sẽ xuất hiện xinh đẹp, đoan trang bên cạnh Skip và không bao giờ hé môi.

Một tuần lễ trước đám cưới, mẹ của Skip, khi đã cảm thấy thân thiết với Juliette hơn với Skip, hỏi đứa con trai của mình với giọng mệt mỏi, “Cuộc hôn nhân này... Con có thật sự cần phải làm vậy với cuộc đời con bé không?” Skip phớt lờ bà như trước đây hắn thường làm. Nhưng sau đó, dường như hắn cảm thấy một điều gì đó buồn cười, và hắn đáp lại thái độ phản đối của mẹ bằng nụ cười ngoác tận mang tai, “Cả hai chúng ta đều biết là cô ta sẽ không đời nào biết được mình đã gặp phải chuyện gì.” Mẹ của Skip trông có vẻ bối rối trong thoáng giây và rồi bà rùng mình.

Có gia đình, có chỗ đứng trong xã hội, và đem về gần 80 triệu đô-la một năm cho Arika, Skip lên chức chủ tịch mảng quốc tế của tập đoàn và trở thành thành viên hội đồng quản trị trước sinh nhật 36 tuổi. Lúc này, hắn đã có hai cô con gái nhỏ, hoàn thiện lớp ngụy trang của người đàn ông vì gia đình. Sự đóng góp của hắn dành cho công ty đi kèm với một cái giá nhất định, nhưng không có điều gì mà không thể được xử lý một cách sinh lời. Thỉnh thoảng, nhân viên phàn nán rằng hắn “xắc xược” hoặc “hàn học,” và Arika bị kiện khi một thư ký buộc tội hắn đã bẻ gãy tay cô trong lúc ép cô ngồi vào lòng hắn. Vụ kiện được dàn xếp với 50.000 đô-la và lệnh tòa án cấm công khai thông tin

dành cho cô thư ký. So ra, số tiền 50.000 đô-la chẳng là gì đối với công ty. Hắn ta là “Skip Siêu Sao,” và ông chủ công ty hiểu rằng hắn xứng đáng được giữ lại.

Về vụ này, về sau Skip có đưa ra nhận định riêng, “Đồ điên. Cô ta tự làm gãy tay. Cô ta vùng vẫy chống lại tôi, ả đàn bà ngu ngốc. Sao cô ta lại chống cự dữ dằn đến thế chứ?”

Sau vụ cô thư ký, có thêm những cáo buộc về quấy rối tình dục nữa nhưng Skip có giá trị với công ty đến mức mỗi lần xảy ra sự việc, Arika lại chi tiền ra dàn xếp. Các thành viên khác trong hội đồng quản trị bắt đầu gọi hắn là “ngôi sao kiêu kỳ của công ty.” Mấy năm sau, hắn được thưởng hơn 1 triệu đô-la cổ phần, biến hắn trở thành cổ đông cá nhân lớn thứ hai, chỉ đứng sau nhà sáng lập Arika. Và vào năm 2001, ở tuổi 51, Skip ngồi vào ghế tổng giám đốc điều hành của công ty.

Gần đây, một số vấn đề của hắn trở nên khó giải quyết ổn thỏa hơn, nhưng với thói ngạo mạn vốn có, Skip tự tin hắn sẽ trụ vững - có lẽ hơi tự tin thái quá. Vào năm 2003, hắn bị Ủy ban Chứng khoán và Sàn giao dịch Mỹ (SEC) buộc tội gian lận. Hắn chối tội, dĩ nhiên rồi, và tại thời điểm hiện tại, quyết định của SEC đang bị trì hoãn.

CHƠI TRÒ CHƠI

Không, Skip không hề bị đẩy ra lề xã hội, hắn không chảy nước dãi, và hắn cũng không (chưa) vào tù. Trên thực tế, hắn giàu sụ và được nhiều người quen biết nể trọng - hoặc ít ra là nể sợ, vốn được ngụy trang khéo léo thành nể trọng. Vậy bức tranh này có gì không ổn? Hay có lẽ câu hỏi cần được đặt ra là: Phần tồi tệ nhất của bức tranh này là gì, hay khiếm khuyết lớn nào trong cuộc đời Skip đã đẩy hắn vào bi kịch bất chấp thành công mà hắn đạt được và biến hắn trở thành kẻ gieo rắc bi kịch cho

nhiều người khác? Là đây: Skip không có cảm xúc gắn bó với người khác, không một chút nào. Hắn lạnh như băng.

Mẹ hắn là để bị hắn phớt lờ, hoặc thỉnh thoảng bị chọc tức. Em gái là để bị hắn hành hạ. Những người phụ nữ khác đơn thuần là công cụ thỏa mãn nhu cầu tình dục của hắn. Từ khi còn nhỏ, hắn đã chờ đợi cha mình làm một điều duy nhất - đó là chết đi và để lại tiền bạc của cải cho hắn. Nhân viên cũng như bạn bè của hắn là để bị hắn thao túng và lợi dụng. Vợ hắn, thậm chí con hắn, là để che mắt thế gian. Họ là vật dùng để ngụy trang. Skip có trí thông minh thiên phú và hắn biết cách luôn lách để giành chiến thắng trên thương trường. Nhưng cho đến giờ thì tài năng ấn tượng nhất của hắn là khả năng che đậy sự trống rỗng cảm xúc bên trong với hầu hết mọi người - và biết bít miệng số ít người biết được điều đó.

Hầu hết chúng ta đều bị thu hút khó cưỡng bởi vẻ bề ngoài, và vẻ ngoài của Skip luôn hấp dẫn. Hắn có nụ cười quyến rũ. Hắn có sức lôi cuốn, và chúng ta có thể dễ dàng hình dung cảnh hắn tâng bốc người sếp đã tặng cho hắn chiếc Ferrari nhưng trong lòng thì lại thầm nghĩ ông ta là kẻ ngu, và dưới tất cả những điều đó là không có khả năng biết ơn đối với bất kỳ ai. Hắn nói dối như cuội và nói dối rất giỏi, mà không hề có chút cảm giác tội lỗi nên tuyệt nhiên không để lộ gì qua vẻ mặt hoặc cử chỉ cơ thể. Hắn dùng tình dục làm công cụ thao túng và che giấu sự trống rỗng cảm xúc đằng sau những vai trò đáng kính khác nhau - siêu sao của công ty, con rể, người chồng, người cha - những lớp ngụy trang gần như không thể bị vạch trần.

Và lõi như phong thái quyến rũ, tình dục và vai diễn đều thất bại, Skip sẽ dùng đến con át chủ bài - sự đe dọa. Vẻ lạnh như băng của hắn về bản chất là vô cùng đáng sợ. Robert Hare viết, “Nhiều người thấy thật khó mà đối mặt với ánh nhìn chằm chằm vô cảm hay ‘muốn ăn tươi nuốt sống’ của psychopath,” và

đối với một số người nhạy cảm hơn, thì đôi mắt xanh thăm của Skip, thứ mà em gái của hắn cho là thật “kỳ dị,” giống như cặp mắt lạnh lùng của kẻ săn mồi đang nhìn chằm chằm vào con mồi trước mặt. Trước cái nhìn như thế, con mồi của hắn thường im lặng.

Ngay cả khi bạn biết rõ về hắn, biết hắn là kẻ không có trái tim, và nǎm được đường đi nước bước của hắn, thì bạn sẽ làm thế nào để vạch trần hắn đây? Bạn có thể nói với ai và bạn sẽ nói gì? “Hắn là kẻ nói dối” ư? “Hắn bị điên” ư? “Hắn cưỡng hiếp tôi trong phòng làm việc của hắn” ư? “Hắn có đôi mắt ác quỷ” ư? “Hắn từng giết ếch” ư? Nhưng đây là người đứng đầu một cộng đồng, trong bộ vest Armani. Đây là người chồng thân yêu của Juliette, là cha của hai đứa trẻ. Người đàn ông này là CEO của Tập đoàn Arika, trời ạ! Bạn cáo buộc anh ấy tội danh gì và bạn có bằng chứng gì trong tay? Ai là người có vẻ điên khùng - ngài tổng giám đốc Skip hay người buộc tội hắn ta? Củng cố thêm cho “bức tường thành” của hắn là những người cần đến hắn vì lý do này hay lý do khác, bao gồm cả những người giàu có và quyền thế. Liệu họ có quan tâm đến những gì bạn nói?

Ở vị thế bất bại của mình và bằng nhiều phương thức khác, Skip là một *sociopath* điển hình. Theo Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ, Skip có “nhu cầu về sự kích thích lớn hơn mức bình thường,” và vì thế hắn thường tham gia những vụ mạo hiểm lớn, và hắn không ngần ngại lôi kéo người khác cùng tham gia. Hắn có “vấn đề hành vi” từ thời thơ ấu nhưng địa vị xã hội của cha mẹ đã giúp hắn che đậy điều đó. Hắn dối trá và thao túng người khác. Hắn có thể trở nên hung hăng một cách bộc phát mà “không màng đến sự an toàn của người khác,” như việc hắn làm gãy tay cô thư ký hay nhiều phụ nữ khác trong những câu chuyện không bao giờ được kể lại. Có thể “triệu chứng” kinh điển duy nhất mà Skip không biểu lộ là việc lạm dụng chất kích thích. Cùng lắm cũng chỉ là thỉnh thoảng hắn có uống quá

chén sau bữa ăn tối. Ngoài điều đó ra thì bức tranh vô cùng hoàn chỉnh. Hắn không thật lòng quan tâm gắn bó với ai, hắn vô trách nhiệm từ đầu đến cuối, và hắn không có cảm giác ăn năn hối lỗi.

Vậy thì tất cả quá trình này diễn biến trong tâm trí hắn như thế nào? Điều gì thôi thúc hắn? Chính xác thì Skip muốn gì?

Hầu hết chúng ta đều có một ai đó khích lệ ta và đáp ứng khát khao của ta. Những người dẫn dắt ao ước và ước mơ của ta. Những người sống bên cạnh ta, những người sống xa ta, những người thân yêu đã qua đời, những người khiến ta bức tức nhưng không rời đi, những nơi chốn “hóa tâm hồn” vì những người ta quen biết sống ở đó, kể cả thú cưng của ta - những điều này đóng đầy trái tim và suy nghĩ của ta. Ngay cả những người hướng nội nhất trong số chúng ta cũng quan tâm đến những mối quan hệ, cũng bận tâm đến những phản ứng và những cảm nhận về người khác, cũng có ác cảm và thiện cảm với người khác. Sự nảy sinh tình cảm, cảm xúc yêu đương, sự nuôi dưỡng, cự tuyệt và sum họp gần như đều xuất hiện trong mọi bài văn và ca khúc. Ta là những sinh vật phụ thuộc quá mức vào các mối quan hệ và đó là sự thật từ thời tổ tiên loài người. Jane Goodall nói rằng loài tinh tinh mà bà quan sát được ở Gombe “có rất nhiều hành vi nhằm duy trì hoặc khôi phục sự hòa hợp xã hội... Những cái ôm, nụ hôn, những cái vỗ và nắm tay là cử chỉ chào mừng sau khi xa cách... Có những quãng thời gian dài bình yên để bắt chấy thư giãn cho nhau. Chia sẻ thức ăn. Quan tâm đến thành viên bị bệnh hoặc bị thương.” Vậy thì nếu như không có sự kết nối từ thời nguyên thủy này, loài người chúng ta sẽ trở thành cái gì?

Rõ ràng là chúng ta sẽ trở thành những người chơi trong một cuộc chơi, tương tự như một ván cờ khổng lồ, mà trong đó người khác sẽ là những quân cờ như xe, ngựa và tốt. Đây chính là

bản chất của hành vi và khao khát của *sociopath*. Điều duy nhất Skip thật sự mong muốn - còn lại điều duy nhất này thôi - chính là chiến thắng.

Skip không dành chút thời gian nào để tìm ai đó để yêu thương. Hắn không có năng lực yêu thương. Hắn không lo lắng khi bạn bè hay người thân bị bệnh hoặc gặp khó khăn, bởi vì hắn không có năng lực lo lắng cho người khác. Hắn không quan tâm đến ai, và vì thế hắn không biết đến niềm vui của việc kể cho cha mẹ hắn hay vợ hắn nghe những thành công mà hắn đã đạt được trong kinh doanh. Hắn có thể ăn tối với bất kỳ ai hắn cảm thấy thích, nhưng hắn không biết chia sẻ khoảnh khắc với bất kỳ ai. Và khi các con hắn chào đời, hắn không sợ hãi nhưng cũng không hào hứng. Hắn không có giây phút hạnh phúc thật sự nào khi ở bên các con hay khi nhìn con lớn lên từng ngày.

Nhưng có một điều Skip làm được, và hắn làm điều này thành thạo hơn hầu hết mọi người: Skip rất giỏi giành chiến thắng. Hắn biết cách chế ngự. Hắn biết cách khuất phục người khác. Khi hắn còn nhỏ, những con ếch chết khi hắn muốn chúng chết, em gái hắn hét lên khi hắn muốn cô bé gào thét, và giờ đây, hắn bước vào một cuộc chơi thú vị hơn và rộng lớn hơn. Trong một thế giới mà ai ai cũng vất vả để kiếm sống, Skip có thể thuyết phục người khác mang đến cho hắn sự giàu có trước khi hắn 30 tuổi. Hắn biết cách đánh lừa những ông chủ công ty có trình độ học vấn cao, đánh lừa cả cha vợ tỷ phú của hắn. Hắn làm cho những con người ngây thơ này phải nhảy dựng lên rồi cười cợt sau lưng họ. Hắn tạo ảnh hưởng đến những quyết định tài chính quan trọng trên sân chơi quốc tế, đồng thời xoay chuyển các quyết định đó sao cho có lợi cho mình mà không có ai phản đối. Nếu có người dám phản đối, hắn biết cách hạ thấp người đó chỉ bằng một hoặc hai từ nói ra đúng lúc. Hắn biết cách đe dọa, tấn công, bẻ tay, hủy hoại sự nghiệp của người khác và các đồng nghiệp giàu có của hắn sẽ nỗ lực giúp hắn thoát khỏi

những hình phạt mà những người bình thường khác phải chịu. Hắn tin rằng hắn có thể có được bất kỳ người phụ nữ nào mà hắn muốn, và thao túng bất kỳ người đàn ông nào mà hắn gặp, gần đây nhất là tất cả những người ở SEC.

Hắn ta là Skip Siêu Sao. Chiến lược và lợi nhuận là sự thích thú duy nhất mà hắn biết, và hắn dành toàn bộ cuộc đời để chơi ngày càng giỏi hơn. Đối với Skip, cuộc chơi là tất cả, và mặc dù hắn thừa khôn ngoan để nói ra điều này, nhưng trong thâm tâm, hắn cho rằng số người còn lại trong chúng ta đều ngây thơ và ngu ngốc vì không chơi trò chơi theo cách của hắn. Và đây chính xác là những gì xảy ra trong tâm trí con người khi thiếu đi sự gắn bó về mặt cảm xúc và lương tâm. Cuộc sống biến thành một cuộc đấu, và những người khác không khác gì những quân cờ được di chuyển từ vị trí này sang vị trí khác, dùng để bảo vệ hoặc bị đá văng ra.

Dĩ nhiên, ít ai sánh ngang với Skip về trí thông minh hoặc ngoại hình. Theo định nghĩa, đa số mọi người, bao gồm *sociopath*, đều có trí thông minh và ngoại hình ở mức bình thường, và những trò chơi mà những *sociopath* bình thường này chơi không cùng đẳng cấp với những cuộc so tài trên phạm vi toàn cầu của Skip. Nhiều nhà tâm lý học đương thời, kể cả tôi, nhớ lại lần đầu tiên biết đến chứng vô nhân tính từ một bộ phim giáo dục về đề tài này mà chúng tôi được xem hồi còn là sinh viên đại học vào những năm 1970. Tôi còn nhớ nhân vật được tìm hiểu trong phim có tên là “Gã Tem,” vì hắn ta dành cả đời để làm một việc không giống ai là trộm tem thư ở các bưu điện Mỹ. Hắn chẳng hề thích sưu tầm tem hay muốn bán tem kiếm tiền. Hắn chỉ có mong muốn duy nhất là thực hiện một vụ đột nhập vào bưu điện lúc nửa đêm để trộm tem, sau đó tìm một chỗ cách bưu điện mà hắn vừa đột nhập không xa mấy để dễ bề quan sát khung cảnh hỗn loạn của buổi sáng hôm sau khi mà những nhân viên đến sớm nhất phát hiện ra bưu điện bị đột nhập, tiếp

đó là đội ngũ cảnh sát khẩn trương đến để điều tra vụ việc. Gầy gò, tái xanh, mặt chuột, gã đàn ông được phỏng vấn trong phim không có vẻ đáng sợ chút nào. Trí thông minh của hắn cao lăm là ở mức trung bình, và hắn ta chẳng đời nào chơi nổi trò chơi lớn ở tầm đẳng cấp quốc tế của Skip, với các đối thủ tý phú và các chiến lược thuần thục. Nhưng hắn có thể chơi trò chơi riêng của hắn, và về khía cạnh tâm lý học, trò trộm tem đơn giản của hắn lại giống với cuộc chơi ở nơi công sở của Skip một cách đáng kinh ngạc.

Khác với Skip, kế hoạch của Gã Tem vụng về và lộ nhiều sơ hở, và cảnh sát luôn điều tra ra được và bắt giữ hắn ta. Hắn đã bị đưa ra tòa và bị tống giam vô số lần, và đây là cách hắn sống cuộc đời mình - trộm cắp, quan sát, vào tù, ra tù và lại trộm cắp. Nhưng hắn không lo lắng vì kết quả cuối cùng của âm mưu đó không quan trọng đối với hắn. Theo quan điểm của hắn, quan trọng là hắn đang chơi trò chơi và thấy được, ít nhất là trong khoảng một giờ đồng hồ mỗi lần, bằng chứng không thể bác bỏ là hắn, Gã Tem, có thể *khiến mọi người phát hoảng*. Trong mắt Gã Tem, có khả năng khiến người khác hoảng sợ nghĩa là hắn đang thắng, và theo cách này, chẳng hề kém cạnh gì so với Skip giàu có tài ba, hắn chính là ví dụ điển hình về những gì mà *sociopath* mong muốn. Chế ngự người khác - giành chiến thắng - là thứ hấp dẫn hơn bất kỳ điều gì (hoặc bất kỳ người nào) khác.

Có lẽ mức tột cùng của việc chế ngự người khác là đoạt đi mạng sống của họ, và hình ảnh kẻ giết người man rợ hoặc tên sát nhân hàng loạt máu lạnh là điều đầu tiên mà nhiều người trong số chúng ta tưởng tượng đến khi nghĩ về hành vi lệch lạc của *sociopath*. Sau những *sociopath* lãnh đạo đưa đường dẫn lối của cả một quốc gia, đẩy đất nước vào nạn diệt chủng hay chiến tranh phi nghĩa, *sociopath* sát nhân chắc chắn là ví dụ kinh hãi nhất về một linh hồn thiếu vắng lương tâm - một ví

dụ hãi hùng nhất nhưng không phải là phổ biến nhất. Những tên *sociopath* giết người thì quá khét tiếng rồi. Chúng ta đọc về chúng trên báo, nghe về chúng trên ti-vi, nhìn thấy chúng trên phim ảnh, và ta rùng mình run sợ khi biết rằng ngay giữa chúng ta có những con quái vật *sociopath* có thể giết người mà không hề nao núng hay hối hận. Nhưng trái với suy nghĩ thông thường, đa số *sociopath* không phải là kẻ sát nhân, ít nhất theo cách hiểu là chúng tự tay giết người. Ta thấy được điều này chỉ bằng con số thống kê. Trong 25 người thì có 1 kẻ là *sociopath*, nhưng ngoài nhà tù, hay các băng đảng và các nhóm người đói nghèo và bị tàn phá sau chiến tranh, tạ ơn trời là số lượng kẻ giết người chiếm tỷ lệ ít hơn nhiều trong dân số.

Khi một *sociopath* có tính khát máu, kết cục chính là cơn ác mộng kinh hoàng - thậm chí y hệt như trên phim - một nhân vật kinh dị có vẻ khác thường. Nhưng đa số *sociopath* không phải là kẻ giết người tập thể hay giết người hàng loạt. Chúng không phải là Pol Pot hay Ted Bundy. Thay vào đó, đa số bọn chúng đều có vẻ ngoài bình thường như chúng ta, và có thể không lộ mặt trong một thời gian dài. Hầu hết những kẻ không có lương tâm thường giống như Skip hay Gã Tem, hoặc một người mẹ dùng con cái làm công cụ, một bác sĩ trị liệu chủ ý tước đi sức mạnh của những bệnh nhân dễ tổn thương, hoặc một người tình quyến rũ đầy thủ đoạn, một đối tác kinh doanh khoắng sạch tài khoản ngân hàng rồi chuồn thảng, hay một “người bạn” duyên dáng thích lợi dụng người khác nhưng chối bay chối biến. *Sociopath* có rất nhiều kế sách - những thủ đoạn tất thắng - để chế ngự người khác, và chỉ ít kẻ trong số này dùng đến bạo lực. Xét cho cùng thì bạo lực rất dễ để lại dấu vết, và trừ khi chúng ra tay với những đối tượng yếu ớt như trẻ em hay động vật, thủ phạm thường dễ bị bắt giữ.

Trong bất kỳ trường hợp nào, dù là những chuyện kinh hoàng, những kẻ sát nhân tàn bạo thường không phải là kết cục mà

những kẻ không có lương tâm hướng đến. Thay vào đó, trò chơi mới là thứ quan trọng. Phần thưởng của kẻ thắng cuộc có thể trải dài từ thống trị thế giới cho đến một bữa ăn “chùa,” nhưng trò chơi thì không đổi - khống chế, gây hoảng sợ, “thắng cuộc.” Hiển nhiên, chiến thắng theo kiểu này chính là tất cả những gì còn lại của việc tương tác xã hội khi mà sự gắn bó và lương tâm không hiện hữu. Khi giá trị của những mối quan hệ gần như teo tóp thành con số không, sự chế ngự thỉnh thoảng được thể hiện qua việc giết người. Nhưng thường thì sự chế ngự đạt được qua hành vi giết ếch, ham mê tình dục hoặc lôi kéo và lợi dụng bạn bè, hoặc khai thác mỏ đồng ở Chile, hoặc trộm tem thư chỉ để thấy cảnh mọi người nhốn nháo.

BẠN CHÚNG CÓ BIẾT BẢN THÂN MÌNH LÀ SOCIOPATH KHÔNG?

Bạn chúng có hiểu bản thân mình là ai hay không? Chúng có biết chút gì về bản chất con người mình hay không, hay là, chúng đọc quyển sách này từ đầu tới cuối mà không hề thấy hình ảnh của chính mình? Trong quá trình làm việc, tôi thường nhận được những kiểu câu hỏi này, đặc biệt là bởi những người mà cuộc đời của họ đã bị tổn hại khi “chạm trán” với *sociopath* mà đến khi nhận ra thì đã quá muộn. Tôi không biết chính xác lý do tại sao vấn đề nhận thức bản thân lại quan trọng đến thế, trừ việc có lẽ chúng ta cảm thấy rằng nếu một người sống một cuộc đời hoàn toàn không có lương tâm, kẻ đó ít ra nên thừa nhận sự thật đó. Chúng ta cảm thấy rằng nếu ai đó xấu xa, hờn ta nên mang vác gánh nặng của việc nhận thức được rằng mình là kẻ xấu xa. Đối với chúng ta, dường như tật cùng của sự bất công chính là khi một kẻ ác, theo đánh giá của ta, vẫn cảm thấy hài lòng về bản thân hờn.

Tuy nhiên, có vẻ như đây chính xác là điều đang diễn ra. Đa phần thì những người mà ta xem là kẻ ác có khuynh hướng

nhận thấy cách sống của hắn chẳng có gì là sai trái cả. *Sociopath* có tiếng là luôn chối bỏ trách nhiệm về hành vi hoặc hậu quả từ hành vi mà hắn gây ra. Trên thực tế, việc chối bỏ nhìn nhận kết quả gây ra bởi một hành vi xấu của một người không liên quan gì đến chính bản thân người đó - theo cách nói của Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ là “sự vô trách nhiệm nhất quán” - là cơ sở chẩn đoán chứng rối loạn nhân cách chống xã hội. Skip đã thể hiện rõ khía cạnh tính cách này khi hắn lý giải rằng cô thư ký mà hắn bẻ gãy tay thật ra đã tự làm gãy tay mình khi cô ấy không ngoan ngoãn phục tùng hắn. Những kẻ vô lương tâm có vô số câu tuyên bố ấn tượng ám chỉ “Tôi không làm gì sai cả.” Một trong những câu nói nổi tiếng nhất là của Al Capone, tên trùm gangster tàn ác ở Chicago trong thời kỳ cấm rượu: “Tôi sẽ đến thành phố St. Petersburg, bang Florida vào ngày mai. Hãy để những công dân đáng kính của Chicago muốn làm gì với rượu thì làm. Tôi chán ngấy công việc của mình rồi - đó là một công việc bạc bẽo và đầy đau thương. Tôi đã dành những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời để mang lại lợi ích cho công chúng.” Những *sociopath* khác không bận tâm với những lập luận rối rắm như vậy, hoặc chúng không ở trong địa vị đủ cao để khiến người khác lắng nghe những logic kỳ quặc của mình. Thay vào đó, khi đứng trước những hậu quả hủy diệt mà rõ ràng là do chúng gây ra, chúng sẽ buông một câu gọn lỏn, “Tôi không làm việc đó,” và trong mắt mọi người thì chính bản thân chúng cũng tin vào lời nói dối trắng trợn của mình. Đặc điểm này của *sociopath* khiến cho chúng không có khả năng nhận thức bản thân, và cuối cùng, cũng giống như việc hắn không có mối liên hệ thuần túy nào với những người khác, mối liên kết của hắn với bản thân mình cũng rất mong manh.

Nếu có chăng thì những kẻ vô lương tâm có xu hướng tin rằng cách sống của chúng trong thế giới này là ưu việt hơn của chúng ta. Chúng thường nói về sự ngây thơ của người khác và những nguyên tắc đạo đức nực cười, hay về việc chúng tò mò về lý do

tại sao có quá nhiều người ngần ngại thao túng người khác, ngay cả khi điều đó có lợi cho những tham vọng lớn nhất của họ. Hoặc chúng lập luận rằng con người ai cũng như ai - đều thiếu đạo đức, giống như chúng vậy - nhưng lại đang vờ vịt diễn một vở kịch hoang đường có tên gọi là “lương tâm.” Với cách lập luận sau cùng này, những người sống thẳng và sống thật duy nhất trên đời chính là bản thân chúng. Chúng là những người duy nhất sống “thật” trong một xã hội toàn những người giả tạo.

Dù vậy, tôi tin rằng đâu đó trong sâu thẳm ý thức, có thể có một tiếng nói nội tâm yếu ớt đang thi thầm rằng chúng thiếu đi một thứ gì đó, một thứ mà người khác có. Tôi nói thế bởi vì tôi đã nghe *sociopath* nói về cảm giác “trống vắng,” thậm chí là “trống rỗng.” Và tôi nói thế bởi vì những gì mà *sociopath* thèm muốn và có thể tìm cách hủy hoại như một phần trong trò chơi thường là một thứ gì đó thuộc về đặc điểm tính cách của một người có lương tâm, và những người có cá tính mạnh thường được chúng đặc biệt nhắm tới. Và trên hết, tôi nói thế bởi vì con người chính là mục tiêu được nhắm tới, chứ không phải trái đất, hay một khía cạnh nào đó trong thế giới vật chất. *Sociopath* muốn chơi trò chơi của chúng với người khác. Chúng không quan tâm nhiều đến những thử thách từ các vật vô tri vô giác. Ngay cả việc hủy diệt tòa tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới chủ yếu là vì chúng nhắm đến những người ở trong đó, và những người sẽ nhìn thấy và nghe về thảm họa này. Quan sát đơn giản nhưng chủ chốt này cho thấy bên trong *sociopath* vẫn còn sự liên kết sẵn có với loài người, một mối dây ràng buộc với chủng loài. Tuy vậy, sự kết nối bẩm sinh mỏng manh này, điều gây ra sự thèm muốn, là một chiêu và vô ích, đặc biệt là khi so sánh với những cung bậc cảm xúc phức tạp và mãnh liệt mà đa số mọi người dành cho nhau và dành cho tập thể.

Nếu tất cả những gì bạn cảm nhận về người khác là một ước muốn lạnh lùng “giành chiến thắng,” làm sao bạn hiểu được ý

nghĩa của tình yêu, tình bạn, sự quan tâm? Bạn sẽ không hiểu nổi. Bạn sẽ chỉ đơn thuần tiếp tục chế ngự, chối bỏ và cảm thấy ưu việt. Thỉnh thoảng, có lẽ bạn sẽ cảm nhận một chút trống vắng, một chút cảm giác bất mãn, nhưng chỉ có vậy thôi. Và vì chối bỏ toàn bộ những tác động của mình gây ra cho người khác, làm sao bạn hiểu nổi bản thân mình? Một lần nữa, bạn sẽ không hiểu nổi. Cũng như bản thân Skip Siêu Sao, sự soi rọi của Skip Siêu Sao chỉ nói lên những lời dối trá. Lăng kính của Skip không cho hắn thấy sự băng giá trong linh hồn mình, và kẻ dành những kỳ nghỉ hè thời thơ ấu để giết ếch bên bờ hồ Virginia đã-không-còn-yên-bình cuối cùng sẽ xuống mồ mà không hiểu rằng lẽ ra hắn đã có thể sống một cuộc đời đầy ý nghĩa và ấm áp.



ba

KHI LƯƠNG TÂM THIẾP NGỦ

Cái giá của tự do là sự cảnh giác vĩnh cửu.

- Thomas Jefferson

Lương tâm là thứ tạo nên ý nghĩa. Là cảm giác ràng buộc bắt nguồn từ sự kết nối về mặt cảm xúc giữa người và người, lương tâm ngăn chặn cuộc sống tiến triển thành một trò chơi dài dằng dặc và đặc biệt nhảm chán là chế ngự những người xung quanh, và trong từng giới hạn mà lương tâm áp đặt lên con người chúng ta, nó cũng trao cho ta khoảnh khắc kết nối với một điều khác, chiếc cầu nối với ai đó hoặc thứ gì đó bên ngoài kế hoạch hành động thường là vô nghĩa của ta. Đứng trước sự lựa chọn lạnh lùng của việc trở thành một người như Skip, lương tâm là thứ đáng được hết lòng mưu cầu. Vậy nên câu hỏi cần đặt ra là: Trong số 96% chúng ta đây, những người không phải là *sociopath*, lương tâm có bao giờ thay đổi không? Lương tâm có bao giờ lung lay hay yếu ớt - hoặc chết đi không?

Sự thật là ngay cả lương tâm của một người bình thường thì không phải lúc nào cũng hoạt động ở cùng mức độ giống nhau. Một trong những lý do đơn giản nhất cho sự thay đổi lương tâm là điều kiện sống nền tảng trong một cơ thể hay bị hỏng hóc và cần được đáp ứng nhu cầu. Khi cơ thể kiệt sức, đau bệnh, hoặc bị thương, mọi chức năng cảm xúc của chúng ta, bao gồm cả lương tâm, đều có thể bị tổn thương tạm thời.

Để minh họa cho điều này, hãy giả sử rằng khi luật sư Joe, chủ của chú chó Reebok, bị sốt cao 39 độ khi đang lái xe trên đường. Chúng ta thấy ngay rằng tư duy logic của anh bị ảnh hưởng, bởi vì anh đang bệnh đến mức ấy mà vẫn cố gắng đến tham dự cuộc họp. Nhưng còn đạo lý của anh thì sao? Khi con virus tàn nhẫn đang chiếm lấy cơ thể của Joe, anh sẽ làm gì khi nhớ ra là chú chó Reebok mà mình rất đỗi yêu thương không có thức ăn? Trong phiên bản này của câu chuyện, Joe có thể chỉ đủ sức làm theo kế hoạch đã vạch ra, chứ không thể suy nghĩ nhanh nhẹ, biết cần phải ưu tiên việc gì ngay và tự mình đổi hướng như cách anh hành động trong kịch bản Joe-khỏe-mạnh. Vì anh đang bị sốt cao và khó chịu trong người nên phản ứng cảm xúc của anh dành cho hoàn cảnh khó khăn của Reebok phải đối đầu trực tiếp với cảm giác mệt mỏi của chính anh. Có thể lương tâm sẽ thắng thế. Mặt khác, có thể Joe do đã yếu đi vì đang bệnh nên không còn đủ tinh táo để suy tính nữa. Theo hướng giải quyết dễ dàng nhất, có thể anh sẽ chỉ tiếp tục lái xe đi và cố gắng chịu đựng để hoàn thành kế hoạch đã đề ra, còn Reebok, mặc dù không hoàn toàn bị lãng quên, nhưng nó sẽ bị tạm gác sang một bên.

Chúng ta không thật sự muốn nghĩ về Joe hoặc về chính mình như vậy, nhưng điều này thật thú vị và nó cũng đúng nữa: Ý thức cao về lương tâm, chiếc cầu nối của sự tương tác và ý nghĩa, đôi khi có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi một điều gì đó hoàn toàn không liên quan đến đúng-sai, không liên quan đến các đạo lý, chẳng hạn như căn bệnh cảm cúm - hay một đêm mất ngủ, hay một vụ đụng xe, hay cơn đau răng. Lương tâm thông thường không bao giờ biến mất, nhưng khi cơ thể yếu đi, lương tâm có thể trở nên lờ đờ và mất tập trung.

Sự tấn công cơ thể là một trong hai điều - điều còn lại là nỗi sợ khủng khiếp - hai điều này nâng lương tâm từ cấp độ hoàn toàn tinh thức lên cấp độ quả cảm trong mắt chúng ta. Nếu

một người đang bị bệnh nặng hoặc bị thương nghiêm trọng, hoặc đang sợ hãi, nhưng vẫn duy trì sợi dây gắn bó tình cảm của mình, thì chúng ta cho rằng người ấy rất can đảm. Ví dụ kinh điển là hình ảnh người lính nơi tiền tuyến, mặc dù đang bị thương, nhưng vẫn cứu đồng đội thoát khỏi nòng súng của kẻ thù. Việc ta khăng khăng sử dụng khái niệm lòng can đảm để miêu tả những hành động như trên cho thấy ta đã ngầm thừa nhận rằng tiếng nói của lương tâm thường bị lấn át bởi cơn đau hoặc nỗi sợ to lớn. Và để chăm sóc chú chó Reebok, nếu Joe quay đầu xe về nhà ngay cả khi anh đang sốt 39 độ, ta có thể xem hành động của anh là hành động anh hùng ở mức độ nhỏ. Ta sẽ không chỉ mỉm cười trùm mền với anh mà có thể còn muốn vỗ vai anh nữa.

Một ảnh hưởng khác của cơ thể lên lương tâm, thật kỳ lạ, chính là nội tiết tố (hormone). Để nói về khiếm khuyết này của lương tâm một cách cô đọng - theo số liệu từ Phòng Thông tin Nhận Con nuôi Hoa Kỳ, 15-18% những ca sinh gần đây ở Mỹ là những ca sinh “ngoài ý muốn của người mẹ,” trong thời gian tránh thai. Không có gì sai khi nói rằng một vài trong số những trường hợp mang thai này là kết quả của sự thiếu hiểu biết hay những sự cố bất ngờ, nhưng để chắc chắn, hàng trăm ngàn người Mỹ mới nhập tịch hiện nay đang sống với nỗi lo canh cánh về những đứa trẻ ngoài ý muốn, đơn giản chỉ bởi vì sự ham muốn về thể xác đã che mờ lương tâm của cha mẹ chúng chỉ một vài phút trong từng trường hợp. Nói đến ham muốn tình dục, chúng ta biết rằng việc tranh luận với bản năng sinh học của ta khó đến mức nào, và ta nêu lên những trường hợp lương tâm vững vàng để đề cao “đức hạnh” - một phẩm chất cao quý. Đáng chú ý là, theo định nghĩa này, ở tuổi 40, ta thường có “đức hạnh” hơn lúc 20 tuổi, và “đức hạnh” này chỉ đạt được qua tuổi tác.

Cũng có những cuộc lật đổ lương tâm về mặt sinh học một cách bi kịch. Nó bao gồm nhiều chứng rối loạn tâm thần phân liệt

đôi khi khiến cho các cá nhân phải hành động theo những ảo tưởng tâm thần. Khi trí não con người bị khiếm khuyết theo cách này, thì chuyện “Tiếng nói bên trong bảo tôi làm điều đó,” không còn là chuyện đùa nữa, mà là một thực tế đáng sợ, và với những linh hồn đang bị hành hạ vì chứng rối loạn tâm thần, họ có khả năng “thức tỉnh” sau cơn điên và nhận ra rằng họ đã hành động dựa trên những ảo tưởng và đi ngược lại lương tâm và ý chí của bản thân.

Thật may mắn, áp lực mà cơ thể chúng ta đặt lên lương tâm khá hạn chế. Ngoài những cuộc chiến ra, thì những tình huống mà trong đó ta phải đưa ra những quyết định đạo đức quan trọng trong khi đang bị thương nặng không xảy ra hàng ngày, thậm chí hàng năm, và tương tự, đối với đa số mọi người, đam mê tình dục cũng không thường xuyên xảy ra. Số người bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng không thể kiểm soát cũng tương đối ít. Ngay cả khi xảy ra đồng thời thì những hạn chế về mặt sinh học của ý thức đạo đức của ta không phải là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hành vi xấu xa, không thể hiểu nổi mà ta đọc được trên báo chí hoặc xem trên ti-vi hàng ngày hàng giờ. Những kẻ tâm thần phân liệt khó có thể trở thành bọn khủng bố có tổ chức. Cơn đau răng không gây ra những tội ác đáng kinh tởm. Quan hệ tình dục không an toàn không châm ngòi chiến tranh.

Vậy thì là điều gì đây?

SỰ LOẠI TRỪ ĐẠO ĐỨC

Mỗi năm vào ngày 4 tháng 7, thị trấn nhỏ ven biển vùng New England nơi tôi sinh sống đều đốt lửa trại cao bằng 3 tầng lầu để ăn mừng trên bãi biển. Những tấm ván bằng củi khô được đóng đinh lại với nhau và được khéo léo chồng lên cao thành hình một ngọn tháp nổi bật trong khung cảnh cổ quái trong

nhiều ngày trước ngày Quốc khánh Mỹ. Tháp củi được dựng lên như thế, với đủ số lượng ván gỗ và đủ khoảng trống để không khí len vào giữa và nhanh chóng bắt lửa. Nó được đốt lên khi màn đêm buông xuống, cùng với đội cứu hỏa tình nguyện túc trực, những voi nước sẵn sàng, phòng trường hợp xấu xảy ra. Bầu không khí lễ hội thật vui. Ban nhạc trình diễn những ca khúc về lòng yêu nước. Có bánh hot dog, thức uống Slurpee và bắn pháo hoa. Khi lửa trại đã cháy hết, trẻ em quay lại bãi biển, nơi mà những người lính cứu hỏa sẽ dùng voi chữa cháy làm các em ướt sũng.

Toàn bộ khung cảnh này đã trở thành truyền thống của thị trấn trong 60 năm, nhưng bởi vì không phải là người hâm mộ những đám lửa khổng lồ, tôi chỉ tham dự một lần duy nhất vào năm 2002 khi bạn bè rủ rê. Tôi ngạc nhiên trước lượng người tụ tập chen chúc tại một góc nhỏ ở bờ biển Đại Tây Dương, một số người đến từ những nơi cách xa nơi đây cả 80 cây số, và tôi đã phải chen lấn giữa đám đông để tìm một chỗ đủ gần để xem lửa trại, nhưng đủ xa để lông mày của tôi không bị cháy sém, ít ra thì tôi nghĩ là như vậy. Tôi đã được cảnh báo rằng một khi ngọn lửa bùng cháy, sức nóng ở đó có thể cao hơn tôi tưởng tượng, và ngày hôm đó đã nóng hơn 32 độ rồi. Khi mặt trời bắt đầu lặn, có nhiều tiếng hò reo và la hét kêu gọi đốt lửa, và khi ngọn lửa được châm vào củi, mọi người đều há hốc miệng. Ngọn lửa ngay lập tức bao trùm lấy giàn củi như một thế lực hùng mạnh không thể ngăn cản, từ dưới nền cát bốc lên bầu trời đêm bất ngờ chói sáng. Và rồi sức nóng tỏa ra, tạo cảm giác như có một vật chấn, một bức tường không thể đến gần, thậm chí không khí bị nung nóng đến mức đáng sợ, cuồn cuộn trào ra thành từng đợt với cường độ ngày càng mạnh, khiến đám đông bất ngờ và đẩy tất cả mọi người đồng loạt tránh ra xa. Mỗi lần tôi nghĩ mình đã đứng đủ xa, thì tôi lại phải lùi về phía sau thêm 50 m nữa, rồi lại 50 m nữa, rồi 50 m nữa. Mặt tôi bị đau. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng được một ngọn lửa trại có thể tạo ra sức nóng đến như vậy, kể cả ngọn lửa cao ba tầng.

Khi mọi người đã lùi lại đến một khoảng cách đủ xa thì sự phẫn khích quay trở lại, và khi tầng trang trí trên cùng của tòa tháp bị ngọn lửa thiêu rụi, đám đông vỗ tay hoan hô. Vật trang trí ở tầng trên cùng được xây dựng theo mô hình một ngôi nhà nhỏ, và giờ đây ngôi nhà đang bùng cháy dữ dội. Điều đó cộng thêm nhận thức mơ hồ về mối nguy hiểm và sức nóng khiến tôi có chút lo lắng bất an, và có vẻ như tôi không thể hòa mình vào không khí lễ hội. Thay vào đó, thật ngược đời, tôi bắt đầu nghĩ đến hình ảnh ngọn lửa dùng để thiêu sống phù thủy vào thế kỷ 16 và 17, những sự kiện mà tôi luôn cho là khó hiểu và mặc dù đang nóng hừng hực, tôi bất giác rùng mình. Đọc về một đám cháy đủ lớn để hành quyết một con người là một chuyện. Đứng trước một đám cháy lớn tương tự, giữa đám đông reo hò phẫn khích là một chuyện khác. Những liên tưởng hiểm ác đến những sự kiện trong lịch sử không rời khỏi tâm trí tôi, và kiên quyết tước đi niềm vui của tôi trong khoảnh khắc này.

Tôi tự hỏi: Những phù thủy bị thiêu sống như thế nào? Sao mà những chuyện kinh hoàng như vậy lại là hiện thực? Là một nhà tâm lý học, tôi quan sát những người đang đứng xung quanh mình. Rõ ràng là những người này không phải là những người dân tị nạn xứ Basque vào năm 1610, đang hoang mang bấn loạn truy tìm và thiêu sống những người tôn thờ ma quỷ. Chúng tôi ở đây, đám đông những công dân của thiên niên kỷ mới, yêu hòa bình, không kích động, không chùng bước trước khó khăn hay trước sự mê tín đầy đe dọa. Ở đây không có sự khát máu, hay sự chế ngự lương tâm, mà chỉ có tiếng cười và cảm giác chan hòa thân ái. Chúng tôi ăn bánh hot dog, uống Slurpee và ăn mừng Ngày Độc Lập. Chúng tôi không phải là một đám đông hỗn tạp không có lý lẽ và không có tình người, và chúng tôi không hề vây quanh ủng hộ một tên sát nhân, lại càng không phải đang dàn dựng một cuộc tra tấn. Nếu hiện thực bị bóp méo một cách kỳ dị và đột nhiên có một người đang quần quại trong ngọn lửa khổng lồ đó, thì chỉ có một số ít *sociopath* ẩn danh giữa

chúng tôi mới không bị tác động hoặc có lẽ sẽ cảm thấy thích thú. Trong số những người còn lại, một vài người tốt sẽ sững sờ không tin nổi, một vài người đặc biệt can đảm sẽ cố gắng can thiệp, và phần lớn đám đông sẽ bỏ chạy tán loạn trong nỗi khiếp sợ một cách hiển nhiên. Và ngọn lửa trại từng là hình ảnh vui vẻ sẽ trở thành một hình ảnh đau buồn khắc sâu yào tâm trí của chúng ta suốt phần đời còn lại.

Nhưng, sẽ ra sao nếu người bị thiêu trong đám lửa đó là Osama bin Laden? Đám đông người Mỹ vào năm 2002 này sẽ phản ứng như thế nào nếu bất ngờ chứng kiến vụ hành quyết công khai tên tội phạm đáng kinh tởm nhất thế giới? Liệu những con người bình thường rất lương thiện, phi bạo lực, hay đi nhà thờ này có đứng nhìn và cho phép điều đó xảy ra hay không? Có thể sẽ có sự hào hứng, hay ít nhất là bằng lòng ngầm, thay vì sự ghê sợ và buồn nôn trước cảnh tượng một con người đang chết trong đau đớn?

Đứng giữa những con người tốt đẹp này, đột nhiên tôi nhận ra rằng người ta có thể không tỏ ra khiếp sợ, đơn giản bởi vì Osama bin Laden *không phải* là một con người trong mắt chúng ta. Ông ta là Osama, và như vậy, theo cách diễn đạt của Ervin Staub trong quyển *The Roots of Evil* (*Nguồn Gốc Của Tội Ác*), ông ta đã hoàn toàn “*bị loại ra khỏi phạm vi đạo đức* của chúng ta.” Sự can thiệp của lương tâm không còn được áp dụng với ông ta. Ông ta không phải là con người. Ông ta là một *thú gì đó*. Và thật không may, sự chuyển đổi từ một con người thành một *thú gì đó* ở đây càng khiến ông ta trở nên đáng sợ hơn.

Đôi khi, có những người có vẻ xứng đáng bị chúng ta loại ra khỏi phạm vi đạo đức, như những tên khủng bố chẳng hạn. Những ví dụ khác về *những thú gì đó* là tội phạm chiến tranh, những kẻ bắt cóc và những tên giết người hàng loạt, và trong từng trường hợp, một lập luận cẩn trọng có thể (và đã) được

đưa ra, cho dù được đánh giá là đúng hay là sai, rằng có những quyền được đối xử cảm thông đã bị tước bỏ. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, chúng ta thường không cân nhắc cũng như không ý thức được khuynh hướng của ta trong việc đưa một số người vào danh sách “những kẻ không phải là con người”, và trong suốt chiều dài lịch sử, khuynh hướng này thường xuyên đi ngược lại bản chất vốn ngây thơ của con người. Danh sách những phần tử cá biệt ngoài lề xã hội, những người mà một phần con người họ đã có lúc bị hạ bậc xuống tình trạng gần như không còn là con người nữa, là một danh sách rất dài, và trớ trêu thay, danh sách đó bao gồm gần như tất cả mọi người trong chúng ta: người da đen, nhà tư bản, người đồng tính, thổ dân da đỏ, người Do Thái, người nước ngoài, “phù thủy,” phụ nữ, người Hồi giáo, người Thiên chúa giáo, người Palestine, người nghèo, người giàu, người Ireland, người Anh, người Mỹ, người Sri Lanka, người Tamil, người Albany, người Croatia, người Serb, người Hutu, người Tutsi và người Iraq, và còn nhiều nữa.

Và một khi nhóm còn lại bị lấn át bởi những *thứ gì đó*, thì bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra, nhất là khi người nắm quyền là người ra lệnh. Lương tâm không còn cần thiết nữa, bởi vì lương tâm kết nối chúng ta với những con người khác, chứ không phải với những *thứ khác*. Lương tâm vẫn tồn tại, thậm chí có thể vẫn đang hoạt động, nhưng nó chỉ áp dụng cho những công dân của đất nước tôi, những người bạn của tôi, và con cái của tôi, không phải của bạn. Bạn đã bị loại khỏi phạm vi đạo đức của tôi, và với việc không bị ai kết tội - thậm chí có thể được những người khác trong cộng đồng của tôi ca tụng - giờ thì tôi có thể tống cổ bạn ra khỏi căn nhà bạn đang sống, hoặc nổ súng bắn gia đình bạn, hoặc thiêu sống bạn.

Tôi cần phải viết rõ ràng không có điều gì xấu thật sự đã xảy ra trong buổi đốt lửa trại vào năm 2002. Theo như tôi được biết, những ý nghĩ rùng rợn này chỉ xảy đến với tôi. Ngọn lửa đó chỉ

thiêu rụi những thanh củi. Ngọn lửa đó là một cảnh tượng để ngắm nhìn, và nó tự cháy hết theo như dự tính. Những đứa trẻ cười đùa, an toàn tại quê nhà, chạy giỡn trên bãi biển và được các lính cứu hỏa phun nước. Người ta sẽ mong ước rằng những dịp tụ tập đông người luôn luôn yên bình như thế.

ÁO MỚI CỦA VỊ HOÀNG ĐẾ

Khi lương tâm roi vào trạng thái hôn mê sâu, khi nó thiếp ngủ không biết gì đến những hành động tra tấn, chiến tranh và nạn diệt chủng, thì các vị lãnh đạo chính trị và những cá nhân xuất chúng có thể tạo ra sự khác biệt giữa việc dần dần đánh thức lại giác quan thứ bảy của chúng ta với việc tiếp tục cơn ác mộng không có sự hiện diện của lương tâm. Lịch sử dạy ta rằng thái độ và kế hoạch xuất phát từ việc ưu tiên giải quyết một cách thực tế những vấn đề khó khăn và bất an trong nội bộ nhóm, thay vì đổ lỗi cho những người bên ngoài nhóm, có thể giúp ta lấy lại được góc nhìn thực tế hơn về “những người khác.” Cuối cùng thì phong cách lãnh đạo mang tính nhân văn có thể tạo nên sự khác biệt. Nhưng lịch sử cho ta thấy rằng một nhà lãnh đạo không có giác quan thứ bảy có thể thôi miên lương tâm của cả nhóm ở mức độ còn cao hơn, đẩy thảm họa lên gấp đôi. Sử dụng biện pháp tuyên truyền dựa trên nỗi sợ hãi để khuếch đại một hệ tư tưởng tiêu cực, vị lãnh đạo như thế có thể khiến các thành viên trong một xã hội đang sợ hãi nhìn nhận *thứ gì đó* là trở ngại duy nhất trên con đường đi đến cuộc sống tốt đẹp của chính họ, thậm chí là của cả nhân loại nói chung, và nhìn nhận xung đột là một cuộc chiến dữ dội giữa thiện và ác. Một khi những niềm tin này được gieo rắc, thì việc dồn ép *thứ gì đó* mà không chút hối tiếc hay cắn rút lương tâm, không hề sợ hãi, có thể trở thành một nhiệm vụ hiển nhiên.

Sự tái xuất hiện trong suốt quá trình lịch sử của phong cách lãnh đạo thứ hai này đã dẫn đến một danh sách dài những câu

hỏi đáng kinh ngạc. Tại sao loài người lại hết lần này đến lần khác chịu đựng câu chuyện đau buồn này, như một kỷ lục bị phá vỡ một cách ngô ngã? Tại sao ta tiếp tục cho phép những nhà lãnh đạo có động cơ tư lợi, hoặc có những vấn đề tâm lý trong quá khứ, thoả bùng thù oán và khủng hoảng chính trị thành những cuộc đối đầu có vũ trang và chiến tranh? Hay trong những ví dụ tồi tệ nhất, tại sao ta lại để những người có suy nghĩ kiểu giết ếch, bẻ gãy tay người khác như gã Skip, đứng vào vị trí lãnh đạo và chơi trò chơi thống trị trên cuộc sống của những người khác? Lương tâm của ta đã trở thành gì? Tại sao chúng ta không đứng lên đấu tranh vì những điều ta cảm nhận?

Có một lời giải thích ở đây, đó là trạng thái nửa tỉnh nửa mê khiến ta tin rằng dù sao đi nữa, những người đang chết chỉ là *thứ gì đó* mà thôi. Và có một nỗi sợ hãi, dĩ nhiên - luôn là như vậy - và thường đi kèm với cảm giác bất lực. Ta nhìn đám đông xung quanh và tự nhủ, “Có quá nhiều người đang chống lại mình,” hoặc, “Mình không nghe thấy có bất kỳ người nào khác phản đối điều này,” hoặc thậm chí còn nhẫn nhịn nhiều hơn, “Thế giới là vậy, Chính trị là thế.” Tất cả những cảm giác và niềm tin này có thể có ảnh hưởng đáng kể khiến lương tâm của ta im lặng, nhưng ở nơi nào mà người ta quan tâm đến việc lương tâm bị vô hiệu hóa bởi quyền lực, thì sẽ có một điều thậm chí còn hiệu quả, còn mạnh mẽ hơn việc nhìn nhận “người khác” một cách khách quan, còn phát ngấy, còn khốn khổ hơn cảm giác bất lực, và rõ ràng là còn khó chế ngự hơn là chính nỗi sợ hãi. Rất đơn giản, chúng ta được lập trình để tuân theo mệnh lệnh *thậm chí là đi ngược lại với lương tâm của chính mình*.

Vào năm 1961 và 1962, tại thành phố New Haven, bang Connecticut, Giáo sư Stanley Milgram của Đại học Yale đã lên kế hoạch và dựng thành phim một trong những thí nghiệm tâm lý ấn tượng chưa từng có. Milgram bắt đầu đặt xu hướng phục tùng mệnh lệnh của con người vào thế đối đầu càng trực

tiếp càng tốt với lương tâm của từng cá nhân. Về phương pháp tìm hiểu này, ông viết, “Trong tất cả các nguyên tắc đạo đức, nguyên tắc được mọi người chấp nhận nhất chính là: một người không nên gây đau đớn cho một người không có khả năng chống trả, và họ cũng không đe dọa hay gây nguy hiểm cho mình. Nguyên tắc này là lực phản kháng chúng ta nên đặt ở phía đối lập với sự phục tùng.”

Quy trình thí nghiệm của Milgram luôn rõ ràng minh bạch, và phiên bản dựng thành phim về nghiên cứu này của ông đã tạo nên làn sóng căm phẫn trong số các nhà nhân đạo chủ nghĩa và các sinh viên đại học không chút hoài nghi, trong 40 năm qua. Trong nghiên cứu này, hai người đàn ông không quen biết nhau đến phòng thí nghiệm tâm lý để tham gia một thí nghiệm liên quan đến trí nhớ và việc học. Mỗi người tham gia sẽ được thưởng 4 đô-la, cộng thêm chi phí chăm sóc xe 50 xu. Trong phòng thí nghiệm, người tiến hành thí nghiệm (trong phim thì do chính Stanley Milgram đóng) giải thích cho cả hai biết rằng chủ đề nghiên cứu này là “tác động của hình phạt lên hoạt động học tập.” Một trong hai người được yêu cầu đóng vai “học viên” và được đưa vào một căn phòng khác và ngồi trên ghế. Tất cả mọi người quan sát trong lúc hai cánh tay của học viên bị cột vào ghế “để không vùng vẫy,” và điện cực được gắn vào cổ tay của anh ta. Anh ta được bảo rằng anh ta phải học một danh sách các cặp từ (*blue box (hộp xanh)*, *nice day (ngày vui)*, *wild duck (vịt trời)*, v.v.) và rằng mỗi khi phạm lỗi, anh ta sẽ bị điện giật. Sau mỗi lần phạm lỗi, cường độ dòng điện sẽ tăng dần.

Người còn lại được cho biết sẽ vào vai “giáo viên” trong thí nghiệm về hoạt động học tập này. Sau khi giáo viên quan sát học viên bị cột vào ghế và bị nối với nguồn điện giật, giáo viên được đưa đến một phòng khác và được yêu cầu ngồi trước một chiếc máy to và có vẻ đáng sợ, được gọi là “máy giật điện.” Chiếc máy này có 30 công tắc, được xếp theo hàng ngang và được dán nhãn

theo số vôn (V), từ 15V đến tận 450V, với mức tăng giữa các lần là 15V. Bên cạnh những con số, các công tắc còn được dán nhãn miêu tả từ GIẬT NHE² đến NGUY HIỂM - GIẬT MẠNH. Giáo viên được đưa cho một danh sách những cặp từ vựng và được bảo rằng công việc của anh ta là ra đề bài kiểm tra cho học viên ở phòng bên kia. Khi học viên trả lời đúng - ví dụ, giáo viên đọc từ “blue” và học viên trả lời “box” - giáo viên có thể chuyển sang bài kiểm tra tiếp theo. Nhưng khi học viên trả lời sai, giáo viên phải nhấn công tắc để làm cho anh ta bị điện giật. Người thực hiện thí nghiệm hướng dẫn giáo viên bắt đầu ở cường độ giật điện thấp nhất trên bảng điều khiển, và với mỗi câu trả lời sai, anh ta sẽ tăng cường độ điện giật lên một mức.

Học viên ở phòng bên kia thật ra chính là đồng minh đã được đào tạo của người tiến hành thí nghiệm, là một diễn viên và không hề bị điện giật. Nhưng tất nhiên, giáo viên không biết điều này, và chính giáo viên mới là đối tượng nghiên cứu thật sự trong cuộc thí nghiệm.

Giáo viên đọc vài từ đầu tiên trong “bài kiểm tra việc học,” và rồi vấn đề nảy sinh, bởi vì học viên - đồng minh của Milgram, không được nhìn thấy ở trong phòng bên kia - bắt đầu phát ra âm thanh tỏ vẻ cực kỳ khó chịu. Ở mức 75V, học viên phạm lỗi sai cặp từ vựng, giáo viên điều khiển cú giật điện, và học viên càu nhau. Ở mức 120V, học viên gào thét với người thực hiện thí nghiệm rằng cú giật điện này đau quá, và ở mức 150V, học viên ở phòng bên kia đòi được thả ra. Khi điện giật mạnh hơn, sự phản kháng của học viên ngày càng tuyệt vọng hơn, và ở mức 285V, anh ta hét lên đau đớn vô cùng. Người tiến hành thí nghiệm - giáo sư Đại học Yale trong chiếc áo khoác trắng phòng thí nghiệm, đứng phía sau giáo viên đang ngồi trước máy sôc điện - bình tĩnh đưa ra một chuỗi yêu cầu theo kịch bản, chẳng hạn như là “Hãy tiếp tục,” hoặc “Cuộc thí nghiệm yêu cầu anh phải tiếp tục,” hoặc “Dù học viên có thích hay không, anh vẫn

phải tiếp tục cho tới khi cậu ấy nhớ đúng tất cả các cặp từ. Vì vậy hãy tiếp tục.”

Milgram lặp lại quy trình này 40 lần, trên 40 đối tượng khác nhau - họ là những người “có trách nhiệm và phẩm chất tốt trong cuộc sống thường ngày,” bao gồm giáo viên phổ thông trung học, nhân viên bưu điện, nhân viên bán hàng, lao động chân tay và kỹ sư. Bốn mươi đối tượng này đại diện cho các trình độ học vấn khác nhau, từ người chưa tốt nghiệp phổ thông trung học cho đến người có bằng tiến sĩ hay những bằng cấp chuyên môn khác. Mục đích của cuộc thí nghiệm là nhằm khám phá ra sự thật rằng phải mất bao lâu để những đối tượng này (những giáo viên trong thí nghiệm) không tuân theo mệnh lệnh của Milgram vì cảm thấy rõ ràng đây là hành động trái đạo đức. Họ sẽ điều khiển mức điện giật bao nhiêu lên một người xa lạ đang cầu xin và gào thét, đơn giản chỉ bởi vì một người có thẩm quyền yêu cầu họ làm như vậy?

Khi tôi chiếu bộ phim của Milgram trên giảng đường đây áp những sinh viên ngành tâm lý học, tôi yêu cầu họ đoán câu trả lời cho những câu hỏi này. Các sinh viên luôn chắc chắn rằng lương tâm sẽ thắng thế. Nhiều sinh viên dự đoán rằng phần lớn các đối tượng sẽ bước ra khỏi phòng thí nghiệm ngay khi biết về việc sử dụng máy giật điện. Hầu hết sinh viên chắc chắn rằng trong số những đối tượng còn ở lại trong phòng, tất cả ngoại trừ một số ít người, sẽ không tuân theo người tiến hành thí nghiệm, có thể sẽ chửi rủa ông ấy, ít nhất là đến khi người ở phòng bên kia yêu cầu được thả ra (ở mức 150V). Và tất nhiên, các sinh viên dự đoán chỉ một số rất ít đối tượng cực kỳ nhẫn tâm, bệnh hoạn sẽ tiếp tục nhấn nút điều khiển tuân tự lên đến mức 450V, mức dán nhãn là NGUY HIỂM - GIẬT MẠNH.

Đây là những gì đã thật sự diễn ra: 34/40 đối tượng ban đầu của Milgram tiếp tục điều khiển điện giật học viên, người mà họ biết đang bị cột chặt vào ghế, thậm chí sau khi người này

van xin được thoát ra khỏi cuộc thí nghiệm. Trên thực tế, có 25 người trong số 34 đối tượng này - tương đương 62,5% tính trên toàn bộ nhóm - không làm trái lệnh của người tiến hành thí nghiệm, vẫn tiếp tục nhấn nút điều khiển tuần tự cho đến mức cuối cùng (450V), mặc cho những tiếng gào thét và van nài của người ở phòng bên kia. Các giáo viên túa mồ hôi, họ phàn nàn, họ ôm lấy đầu, nhưng họ vẫn tiếp tục. Khi phim kết thúc, tôi nhìn đồng hồ. Trong giáng đường chật kín sinh viên vừa xem cuộc thí nghiệm này lần đầu tiên, luôn có một sự im lặng sững sờ bao trùm, ít nhất là trong vòng một phút.

Sau cuộc thí nghiệm đầu tiên, Milgram đã thay đổi kịch bản theo một số cách khác nhau. Ví dụ, trong một kịch bản khác, các đối tượng không bị hạ lệnh nhấn công tắc giật điện học viên, mà chỉ đọc những từ vựng trong bài kiểm tra trước khi người khác nhấn công tắc. Trong phiên bản thí nghiệm này, 37/40 người (92,5%) tiếp tục thực hiện đến mức cao nhất của "máy giật điện." Đến thời điểm đó, các giáo viên trong nghiên cứu này chỉ toàn là nam giới. Sau đó, Milgram tiến hành thí nghiệm ở nữ giới, với suy đoán rằng phụ nữ sẽ dễ đồng cảm hơn. Biểu hiện của nhóm này gần như không khác gì, ngoại trừ việc những người phụ nữ làm theo mệnh lệnh có biểu hiện căng thẳng hơn những người đàn ông làm theo mệnh lệnh. Các nghiên cứu sử dụng mô hình Milgram được lặp đi lặp lại ở nhiều trường đại học khác, và chẳng bao lâu sau có hơn 1.000 đối tượng bao gồm cả nam lẫn nữ từ mọi tầng lớp xã hội tham gia. Các kết quả thí nghiệm về bản chất là giống nhau.

Kết quả lặp lại nhiều lần của nghiên cứu về sự chấp hành mệnh lệnh này đã khiến Milgram đưa ra lời tuyên bố nổi tiếng gây ám ảnh, và cũng truyền cảm hứng, cho rất nhiều sinh viên có tình người: "Có một tỷ lệ đáng kể những người thực hiện mệnh lệnh, bất chấp bản chất hành động đó là gì và không có giới hạn của lương tâm, miễn là họ ý thức rằng mệnh lệnh đó đến từ người

cầm quyền.” Milgram tin rằng quyền hành có thể khiến cho lương tâm thiếp ngủ, chủ yếu bởi vì người tuân lệnh “điều chỉnh tư duy” theo hướng nhìn nhận bản thân *không phải chịu trách nhiệm về hành động của mình*.

Trong tâm trí của mình, anh ta không còn là một người phải hành động theo nguyên tắc đạo đức nữa, mà là đối tượng trung gian của người có quyền hành ở bên ngoài, người được anh ta quy kết toàn bộ trách nhiệm và hành động. Sự “điều chỉnh tư duy” này giúp cho những nhà lãnh đạo nhân từ dễ dàng ra mệnh lệnh và kiểm soát, nhưng với cùng cơ chế tâm lý này, nó đã “trải thảm đỏ” vô số lần cho những “kẻ cầm quyền” tư lợi, tàn ác và không có nhân tính.

LƯƠNG TÂM VẠCH RA RANH GIỚI Ở ĐÂU

Phạm vi mà quyền lực che mờ lương tâm bị ảnh hưởng bởi ý thức về tính xác thực của quyền lực đó. Nếu người ra mệnh lệnh được nhìn nhận là cấp dưới, hoặc thậm chí ngang cấp, thì sự “điều chỉnh tư duy” tương tự có thể không bao giờ xảy ra. Trong nghiên cứu ban đầu của Milgram, một trong số ít những người cuối cùng từ chối tiếp tục tham gia thí nghiệm là một kỹ sư 32 tuổi, rõ ràng là anh ta xem nhà khoa học trong phòng thí nghiệm ở mức cao nhất cũng chỉ là người đồng cấp trí thức với mình. Đối tượng này đã đẩy chiếc ghế đang ngồi ra xa khỏi máy giật điện và quát Milgram với giọng đầy phẫn nộ, “Tôi là một kỹ sư điện, và tôi đã từng bị điện giật... Tôi nghĩ là tôi đã đi quá xa rồi, có lẽ là như vậy.” Trong một cuộc phỏng vấn sau đó, khi Milgram hỏi anh rằng ai là người chịu trách nhiệm về việc giật điện người đàn ông ở phòng bên kia, anh đã không đẩy trách nhiệm cho người tiến hành thí nghiệm. Thay vào đó, anh trả lời, “Tôi sẽ chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm.” Anh là một người có chuyên môn với trình độ học vấn cao, và học vấn phải được công nhận là một trong những yếu tố quyết định liệu lương tâm

có thức tỉnh hay không. Sẽ là một sai lầm nghiêm trọng và kiêu ngạo khi cho rằng bằng cấp học thuật trực tiếp nâng cao sức mạnh của lương tâm trong tâm lý con người. Mặt khác, học vấn đôi khi có thể khiến cho ý thức về tính xác thực của người cầm quyền trở nên ngang hàng, từ đó giới hạn sự phục tùng mệnh lệnh một cách mù quáng. Có kiến thức và học vấn, một người có thể nhận thức bản thân là một người nắm giữ quyền hành một cách xác thực.

Một cách liên quan, trong phiên bản hoán đổi của cuộc thí nghiệm, Milgram đã sắp xếp cho một “người bình thường,” thay vì một nhà khoa học, làm người ra lệnh cho các đối tượng điều khiển máy giật điện. Khi một “người bình thường” phụ trách, thay vì một người khoác áo màu trắng của phòng thí nghiệm, sự phục tùng mệnh lệnh từ phía các đối tượng giảm từ 62,5% xuống còn 20%. Vẻ bế ngoài và nhận thức không phải là tất cả, nhưng rõ ràng hai yếu tố này khá gần nhau. Một vài người trong chúng ta có thể chống lại một người trông giống với mình, nhưng đa số chúng ta đều sẽ nghe lời những người trông giống người nắm giữ quyền hành. Phát hiện này được đặc biệt quan tâm trong thời đại khi mà các nhà lãnh đạo và các chuyên gia xuất hiện trước mắt chúng ta thông qua chiếc ti-vi thần kỳ, ở đó, gần như bất kỳ ai cũng có vẻ bế ngoài quý phái và oai vệ hơn bình thường.

Bên cạnh việc gây ấn tượng, những hình ảnh trên ti-vi còn ở phạm vi gần và mang tính cá nhân - họ đang hiện diện ngay trong phòng khách của chúng ta - và một yếu tố khác tác động đến sức mạnh lấn át của quyền lực lên lương tâm của một cá nhân chính là khoảng cách của người ra mệnh lệnh. Khi Milgram thay đổi cuộc thí nghiệm bằng cách là ông không có mặt trong căn phòng, thì kết quả làm theo mệnh lệnh giảm xuống 2/3, bằng mức độ với khi “một người bình thường” phụ trách. Và khi người có thẩm quyền không ở cạnh bên, các đối tượng có khuynh hướng “gian lận” bằng cách chỉ mở mức điện giật ở cường độ thấp hơn.

Phạm vi gần của quyền lực đặc biệt liên quan đến những mệnh lệnh thực tế trên chiến trường. Hóa ra, lương tâm của một người vạch ra đường ranh giới rõ ràng về việc giết chóc một cách đáng ngạc nhiên - một điều bất ngờ đối với những ai cho rằng bản chất con người là gây ra chiến tranh. Phương diện này của lương tâm quá mạnh ở những người bình thường đến mức mà các nhà tâm lý học quân đội cần phải nghĩ cách vượt qua nó. Ví dụ, giờ đây các chuyên gia quân sự đã biết rằng để khiến một người có thể ra tay giết chóc ở bất kỳ mức độ tín nhiệm nào, các mệnh lệnh phải do những người cầm quyền đang có mặt trong đoàn quân đưa ra. Nếu không, những người lính trên mặt trận có khuynh hướng “gian lận” không thực thi mệnh lệnh giết hại đối phương, họ sẽ cố ý nhầm trật, hay đơn giản là không nổ súng, để không vi phạm nguyên tắc cấm kỵ lớn nhất của lương tâm.

Brig. Gen. S. L. A Marshall là một nhà sử học người Mỹ về các cuộc chiến tại mặt trận Thái Bình Dương trong suốt Thế chiến II và sau đó trở thành nhà sử học chính thức của mặt trận châu Âu. Ông đã viết về nhiều sự kiện trong Thế chiến II, trong đó gần như tất cả những người lính đều tuân lệnh và khai hỏa khi vị chỉ huy của họ có mặt ra lệnh cho họ, nhưng khi vị chỉ huy rời đi, thì tỷ lệ nổ súng sẽ ngay lập tức giảm xuống còn 15-20%. Marshall tin rằng cảm giác cực kỳ nhẹ nhõm thể hiện ở những người lính trong khu vực mà không có chỉ huy trực tiếp ra lệnh bắn “phần lớn không phải vì họ nhận ra rằng ở đó an toàn hơn, mà vì họ vui mừng nhận ra rằng vào lúc đó, họ *không bị bắt buộc phải tước đoạt mạng sống của người khác*.”

Trong quyển sách có tựa đề *On Killing: The Psychological Cost of Learning to Kill in War and Society* (Về Sự Giết Chóc: Cái Giá Tâm Lý Phải Trả Cho Việc Học Cách Giết Người Trong Chiến Tranh Và Trong Xã Hội), Trung úy Col. Dave Grossman, cựu chiến binh đội Biệt kích và lính nhảy dù trong quân đội

Mỹ, đã xem xét những quan sát của Marshall cùng với những nghiên cứu của FBI về tỷ lệ không nổ súng trong hàng ngũ những sĩ quan thực thi luật pháp vào những năm 1950 và 1960, kết hợp với những quan sát về việc không nổ súng trong một danh sách dài các cuộc chiến tranh bao gồm Cuộc Nội chiến Hoa Kỳ, Thế chiến I và II, Chiến tranh Việt Nam và Trận chiến quần đảo Falkland. Ông kết luận rằng “trong suốt chiều dài lịch sử, phần lớn các chiến binh, vào thời khắc quyết định then chốt khi mà họ có thể và nên giết chết kẻ thù, đã nhận thấy bản thân là ‘những người không muốn làm trái lương tâm.’” Sau khi xem xét những chứng cứ lịch sử quan trọng cho thấy lính bộ binh thường chống đối và lảng lặng bỏ qua cơ hội giết người, Grossman đã rút ra một “kết luận mới lạ và khôi phục niềm tin vào bản chất của con người: bất kể sự nối tiếp của bạo lực và chiến tranh, bản chất con người không phải là sát nhân.” Nhằm đánh đổ giá trị cốt lõi của lương tâm, để có thể đâm lưỡi lê hoặc kéo cò súng để giết chết một người xa lạ, thì một người bình thường phải được đào tạo cẩn thận, được chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lý, và phải nhận lệnh từ cấp chỉ huy trên chiến trường.

Đồng thời, điều đó còn giúp khuyến khích sự loại trừ đạo đức, nhằm nhắc nhở cho đoàn quân biết rằng những người lính bên kia chiến tuyến không gì khác ngoài thú giặc đó, người Đức, người da màu. Như Peter Watson viết trong quyển *War on the Mind: The Military Uses and Abuses of Psychology (Chiến Tranh Về Tâm Trí: Sử Dụng Và Lạm Dụng Tâm Lý Học Trong Quân Đội)*, “sự ngu ngốc của những tập quán địa phương bị nhạo báng,” và “tính cách của dân bản địa được thể hiện là xấu xa tàn ác.”

Trong và ngoài mặt trận, đối với cả những người lính đang chiến đấu và những người ở nhà, thì cuộc chiến mà họ tham gia chiến đấu phải được khắc họa là một cuộc chiến trọng yếu hoặc thậm chí là cuộc chiến thiêng liêng giữa thiện và ác, đây

chính xác là thông điệp mà những người cầm quyền - ở tất cả các bên xung đột - đã cố gắng truyền tải trong mỗi một cuộc chiến tranh lớn trong lịch sử. Nghịch lý là người cầm quyền có thể dễ dàng thực hiện điều này hơn trong thực tế bởi vì lương tâm xem trọng những sứ mệnh cao cả và cảm giác thuộc về một nhóm người có tư duy đúng đắn. Nói cách khác, lương tâm có thể bị lừa, và hành động giết hại những người xa lạ thường đi kèm với những mánh khóe lừa đảo.

Những thủ thuật tâm lý mà quân đội sử dụng để biến người lương thiện thành kẻ giết người, và việc quân đội đang sử dụng những thủ thuật này là một tin tức đáng thất vọng. Tuy nhiên, đằng sau tin xấu này lại là một tia hy vọng lóe lên giống như viên kim cương rực sáng giữa màn đêm tối mịt. Chúng ta đang bắt đầu nhận ra rằng bản chất con người không phải là cỗ máy giết người như có lúc ta từng nghĩ. Ngay cả khi dưới áp lực và sự tuyệt vọng trên chiến trường, ta thường không bóp cò súng hoặc sẽ nhắm trật mục tiêu, bởi vì khi tuân thủ hiệu lệnh của chỉ huy, thì luôn có tiếng gào thét vang lên từ sự kết nối giữa người và người - chính là tiếng nói của lương tâm - nhắc nhở ta rằng ta không được giết người.

Bởi vì bản chất của chiến tranh là sự giết chóc, nên đó chính là cuộc chiến tối thượng giữa lương tâm và quyền lực. Giác quan thứ bảy yêu cầu ta không được tước đi sinh mạng của người khác, và khi quyền lực áp đảo lương tâm và người lính buộc phải giết người trên chiến trường, thì nhiều khả năng anh ta sẽ bị rối loạn căng thẳng sau sang chấn tâm lý (PTSD) ngay lập tức và trong suốt quãng đời còn lại, kéo theo chứng trầm cảm, ly hôn, nghiện ngập, khói u và bệnh tim bắt nguồn từ ký ức đau thương. Ngược lại, nghiên cứu thực hiện với các cựu chiến binh trong chiến tranh Việt Nam đã chỉ ra rằng những người lính không gặp phải tình huống buộc phải giết người sẽ ít khả năng mắc triệu chứng rối loạn căng thẳng sau sang chấn (PTSD) hơn những người lính nhập ngũ toàn thời gian ở quê nhà.

Cuộc đấu tranh ác liệt giữa ý thức đạo đức và những người nắm giữ quyền hành gần như kéo dài liên tục từ thời điểm loài người bắt đầu sống trong xã hội phân chia giai cấp. Trong suốt 5.000 năm qua, một vị hoàng đế hay một nhà quý tộc tham lam chiếm đất, hay người đứng đầu một vùng đất hoặc một quốc gia có thể ra lệnh cho những người dưới quyền gia nhập cuộc chiến và giết người. Và rõ ràng, đó là cuộc đấu tranh của lương tâm mà sẽ không bao giờ có hồi kết ở đời con cháu của chúng ta.

PHỤC TÙNG 6, LƯƠNG TÂM 4

Stanley Milgram đã chứng minh cho ta thấy trong số 10 người thì có ít nhất 6 người sẽ có xu hướng phục tùng đến cùng mệnh lệnh của người cầm quyền đang hiện diện ở đó. Ông chỉ ra rằng những ai bất tuân mệnh lệnh hủy diệt sẽ phải gánh chịu tổn thương về mặt tâm lý. Thông thường, một người không phục tùng thường nhận thấy bản thân đi ngược lại trật tự xã hội, và cảm thấy khó rũ bỏ cảm giác phản bội một người hay một điều gì đó mà anh ta đã thể là sẽ tận trung. Sự phục tùng mang tính thụ động, và chỉ những ai làm trái lệnh mới phải chịu đựng “gánh nặng từ hành động của mình,” theo lời Milgram. Nếu can đảm là hành động theo lương tâm bất chấp đau đớn hay sợ hãi, thì sức mạnh chính là khả năng giữ cho lương tâm tinh táo và bền vững để không làm theo mệnh lệnh của người cầm quyền.

Và sức mạnh có vai trò quan trọng, bởi vì khi đấu tranh bảo vệ những lý tưởng thuộc về lương tâm, vận may không nghiêng về phía chúng ta.

Để minh họa, hãy tưởng tượng có một xã hội có chính xác 100 người trưởng thành, với tỷ lệ vừa khớp số liệu thống kê đề cập ở trên. Điều này có nghĩa là trong số 100 người trong xã hội tưởng tượng này, có 4 người là *sociopath* - những kẻ không có lương tâm. Trong số 96 công dân tốt còn lại - những người có lương

tâm - có 62,5% sẽ phục tùng quyền lực, rất có thể xuất phát từ nhóm *sociopath* có tính kiểm soát và hung hăng hơn, mà không mấy may chất vấn. Vậy thì sẽ có 36 người vừa có lương tâm vừa có sức mạnh để gánh chịu những hành động của họ, chỉ nhỉnh hơn 1/3 số người trong nhóm. Đây không phải là điều không thể chống lại, nhưng cũng không dễ dàng gì.

Tuy nhiên, còn có một thử thách khác cho những người có sự ràng buộc của lương tâm, một điều nghe thật lạ lùng, đó là hầu hết *sociopath* đều không bị phát hiện. Nay giờ, chúng ta hãy chuyển sang tình huống tiến thoái lưỡng nan đó và trường hợp đặc biệt của Doreen Littlefield.



bốn

NGƯỜI TỬ TẾ NHẤT ĐỜI

*Tôi thấy một gã người sói đang nhâm nhi ly pi-a colada
ở Trader Vic's. Bộ lông của hắn đẹp hết ý.*

- Warren Zevon

Doreen liếc vào gương chiếu hậu và lần này là lần thứ cả tỷ cô ta ước gì mình thật sự xinh đẹp. Nếu được vậy thì cuộc sống sẽ dễ dàng hơn biết mấy. Sáng nay, sau khi đã trang điểm kỹ, cộng thêm tinh thần thư thái, Doreen xuất hiện rạng ngời trong gương, nhưng cô ta biết rằng nếu không khéo điểm phấn tô son, hoặc nếu mệt mỏi, cô ta sẽ trông thô kệch và quê mùa như một cô gái chân chất ở vùng quê nơi cô ta từng sinh sống, như thể vắt sữa bò hẳn là hợp với cô ta hơn là ngồi sau tay lái của chiếc BMW đen tuyền. Doreen chỉ mới 34 tuổi, da dẻ vẫn mịn màng, chưa hàn nếp nhăn, có lẽ hơi tái một chút. Nhưng mũi của cô khá nhọn, đủ để gây chú ý, và đặc điểm phiền muộn nhất của cô là mái tóc vàng nhạt luôn khô xơ và xoăn tít bất kể cô có cố gắng làm gì với nó đi nữa. May là cô ta có thân hình hoàn mỹ. Cô rời mắt khỏi chiếc gương soi và nhìn xuống bộ vest bằng lụa màu xám nhạt tuy cổ điển nhưng vừa vặn và ôm sát người. Doreen có vóc dáng đẹp, đã vậy, cô ta còn có dáng đi vô cùng uyển chuyển thu hút. Đối với một phụ nữ có gương mặt kém xinh, cô ta có sức quyến rũ thật đáng kinh ngạc. Khi Doreen sải bước băng ngang qua căn phòng, tất cả đàn ông đều nhìn theo. Nhớ đến điều này, cô ta mỉm cười và nổ máy xe.

Rời khỏi nhà gần hai cây số, cô ta chợt phát hiện mình đã quên cho Maltese chết tiệt ăn. Cũng chẳng sao. Con chó kiêng ngu ngốc ấy sẽ gắng gượng cầm hơi cho đến khi cô ta đi làm về tối nay. Đến bây giờ cô ta vẫn không tin nổi là mình đã nổi hứng mua nó cách đây một tháng. Cô đã nghĩ là mình sẽ trông duyên dáng lắm khi dắt chó đi bộ, nhưng hóa ra việc đó chán ngắt. Để lúc nào rảnh rồi, cô ta sẽ tiêm trợ tử cho nó, hoặc sẽ bán nó cho người khác. Dù gì thì hồi đó cô mua nó với giá cũng đắt.

Trong bãi đậu xe ngắn ngang thuộc khu bệnh viện tâm thần, Doreen nhất định phải đậu xe mình cạnh chiếc Escort tàn tạ của Jenna, một sự so sánh “đập vào mắt” để nhắc Jenna nhớ vị trí tương xứng của mình. Cô ta liếc nhanh vào gương một lần nữa rồi cầm chiếc cặp tài liệu bị cố ý nhồi nhét căng phồng để cho thấy cô làm việc vất vả thế nào, đi cầu thang bộ lên văn phòng phía trên khu khám bệnh. Khi đi ngang qua phòng chờ, cô nở nụ cười “mình là bạn tốt của nhau” với Ivy, cô lẽ tân kiêm thư ký có kiểu ăn mặc lôi thôi, và Ivy trở nên tươi tinh ngay lập tức.

“Chào bác sĩ Littlefield. Trời ơi, chị thích bộ đồ của em quá! Đẹp thật đó!”

“Thế à, cảm ơn chị Ivy. Nhờ có chị mà em luôn cảm thấy yêu đời,” Doreen đáp lại bằng nụ cười rạng rõ. “Chị báo em biết khi bệnh nhân của em đến nhé!”

Doreen biến mất sau cánh cửa văn phòng riêng, và Ivy lắc nhẹ đầu nói dỗng dạc với căn phòng chờ vắng tanh, “Quả là một người dễ thương nhất trần đời.”

Còn sớm, chưa đến 8 giờ sáng, và trong văn phòng riêng, Doreen đi tới cửa sổ để nhìn các đồng nghiệp đến chỗ làm. Cô ta thấy Jackie Rubenstein thong dong thả bước đến tòa nhà trên đồi

chân dài. Jackie đến từ Los Angeles, tính điềm đạm và khôi hài. Làn da màu bánh mật tuyệt đẹp của Jackie khiến cô ấy luôn có vẻ như mới trổ về sau một kỳ nghỉ thoải mái. Jackie có tài và thông minh hơn Doreen nhiều, và đây là lý do khiến Doreen âm thầm ghen ghét Jackie hơn những người khác. Thật sự là Doreen ghét Jackie đến mức cô ta muốn giết chết Jackie nếu thoát được tội, nhưng cô ta biết làm vậy thì cuối cùng cũng sẽ bị tóm thóp. Doreen và Jackie cùng là nghiên cứu sinh hậu tiến sĩ tại bệnh viện này cách đây 8 năm, trở thành bạn của nhau, ít nhất là trong suy nghĩ của Jackie, và giờ đây, Doreen đang nghe đồn là Jackie có khả năng nhận giải Cố vấn Xuất sắc của Năm. Cả hai bằng tuổi nhau. Làm sao mà Jackie có thể đạt giải “cố vấn” ở tuổi 34 chứ hả?

Từ dưới bãi cỏ, Jackie Rubenstein ngược nhìn lên và thấy Doreen đứng bên cửa sổ văn phòng. Jackie vẫy tay. Doreen mỉm cười duyên dáng vẫy lại.

Đúng lúc này, Ivy gọi vào báo cho Doreen biết bệnh nhân đầu tiên trong ngày của cô đã đến, một chàng trai trẻ có bờ vai rộng, cực kỳ đẹp trai nhưng toát lên vẻ sợ sệt có tên là Dennis. Dennis là khách hàng VIP của bệnh viện, bởi vì cậu ấy là cháu của một chính trị gia nổi tiếng trong nước. Trong bệnh viện chuyên về đào tạo và cố vấn này, có vài khách hàng VIP như thế, đó là những ngôi sao, những người giàu có, người thân của những người nổi tiếng. Dennis không phải là bệnh nhân trị liệu tâm lý của Doreen, nói đúng hơn là Doreen quản lý hồ sơ bệnh lý của Dennis, và vì vậy mà cô ta gặp Dennis hai lần mỗi tuần để hỏi về tiến trình điều trị, bảo đảm hoàn thành các thủ tục giấy tờ và cấp giấy xuất viện cho Dennis khi đến thời điểm. Doreen đã nghe tin từ các nhân viên rằng hôm nay Dennis muốn trao đổi về việc xuất viện. Dennis cho rằng mình đã hồi phục đủ để được về nhà.

Tách thủ tục hành chính ra khỏi công việc trị liệu tâm lý là chủ trương của bệnh viện. Mỗi bệnh nhân có một người quản lý hồ sơ bệnh lý và một bác sĩ điều trị. Bác sĩ điều trị của Dennis, người mà cậu ấy tôn kính, chính là bác sĩ Jackie Rubenstein tài ba. Hôm qua, Jackie nói với Doreen rằng bệnh nhân Dennis của cô ấy đã hồi phục rất tốt và rằng cô ấy dự định chuyển Dennis sang chế độ điều trị ngoại trú khi cậu ấy xuất viện.

Lúc này, Dennis đang ngồi trên chiếc ghế thấp trong văn phòng của Doreen Littlefield và cố gắng giao tiếp bằng mắt với cô ta, vì cậu biết mình nên thể hiện rằng mình đã ổn để được xuất viện về nhà. Nhưng cậu cảm thấy thật khó khăn và cứ nhìn đi chỗ khác. Có điều gì đó về bộ vest xám của Doreen khiến cậu sợ hãi, và có gì đó trong ánh mắt của cô ta. Dù vậy, cậu vẫn yêu mến Doreen, cậu nghĩ thế. Lúc nào Doreen cũng vô cùng tử tế với cậu, và những người khác nói với cậu rằng trong tất cả các bác sĩ tại đây, bác sĩ Doreen Littlefield là người quan tâm đến bệnh nhân nhất. Dù sao đi nữa, cô ta là bác sĩ mà.

Ngồi sau bàn làm việc của mình, Doreen nhìn Dennis và một lần nữa cảm thấy kinh ngạc trước đường nét hoàn mỹ trên khuôn mặt và thân hình săn chắc vạm vỡ của chàng trai 26 tuổi. Cô ta tự hỏi liệu Dennis sẽ được thừa kế bao nhiêu tiền. Nhưng sau đó, cô ta nhớ ra nhiệm vụ của mình và cố gắng giữ lấy ánh nhìn bối rối của Dennis bằng một nụ cười thân thiết.

“Tôi được biết là tuần này cậu đã khá hơn nhiều rồi, Dennis.”

“Đúng vậy, bác sĩ Littlefield. Tuần này tôi khá hơn nhiều rồi. Thật đó, khá hơn rất nhiều. Các ý nghĩ của tôi tốt hơn. Nó không còn quấy nhiễu tôi suốt như hồi tôi mới vào đây nữa.”

“Cậu nghĩ là vì sao, Dennis? Vì sao cậu cho là nó không còn quấy nhiễu cậu nữa?”

“À thì tôi đã thật sự nỗ lực làm theo các liệu pháp nhận thức mà bác sĩ Rubenstein dạy cho tôi, chị biết đấy. Nó ổn. Ý tôi là nó có tác dụng. Và... À, còn điều này nữa, tôi nghĩ là bây giờ mình đã sẵn sàng về nhà. Hoặc có lẽ là sớm thôi? Bác sĩ Rubenstein nói chị ấy có thể tiếp tục điều trị ngoại trú cho tôi.”

“Ý nghĩ” của Dennis, những thứ không còn quấy nhiễu cậu nhiều vào thời điểm này, là những ảo giác hoang tưởng có lúc hoàn toàn chèn ngự cuộc sống của cậu. Từng là một thiếu niên sôi nổi tràn đầy nhiệt huyết, đạt điểm cao chót vót ở trường, quán quân đội bóng vợt phổ thông trung học, Dennis mắc chứng suy nhược thần kinh vào năm nhất đại học và phải nhập viện điều trị. Trong 7 năm kể từ lúc đó, cậu cứ ra vào viện liên tục vì những ảo giác tăng nặng rồi thuyên giảm nhưng cứ bám lấy cậu không rời. Khi những “ý nghĩ” khủng khiếp này siết chặt lấy cậu, cậu tin rằng có người đang cố giết mình và che giấu ý định của họ, rằng những bóng đèn đường đang theo dõi suy nghĩ của cậu để mật báo cho CIA, rằng mỗi chiếc xe lướt qua đều có một đặc vụ ngồi trong đó với nhiệm vụ bắt lấy và chất vấn cậu về những tội ác mà cậu không thể nhớ ra. Nhận thức về hiện thực của cậu cực kỳ mong manh, và sự giàn vò của tính đa nghi, thứ hiện diện ngay cả khi những ảo giác đã lùi đi, khiến cậu ngày càng trở nên khó ở gần những người xung quanh, ngay cả các bác sĩ tâm lý. Jackie Rubenstein đã làm được một việc gần như là kỳ diệu khi hình thành được mối quan hệ trị liệu với chàng trai trẻ đơn độc chẳng tin bất kỳ ai này.

“Cậu nói là bác sĩ Rubenstein cho phép cậu xuất viện và sẽ điều trị ngoại trú cho cậu u?”

“Vâng. Vâng, chị ấy đã nghị như thế. Ý tôi là, chị ấy đồng ý là tôi đã gần như sẵn sàng được về nhà.”

“Thật sao?” Doreen nhìn Dennis với vẻ mặt bối rối, như thể đang chờ một lời giải thích. “Đó không phải là những gì cô ấy nói với tôi.”

Một khoảng lặng kéo dài. Suốt lúc đó, có thể thấy rõ là Dennis đang run bần bật. Cuối cùng, cậu hỏi, “Ý chị là sao?”

Doreen vò thở dài đầy cảm thông rồi rời khỏi bàn làm việc đến ngồi lên chiếc ghế cạnh Dennis. Cô ta đưa tay đặt lên vai cậu, nhưng cậu né sang một bên như thể cô ta sắp sửa tấn công cậu. Nhìn chăm chăm một cách mông lung ra ngoài cửa sổ, cậu lặp lại câu hỏi, “Ý chị là gì khi nói đó không phải là những gì bác sĩ Rubenstein nói với chị?”

Doreen có đủ kiến thức về chứng tâm thần hoang tưởng để biết rõ rằng Dennis đã hoài nghi về tính trung thực của bác sĩ Rubenstein, người mà cậu cho là người bạn duy nhất thật sự trong cuộc đời cậu.

“Bác sĩ Rubenstein nói với tôi là cô ấy chắc chắn bệnh tình của cậu còn nặng hơn cả lúc cậu nhập viện. Và về việc điều trị ngoại trú, cô ấy nói rõ ràng rằng cô ấy sẽ không đời nào điều trị cho cậu bên ngoài khuôn viên bệnh viện này. Cô ấy nói cậu quá nguy hiểm.”

Ngay cả Doreen cũng thấy rõ rằng tâm trí Dennis đang lơ lửng ở một nơi xa xôi nào đó. Cô ta gọi, “Dennis? Dennis, cậu không sao chứ?”

Dennis không cử động và không hé môi.

Cô ta thử một lần nữa. “Tôi rất tiếc khi phải nói cho cậu biết điều này. Dennis? Tôi chắc chắn đây chỉ là hiểu lầm thôi. Cậu biết bác sĩ Rubenstein sẽ không bao giờ nói dối cậu mà.”

Nhưng Dennis vẫn im lặng. Cậu đối mặt với nỗi sợ bị phản bội trong từng phút giây cuộc đời, nhưng con sóng mới dữ dội đến từ vị bác sĩ Rubenstein tuyệt vời của cậu đã khiến cậu bị bất ngờ và ngồi yên như tượng.

Khi Doreen thấy cậu thật sự không có phản ứng gì, cô ta gọi điện thoại nhờ hỗ trợ. Trong tích tắc, hai nhân viên y tế lực lượng xuất hiện ở cửa văn phòng. Họ to cao, nhưng cô ta có quyền hành, và họ sẽ tuân theo mệnh lệnh của cô ta mà không thắc mắc. Doreen có chút khoan khoái khi nghĩ đến điều này nhưng lại khoác lên vẻ mặt nghiêm nghị nhất khi ra lệnh cho họ “chăm sóc đặc biệt” Dennis. “Chăm sóc đặc biệt” có nghĩa là chuyển bệnh nhân từ khu vực không khóa, như chỗ Dennis đang ở, đến khu vực bị khóa để đảm bảo an toàn hơn. Các bệnh nhân được “chăm sóc đặc biệt” nếu họ trở nên hung hãn, hoặc phát bệnh nặng trở lại, như trường hợp của Dennis. Nếu cần, họ sẽ bị giam giữ và được điều trị lại.

Doreen khá chắc chắn rằng Dennis sẽ không nói với ai về những gì cô ta vừa nói với cậu. Dennis sẽ không nói ra những bí mật. Cậu mắc chứng hoang tưởng nặng. Nhưng ngay cả khi cậu ấy tiết lộ đi nữa thì cũng sẽ không có ai tin. Ai mà tin bệnh nhân hơn bác sĩ cơ chứ. Và qua cảnh tượng vừa rồi, cô ta biết Dennis sẽ ở trong trạng thái lơ lửng này trong một thời gian dài và sẽ không nói điều gì cả. Cô ta hết sức đặc ý khi cho rằng Jackie Rubenstein vừa mất đi một bệnh nhân VIP thật sự tuyệt vời. Giờ thì Dennis sẽ trở nên hoang tưởng một cách dữ dội về Jackie, và phần hay ho nhất chính là Jackie sẽ tự trách bản thân, cho rằng mình đã bỏ lỡ một yếu tố quan trọng nào đó trong quá trình trị liệu cho Dennis, hoặc đã lỡ nói ra điều gì có hại. Jackie là một người vô cùng đáng thương khi gặp những chuyện như thế. Cô ấy sẽ tự dần vặt mình, rồi sau đó, cô ấy sẽ chuyển bệnh nhân sang cho bác sĩ khác điều trị. Rồi sẽ có nhiều lời ra tiếng vào khắp bệnh viện về bác sĩ Rubenstein “thần kỳ.”

NHỮNG TRÒ GIAN TRÁ

Nhà lý luận Theodore Millon gọi tính cách của Doreen Littlefield là rối loạn nhân cách chống xã hội có sự thèm muốn chiếm đoạt, trong đó bao gồm tính chống xã hội, hoặc không có lương tâm, và mong muốn đoạt lấy những thứ thuộc sở hữu của người khác một cách điên cuồng. Không phải *sociopath* nào cũng khao khát chiếm đoạt - một số kẻ có động cơ thúc đẩy hoàn toàn khác - nhưng khi một con người vừa thiếu lương tâm vừa muốn chiếm đoạt, thì một bức tranh đáng sợ và đáng mê hoặc hiện lên. Bởi vì việc đánh cắp và giành lấy “những thứ sở hữu” giá trị nhất của người khác - sắc đẹp, trí thông minh, thành công, tính cách mạnh mẽ - hoàn toàn là một điều bất khả thi, nên *sociopath* sẽ rắp tâm bôi nhọ hoặc hủy hoại những phẩm chất đáng ghen tị ở người khác để họ không có được hoặc ít nhất là không tận hưởng được những phẩm chất đó. Như Millon nói, “Ở đây, thú vui nằm ở chỗ đoạt được chứ không phải ở chỗ có được.”

Kiểu *sociopath* ham muốn chiếm đoạt cho rằng cuộc đời vì một lý do nào đó đã chơi khăm chúng, không ban tặng cho chúng hầu hết những thứ tốt đẹp như bao người khác, và vì thế, chúng phải “san bằng tỉ số cuộc đời” bằng cách tước đoạt hoặc âm thầm hủy hoại cuộc đời của người khác. Chúng tin rằng mình bị tạo hóa, hoàn cảnh và số phận xem nhẹ, và cách duy nhất để chúng trở nên quyền lực chính là hạ bệ người khác. Trả thù, thường là nhắm tới những đối tượng không hề biết mình nằm trong tầm ngắm, chính là hoạt động quan trọng nhất trong cuộc đời của *sociopath* ham muốn chiếm đoạt, và là ưu tiên cao nhất của chúng.

Bởi trò chơi quyền lực ngầm này là ưu tiên số một, nên tất cả sự đối trả và bất chấp nguy hiểm của *sociopath* ham muốn quyền lực đều dành hết cho trò chơi này. Để chiếm ưu thế trong trò chơi, chúng bày mưu tính kế và thực hiện những hành động mà

hầu hết chúng ta sẽ xem là tàn bạo và tự hủy hoại bản thân. Và ngay cả khi có người như thế ở gần bên ta, thậm chí trong cuộc sống thường nhật, thì ta vẫn thường mù tịt trước những hành động của hắn. Ta không nghĩ rằng một người nào đó lại giáng đòn thù địch hiểm ác vào một người mà hầu như không làm tổn hại hay chống lại họ. Ta không nghĩ như vậy, và bởi thế mà ta không nhìn thấy, ngay cả khi điều đó xảy ra với một người mà ta quen biết - hoặc với chính bản thân ta. Những hành động mà *sociopath* ham muốn chiếm đoạt thực hiện thường rất đỗi kỳ quặc và vô cớ đến mức ta không tin được chúng làm vậy là có chủ đích, hoặc thậm chí không tin nổi là chuyện đó đã xảy ra. Bằng cách này, thường ít ai thấy được bản chất con người thật của chúng. Chúng có thể dễ dàng ẩn nấp ngay trước mắt chúng ta, như Doreen đã làm giữa một nhóm người có chuyên môn cao, cực kỳ thông minh tại bệnh viện trong gần một thập kỷ.

Một *sociopath* ham muốn chiếm đoạt chính là sói đội lốt cừu, và trong trường hợp của Doreen, lớp ngụy trang này đặc biệt tinh vi. Doreen là một nhà tâm lý học, hoặc từ góc độ nào đi nữa thì tất cả mọi người ở bệnh viện đều tin cô ta là nhà tâm lý học, và đây cũng chính là mục đích của cô ta. Sự thật, nếu có ai phát hiện ra, chính là cô ta không hề có giấy phép hành nghề tâm lý học, cũng như không hề có học vị tiến sĩ. Năm 22 tuổi, cô ta nhận bằng Cử nhân Tâm lý học ở một trường đại học địa phương nơi cô ta sinh sống, nhưng chỉ có vậy thôi. Phần còn lại là sự lừa dối tột cùng. Khi bệnh viện nhận cô ta vào làm nghiên cứu hậu tiến sĩ tại đó, họ đã xác minh lại với những người chứng thực thông tin, nhưng cả hai người đàn ông lỗi lạc này đều đã “khuất phục” trước mối quan hệ bất chính với cô ta, mặc dù họ nên hành động khôn ngoan hơn. Hội đồng tuyển dụng đã không kiểm tra lại những bằng cấp mà cô ta liệt kê. Vì Doreen được tiến cử bởi những người có uy tín cao, nên hội đồng tuyển dụng đơn thuần tin rằng cô ta có bằng tiến sĩ. Xét cho cùng thì ai lại đi nói dối về một việc như thế chứ? Vì có khả năng hành xử như một nhà tâm lý học đủ để

qua mặt các chuyên gia và bệnh nhân, Doreen luôn cảm thấy rằng một người có thể học rất nhiều thứ bằng cách đọc sách, và rõ ràng cô ta là bằng chứng sống cho quan điểm này.

Doreen vừa gặp mặt bệnh nhân đang phục hồi của mình vào lúc 8g sáng, đẩy cậu ấy vào trạng thái hoang tưởng nhằm trả thù cô đồng nghiệp ngây thơ, và chuyển cậu vào khu điều trị cách ly. Thế thì cô ta làm gì trong khoảng thời gian còn lại trong ngày? Nếu quay lại văn phòng làm việc của cô ta, chúng ta sẽ thấy rằng cô ta bình tĩnh gấp gỡ số bệnh nhân còn lại theo lịch hẹn, gọi điện thoại, làm công việc giấy tờ và tham dự cuộc họp nhân viên. Ta sẽ không thấy điều gì khác thường. Hầu hết hành vi của cô ta trông bình thường với chúng ta, hoặc không có gì phải để ý. Có thể cô ta không giúp bệnh nhân được gì nhiều, nhưng cô ta cũng không làm hại họ, ngoại trừ trong một số trường hợp khi mà việc thao túng bệnh nhân giúp cô ta làm hại một đồng nghiệp đã nhắm đến, như buổi sáng hôm nay.

Không có lý do gì mà cô ta lại dùng kỹ năng của mình để chống lại các bệnh nhân tâm thần cả. Họ không có điều gì mà cô ta muốn cả. Họ đã bị thế giới này tước đi quyền hiện hữu, và chỉ cần ngồi chung phòng với họ là cô ta đã cảm thấy quyền lực rồi. Trường hợp ngoại lệ là đôi khi có một bệnh nhân nữ có một chút quyền rũ quá mức, hoặc tệ hơn, một chút thông minh quá mức. Khi đó, Doreen có thể phải hạ thấp họ vài phần, chọc ngoáy một chút vào sự căm ghét bản thân thường có sẵn ở những bệnh nhân này. Trong vai trò là bác sĩ tâm lý trị liệu, cô ta làm việc này dễ vô cùng. Một buổi điều trị luôn chỉ có một bác sĩ và một bệnh nhân, và bệnh nhân không bao giờ hiểu được những gì mình bị đả kích đủ để phản nàn với bất kỳ ai bên ngoài phòng trị liệu.

Nhưng khi người khác không khiêu khích khao khát chiếm đoạt trong Doreen về một điều gì đó mà họ sở hữu, hoặc một điều gì

đó mà họ là, thì cô ta không đặt họ vào tầm ngắm. Ngược lại, cô ta có thể trở nên cực kỳ thu hút và mê hoặc lòng người khi tin rằng giống loài thấp kém này, như cách cô ta nghĩ về họ, có ích trong việc duy trì “lốt cừu” của mình, một lớp vỏ ngụy trang đòi hỏi cô ta phải thể hiện là một người vô cùng tử tế, biết quan tâm, có tinh thần trách nhiệm, và làm việc quá sức đến mức đáng thương. Ví dụ, khi Doreen chuẩn bị rời văn phòng vào cái ngày mà cô ta âm thầm hủy hoại Jackie Rubenstein và Dennis, cô ta cố tình ghé ngang qua bàn làm việc của Ivy để tán gẫu vài ba câu tạo thiện cảm. Cô ta cố gắng làm điều này vào mỗi buổi chiều tối. Ivy là cô lê tân kiêm thư ký cho các bác sĩ ở khu điều trị, và không ai biết được lúc nào một đối tượng như vậy sẽ trở nên hữu dụng.

Doreen bước ra khỏi văn phòng riêng, thả người xuống chiếc ghế trong phòng tiếp khách và nói, “Ôi, chị Ivy! Mừng quá, cuối cùng thì cũng hết ngày rồi!”

Ivy lớn hơn Doreen 20 tuổi. Cô ấy bị thừa cân và đeo đôi bông tai lớn bằng nhựa. Doreen cảm thấy cô ấy thật đáng thương hại.

Ivy đáp lại một cách ấm áp, “Chị biết. Tôi cho em quá. Và cả cậu bé Dennis nữa! Chị không phải là bác sĩ, nhưng chị cũng gặp bệnh nhân nhiều, em biết đó, chị cũng có chút hy vọng... chắc là chị đã nhầm rồi.”

“Không, không. Chị rất tinh tế. Cậu ấy thật sự có vẻ khá hơn trong một thời gian ngắn. Công việc này có những lúc khiến người ta đau lòng.”

Dĩ nhiên là sáng nay, hai nhân viên y tế khỏe mạnh đã khiêng Dennis ra khỏi khu bệnh ngay trước mặt Ivy. Giờ đây cô lo lắng nhìn Doreen.

“Em biết không, bác sĩ Littlefield, chị lo cho em đấy.”

Khi Ivy thổ lộ điều này, cô để ý thấy Doreen chảy nước mắt giàn giụa, và cô tiếp tục thì thầm, “Chao ôi, ngày hôm nay quá sức kinh khủng với em, phải không nào? Chị mong em không cho là chị can thiệp vào chuyện cá nhân của em, nhưng mà em quá mềm yếu khi làm công việc này.”

“Không, không phải vậy, chị Ivy à. Em chỉ mệt mỏi, và đúng là em có buồn về chuyện Dennis. Chị đừng nói ai nghe nhé, em không muốn người khác nói em thiên vị, nhưng em đặc biệt yêu quý cậu ấy, chị biết mà. Em chỉ muốn về nhà ngủ một giấc thật ngon.”

“Ừ, nên thế, cưng à.”

“Ước gì em có thể làm vậy, nhưng nhiều thứ khẩn cấp quá, mà em thì chưa làm xong mấy việc giấy tờ nữa. Chắc là em sẽ phải thức đến nửa đêm để làm thôi.”

Nhin chiếc cặp tài liệu căng phồng của Doreen, Ivy nói, “Thương cho em quá. Hãy nghĩ đến điều gì đó tốt đẹp đi, để không phải nghĩ đến... à thì những chuyện xảy ra ngày hôm nay. Chú chó Maltese mà em mới nuôi thế nào rồi?”

Doreen lấy tay quệt nước mắt và mỉm cười, “Ô, nó dễ thương lắm chị Ivy. Nhiều lúc nó đáng yêu đến mức em muốn cắn nó một cái.”

Ivy cười tủm tỉm. “Thế thì chị dám cá là nó đang chờ em về đó. Sao em không về nhà ngay và ôm nó một cái thật chặt nhỉ?”

“Tốt nhất là không chặt quá. Em sẽ đẽ bếp nó mất. Nó có chút xíu à.”

Hai người phụ nữ cùng cười rộ lên, rồi Doreen nói, “Chị Ivy này, em nghĩ chị thích hợp làm bác sĩ tâm lý đó. Chị luôn biết cách làm cho tâm trạng của em tốt lên. Hẹn gặp chị xinh tươi vào sáng sớm mai nhé? Chị em mình sẽ tiếp tục chiến đấu nhé.”

“Chị sẽ có mặt ở đây,” Ivy quả quyết. Cô tươi cười khi Doreen xách cặp tài liệu lên và rời đi, người hơi nghiêng một chút về phía chiếc cặp.

Doreen đi đến bãi đậu xe, và ở đó, cô ta gặp Jenna, chủ nhân của chiếc Escort tàn tạ mà cô ta đã đậu kế bên hồi sáng. Jenna là thực tập viên mới của bệnh viện, và không giống với cô lẽ tân Ivy, cô gái này trẻ trung, tươi tắn và xinh đẹp. Cô có mái tóc dài thẳng mượt màu nâu vàng, và Doreen đã đưa cô ấy vào tầm ngắm.

“Chào Jenna. Về nhà à?”

Jenna chớp mắt trước một câu hỏi hiển nhiên mà cô nghĩ có thể là một lời phê bình, bởi vì thực tập viên được trông đợi là phải ở lại làm việc trễ. Nhưng cô lấy lại được sự bình thản. “Vâng. Đúng rồi. Chị cũng về hả?”

Doreen trông có vẻ lo ngại. “Hội nghị khẩn ở Chatwin Hall sao rồi em?”

Chatwin Hall là nơi có khu điều trị được quản lý bởi bác sĩ Thomas Lasron có vẻ ngoài nghiêm nghị và đáng sợ, người mà Doreen biết là quản lý trực tiếp của Jenna. Tất nhiên là hiện giờ không có cuộc hội nghị nào ở đó. Doreen chỉ là thuận miệng dựng chuyện lên mà thôi.

Jenna tái mét mặt ngay tức thì. “Có hội nghị khẩn sao? Không ai nói cho em biết cả. Khi nào? Vì sao? Sao chị biết vậy?”

Doreen lúc này thể hiện thái độ của một cô giáo, nhìn đồng hồ đeo tay và nói, “Khoảng 10 phút trước. Em không nghe tin nhắn thoại à?”

“Dĩ nhiên là có chứ ạ, nhưng thật sự không có tin nhắn nào về hội nghị cả. Ở văn phòng của bác sĩ Larson hả chị?”

“Chắc vậy.”

“Ôi, không! Ôi trời! Em phải... em nên... chắc em phải chạy đến đó ngay đây.”

“Ý hay đó.”

Jenna hốt hoảng đến nỗi không hề thắc mắc vì sao bác sĩ Littlefield lại biết về cuộc hội nghị bất ngờ mà không hề liên quan gì đến cô ta. Cô gái trẻ lao nhanh ra khỏi bãi đậu xe và chạy băng qua bãi cỏ sũng nước mưa của bệnh viện trên đôi giày da đế thấp. Doreen đứng trong bãi xe và nhìn theo cô gái đang chạy thực mạng cho đến khi khuất dạng ở khúc rẽ phía hông bên kia tòa nhà. Hài lòng vì biết Chatwin Hall nằm tít ở phía bên kia khu đất, Doreen bước vào chiếc BMW, kiểm tra lớp trang điểm của mình trong gương chiếu hậu và lái xe về nhà. Ngày mai hoặc ngày mốt, cô ta sẽ chạm mặt Jenna một lần nữa, và Jenna sẽ hỏi cô ta về buổi hội nghị không hề tồn tại này. Lúc đó, Doreen chỉ việc nhún vai và nhìn trùng trùng vào đôi mắt hiền lành của Jenna, rồi Jenna sẽ nhượng bộ thôi.

SOCIOPATH SO VỚI TỘI PHẠM

Doreen Littlefield sẽ không bao giờ bị truy tố về hành vi của cô ta, bao gồm việc hành nghề tâm lý học mà không có bằng cấp. Người chú có thế lực của Dennis sẽ không đời nào phát hiện ra con người thật của Doreen, và hầu hết các bệnh nhân còn

lại cũng như gia đình họ cũng vậy. Các bác sĩ và chuyên gia ở bệnh viện sẽ không bao giờ truy tố cô ta vì đã “qua mặt” họ. Cô ta sẽ không bao giờ bị trừng phạt thích đáng về vô số đòn tấn công tâm lý mà cô ta gây ra. Cuối cùng, cô ta là ví dụ minh họa điển hình cho sự khác biệt giữa một *sociopath* và một tội phạm. Đáng kinh ngạc là điều này giống với việc so sánh hành vi của hai bé gái 3 tuổi - một bé nghịch ngợm được xem là ngoan ngoãn với một bé bị trách mắng vì đã lấy kẹo trong túi xách của mẹ mình. Khá đơn giản, sự khác biệt nằm ở chỗ cô bé có bị bắt quả tang hay không mà thôi.

Và số người trưởng thành vô lương tâm bị bắt vì phạm tội có vẻ còn ít ỏi hơn. Vì 4% dân số thế giới là *sociopath*, nên một người có thể suy luận hợp lý rằng hệ thống nhà tù đầy rẫy *sociopath*, chứ không có những loại người khác. Nhưng không phải vậy. Theo Robert Hare và các nhà nghiên cứu khác, trung bình chỉ có khoảng 20% tù nhân ở Mỹ là *sociopath*. Hare và những người này cẩn trọng lưu ý rằng 20% tù nhân này là những người gây ra hơn 50% “những tội ác nghiêm trọng nhất” (tống tiền, cướp có vũ trang, bắt cóc, giết người) và những tội phạm chống chính phủ (phản quốc, gián điệp, khủng bố), nhưng số *sociopath* trong tù, tính cả nam lẫn nữ, thì chỉ có 2 trong số 10 người.

Nói cách khác, hầu hết những tội phạm có tội danh rõ ràng nhất không phải là *sociopath*. Hơn nữa, họ là những người có tính cách cơ bản là bình thường hơn so với *sociopath*, đồng thời những hành vi của họ là sản phẩm của những tệ nạn xã hội như ma túy, lạm dụng trẻ em, bạo lực gia đình và nghèo khổ qua nhiều đời. Con số thống kê trên cũng cho thấy rất ít tội phạm *sociopath* dính tới pháp luật - rằng rất ít *sociopath* là những tội phạm bị chính thức định tội. Hồ sơ những *sociopath* phổ biến nhất, như của Doreen, thường là lừa gạt và giả mạo, và chỉ những tội ác rõ ràng ràng (bắt cóc trẻ em, giết người, vân vân) thì mới khó che giấu đối với một *sociopath* tương đối thông

minh. Một vài - không phải tất cả - *sociopath* thực hiện hành vi cướp có vũ trang hoặc bắt cóc trẻ em bị bắt. Những Doreen Littlefield trên thế giới hiếm khi bị bắt, và ngay cả khi bị bắt quả tang đi nữa, bọn chúng cũng hiếm khi bị truy tố. Kết quả là phần lớn *sociopath* không bị tống giam mà vẫn nhởn nhơ sống xung quanh tôi và bạn.

Ở chương kế tiếp, chúng ta sẽ nói về những lý do vì sao người có lương tâm khó “thấy” và khó ứng phó hiệu quả với những kẻ vô lương tâm. Những lý do này trải dài từ các chiến thuật gieo rắc sợ hãi được *sociopath* áp dụng cho đến cảm giác tội lỗi đặt sai chỗ của chính chúng ta. Nhưng trước tiên, ta hãy quay lại bệnh viện đã đề cập ở trên một lần nữa, lần này là để thấy điều kỳ diệu của bác sĩ Jackie Rubenstein, chính xác là hai điều kỳ diệu.

Đã bốn ngày kể từ khi Dennis được chuyển sang “chăm sóc đặc biệt” tại khu điều trị bị khóa chặt. Hôm nay là Chủ nhật, và bệnh viện vắng tanh, trừ một chiếc xe hơi nhỏ chạy men theo lối hẹp dẫn đến tòa nhà đang nhốt Dennis và dừng lại ở cổng trước. Bác sĩ Jackie Rubenstein bước ra khỏi xe, thò tay vào túi áo khoác lấy ra chiếc chìa khóa chủ to lớn cũ kỹ giúp cô ra vào tòa nhà 3 tầng bằng đá này. Thật chí bây giờ, sau 8 năm làm việc ở bệnh viện, cô vẫn nắm chặt chiếc chìa khóa chủ nặng nề trong tay chứ không bỏ nó trở lại túi áo sau khi bước vào khu điều trị như khu này và nghe tiếng cửa khóa sau lưng. Cô phải đến thử, một lần nữa, làm cho bệnh nhân Dennis đang hoảng loạn nói chuyện với mình. Khi bước vào trong phòng bệnh - thêm một cánh cửa kim loại đóng và khóa lại sau lưng - cô thấy Dennis đang ngồi trên chiếc ghế sofa màu xanh lá và dán mắt vào màn hình ti-vi không hề được bật lên. Cậu ấy ngược nhìn lên, hai ánh mắt chạm nhau trong một khoảnh khắc, và trước sự bất ngờ và nhẹ nhõm của cô, Dennis ra hiệu cho cô đến ngồi xuống. Sau đó, điều kỳ diệu thứ nhất xảy ra: Dennis nói chuyện. Cậu

nói không ngừng. Cậu kể cho Jackie Rubenstein tất tần tật những gì Doreen Littlefield đã nói. Và điều kỳ diệu thứ hai là Jackie tin cậu.

Tối đó, sau khi về nhà, Jackie gọi điện thoại cho Doreen và đối chất với cô ta. Doreen chối hết mọi chuyện, và khinh khỉnh buộc tội Jackie đã bị lôi kéo vào chứng hoang tưởng của bệnh nhân. Khi Jackie không chịu khuất phục, Doreen cảnh cáo cô rằng cô sẽ tự hủy hoại sự nghiệp của mình nếu cô đi kể với bất kỳ ai khác trong bệnh viện một câu chuyện điên rồ như thế. Gác máy sau cuộc nói chuyện với Doreen, Jackie gọi cho một người bạn ở Los Angeles nhờ hỗ trợ. Cô nói với anh ấy nửa đùa nửa thật rằng cô nghĩ có thể mình bị mất trí thật rồi.

Jackie không hề biết rằng Doreen là một kẻ xảo trá, và vì thế theo góc nhìn của Jackie, cô và Doreen có vị thế ngang nhau ở bệnh viện. Vì lý do này, Jackie hiểu rằng cô sẽ khó đưa ra ý kiến của mình với người có bề dày kinh nghiệm hơn. Họ sẽ cho rằng đây chỉ là tranh chấp giữa cô và Doreen. Tệ nhất là, giống như Doreen, họ có thể cho là cô đang biến vấn đề của bệnh nhân thành của chính cô. Tuy nhiên, sáng hôm sau, cô đến văn phòng giám đốc khoa và thuật lại với ông ấy toàn bộ sự việc. Gương mặt có bộ râu màu muối tiêu của ông ấy đỏ lên, khiến Jackie cảm thấy tò mò, vì ông ấy không có vẻ gì là giận cô hoặc giận Doreen. Cô tự hỏi, như cô đã ngờ trước đây, rằng liệu ông ấy và Doreen có tư tình với nhau hay không.

Sau khi nghe Jackie nói xong, vị giám đốc khoa hoàn toàn không có thái độ khinh khỉnh như Doreen trong cuộc gọi điện thoại, nhưng ông ấy lại nhắc nhở Jackie một cách nhẹ nhàng rằng rất dễ nhìn thấy những yếu tố đáng tin cậy trong chứng hoang tưởng của những bệnh nhân thông minh. Ông ấy nói rằng ông không nghĩ sự việc mà Dennis nói với Jackie là chuyện thật sự xảy ra, và ông ấy bày tỏ hy vọng rằng Jackie và Doreen sẽ

không bất hòa với nhau chỉ vì một chuyện mập mờ. Mâu thuẫn này sẽ không tốt cho khoa. Và vì thế, với tất cả sự nể trọng, Doreen, như thường lệ, vẫn không hề hấn gì sau những gì cô ta đã làm. Tin tốt là quá trình điều trị Dennis của Jackie không bị gián đoạn nữa và cậu sẽ sớm được xuất viện.

Những trò gian trá của Doreen cuối cùng cũng đi đến hồi kết, như những gì thường xảy ra với những *sociopath* ham muốn chiếm đoạt, một cách không ôn ào và người bóc mẽ là một người bên ngoài hệ thống. Trong trường hợp của Doreen, người vạch trần thành công là một người bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng xuất hiện trên chương trình truyền hình địa phương *Buyer Beware* mỗi tháng hai lần. Sáu năm sau vụ tấn công tâm lý Dennis của Doreen, vợ của nhân vật nổi tiếng trên nhập viện vì trầm cảm, và hoàn toàn tình cờ, Doreen được giao làm bác sĩ trị liệu cho cô ấy. Có cảm giác rằng quá trình trị liệu này khiến cho cuộc hôn nhân của vợ chồng anh rạn nứt, anh vận dụng nghiệp vụ điều tra bác sĩ Littlefield và nhanh chóng phát hiện ra con người thật - hay nói đúng hơn là con người giả dối - của cô ta. Anh tức tốc đến gặp giám đốc kinh doanh của bệnh viện và đề nghị nếu bệnh viện sa thải Doreen ngay lập tức, tìm một bác sĩ trị liệu mới cho vợ anh và miễn toàn bộ chi phí điều trị, thì anh sẽ không phanh phui Doreen và bệnh viện trên ti-vi. Anh chỉ ra một cách hợp lý rằng việc miễn chi phí điều trị cho vợ anh rẻ hơn rất nhiều so với việc bệnh viện phải hoàn trả chi phí của hàng trăm ca bệnh, hoặc tệ hơn nữa, nếu sự gian dối về chuyên môn của Doreen bị đưa ra ánh sáng.

Sau khi đọc hồ sơ điều tra của anh, vị giám đốc kinh doanh liền biết mình cần phải làm gì. Tại bữa tiệc sinh nhật nhỏ lần thứ 40 của Doreen do Ivy tổ chức ở văn phòng, Doreen bất ngờ bị gọi đến tòa nhà quản trị. Trong văn phòng, vị giám đốc kinh doanh cùng giám đốc y khoa và giám đốc điều dưỡng (người muốn có mặt chỉ vì cô cực kỳ ghét Doreen) nói cho Doreen biết rằng nhân

viên an ninh sẽ hộ tống cô ta ra xe và sau đó sẽ giám sát cô ta để đảm bảo cô ta rời khỏi bệnh viện. Doreen nói với ba vị giám đốc rằng họ đang phạm một sai lầm lớn, rằng người bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đó đang nói dối vì ông ấy không thích cô ta và rằng cô ta sẽ kiện họ ra tòa.

Cô ta lái xe rời đi, và mặc dù cô ta đã làm việc ở đó suốt 14 năm, nhưng không một ai ở bệnh viện nghe được tin tức gì về cô ta nữa. Ban quản trị bệnh viện không truy cứu vấn đề, vì lý do hiển nhiên là không muốn dư luận bàn tán và sợ trách nhiệm pháp lý về y khoa. Họ thở phào nhẹ nhõm khi cô ta biến mất một cách lặng lẽ. Trong những cuộc nói chuyện riêng về Doreen, giám đốc điều dưỡng và Jackie Rubenstein suy đoán rằng cô ta vẫn đang hành nghề tâm lý học ở một nơi nào đó, một bang nào đó.

Hầu hết mọi người ở bệnh viện đều có lương tâm, vậy thì tại sao khi họ cuối cùng phát hiện ra vụ việc về Doreen, họ lại buông tha cho cô ta để cô ta có khả năng lặp lại hành vi của mình ở một nơi khác? Và tại sao, ở một bệnh viện trị liệu tâm lý, cô ta lại khó bị phát giác vào thời gian đầu? Nói chung, làm sao mà bất kỳ ai trong chúng ta có thể sống giữa những kẻ “nói dối như cuội,” “lòng lang dạ sói” mà không thể đương đầu với chúng, hoặc thậm chí phát hiện ra chúng? Như chúng ta sắp sửa biết được, có câu trả lời cho những câu hỏi then chốt này, và cũng có những cách mà ta có thể bắt đầu thay đổi phản ứng của mình trước hiện tượng *sociopath* nan giải này.



năm

VÌ SAO LƯƠNG TÂM BỊ CHE MẮT

Thật dẽ dàng - hết sức dẽ dàng - làm lung lay niềm tin vào bản thân của một người. Lợi dụng điều đó để làm suy sụp tinh thần của họ là việc của ác quỷ.

- George Bernard Shaw

Nếu Doreen Littlefield nghĩ mình có thể thoát tội, cô ta đã nghiền nát Jackie Rubenstein dưới bánh xe BMW của mình rồi, chứ không chỉ phá hoại công việc của cô ấy. Và - đáng kinh ngạc hơn nữa là - nếu Doreen thật sự nghiền nát hoặc giết chết Jackie, hay bất kỳ ai khác, thì cô ta sẽ làm điều đó mà không hề cảm thấy tội lỗi hay ăn năn, và chắc chắn là không cảm thấy kinh khủng như hầu hết chúng ta sẽ cảm thấy khi tước đoạt mạng sống của người khác. Huyết áp của cô ta sẽ không tăng lên một chút nào, ít nhất là không phải từ bất kỳ cảm xúc tiêu cực nào liên quan đến nạn nhân. Doreen không có những cảm nhận như thế, cũng như cô ta không hề có giác quan thứ bảy của sự kết nối giữa người và người khiến cô ta cảm thấy đau khổ sau những hậu quả mà mình gây ra. Đối với phần lớn chúng ta, giết người sẽ khiến ta bị sốc, khổ sở cùng cực, ngay cả khi ta không hề yêu quý người đó. Đối với Doreen thì hành vi giết người sẽ là một trải nghiệm chiến thắng, miễn là cô ta không bao giờ bị bắt. Sự khác biệt giữa những người có cảm xúc bình thường với *sociopath* gần như là kỳ quái đến mức mà hầu hết những người có lương tâm như chúng ta không thể hiểu nổi, và vì thế mà chúng ta không tin rằng sự trống rỗng cảm xúc có tồn tại. Rủi thay, khó khăn trong việc tin vào mức độ của sự khác biệt này sẽ đặt ta vào thế nguy hiểm.

Ngay cả khi không lái xe cán chết người, hay tự ra tay sát hại, thì Doreen cũng gây ra vô số hiểm họa cho những người xung quanh cô ta. Trên thực tế, hủy hoại cuộc sống người khác là mục tiêu chính của cô ta. Vì cô ta thường giăng bẫy quyền lực trong vai trò nhà tâm lý trị liệu cho các bệnh nhân nội trú, nên đến một ngày nào đó, tác dụng phụ của chiến dịch trả thù mà cô ta thực hiện chính là cô ta có thể đẩy bệnh nhân đến chỗ tự sát nếu cô ta chưa ra tay sát hại họ. Thế nhưng, trong suốt 14 năm, nhóm đồng những người tốt - toàn bộ đội ngũ y bác sĩ và nhân viên trong bệnh viện luôn nỗ lực hết sức để ngăn chặn tình trạng tự sát của bệnh nhân - đều không nhìn thấy con người thật của Doreen, và đến khi họ phát hiện ra sự đối trá của cô ta, họ lại không cố gắng ngăn cô ta lại. Họ chỉ giương mắt nhìn cô ta lái xe đi mất.

Vì sao những con người có lương tâm đó lại mù quáng đến thế? Và vì sao họ lại chần chừ trong việc bảo vệ bản thân, bảo vệ chính những lý tưởng cũng như những người mà họ quan tâm khỏi số ít những kẻ thiếu lương tâm như Doreen? Phần lớn đáp án có liên quan đến quá trình tư duy và xử lý cảm xúc trong chúng ta khi chúng ta đương đầu với *sociopath*. Chúng ta sợ, và nhận thức hiện thực của ta bị ảnh hưởng. Ta cho rằng mình đang tưởng tượng, hoặc phóng đại sự việc, hoặc chính bản thân ta phần nào phải chịu trách nhiệm cho hành vi của *sociopath*. Nhưng trước khi đi sâu vào chi tiết các phản ứng tâm lý của chính chúng ta trước sự trơ tráo vô liêm sỉ, hãy cho phép tôi làm rõ hơn những phản ứng này bằng cách miêu tả tường tận thứ mà chúng ta đang đối đầu. Đầu tiên, chúng ta hãy suy xét cẩn thận những mánh khé gốm mà những kẻ trơ tráo vô liêm sỉ đã sử dụng để thao túng chúng ta.

CÔNG CỤ THAO TÚNG

Mánh khé gốm thứ nhất là sức hút cá nhân, và là một yếu tố xã hội, sức hút cá nhân không nên bị đánh giá thấp.

Doreen có thể trở nên cực kỳ thu hút khi điều đó cân cho mục đích của cô ta. Người bạn cũ của chúng ta, Skip, sử dụng sức hút cá nhân đáng kể của mình để tạo ảnh hưởng lên đối tác kinh doanh và leo lên nấc thang công sở. Và sức hút cá nhân - dù nghe có vẻ đi ngược lại với trực giác - chính là đặc tính cốt lõi của *sociopath*. Sức hút töt bậc của những kẻ không có lương tâm, một dạng lôi cuốn không thể lý giải, đã được quan sát và nhận định bởi rất nhiều nạn nhân cũng như các nhà nghiên cứu - những người đã nỗ lực liệt kê các dấu hiệu nhận biết *sociopath*. Trong quá trình làm việc với hầu hết nạn nhân, tôi biết được rằng lý do trực tiếp mà họ bắt đầu kết giao và tiếp tục giao thiệp với một *sociopath*, cho dù kẻ này khiến họ tổn thương, chính là vì kẻ này có sức hút khó cưỡng. Rất nhiều lần, tôi đã thấy họ lắc đầu và thốt lên những câu như, “Ông ta là người thu hút nhất mà tôi từng gặp,” hoặc “Tôi cảm thấy như đã quen thân với cô ta từ lâu lắm rồi,” hoặc “Anh ấy có nguồn năng lượng mà người khác không có.”

Tôi ví sức hấp dẫn của *sociopath* với những động vật săn mồi có vú. Ví dụ, chúng ta nhìn những con báo và cảm thấy say mê trước những chuyển động cơ thể, sự độc lập và sức mạnh của chúng. Nhưng khi mặt đối mặt với một con báo, vì tình cờ xuất hiện không đúng nơi đúng lúc, thì ta sợ hãi người và không thể thoát thân, và sức hấp dẫn đầy mê hoặc của kẻ săn mồi đó thường là điều cuối cùng mà con mồi trải nghiệm được.

Chính sự ưa thích nguy hiểm của chúng ta làm tăng sức hút bản năng của *sociopath*. Người ta thường nói những người nguy hiểm có sức hấp dẫn, và khi ta bị lôi cuốn về phía *sociopath*, ta có khuynh hướng chứng minh câu nói này. *Sociopath* nguy hiểm ở nhiều mặt. Một trong những mặt dễ thấy nhất là chúng thích những tình huống và lựa chọn rủi ro, và chúng có khả năng thuyết phục người khác cùng mạo hiểm với mình. Thỉnh thoảng - chỉ thỉnh thoảng thôi - những người bình thường ưa thích một chút mạo hiểm và ly kỳ. Ta sẽ rút ví để chơi trò tàu lượn siêu tốc “dụng

tóc gáy” hoặc để vào rạp xem một bộ phim máu me kinh dị mà ta biết chắc mình sẽ gặp ác mộng sau khi xem. Việc thỉnh thoảng yêu thích những trải nghiệm ly kỳ này có thể làm tăng sức hấp dẫn của một *sociopath* thích mạo hiểm - lúc đầu. Thoạt đầu, thật hào hứng khi được mời tham gia vào một kế hoạch mạo hiểm cùng với một người có những lựa chọn vượt ra khỏi giới hạn thông thường của chúng ta.

Nào, ta hãy rút thẻ tín dụng của anh ra và bay đến Paris đêm nay. Nào, ta hãy rút khoản tiết kiệm của cậu và bắt tay vào vụ làm ăn nghe có vẻ hết sức ngớ ngẩn, nhưng mà với hai “cái đầu” như chúng ta đây, thì nó có thể thật sự “cất cánh.” Nào, ta hãy ra bờ biển ngắm bão nhé. Nào, ta hãy kết hôn ngay bây giờ. Nào, ta hãy bỏ lại lũ bạn chán ngắt này của em và đến nơi nào đó chỉ có chúng ta thôi. Nào, ta hãy làm tình trong thang máy. Nào, ta hãy rót tiền của anh vào vụ đầu tư này, tôi vừa nhận được thông tin “nóng hổi” đây. Nào, ta hãy cười vào những quy định đó. Nào, ta hãy bước vào nhà hàng sang trọng này trong bộ áo thun quần jean xem. Nào, ta hãy xem con xe của anh có thể phóng nhanh đến đâu. Nào, ta hãy tận hưởng một chút đi.

Những điều trên là hương vị của sự “bốc đồng,” mạo hiểm và “sức hút” của *sociopath*, và mặc dù ta có thể bật cười khi đọc về những trò dụ dỗ rành rành ra đó, nhưng nhìn chung, cách tiếp cận này thành công đáng kể hết lần này đến lần khác. Một kẻ không hề chịu sự ràng buộc của lương tâm có thể dễ dàng khiến chúng ta cảm thấy cuộc đời mình thật tệ nhạt, phải làm theo quy định và thiếu sức sống và rằng ta nên tham gia cùng với bọn chúng để sống một cách ý nghĩa hoặc hào hứng hơn. Mở đầu là nàng Eva và con rắn, những quyển sách lịch sử và tiểu thuyết kinh điển của ta chứa đầy những câu chuyện về những người rơi vào bẫy “mật ngọt chết ruồi” và đôi khi bị hủy hoại bởi sức hấp dẫn của những kẻ mạo hiểm và xấu xa - Dickie Greenleaf và Ngài Ripley tài năng, Samson và Delilah, River City và Harold Hill, Trilby và Svengali,

Norman Mailer và Jack Henry Abbott, Nữ hoàng Alexandra và Rasputin bất tử. Và ở thời chúng ta, ta nhớ về những lần chạm mặt với những kẻ khiến ta có chút rùng mình. Đó là nếu như ta may mắn chỉ tiếp xúc trong chớp nhoáng. Những người bất hạnh phải sống trong ký ức không phai mờ về những thảm kịch cá nhân mà họ chịu đựng khi trở thành nạn nhân trước sức hút của những kẻ trơ tráo vô liêm sỉ.

Hơn nữa, những kẻ trơ tráo vô liêm sỉ biết rõ chúng ta hơn là ta biết về chúng. Ta phải cực kỳ khó khăn mới nhìn ra một kẻ không có lương tâm, nhưng kẻ đó có thể ngay lập tức biết ai là một người tử tế và đáng tin cậy. Ngay khi còn là một đứa trẻ, Skip đã biết mình cần nói chuyện với cậu bé nào để đem pháo hoa về cho hắn. Khi trưởng thành, Skip đã biết ngay rằng Juliette có thể sống bên cạnh hắn hàng chục năm mà không đòi nào chất vấn những hoạt động đáng ghét của hắn ta. Doreen Littlefield đã phát hiện ra con mồi, cô lẽ tân Ivy, và nhìn thấu rằng Jackie Rubenstein là một người biết quan tâm đến người khác, có thể trông cậy để gánh nhiều trách nhiệm hơn về phần mình.

Khi *sociopath* xác định được ai là con mồi, chúng sẽ tìm hiểu về người đó. Chúng sẽ tìm cách thao túng và lợi dụng người đó, và để đạt được mục đích này, chúng sẽ làm mọi cách để chiếm được thiện cảm của “con cờ” trong tay. Ngoài ra, chúng còn biết cách tạo cảm giác thân thuộc hoặc mật thiết bằng cách cho biết giữa chúng và nạn nhân giống nhau ở một khía cạnh nào đó. Những nạn nhân thường nhớ lại những câu nói có sức tác động đến họ ngay cả khi *sociopath* đã “cao chạy xa bay,” chẳng hạn như “Em biết không, chị nghĩ là chị và em giống nhau rất nhiều điểm,” hoặc “Anh thấy rõ rằng em là một nửa của anh.” Khi nhớ lại, những câu nói này cực kỳ không đáng tin. Dù chẳng có gì là thật lòng nhưng nó vẫn khiến họ nhớ mãi không quên.

Một cách liên quan, *sociopath* có khả năng đặc biệt trong việc nhận biết ai dễ xiêu lòng trước những lời mời gọi, và quyết rũ là một mánh khéo khác cực kỳ phổ biến của chúng. Đối với hầu hết mọi người, quan hệ tình dục thường đi đôi với cảm xúc, ngay cả khi đó chỉ là tình cảm thoảng qua, còn đối với những kẻ “máu lạnh” không bao giờ thấy tội lỗi, liên kết cảm xúc này được chúng sử dụng để đạt được thứ mình muốn – lòng trung thành, hỗ trợ tài chính, thông tin, cảm giác “chiến thắng,” hoặc có thể chỉ là một mối quan hệ tạm bợ để khoác vỏ bọc “người bình thường.” Đây là một chuyện thường thấy và xuất hiện lặp đi lặp lại trong văn chương và lịch sử. Nhưng ta hiếm khi nhận ra sức mạnh mà *sociopath* nắm giữ, sức mạnh chi phối những cá nhân, và dĩ nhiên là chi phối một nhóm người, cả một tổ chức. Một *sociopath* đang ẩn mình trong một công ty có thể che giấu toàn bộ dấu vết chỉ với một hoặc hai người bình thường, những người đã phạm một sai lầm duy nhất là quan hệ tình dục với kẻ nguy hiểm có sức mê hoặc này. Ví dụ, Doreen có thể khoác vỏ bọc là nhà tâm lý học chủ yếu là vì những lá thư giới thiệu được viết bởi hai người đã bị cô ta lợi dụng tình dục. Và khi Jackie cố gắng vạch trần hành vi vô nhân tính của Doreen, thì người thứ ba, vị giám đốc khoa của bệnh viện, lại can thiệp vì cùng lý do trên và “bác sĩ” Littlefield quyết rũ được ở lại bệnh viện thêm 6 năm nữa.

Và cám dỗ tình dục chỉ là một khía cạnh của trò chơi. Chúng ta còn bị cám dỗ bởi kỹ năng diễn xuất của *sociopath*. Vì sự dối trá và lừa lọc là những thứ tạo nên một cuộc sống không có lương tâm, nên những *sociopath* thông minh thường rất giỏi diễn xuất, thậm chí nắm vững một số kỹ thuật diễn xuất của diễn viên chuyên nghiệp. Nghịch lý là những kẻ máu lạnh lại rất điêu luyện trong việc thể hiện các trạng thái cảm xúc mong muốn – tỏ vẻ cực kỳ quan tâm đến những vấn đề của người khác hoặc bày tỏ sự nhiệt tình, lòng yêu nước cháy bỏng, sự phẫn nộ vì lẽ phải, sự e lệ thận thùng, thái độ buồn bã xúc động. Những giọt nước mắt cá sấu rơi xuống khi cần là dấu hiệu đặc trưng của *sociopath*. Để đảm bảo

Ivy sē nhìn thấy và động lòng nēn Doreen đā nhô ra nhēng giot nước măt cá sấu khi nói vē bệnh nhân Dennis, và chăc chăns là cô ta lại khóc như mưa trước mặt Ivy một lān nữa khi cô ta vē nēn cǎn bệnh đau đón kinh khung “buộc” cô ta phải tiêm thuôc trợ tử cho chú chó nhô.

Nhēng giot nước măt cá sấu của *sociopath* thường rơi xuông khi một người có lương tâm sáp sửa phanh phui sự thật vē chúng. Một *sociopath*, khi sáp bị người khác dồn vào chān tường, sē đột ngột giàn giua nước măt, đáng thương đến női khōng một người lương thiện nào có thể tiếp tục dồn ép. Hoặc ngược lại: Thỉnh thoảng, một *sociopath* cùng đường sē thể hiện thái độ phẫn nộ chính đáng và đùng đùng nổi giận để đe dọa nhēng kẻ buộc tội mình, như Doreen đā hành động với ban giám đốc bệnh viện khi cuối cùng cô ta bị sa thải.

Là nhēng diễn viên thiên bẩm, nhēng kẻ khōng có lương tâm có thể tận dụng trọn vẹn vai trò trong xã hội và trong chuyên môn nghê nghiệp, thứ góp phần tạo ra chiếc măt nạ săn có tuyệt vời mà người khác e ngại khi phải lột nó ra. Vai trò giúp chúng ta tổ chức một xã hội phức tạp, và vai trò cực kỳ quan trọng đối với ta. Nếu nhìn thấy hành vi mờ ám, ta có thể hoài nghi một người có tên là Doreen Littlefield, nhưng ta lại có xu hướng khōng hoài nghi một người được gọi là bác sĩ Doreen Littlefield cho dù hành vi của cô ta bất thường ra sao. Ta liên kết đến chức danh *bác sĩ* vốn mang ý nghĩa thanh cao đối với ta, và ta khōng nghĩ nhiều vē người tự nhận chức danh đó. Ở một mức độ nào đó, điều này đúng với nhēng người mang nhēng vai trò và chức danh (hợp pháp hoặc bất hợp pháp) trong giới lãnh đạo, kinh doanh, tôn giáo, giáo dục hay các bậc phụ huynh. Hiếm có người hàng xóm nào soi mói hành vi của các phó tế trong nhà thờ, hay của chủ tịch tỉnh, hay của hiệu trưởng trường trung học, hay của ngôi sao nổi công sở như Skip. Ta tin tưởng lời hứa của nhēng người như thế vì ta thường gắn cá nhân con người với tính chính trực của vai trò đó. Tương tự,

chúng ta hâu như chẳng khi nào ngờ vực cách dạy con của người hàng xóm, ngay cả khi ta lo ngại rằng đứa trẻ đang bị bạo hành, và thường thì logic của chúng ta không mạnh bằng câu “Anh ta là cha mà.”

Hơn nữa, chúng ta không chú ý đến hành vi thật sự của một người khi họ tỏ ra là một người nhân từ rộng lượng, sáng tạo hoặc sâu sắc. Ví dụ, ta không nghi ngờ những ai tuyên bố là người yêu động vật. Chúng ta bớt khắt khe với những ai tự nhận là nghệ sĩ hoặc người trí thức, một phần là vì ta cho rằng người bình thường như ta không hiểu nổi những ý tưởng từ khác người đến lập dị của họ. Nhìn chung, ta dành thiện cảm cho những nhóm người như thế, nhưng thỉnh thoảng, điều này lại “dọn đường” cho những *sociopath* biết cách bắt chước người khác.

Tệ hơn nữa, sự tôn trọng của ta đối với những kẻ xuất hiện trong vai nhà lãnh đạo truyền cảm hứng và giàu lòng bác ái có thể bị lợi dụng - và đã bị lợi dụng nhiều lần - để đạt được mục đích tai hại. Đối với một nhà lãnh đạo, đặc biệt là người tuyên bố đang gánh trên vai sứ mệnh cao cả, như với một thầy thuốc, một thầy tu, một người cha người mẹ, ta có xu hướng gán những phẩm chất đi kèm với vai trò đó lên cá nhân người đó và nghe theo họ. Benjamin Wolman, nhà sáng lập và biên tập viên của Tạp chí *International Journal of Group Tensions*, viết rằng “Thường thì tính ác trong con người tăng lên khi một *sociopath* hung hăng có được sự kiểm soát gần như là mê muội một cách kỳ lạ lên số đông. Lịch sử đầy rẫy những *sociopath* là những thủ lĩnh, những nhà tiên tri, những kẻ cứu rỗi, những bậc thầy, những kẻ độc tài và những kẻ mắc chứng hoang tưởng tự đại khác; bọn chúng đã giành được sự ủng hộ... và kích động mọi người dùng đến bạo lực.” Khi một “kẻ cứu rỗi” dắt mũi số đông để đạt được mục đích riêng, hắn thường bắt đầu bằng lớp vỏ bọc người tốt với mong muốn giúp đỡ loài người có cuộc sống tốt đẹp hơn, và sau đó khẳng định rằng điều này có thể được thực hiện bằng cách làm theo kế hoạch táo bạo của hắn.

Một điều trớ trêu đến khó hiểu là lương tâm của chúng ta có thể bị che mờ bởi vì những kẻ không có lương tâm sử dụng nhiều công cụ tích cực mà chúng ta cần để gắn kết xã hội với nhau, nhằm mục đích làm vũ khí chống lại ta - đó là các cảm xúc đồng cảm, ràng buộc về tình dục, các vai trò xã hội và chuyên môn, sự đề cao đam mê và sáng tạo, niềm khao khát tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn và tôn ti trật tự trong một tổ chức. Và kẻ thực hiện những việc kinh tởm này lại không mang vẻ ngoài của kẻ làm việc kinh tởm. Bởi chúng không mang “bộ mặt của ác quỷ.” Nếu chúng ta có thể loại ra toàn bộ ý nghĩa đáng sợ của cái tên này, thì gương mặt thật sự của Saddam Hussein trông như một người chú người bác trong gia đình với nụ cười thân thiện. Nếu gương mặt của Hitler không trở thành biểu tượng của cái ác vì những tội ác tàn bạo mà ông ta đã gây ra, thì vẻ mặt ấy trông thật khôi hài như vẻ ngỡ ngàng của vua hài Sác-lô. Lizzy Borden trông như mọi quý cô kiều diễm khác ở thời Victoria tại thành phố Fall River, bang Massachusetts. Pamela Smart xinh đẹp. Ted Bundy đẹp trai đến độ khi hắn bị giam trong ngục chờ ngày xử tử, phụ nữ vẫn gửi lời cầu hôn đến hắn, và cứ một Charles Manson lúu cá là có một John Lee Malvo với nét trong sáng rạng rỡ.

Chúng ta cố gắng, một cách chủ ý hoặc ngụ ý, đánh giá tính cách của một người qua vẻ ngoài của họ, nhưng chiến thuật “nhìn mặt bắt hình dong” này vô tác dụng trong gần như mọi trường hợp. Trong thế giới thực, kẻ xấu không mang vẻ ngoài của kẻ xấu. Bởi chúng không giống với lũ ma sói hay Hannibal Lechter hay Tony Perkins nhìn chằm chằm vào xác chết trên chiếc ghế bập bênh. Ngược lại, bọn chúng trông giống như chúng ta.

THỦ ĐOẠN THAO TÚNG

Trở thành mục tiêu của *sociopath* là một trải nghiệm rất đáng sợ, ngay cả khi hắn ta không thuộc kiểu bạo lực. Vào năm 1944,

George Cukor đạo diễn một bộ phim tâm lý rùng rợn *Gaslight*, trong đó Ingrid Bergman thủ vai một phụ nữ xinh đẹp cảm thấy như mình bị hóa điên. Nỗi sợ này của cô là do Charles Boyer, người chồng mới cưới, cố tình gây ra. Trong số những trò dơ bẩn mà người chồng vô cùng quyến rũ này sắp đặt, có một trò là anh ta làm cho Bergman nghe thấy âm thanh trên gác mái khi anh ta vắng nhà, và làm cho ngọn đèn tự thắp sáng trong ngôi nhà mà người dì của cô bị giết chết một cách bí ẩn nhiều năm trước. Dĩ nhiên, không ai tin Bergman về tiếng động trên gác mái hay về ngọn đèn hay những thứ khác, và cô dần dần hoài nghi về những gì mình cảm thấy và về sự tỉnh táo của mình. Boyer không dùng vũ lực. Anh ta chưa bao giờ đánh đập Bergman. Hiểm độc hơn thế nhiều - anh ta khiến cô không còn tin vào nhận thức của bản thân.

Khi nghi ngờ và khi cố gắng giải thích với người khác rằng mình bị *sociopath* đưa vào tầm ngắm cũng tương tự như việc cảm thấy mình đang bị hóa điên. Jackie Rubenstein là ví dụ minh họa cho hiện tượng này khi cô đối đầu với Doreen Littlefield về tội ác mà cô ta gây ra cho Dennis. Sau đó, Jackie đã gọi điện thoại cho một người bạn nhờ giúp đỡ bởi vì cô cảm thấy mình đang bị mất trí. Và khi Jackie cố gắng trình bày vụ việc về Doreen với vị giám đốc khoa, ông ta lặp lại ngụ ý của Doreen một cách lịch sự nhưng rành mạch rằng Jackie cũng bị tác động bởi bệnh nhân hoang tưởng của cô.

Khi Jackie buộc tội Doreen về hành động ác ý đối với một bệnh nhân vô hại, câu hỏi đặt ra là, “Tại sao một người như cô ta lại thực hiện một hành động kinh khủng đến vậy?” Đây là câu hỏi mà mọi người luôn đặt ra, một cách trực tiếp hoặc ngụ ý, và câu hỏi này bị bỏ ngỏ và gây hoang mang đến mức mà một người hoài nghi *sociopath* đi đến khám phá rằng mình không thể nào tìm ra lời giải thích hợp lý. Và giống như cô dâu mới ngày thơ trong bộ phim *Gaslight*, cô trở nên bán tín bán nghi hoặc hoàn toàn mất đi niềm tin vào nhận thức của bản thân. Chắc chắn cô sẽ lưỡng

lự không biết có nên kể lại câu chuyện của mình một lần nữa hay không, bởi việc cố gắng vạch trần *sociopath* dẫn đến sự hoài nghi về mức độ tín nhiệm, thậm chí sự tinh táo của chính bản thân cô. Những hoài nghi này, của chính chúng ta hay của người khác, đều đau đớn và dễ dàng khiến ta câm lặng. Trong suốt nhiều năm lắng nghe hàng trăm “con mồi” của *sociopath*, tôi biết được rằng trong một công ty hoặc một cộng đồng, khi một *sociopath* cuối cùng cũng “lộ bộ mặt thật” trước tất cả mọi người, thường thì ta sẽ phát hiện là có nhiều người đã nghi ngờ kẻ đó từ đầu, mỗi người có mối nghi ngờ riêng, mỗi người đều giữ im lặng. Mỗi người trong số họ cảm thấy hoài nghi bản thân, và vì thế mà mạnh ai nấy giữ bí mật nghe có vẻ điên rồ này cho riêng mình.

“Tại sao một người như thế lại thực hiện một việc kinh khủng đến vậy?” chúng ta tự hỏi. Khi nói “một người như thế,” ta muốn nói đến một người có vẻ bình thường, một người trông giống chúng ta đây. Ta muốn nói đến một người có chuyên môn, hay một người yêu động vật, hay một người cha người mẹ, một người vợ người chồng, hay có thể là một người vô cùng thu hút mà ta đã ăn tối cùng. Và khi nói “một việc kinh khủng đến vậy,” ta muốn nói đến hành vi tiêu cực và kỳ dị đến mức không giải thích nổi, bởi vì dựa trên cảm nhận của chính ta và động cơ thông thường thì không có cách nào để ta lý giải được tại sao có kẻ lại muốn làm điều đó ngay từ lúc đầu. Tại sao một cậu bé thông minh, đẹp trai, được chiều chuộng như Skip lại muốn tàn sát những sinh vật nhỏ bé? Đến khi trưởng thành, tại sao một Skip thành công rực rỡ dù đã kết hôn với cô con gái xinh đẹp của một tỷ phú nhưng vẫn mạo hiểm danh tiếng bằng cách bẻ gãy cánh tay của cô thư ký? Tại sao bác sĩ Littlefield, một nhà tâm lý học và người tử tế nhất trần đời, lại bất ngờ ra đòn tấn công tâm lý vô cùng ác độc lên một bệnh nhân VIP đang trên đà hồi phục? Tại sao cô ta, một người có địa vị, dù biết lời nói dối sẽ bị bại lộ nhưng vẫn dựng chuyện chỉ để khiến cô bé thực tập một phen hoảng hốt?

Đây là những kiểu câu hỏi mà chúng ta tự đặt ra khi chứng kiến hành vi của *sociopath*, và trong đa số trường hợp, ta không thể tìm ra câu trả lời hợp lý. Ta có thể suy đoán chứ không thể nghĩ ra được lý do tại sao. Không lý do nào là có thể tin được, vậy nên ta nghĩ chắc hẳn là có hiểu lầm, hoặc có thể là ta đã phóng đại quá mức. Chúng ta suy nghĩ theo hướng này bởi vì lối tư duy có sự ràng buộc của lương tâm khác xa một trời một vực với lối tư duy không có sự ràng buộc của lương tâm, và những thứ *sociopath* muốn có, những thứ thúc đẩy chúng, hoàn toàn nằm ngoài hiểu biết của chúng ta. Để làm hại một bệnh nhân tâm thần một cách cố ý, như Doreen đã làm, hoặc để bẻ gãy cánh tay một người như hành vi của Skip, thì hầu hết chúng ta phải roi vào tình huống bị đe dọa nghiêm trọng bởi chính người mà ta làm hại, hoặc ta đang chịu tác động của một cảm xúc không thể chống lại như cơn thịnh nộ. Thực hiện những hành vi này một cách điềm tĩnh, chỉ để cho vui, không có chỗ trong danh mục cảm xúc của những người bình thường.

Sociopath, những kẻ không có nhận thức trách nhiệm dựa trên sự kết nối với người khác, thường sẽ dành cuộc đời mình cho các trò chơi giữa người với người, để “giành chiến thắng,” để thống trị vì mục tiêu thống trị. Còn những người còn lại trong chúng ta, những người có lương tâm, có thể hiểu được động cơ này về mặt lý thuyết, nhưng khi ta thấy nó trong đời thực, biểu hiện bên ngoài của nó xa lạ đến nỗi ta không hề “thấy” nó. Nhiều kẻ không có lương tâm sẽ hành xử theo cách tự hủy hoại bản thân đơn giản bởi vì đó là mục đích của trò chơi. Gã Tem đã ngồi tù phân nửa cuộc đời, vài năm một lần, bởi vì muốn tận hưởng cảm giác ly kỳ của việc khiến cho vài nhân viên bưu điện và những viên cảnh sát hỗn loạn trong khoảng một giờ đồng hồ. Doreen mạo hiểm sự nghiệp của mình một cách vui sướng, chỉ để hủy hoại một chút sự nghiệp của người đồng nghiệp. Đây là những hành vi mà ta không ở trong trạng thái sẵn sàng để hiểu, hoặc thậm chí không thể tin nổi. Ta sẽ hoài nghi nhận thức về hiện thực của chính mình trước tiên.

Và sự hoài nghi bản thân của ta thường ở mức cực độ. Minh họa cho điều này là phản ứng khác thường của công chúng kéo dài trong 30 năm sau cái chết của nữ tội phạm Barbara Graham. Vào năm 1955, Graham, 32 tuổi, bị xử tử tại San Quentin vì tội danh sát hại tàn bạo một góa phụ cao tuổi tên Mabel Monahan. Người ta đồn rằng bà Monahan, giống như người đã bị sát hại của Ingrid Bergman trong phim *Gaslight*, đang cất giữ trang sức trong nhà. Graham và 3 kẻ tòng phạm đột nhập vào nhà, và khi không tìm thấy trang sức, Graham (được truyền thông đặt biệt danh là “Babs Máu Me”) đã dùng súng đập bà lão gần nát bấy gương mặt rồi lấy gối đè bà ngạt thở.

Lời cuối của Babs Máu Me trước lúc bước lên đoạn đầu dài là “Người tốt luôn chắc chắn rằng họ đúng.” Câu nói này được thốt ra một cách thản nhiên, thêm chút thương cảm, thì quả là một thủ đoạn thao túng tâm trí hiệu quả. Nó khiến nhiều người hoài nghi nhận thức hiện thực của chính họ về Graham và chuyển sự chú ý của công chúng sang vai trò bà mẹ đầy sức lôi cuốn của ba đứa trẻ, thay vì tập trung vào hành vi giết người rùng rợn của bà ta. Sau khi chết, bà ta trở thành đề tài cảm xúc gây tranh cãi, và đến tận ngày nay, cho dù bằng chứng về tội ác của bà ta đã rõ nhưng nhiều người vẫn khăng khăng tin rằng bà ta vô tội. Sự hoài nghi bản thân của công chúng đưa đến hai bộ phim về Graham, cùng có tên là *I Want to Live!* (*Tôi Muốn Sống!*) Trong bộ phim điện ảnh thứ nhất, Susan Hayward thủ vai chính và đạt giải Oscar cho vai diễn xuất sắc, và trong bộ phim truyền hình thứ hai được làm lại vào năm 1983, Lindsay Wagner vào vai nữ chính. Trong cả hai phiên bản này, kẻ sát nhân tàn ác Graham được khắc họa là một phụ nữ đáng thương bị “đưa vào trong.”

Lời nói cuối của Barbara Graham - “Người tốt luôn chắc chắn rằng họ đúng” - đã tạo hiệu ứng thao túng tâm trí hiệu quả bởi vì sự thật không phải vậy. Trên thực tế, một trong những đặc điểm đáng chú ý của người tốt chính là họ hầu như không bao giờ chắc

như định đóng cột rằng họ đúng. Người tốt liên tục chất vấn bản thân, suy đi nghĩ lại và cân nhắc những quyết định cũng như hành động của mình dựa trên ý thức trách nhiệm bắt nguồn từ sự gắn kết với người khác. Quá trình tự vấn lương tâm hiếm khi chấp nhận sự chắc chắn tuyệt đối trong tâm trí, và ngay cả khi như vậy, thì sự chắc chắn đó cũng khiến chúng ta có cảm giác không đáng tin cậy, như thể nó đang lừa ta trừng phạt một ai đó một cách bất công, hoặc thực hiện một hành động tang tận lương tâm nào khác. Ngay cả từ phương diện pháp lý, chúng ta cũng nói là “có cơ sở để tin rằng” thay vì nói là chắc chắn tuyệt đối. Cuối cùng, Barbara Graham hiểu chúng ta rõ hơn là chúng ta hiểu bà ta, và câu bình luận sau cùng của bà ta đã mở ra một trạng thái tâm lý phi lý nhưng cực kỳ nhạy cảm của những người có sự ràng buộc của lương tâm còn sống sau khi bà ta chết đi - nỗi sợ rằng họ đã quyết định dựa trên sự *chắc chắn quá mức*.

Phần lớn chúng ta nhận thức theo bản năng rằng trong một con người có những mặt tốt và xấu, chứ không thiên về một mặt tuyệt đối. Điều này càng làm tăng thêm sự thiếu chắc chắn của chúng ta. Sâu thẳm trong lòng, ta biết rõ là không có ai tốt đẹp 100%, và vì thế ta cho rằng cũng không có ai xấu xa 100%. Và có thể theo triết học - và chắc hẳn là theo thần học - điều này đúng. Xét cho cùng thì theo đạo Do Thái-Kitô Giáo, bản thân ác quỷ chính là một thiên thần sa ngã. Có lẽ là không có người nào hoàn toàn tốt và không có kẻ nào hoàn toàn xấu. Tuy nhiên - nói theo phương diện tâm lý học, chắc chắn một số người có nhận thức về những giới hạn dựa trên sự gắn kết cảm xúc, còn một số khác thì không. Và việc không hiểu được điều này sẽ đặt những người có lương tâm, và tất cả những Mabel Monahan trên thế giới, vào tình thế nguy hiểm.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ NHÌN NHẬN THẤU SUỐT?

Cô con gái học lớp 5 của tôi đã có một chuyến đi thực nghiệm cùng với lớp, và tôi là một trong những người đi theo giám sát. Chúng tôi đi xem vở *Freedom Train (Chuyến Tàu Tự Do)* nói về Harriet Tubman và Đường Sắt Ngầm. Trên chuyến xe buýt ồn ào quay về trường, một thằng nhóc đang bắt nạt một đứa khác bằng cách thúc vào người và giật tóc nó. Theo như tôi được biết, cậu bé rụt rè đang bị thúc vào người đó bị chậm phát triển, không có bạn và không biết làm gì để tự vệ. Người lớn chưa kịp can ngăn thì một cô bé nhỏ nhắn ngồi ở hàng ghế sau hai đứa đã vô vai đứa bắt nạt và nói, “Xấu tính quá vậy. Thôi đi.”

Người đầu tiên nhận ra hành vi chống xã hội này và công khai chống lại hành vi đó là một đứa trẻ 10 tuổi và cao 1,2m. Thằng nhóc bắt nạt lè lưỡi ra trêu cõi bé và nhảy sang chỗ khác ngồi với bạn. Cô bé nhìn cậu ta rời khỏi rồi bình thản chơi tiếp trò oẳn tù tì với cô bạn ngồi cạnh.

Điều gì xảy ra với chúng ta trong quá trình ta trưởng thành vậy? Tại sao người lớn không còn nói “Thôi đi” với bọn bắt nạt nữa? Những tên đầu gấu trưởng thành trở nên mạnh hơn, nhưng chúng ta cũng mạnh hơn. Liệu cô bé sẽ vẫn cư xử hợp tình hợp lý và tự tin như thế khi cô 30 tuổi và cao thêm 0,5m hay không? Thật buồn là theo như cách nuôi dạy con cái thời nay của chúng ta, điều này khó mà xảy ra.

Ngày nay, chúng ta dạy các con, đặc biệt là con gái, phớt lờ những phản ứng bộc phát của bản thân - ta dạy con không nên làm loạn - và đây là một bài học hữu ích và cần thiết khi phản ứng bộc phát đó chính là vung nắm đấm hoặc chửi bới, hoặc ăn cắp một món đồ đẹp ở cửa hàng, hoặc lăng mạ một người lạ khi đang xếp hàng ở siêu thị. Nhưng kiểu phản ứng bộc phát khác, cũng bị kìm nén tương đương trong xã hội né tránh mâu thuẫn của chúng ta,

chính là những phản ứng tự nhiên trước những việc trái đạo đức. Đến năm cô 30 tuổi, có lẽ phản ứng bộc phát kiểu này của cô gái nhỏ can đảm - khuynh hướng lên tiếng can ngăn khi có ai đó làm những trò “xấu tính” - có lẽ sẽ bị loại ra khỏi hành vi và có thể là trong chính tâm trí của cô.

Trong quyển *Women's Anger: Clinical and Developmental Perspectives* (*Cơn Giận Của Phụ Nữ*), các nhà tâm lý học giới tính Deborah Cox, Sally Stabb và Karin Bruckner cho thấy cách thức mà phái nữ nhìn nhận về phản ứng xã hội trước cơn thịnh nộ của họ. Cox, Stabb và Bruckner viết rằng “phần lớn các tương tác mà họ [các cô gái và phụ nữ] diễn tả cho thấy sự chối bỏ cơn thịnh nộ, hoặc chối bỏ cô gái/phụ nữ đó, hoặc cả hai. Điều này được thực hiện hoặc là thông qua một đòn tấn công trực diện bằng cách chỉ trích hoặc tỏ thái độ chống chế, hoặc là thông qua hình thức thụ động hơn như phớt lờ và hạ thấp những mối quan tâm và cảm nhận của cô gái/phụ nữ đó đến mức tối thiểu.” Và dựa trên nghiên cứu của nhà giáo dục Lyn Mikel Brown về các cô gái mới lớn, bà khẳng định rằng việc lý tưởng hóa nét nữ tính có thể cổ xúy cho “sự im lặng thay vì lên tiếng” một cách nguy hiểm.

Để giữ sự thấu suốt cho giác quan thứ bảy hữu ích của chúng ta, cùng với những cải tiến vượt bậc về điều kiện tạo nên con người, chúng ta phải bắt đầu bằng việc dạy con từ thuở ấu thơ. Một phần của một lương tâm vững chắc là có khả năng đương đầu với sự vô lương tâm. Khi bạn dạy con gái, một cách công khai hoặc thông qua việc chối bỏ thụ động, rằng con phải phớt lờ cơn thịnh nộ, rằng con phải cư xử tử tế và chấp nhận không lên tiếng tự bảo vệ bản thân hoặc người khác, rằng con không được chống trả vì bất kỳ lý do gì, nghĩa là bạn không trui rèn ý thức vì cộng đồng cho con; bạn đang làm hỏng ý thức đó - và người đầu tiên mà con ngừng bảo vệ chính là bản thân con. Cox, Stabb và Bruckner nhấn mạnh rằng “việc đòi hỏi phải đè nén cơn thịnh nộ cướp đi cơ hội phát triển sự

tự chủ của người phụ nữ.” Thay vào đó, như Lyn Mikel Brown nói, chúng ta cần phải đề xuất “khả năng đưa ra sự khước từ và kháng cự hiệu quả ngay cả trong những điều kiện áp bức nhất.”

Đừng để con trẻ rơi vào tình thế bị thao túng tâm trí. Khi con trẻ nhận định một kẻ xấu xa nào đó là thật sự xấu xa, hãy bảo con rằng con đúng và rằng con có thể nói ra điều đó. Jackie Rubenstein lựa chọn tin tưởng bệnh nhân Dennis và không tin người đồng nghiệp nguy hiểm Doreen Littlefield. Đó là sự lựa chọn tốt đẹp đúng với lương tâm. Cô bé đã nói, “Xấu tính quá vậy. Thôi đi,” mặc dù việc lên tiếng can thiệp có thể khiến cô bé bị nhiều người thiếu sáng suốt đánh giá rằng cô bé là một kẻ sinh sụ.

Tương tự với các cậu con trai - trong *Raising Cain: Protecting the Emotional Life of Boys* (Đời Sống Cảm Xúc Của Các Cậu Bé), các nhà tâm lý học trẻ em hàng đầu Dan Kindlon và Michael Thompson ghi nhận mối quan tâm của họ về tần suất mà “những người cha dễ tổn thương dùng đến cách phản ứng chống trả truyền thống để duy trì quy tắc sai lệch là ‘cha là người biết rõ nhất.’” Những bậc cha mẹ, đặc biệt là người cha, thường dạy con trai phải tuân thủ mệnh lệnh bất kể mệnh lệnh đó là gì, nhưng với bối cảnh chính trị và văn hóa sao lạc vốn xảy ra thường xuyên trong lịch sử, thì đây là một bài học hủy hoại bản thân. Việc cha mẹ dạy con biết tôn ti trật tự là điều dễ hiểu, và điều này cũng quan trọng trong cách xã hội vận hành như chúng ta biết trong hiện tại. Nhưng việc dạy trẻ phải tuân lệnh không được thắc mắc là một việc thừa thãi. Phục tùng mệnh lệnh là phản ứng tự động không cần huấn luyện đối với đa số mọi người, và việc thúc đẩy phản ứng này quá mức sẽ khiến trẻ trở nên siêu nhạy cảm trước những kẻ “cậy quyền cậy thế” hoặc những *sociopath* mà trẻ có thể gặp phải sau này trong cuộc sống. Thế nên, chúng ta hãy để con trẻ chất vấn nhiều điều. Và khi lớn lên, bọn trẻ sẽ không ngần ngại nhìn thẳng vào mặt những kẻ bắt nạt và nói, “Xấu tính quá vậy. Thôi đi.”

Nhưng còn những người trưởng thành trong chúng ta đây, những người đã quen với việc phớt lờ trực giác của chính mình trong mấy mươi năm qua, thì sao? Làm thế nào để ta không bị thao túng tâm trí và giúp bản thân phát hiện những kẻ không có lương tâm đang sống xung quanh mình? Mỗi lo ngại này sẽ được giải quyết trong chương kế tiếp. Đó là một câu hỏi thú vị với câu trả lời gây bất ngờ.

sáu

CÁCH NHẬN DIỆN KẺ KHÔNG BAO GIỜ BIẾT HỐI HẬN

Trên sa mạc, một nhà sư cao tuổi từng khuyên một lữ khách rằng sự khác biệt giữa tiếng nói của Thượng đế và Ác quỷ rất khó nhận biết.

- Loren Eiseley

Trong công việc của mình, một trong những câu hỏi tôi được hỏi nhiều nhất là, “Làm cách nào để biết ai là người đáng tin?” Bởi vì các bệnh nhân của tôi đều là những người từng chịu tổn thương tâm lý nặng nề, hầu hết do người khác gây ra, nên chẳng có gì bất ngờ khi họ quan tâm đến điều đó. Tuy nhiên, bản thân tôi nhận thấy rằng đây cũng là vấn đề cấp thiết với hầu hết mọi người, kể cả những người chưa từng chịu cú sốc nặng nề, và rằng tất cả chúng ta đều luôn cố gắng hết sức để đánh giá mức độ có lương tâm hay không có lương tâm ở người khác. Chúng ta đặc biệt quan tâm đến lương tâm của những người có mối quan hệ gần gũi với ta, và khi ta gặp một người mới có sức thu hút, ta thường dồn nhiều tâm sức để nghi ngờ, suy đoán và nghĩ ngợi về câu hỏi này.

Những kẻ không đáng tin cậy không khoác lên người chiếc áo đặc biệt, hoặc được đánh dấu trên trán, và việc chúng ta thường phải đưa ra những quyết định quan trọng về người khác chủ yếu dựa trên phỏng đoán chủ quan khiến ta có những định kiến trong suốt cả đời. “Đừng tin ai quá 30 tuổi,” “Đừng bao giờ tin đàn ông,” “Đừng bao giờ tin phụ nữ,” “Chớ có tin bất kỳ ai” là

những ví dụ phổ biến nhất. Ta muốn có một quy tắc rõ ràng, ngay cả khi đó là quy tắc “vơ đưa cả nấm” bởi vì một điều cực kỳ quan trọng với ta là ta cần biết rõ nên để phòng ai. Nhưng những quy tắc chung chung này không hiệu quả, và tồi tệ hơn, nó có khuynh hướng khiến ta lo lắng và không vui vẻ trong cuộc sống.

Trừ phi bạn biết rõ một người nào đó trong nhiều năm, không có một quy tắc nào dễ dàng hay cách kiểm nghiệm nào để xác thực độ tin cậy, và việc thừa nhận thực tế này là cực kỳ quan trọng dù điều đó làm ta chán nản. Sự không chắc chắn trong vấn đề này đơn giản là một phần của điều kiện tạo nên con người, và tôi chưa từng gặp ai giải quyết được nó một cách rốt ráo. Hơn nữa, việc cho rằng có một giải pháp hiệu quả - giải pháp mà đến giờ vẫn chưa ai tìm ra - là tự làm khổ chính mình theo cách làm giảm giá trị bản thân và không công bằng.

Khi nói đến việc đặt niềm tin nơi người khác, tất cả chúng ta đều mắc sai lầm, trong đó có những sai lầm sẽ lớn hơn những sai lầm còn lại.

Mặc dù vậy, khi mọi người hỏi tôi về sự tin cậy, tôi thường trả lời rằng có tin xấu và tin tốt. Tin xấu là thật sự tồn tại những kẻ không hề có lương tâm, và bọn chúng không đáng tin chút nào. Có thể là trong một nhóm 100 người ngẫu nhiên thì thường có 4 kẻ như thế. Tin tốt - rất tốt luôn - là trong nhóm 100 người thì có ít nhất 96 người có sự ràng buộc của lương tâm, và do vậy ta có thể tin tưởng là họ sẽ hành xử theo chuẩn mực tương đối cao về sự tử tế và tinh thần trách nhiệm - nói cách khác, họ sẽ hành xử tương tự bạn và tôi. Và đối với tôi, tin tốt này có sức thuyết phục hơn tin xấu nhiều. Thật đáng kinh ngạc, điều đó có nghĩa là theo một chuẩn mực nào đó về hành vi trong xã hội, khoảng 96% mối quan hệ giữa người với người là an toàn.

Thế thì tại sao thế giới này lại có vẻ thiếu an toàn đến mức đáng sợ như vậy? Làm sao chúng ta giải thích các bản tin 6 giờ, hay thậm chí các trải nghiệm tồi tệ của chính bản thân ta? Điều gì đang xảy ra ở đây? Liệu có tin được là chỉ 4% dân số gây ra hầu hết những thảm họa cho loài người trên thế giới và trong cuộc sống của mỗi người chúng ta hay không? Đây là một câu hỏi đáng chú ý, làm đảo lộn nhiều giả định của chúng ta về xã hội loài người. Vậy nên tôi sẽ lặp lại rằng lương tâm có sức mạnh áp đảo, có tính bền bỉ và vì cộng đồng. Trừ phi đang chịu sự tác động của chứng hoang tưởng loạn thần kinh, giận quá mất khôn, bị dồn đến bước đường cùng, ma túy, hoặc một kẻ tàn bạo có chức quyền, thì một người có sự ràng buộc của lương tâm sẽ không - theo nghĩa là *không thể* - giết người hay cưỡng hiếp một cách tàn nhẫn, tra tấn người khác, đánh cắp khoản tiền dành dụm cả đời của ai đó, giăng bẫy người khác vào mối quan hệ “qua đường,” hay cố ý bỏ rơi con cái.

Bạn có thể làm thế không?

Khi chúng ta thấy người khác làm những điều như vậy, hoặc là trên bản tin hoặc là trong cuộc sống của chính ta, họ là ai? Trong số ít trường hợp, họ là những người được xác nhận là bị tâm thần, hoặc đang chịu áp lực của một dạng cảm xúc cực đoan nào đó. Đôi khi, họ thuộc nhóm những người khốn khổ cùng cực, hoặc họ là những người lạm dụng chất kích thích, hoặc là thủ hạ của một tên cầm đầu đầy dã tâm. Nhưng thường gặp nhất không phải những kẻ thuộc nhóm này mà là những kẻ không có lương tâm. Bởi chúng là *sociopath*.

Hắn là những việc làm xấu xa không tưởng tượng nổi mà chúng ta đọc trên báo và thường bị ngầm gán cho “bản chất con người” - cho dù những sự việc đó khiến cho những người bình thường như chúng ta thấy sốc - không hề phản ánh bản chất bình thường của con người, và chúng ta tự xúc phạm và hạ thấp bản

thân khi cho rằng như vậy. Bản chất trọng yếu của con người, dù không hề hoàn hảo, bị chế ngự phần lớn bởi ý thức liên kết giữa người với người. Còn những cảnh kinh hoàng mà chúng ta thấy trên ti-vi và có khi phải gánh chịu trong cuộc sống cá nhân không phải bản tính thường thấy của con người. Thay vào đó, một thứ hoàn toàn xa lạ với bản chất của chúng ta đã sinh ra nó - sự lạnh lẽo và hoàn toàn thiếu vắng lương tâm.

Tôi nghĩ đây là điều khó chấp nhận với nhiều người. Chúng ta khó lòng thừa nhận rằng một số kẻ vô liêm sỉ từ trong bản chất và số người còn lại không phải vậy. Điều này bắt nguồn một phần từ cái mà tôi gọi là “thuyết mặt tối” (shadow theory) về bản chất con người. Thuyết mặt tối - một quan điểm đơn giản và có lẽ chuẩn xác là bất kỳ ai cũng có một “mặt tối” không biểu hiện trong hành vi thông thường - mang ý nghĩa cực đoan rằng nếu một ai đó có cảm giác hoặc gây ra hành vi gì thì tất cả những người khác cũng có thể có cảm giác hoặc gây ra hành vi đó. Nói cách khác, trong hoàn cảnh nào đó (dù ta khó tưởng tượng được hoàn cảnh ấy là gì), bất kỳ ai trong số chúng ta cũng có thể trở thành một tay chỉ huy trại giết người tập trung, ví dụ vậy. Trớ trêu thay, chính những người tốt bụng và lương thiện lại thường là người ủng hộ lý thuyết này nhất, và đến mức độ cực đoan là cho rằng họ có thể trở thành kẻ giết người hàng loạt nếu rơi vào một tình huống kỳ quái nào đó. Thật là một cảm giác dân chủ và ít chỉ trích hơn (và phần nào cũng bớt kinh sợ hơn) khi người ta tin rằng ai cũng có mặt tối hơn là tin rằng một số kẻ hoàn toàn và vĩnh viễn sống trong bóng đêm đạo đức. Việc thừa nhận một số người quả thật là không có lương tâm không hoàn toàn giống với việc cho rằng một số người là ác quỷ, nhưng nó cũng gần sát một cách đáng lo ngại. Và người tốt rất không muốn tin vào sự hiện thân của cái ác.

Đương nhiên, dù không phải ai cũng có thể trở thành chỉ huy trại giết người tập trung, nhưng nhiều người nếu không muốn

nói là hầu hết mọi người đều có thể bỏ qua những hành vi man rợ của một kẻ như thế, bằng cách chối bỏ về mặt tâm lý, vứt bỏ đạo lý hay phục tùng mệnh lệnh một cách mù quáng. Khi được hỏi về cảm giác không còn an toàn trên thế giới này, Albert Einstein từng nói, “Thế giới là một nơi nguy hiểm để sống, không phải vì những kẻ ác, mà vì những người chỉ biết khoanh tay đứng nhìn cái ác.”

Để làm một điều gì đó đối với những kẻ vô liêm sỉ, trước hết, chúng ta phải nhận diện được chúng. Vậy thì, trong cuộc sống cá nhân, ta làm thế nào để nhận ra trong (trên dưới) 25 người có 1 kẻ không có lương tâm và có khả năng hủy hoại tài sản và hạnh phúc của chúng ta? Quyết định liệu rằng một người có đáng tin hay không thường đòi hỏi ta phải biết rõ người đó trong một thời gian dài, và việc phát hiện ra ai là *sociopath* tố thời gian nhiều hơn là nếu *sociopath* đó được đánh dấu trên trán. Tình thế gay go này đơn giản là một phần của điều kiện tạo nên con người. Nhưng ngay cả khi đã quen biết người đó, câu hỏi khẩn thiết được đặt ra vẫn là, “Làm cách nào để biết ai là người đáng tin cậy?” - hay quan trọng hơn, ai là kẻ *không* đáng tin.

Sau gần 25 năm lắng nghe câu chuyện của các nạn nhân về những *sociopath* đã thâm nhập và hủy hoại cuộc sống của họ, khi tôi được hỏi, “Làm thế nào để biết ai là người không đáng tin cậy?” câu trả lời mà tôi đưa ra thường khiến mọi người ngạc nhiên. Lê tự nhiên, họ kỳ vọng tôi sẽ miêu tả chi tiết một hành vi hung hăn hay một cử chỉ cụ thể hay cách dùng từ ngữ mang tính đe dọa nào đó để làm dấu hiệu cảnh báo. Thay vào đó, tôi khiến họ bất ngờ khi bảo đảm với họ rằng tất cả những điều này không phải là dấu hiệu cảnh báo, bởi vì không điều nào trong số những điều này là xác thực cả. Dấu hiệu rõ ràng nhất trong tất cả chính là màn kịch khơi dậy lòng trắc ẩn. Dấu hiệu xác thực nhất, hành vi phổ biến nhất của kẻ vô nhân tính, không phải đánh vào nỗi sợ như ta tưởng tượng, mà ngược lại, nó khơi gợi lòng thương xót ở mỗi con người.

Tôi học được điều này lần đầu tiên khi vẫn đang học cao học ngành tâm lý học và có cơ hội phỏng vấn một người do tòa án đưa đến và được xác định là *psychopath*. Hắn không phải là một kẻ bạo lực, mà hắn lừa tiền của mọi người bằng những trò đầu tư gian lận tinh vi. Cảm thấy tò mò về con người này và về động cơ thúc đẩy hắn - lúc đó tôi còn trẻ nên nghĩ loại người như hắn chắc đếm trên đầu ngón tay thôi - tôi hỏi, “Điều gì quan trọng đối với anh trong cuộc sống? Anh muốn điều gì hơn tất thảy những thứ khác?” Tôi nghĩ hắn sẽ trả lời “kiếm tiền,” hay “không ngồi tù,” vốn là những hoạt động mà hắn dành hầu hết thời gian vào đó. Thay vào đó, không chút đắn đo, hắn trả lời, “Ô dễ thôi. Cái mà tôi thích hơn tất thảy những thứ khác là khi người khác dành sự thương xót cho tôi. Thứ tôi thật sự muốn hơn bất kỳ thứ gì trên đời là lòng thương xót của người khác.”

Tôi cảm thấy kinh ngạc và rất khó chịu. Tôi nghĩ mình sẽ thích hắn hơn nếu hắn trả lời “không ngồi tù,” hay thậm chí “kiếm tiền.” Tôi cũng thấy khó hiểu. Cớ sao gã đàn ông này - hay bất kỳ kẻ nào khác - lại muốn được thương xót, chưa nói đến việc đặt điều này lên trên mọi mong muốn khác? Tôi không tưởng tượng nổi. Nhưng giờ đây, sau 25 năm lắng nghe các nạn nhân, tôi đã hiểu được lý do vì sao *sociopath* lại thích có được sự xót thương đến thế. Giống như cái mũi hiện sờ sờ trên gương mặt nhưng nếu không soi gương thì khó mà nhìn thấy được, lời giải thích ở đây là người tốt sẽ để những kẻ đáng thương thoát tội giết người, có thể nói là như vậy. Bởi thế, bất kỳ *sociopath* nào muốn tiếp tục cuộc chơi của hắn, bất kể là gì, sẽ hết lần này đến lần khác diễn màn kịch để có được không gì khác hơn ngoài lòng thương xót.

Trên cả sự ngưỡng mộ - thậm chí trên cả nỗi sợ hãi - lòng thương xót từ người tốt là sự trao quyền tự do hành động. Khi chúng ta động lòng thương hại, ít nhất trong khoảnh khắc ấy, chúng

ta trở nên không đề phòng, và giống như bao đức tính tốt đẹp khác kết nối chúng ta lại với nhau trong cộng đồng - vai trò xã hội và nghề nghiệp, gắn kết về mặt thể chất, coi trọng sự đam mê và sáng tạo, tôn trọng cấp trên - cảm xúc dễ tổn thương mà ta cảm nhận khi thương xót người khác bị những kẻ không có lương tâm lợi dụng để chống lại ta. Hầu hết chúng ta đều đồng ý rằng dành sự tha thứ đặc biệt cho một kẻ không biết hối hận là một ý tồi, nhưng thường thì khi kẻ đó tỏ vẻ đáng thương thì ta lại tha cho hắn.

Lòng thương xót và sự thương cảm là điều đúng đắn khi nó dành cho những ai “sa cơ lỡ vận.” Nhưng khi những cảm xúc này được khơi dậy bởi những kẻ không xứng đáng, những kẻ luôn có những hành vi chống xã hội, thì đó là một dấu hiệu chắc chắn cho thấy có điều bất ổn, một dấu hiệu cảnh báo về mối nguy mà ta thường bỏ sót. Có lẽ ví dụ dễ nhận thấy nhất chính là một người vợ có chồng là *sociopath* thường xuyên đánh đập cô ấy rồi lại ngồi ôm đầu bên bàn ăn rên rỉ rằng hắn không thể kiểm soát bản thân và rằng hắn là một kẻ khốn khổ nên cô ấy hãy mở lòng tha thứ cho hắn. Còn vô số ví dụ khác không kể hết, một số có hành vi trắng trợn hơn cả tên chồng vũ phu này, và một số thì lại cực kỳ tinh vi khó nhận ra. Và đối với những người có lương tâm trong chúng ta, những tình huống như thế, bất luận mức độ trơ tráo, dường như khiến ta cảm thấy như đang đối diện một dạng câu đố ghép hình về mặt cảm xúc mà trong đó hình nền (khơi gợi lòng thương xót) không ngừng che lấp nhận thức của chúng ta về bức ảnh quan trọng hơn ẩn đằng sau (hành vi chống xã hội).

Ngẫm kỹ lại, sự khơi gợi lòng thương xót của *sociopath* thật lố bịch và khủng khiếp. Skip đã ngụ ý rằng hắn đáng được thông cảm bởi vì hắn đã bẻ gãy tay cô thư ký. Doreen Littlefield tỏ vẻ đáng thương vì phải làm việc quá sức và vô cùng đau lòng khi chứng kiến nỗi đau của bệnh nhân. Trong tù, một Barbara

Graham duyên dáng mến đã trân trọng với các phóng viên rằng xã hội đã ngăn cản bà ta chăm sóc tốt cho các con. Và tương tự với những tên lính gác trại giết người tập trung đã đê cập trước đó - trong các cuộc thảm vấn năm 1945 trước Tòa án Tội ác Chiến tranh Nuremberg, bọn chúng đã nói về cái mùi kinh khủng khi phải canh lò đốt xác. Trong những cuộc phỏng vấn được chọn lọc bởi nhà sử học người Anh Richard Overy, bọn lính gác than phiền rằng chúng không nuốt nổi miếng bánh mì kẹp khi làm nhiệm vụ.

Sociopath không quan tâm đến bất kỳ điều gì về khế ước xã hội, nhưng bọn chúng thật sự biết cách lợi dụng điều đó để có lợi. Nói tóm lại, tôi chắc chắn rằng nếu trên đời này có ác quỷ tồn tại, thì nó sẽ muốn chúng ta cảm thấy xót thương cho nó.

Khi quyết định ai là người đáng tin, hãy luôn ghi nhớ một điều rằng dấu hiệu cảnh báo dễ nhận thấy nhất về *sociopath* chính là hàn liên tục có những hành vi xấu xa hoặc cực kỳ phi lý kết hợp với màn khơi dậy lòng thương xót nơi bạn. Một người có cả hai dấu hiệu trên không nhất thiết phải là kẻ giết người hàng loạt hay thậm chí là kẻ bạo lực, nhưng chắc chắn đó không phải là người mà bạn muốn kết giao, trở thành đối tác làm ăn, nhờ chăm sóc con cái hoặc lấy làm vợ chồng.

LUKE ĐÁNG THƯƠNG

Thành tố quan trọng nhất trong khế ước xã hội thì sao? Tình yêu thì sao? Dưới đây là bi kịch thảm lặng của một người phụ nữ, một câu chuyện sẽ không bao giờ xuất hiện trên bản tin 6 giờ.

Bệnh nhân Sydney của tôi không đẹp. Cô 45 tuổi, có mái tóc vàng sẫm màu đã ngả bạc và vóc dáng vốn không hấp dẫn giờ thêm vẻ xồ xề của người phụ nữ đã qua sinh nở. Nhưng cô sở

hữu trí thông minh và đã đạt được nhiều thành tựu trong học thuật và chuyên môn. Tại một trường đại học ở bang Florida quê nhà, cô đã được bổ nhiệm làm phó giáo sư dịch tễ học trước tuổi 30. Cô nghiên cứu về hiệu quả của các bài thuốc dân gian đối với người dân bản địa, và trước khi kết hôn, cô đã đi nhiều nơi đến Malaysia, Nam Mỹ và vùng Caribe. Khi chuyển từ bang Florida đến Massachusetts, cô làm cố vấn cho một nhóm nghiên cứu được liệu dân gian có trụ sở tại Cambridge. Nhưng tôi quý cô nhất ở phong thái hòa nhã và cách suy nghĩ sâu sắc trong cuộc sống. Một trong những điều tôi nhớ nhất là giọng nói ấm áp nhẹ nhàng của cô trong 15 buổi trị liệu ngắn ngủi mà chúng tôi đã có cùng nhau.

Sydney đã ly hôn một người đàn ông tên Luke. Cuộc ly hôn này làm tiêu tốn nhiều khoản tiết kiệm của cô và khiến cô lâm vào cảnh nợ nần, bởi vì cô muốn giành quyền nuôi con, bé Jonathan tròn 8 tuổi vào thời điểm tôi quen biết Sydney, và chỉ mới 5 tuổi lúc cô ly hôn. Luke cũng nhảy vào đòi nuôi con nhưng không phải vì hận yêu thương bé Jonathan, mà vì hận nỗi điên với Sydney khi cô tống cổ hán ra khỏi nhà cô.

Ngôi nhà ở Nam Florida có hồ bơi. Luke mê hồ bơi đó lắm.

Sydney nói với tôi, “Khi tôi gặp Luke, anh ta sống trong một căn hộ nhỏ tồi tàn. Đáng lẽ lúc đó tôi phải nhận ra dấu hiệu cảnh báo, một người đàn ông 35 tuổi từng học lên cao học ngành quy hoạch đô thị ở NYU lại sống ở một nơi chật hẹp kinh khủng đó. Nhưng tôi đã phớt lờ điều đó. Anh ta nói anh ta rất thích hồ bơi lớn của khu chung cư. Thế nên khi anh ta biết tôi có hận một hồ bơi riêng, anh ta vui hết cỡ. Tôi có thể nói gì với chị đây? Chồng tôi lấy tôi vì cái hồ bơi của tôi. Thật ra thì không hoàn toàn là vậy nhưng ngẫm lại, anh ta lấy tôi chắc chắn một phần là vì nó.”

Sydney đã không chú ý đến lối sống của Luke và về việc hắn ta mê những thứ cô có, bởi vì cô tưởng mình đã gặp được một người đàn ông hiếm có - 35 tuổi, hấp dẫn, cực kỳ thông minh, chưa vợ, có sở thích giống cô và đối xử tốt với cô.

“Ban đầu, anh ta đối xử với tôi rất tốt, phải nói là như vậy. Anh ta đưa tôi đi chơi, lúc nào cũng nhớ tặng hoa cho tôi. Tôi còn nhớ những đóa hoa thiên điểu đựng trong chiếc hộp dài, những bông hoa màu cam. Tôi đã phải chạy đi mua những chiếc bình cổ cao để cắm hoa. Tôi cũng không biết nữa. Anh ta nói chuyện nhỏ nhẹ và có nét duyên ngầm - chúng tôi có những buổi trò chuyện rất thú vị. Anh ta cũng thuộc kiểu người học thuật như tôi, hoặc tôi cho là thế. Khi tôi gặp anh ta, anh ta đang làm một dự án quy hoạch thông qua một người bạn ở trường đại học. Anh ta lúc nào cũng mặc vest. Thật sự thì tôi gặp anh ta ở trường đại học. Một nơi đẳng hoàng, tử tế để gặp gỡ một ai đó, chỉ nói có đúng không? Anh ta nói với tôi là anh ta nghĩ giữa chúng tôi có nhiều điểm chung, và tôi đã tin anh ta.”

Vài tuần sau đó, Sydney biết được là từ năm 20 tuổi hay cỡ độ tuổi đó, Luke đã sống chung với hết cô này đến cô khác, luôn ở nhà của họ, và việc hắn có một nơi ở riêng, thậm chí là một nơi nghèo nàn, là điểm xuất phát bất thường để hắn đến được chỗ ở yêu thích. Nhưng cô cũng bỏ qua cả thông tin này, bởi vì cô yêu hắn. Và cô nghĩ hắn cũng yêu cô, bởi vì đó là những gì hắn nói với cô.

“Tôi chỉ là một học giả ăn mặc xuề xòa. Chưa có ai đối xử lãng mạn với tôi đến thế. Đó là khoảng thời gian rất vui vẻ - tôi phải thú nhận điều này. Tiếc là nó quá ngắn ngủi. Dù sao thì... tôi, một phụ nữ 35 tuổi vẻ ngoài loli thôi, chỉ biết đến công việc, bất chợt nghĩ đến một lễ cưới trong nhà thờ, tất cả mọi thứ. Tôi chưa từng làm vậy trước đây. Ý tôi muốn nói là tôi cứ nghĩ đó chỉ là chuyện cổ tích dành cho các cô bé, chứ không phải dành

cho tôi. Đó là điều tôi chưa từng có - hoặc muốn có - và rồi tôi muốn một đám cưới, thậm chí lên *kế hoạch* tổ chức nó.”

“Còn về việc anh ta từng sống dựa vào những cô gái kia - chị có tin được là tôi thật sự thấy xót thương anh ta hay không? Tôi nghĩ anh ta đang tìm một người phù hợp hay đại loại vậy, và họ thường đá anh ta đi sau một thời gian. Böyle giờ thì tôi đã hiểu tại sao, nhưng lúc đó thì tôi chẳng hiểu gì. Tôi nghĩ anh ta thật cô đơn làm sao, thật buồn làm sao. Anh ta kể lại là một cô trong số đó đã chết trong một tai nạn xe. Anh ta đã khóc khi kể tôi nghe chuyện này. Tôi thấy anh ta thật đáng thương.”

Sáu tuần sau lần gặp gỡ, Luke chuyển vào nhà của Sydney, và 8 tháng sau đó, họ kết hôn, một lễ cưới trang trọng ở nhà thờ, cùng một bữa tiệc thịnh soạn do gia đình cô chi trả.

“Chẳng phải gia đình cô dâu luôn trả tiền cho lễ cưới hay sao?” cô hỏi tôi với vẻ châm biếm.

Hai tháng sau hôn lễ, Sydney phát hiện mình mang thai. Trước đó, cô luôn muốn có con nhưng chưa bao giờ nghĩ mình sẽ lấy chồng. Böyle giờ, giấc mơ làm mẹ của cô đã thành hiện thực, và cô ngập tràn hạnh phúc.

“Điều này như là một điều kỳ diệu đối với tôi, đặc biệt là khi em bé trong bụng bắt đầu cử động. Tôi liên tục nhủ thầm, trong bụng mình có một sinh linh, một người mà mình sẽ yêu thương suốt cuộc đời này. Thật diệu kỳ. Rõ ràng là Luke không hề phản khích như tôi, nhưng anh ta vẫn nói là anh ta cũng muốn có con. Anh ta nói là anh ta cảm thấy lo lắng. Anh ta cho là tôi trở nên xấu xí khi mang bụng bầu, nhưng lúc đó tôi lại nghĩ anh ta thành thật hơn đa số đàn ông khác. Thật nực cười, phải không?”

“Tôi vui mừng về chuyện có con đến nỗi tôi không để cho bản thân biết những gì tôi nghĩ là tôi đã biết. Tôi nghĩ là lúc có thai tôi đã nhận ra cuộc hôn nhân này sẽ không bền chặt. Bác sĩ bảo tôi là sau 3 tháng thì nguy cơ sảy thai đã giảm, và dĩ nhiên là tôi tin như vậy, và vào tháng thứ tư, tôi đi mua cũi cho em bé. Tôi còn nhớ vào ngày người ta giao cũi đến nhà, Luke về nhà và bảo tôi anh ta đã bỏ việc. Vậy đó. Như thể anh ta biết giờ đây anh ta đã có được tôi. Tôi sắp sinh con, và vì vậy tôi chắc chắn sẽ chăm lo mọi thứ. Tôi sẽ lo tài chính cho anh ta bởi vì bây giờ tôi không có lựa chọn. Anh ta đã nhầm về chuyện này, nhưng tôi có thể hiểu tại sao anh ta nghĩ vậy. Chắc hẳn anh ta nghĩ tôi sẽ làm mọi thứ để giữ gia đình này vẹn nguyên.”

Tất nhiên, đó không phải là điều Luke nói với Sydney, hay với bạn bè và gia đình cô. Hắn ta nói với họ rằng hắn ta bị trầm cảm nặng đến độ không làm việc nổi, và bất kỳ khi nào có người ở xung quanh là hắn ta im lặng, tỏ vẻ e dè, đại khái là đóng vai người trầm cảm. Để làm mọi chuyện rối bời hơn cho Sydney, một số người nói với cô rằng trầm cảm là hiện tượng thường gặp ở những người lần đầu làm cha.

Sydney nói với tôi, “Nhưng tôi chưa bao giờ thật sự nghĩ anh ta bị trầm cảm. Có điều gì đó không đúng. Thỉnh thoảng, tôi cũng hơi trầm cảm một chút nhưng biểu hiện không giống như vậy. Chẳng hạn như anh ta tràn trề năng lượng khi làm một việc mà anh ta thật sự muốn làm. Và còn nữa - chuyện nhỏ thôi nhưng nó khiến tôi nổi điên - anh ta không chịu chữa bệnh. Tôi đề nghị chúng tôi bỏ tiền ra để cho anh ta đi gặp bác sĩ trị liệu, hoặc có thể là mua thuốc uống. Nhưng anh ta tránh lời đề nghị đó như tránh tà vậy.”

Khi bé Jonathan chào đời, Sydney nghỉ thai sản 2 tháng để chăm con, nghĩa là gia đình 3 người ở nhà cùng nhau, vì Luke không đi làm. Nhưng Luke hiếm khi nhìn đến cậu con trai mới

sinh, mà hắn ta thích ngồi đọc tạp chí bên hồ bơi hay ra ngoài chơi với bạn bè hơn. Và khi Jonathan khóc, như mọi em bé sơ sinh khác, Luke trở nên tức giận, đôi khi nổi cơn thịnh nộ và yêu cầu Sydney phải làm cho bé nín ngay.

“Anh ta hành xử như đang bị tra tấn hành hạ vậy, tôi nghĩ đúng là vậy luôn đó. Anh ta bịt tai lại, vẻ mặt nhăn nhó và đi tới đi lui như thể tiếng con khóc làm *anh ta* khổ sở lắm. Tôi nghĩ là anh ta muốn tôi phải thương xót anh ta hay sao đó. Thật là ớn lạnh. Tôi sinh mổ, và thời gian đầu tôi thật sự cần sự giúp đỡ, nhưng về sau tôi lại ước gì hai mẹ con tôi được ở một mình với nhau.”

Chính những người đã nói với Sydney về chứng trầm cảm của những người lần đầu làm cha bây giờ lại khẳng định với cô về việc những người mới làm cha thường cảm thấy không thoải mái khi ở gần đứa con sơ sinh nên sẽ giữ khoảng cách với đứa bé trong một khoảng thời gian. Họ khẳng khăng rằng Luke cần sự thông cảm và kiên nhẫn.

“Nhưng Luke không ‘giữ khoảng cách’ theo cách họ nghĩ. Anh ta hoàn toàn dửng dung. Có lẽ anh ta xem Jonathan như tấm giẻ rách - một tấm giẻ rách gây phiền toái. Nhưng mà chỉ biết không, tôi muốn tin những con người đó. Tôi muốn tin rằng bằng cách nào đó, *cách nào đó*, nếu tôi đủ thấu hiểu và kiên nhẫn, mọi chuyện sẽ ổn. Chúng tôi cuối cùng sẽ là một gia đình thật sự - tôi muốn tin như vậy biết bao.”

Hết thời gian nghỉ thai sản, Sydney trở lại làm việc và Luke tiếp tục ngồi chơi bên hồ. Sydney liên hệ trung tâm để tìm một người giữ trẻ vào ban ngày, bởi vì rõ ràng là Luke sẽ không chăm sóc Jonathan. Sau vài tuần, cô gái giữ trẻ nói riêng với Sydney rằng cô cảm thấy “kỳ quặc” khi giữ một đứa bé mà người cha luôn ở cạnh nhưng không hề quan tâm gì đến con mình.

“Em không hiểu tại sao anh ấy chẳng bao giờ ngó ngàng đến con mình. Anh ấy có bị sao không chị?” cô giữ trẻ dè dặt hỏi Sydney.

Sydney lấy những lời biện minh mà Luke đã nói để đáp lại một cách hổ thẹn, “Anh ấy đang trải qua một giai đoạn khó khăn. Em cứ vờ như anh ấy không có ở đó là được.”

Sydney diễn tả lại cách cô giữ trẻ nhìn qua cửa kính về phía hồ bơi, đoán chừng có thể thấy Luke đang ngồi thư giãn trong ánh nắng chiều. Nghiêng đầu sang một bên vì hiếu kỳ, cô thì thầm, “Một người đàn ông đáng thương.”

Sydney nói với tôi, “Tôi sẽ luôn nhớ câu đó. ‘Một người đàn ông đáng thương.’ Luke đáng thương. Đó đúng là cảm giác mà thỉnh thoảng tôi cũng cảm thấy về anh ta mặc dù không muốn.”

Nhưng sự thật là người mà Sydney kết hôn không hề “đáng thương,” không hề bị trầm cảm do lần đầu làm cha, cũng không phải đang trải qua giai đoạn khó khăn trong cuộc sống. Thay vào đó, hắn ta chính là *sociopath*. Luke không có ý thức trách nhiệm với ai, và hành vi của hắn, dù không mang tính bạo lực, nhưng lại phản ánh sự thật nguy hiểm này. Đối với Luke, luật lệ xã hội và những kỳ vọng giữa người với người chỉ nhằm phục vụ lợi ích của hắn mà thôi. Hắn nói với Sydney rằng hắn yêu cô và sau đó tiến xa đến mức là cưới cô làm vợ, chủ yếu là để có cơ hội đắm mình vào cuộc sống thoái mái mà cô học công gây dựng. Hắn dùng những ước mơ tha thiết, thầm kín nhất của vợ mình để thao túng cô, và đưa con là một gánh nặng mà hắn gồng mình chịu đựng chỉ vì nhờ có đứa bé, có vẻ như vợ hắn mới chấp nhận sự hiện diện của hắn. Nếu không thì hắn phớt lờ luôn cả “núm ruột” của mình.

Chẳng bao lâu sau, hắn cũng phớt lờ luôn cả Sydney.

“Giống như là có một người khách ở trọ trong nhà, một người khách mà chị không ưa và người khách này cũng không trả tiền trọ. Anh ta cứ ở lì vậy đó. Hầu hết thời gian, chúng tôi kiểu đời ai nấy sống. Đời hai mẹ con tôi và đời anh ta. Tôi thật sự không biết anh ta làm gì cả ngày. Có khi anh ta bỏ đi một hai ngày. Tôi không biết anh ta đi đâu - tôi đã không còn quan tâm đến điều đó. Cũng có khi anh ta rủ bạn bè đến nhậu, luôn không báo trước, khiến nhiều lúc tôi thấy phiền. Và anh ta khiến hóa đơn điện thoại tăng vọt. Nhưng thường thì anh ta chỉ ngồi bên hồ bơi, hoặc khi thời tiết xấu thì anh ta vào nhà xem ti-vi, hoặc chơi game trên máy tính, loại game mà bọn nhóc 13 tuổi hay chơi ấy.”

“Ô, suýt nữa thì tôi quên - trong nhiều tháng liền, anh ta sưu tầm tranh in đá. Tôi không biết điều gì thôi thúc anh ta, nhưng anh ta thật sự hứng thú với nó trong một thời gian. Anh ta mua một bức tranh mới - tôi nói chị nghe, nó rất đắt tiền - anh ta mang về cho tôi xem, hào hứng như một đứa trẻ, như chẳng có chuyện vấn đề gì giữa chúng tôi và anh ta muốn tôi xem bức tranh mới trong bộ sưu tập tranh của anh ta. Chắc hẳn anh ta đã sưu tầm được khoảng 30 bức - không bao giờ lồng vào khung - và rồi một ngày nọ, anh ta ngừng lại. Không còn hứng thú với tranh in đá. Chấm hết.”

Thỉnh thoảng, *sociopath* thể hiện niềm hứng thú mãnh liệt nhất thời - sở thích, dự án, gấp gõ mọi người - chứ không theo đuổi lâu dài hoặc gắn bó. Những sở thích này thường bắt đầu đột ngột, không có lý do và cũng kết thúc theo cách đó.

“Tôi mới có chồng và mới sinh con. Lẽ ra khoảng thời gian này phải là một trong những khoảng thời gian hạnh phúc nhất của cuộc đời tôi, nhưng đó lại là một trong những thời điểm đen tối nhất. Tôi đi làm về, mệt rã rời, và cô gái giữ trẻ cho tôi biết cả ngày Luke hầu như không ngó đến Jonathan lấy một lần, và

sau một thời gian, chồng tôi bắt đầu chán ghét tôi đến mức tôi thậm chí không thể ngủ trong phòng ngủ nữa. Nói ra thật xấu hổ nhưng tôi ngủ trong phòng dành cho khách suốt cả một năm trời.”

Nhìn chung, khó khăn lớn nhất của Sydney khi kể tôi nghe câu chuyện của cô ấy là sự hổ thẹn đau đớn về những gì đã xảy ra trong cuộc đời mình. Như cách cô nói, “Chị không thể tưởng tượng tôi cảm thấy nhục nhã thế nào khi thú nhận chuyện đó, ngay cả khi thú nhận với bản thân mình, là tôi đã lấy một người như thế. Và tôi cũng không phải là một đứa trẻ khi làm điều đó. Lúc đó tôi 35 tuổi, chưa kể là đã đi khắp thế giới nhiều lần rồi. Lê ra tôi nên khôn ngoan hơn. Nhưng tôi đã không nhận ra. Tôi không nhận ra gì cả, mà để an ủi thì tôi nghĩ chẳng ai xung quanh tôi vào thời điểm đó nhận ra được. Giờ thì họ nói với tôi là họ không ngờ anh ta cư xử như vậy. Và mỗi người có một giả thuyết khác nhau về việc ‘Luke bị làm sao vậy.’ Nếu không phải là chuyện xấu hổ như vậy thì nó đã thành trò cười. Bạn bè tôi đoán già đoán non từ bệnh tâm thần phân liệt cho đến chứng rối loạn giảm tập trung. Chị tưởng tượng được không?”

Không có gì bất ngờ khi không một ai đoán được rằng đơn giản là Luke không có lương tâm và đây là lý do tại sao hắn ta phủ bỏ trách nhiệm với vợ con. Cách hành xử của Luke không trùng khớp với hình dung của bất kỳ ai về *sociopath*, ngay cả *sociopath* không bạo lực, bởi vì Luke, dù có chỉ số IQ cao nhưng lại thụ động. Hắn không “cắt cổ” người khác, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, để có được tiền tài hoặc địa vị. Hắn không phải là “cá mập nơi công sở,” và chắc chắn không phải thuộc kiểu người mồm mép, nhiều năng lượng như Skip. Hắn thậm chí không có đủ sức để làm một tên bịp bợm bình thường, cũng không có gan cướp ngân hàng (hay bưu điện). Hắn không phải là kiểu người chủ động, mà là loại người thụ động. Khát vọng chính của hắn là ngồi một chỗ, né tránh công việc, và có người mang lại cho

hắn một cuộc sống thoái mái, và hắn cố gắng vừa đủ để đạt được mục tiêu thường thường bậc trung ấy.

Vậy thì làm thế nào mà cuối cùng Sydney đã nhận ra bản chất không biết hối hận của hắn? Đó là trò lấy lòng thương cảm.

“Thậm chí sau cuộc ly hôn cực kỳ tồi tệ ấy, anh ta vẫn lảng vảng quanh nhà tôi, và thật sự là hầu như ngày nào cũng vậy. Anh ta thuê một căn hộ nhếch nhác khác và ngủ ở đó, còn ban ngày thì anh ta đến nhà tôi. Giờ thì tôi biết lẽ ra tôi không nên cho phép anh ta, nhưng lúc đó tôi thấy thương xót anh ta, và anh ta cũng để ý đến Jonathan hơn một chút. Khi Jonathan đi học mẫu giáo về, thỉnh thoảng Luke còn đợi bé ở trạm xe buýt đưa đón của trường, dẫn bé về nhà, dạy bé tập bơi hay gì đó. Tôi không còn cảm giác gì đối với người đàn ông này. Tôi thật sự không bao giờ muốn nhìn thấy anh ta nữa, nhưng tôi cũng không hẹn hò ai khác - sao mà dám tin một người đàn ông nào khác nữa đây? - và lúc đó, tôi nghĩ nếu Jonathan thân thiết với bố, được bố quan tâm một chút thì cũng tốt thôi. Tôi nghĩ có phiền cũng đáng nếu con tôi ít ra có được một phần của người cha.”

“Sai lầm ở chỗ đó. Chị tôi là người hiểu vấn đề. Chị ấy nói, ‘Luke không quan tâm đến Jonathan đâu. Nó quan tâm đến ngôi nhà của em.’ Và hỡi ôi, chị ấy nói đúng. Nhưng lúc đó tôi không bở được anh ta. Mọi thứ trở nên thật sự kinh khủng và phức tạp và... ớn lạnh. Thật sự ớn lạnh.”

Cô rùng mình, hít một hơi sâu rồi kể tiếp.

“Khi Jonathan vào lớp Một, tôi biết mình phải đẩy Luke ra khỏi cuộc sống của chúng tôi vĩnh viễn. Không yên bình chút nào, à không... tôi muốn nói là không vui vẻ chút nào. Khi có ai đó cứ quanh quẩn bên chị mà không hề quan tâm đến chị thì thật sự sẽ khiến cuộc sống của chị không còn chút bình yên và vui vẻ

nào. Anh ta cứ xuất hiện. Anh ta vào nhà, hoặc ra hồ bơi thư giãn, như thể anh ta vẫn còn sống ở đó vậy, khiến tôi phát rầu và cực kỳ căng thẳng. Thế là tôi ngồi trong nhà, kéo rèm cửa lại để anh ta không lọt vào tầm mắt. Thật muốn phát điên. Sau đó, tôi nhận thấy tinh thần của Jonathan cũng đi xuống. Bé cũng không muốn Luke quanh quẩn ở đó.

“Vậy nên tôi yêu cầu anh ta rời đi. Rõ ràng là nếu tôi ở nhà người khác và họ yêu cầu tôi đi, tôi sẽ đi - phải không? - ít nhất là vì lòng tự trọng. Luke thì không. Anh ta hành xử như không nghe tôi nói, thái độ này khiến tôi cảm thấy ớn lạnh, còn không thì anh ta đi đâu đó một lúc rồi quay lại như không có chuyện gì xảy ra. Vì thế tôi thật sự nổi giận, và thay vì yêu cầu nhẹ nhàng, tôi gào thét đuổi cỗ anh ta đi, hoặc tôi đe dọa gọi cảnh sát. Và chỉ biết anh ta đã làm gì không?”

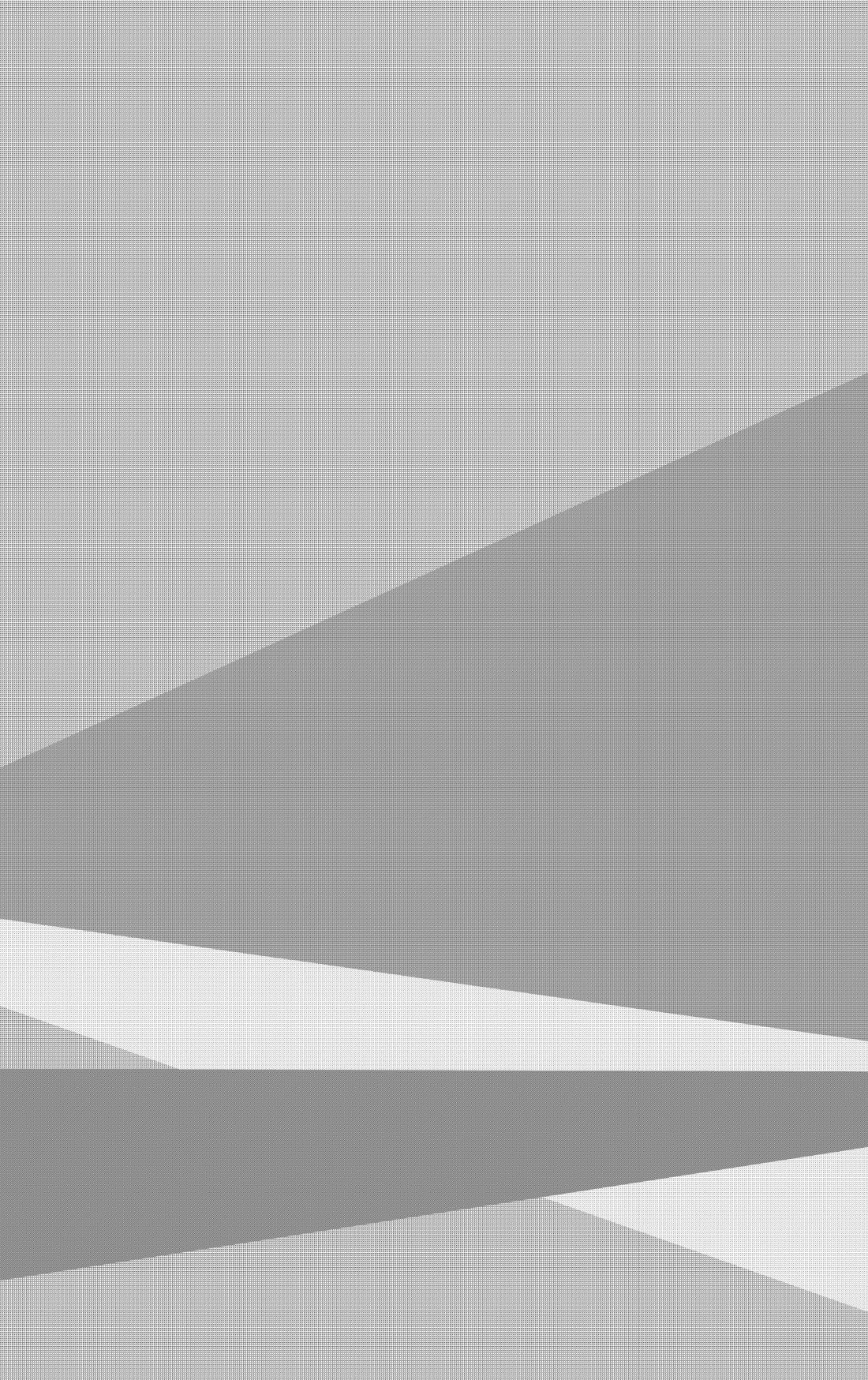
“Hắn sử dụng Jonathan,” tôi nói.

“Đúng vậy. Sao chị biết? Anh ta sử dụng Jonathan. Ví dụ có lần, chúng tôi đang ngồi bên hồ bơi, cả ba chúng tôi, và Luke bật khóc. Thật sự là anh ta chảy nước mắt. Rồi tôi nhớ là anh ta nhặt cái vợt lên và bắt đầu vớt rác hồ bơi, kiểu như một người khốn khổ đang thật lòng muốn giúp đỡ, rồi Jonathan cũng khóc và nói - tôi sẽ nhớ câu này suốt đời - ‘Ôi, bố đáng thương quá. Mình có phải đuổi bố đi không mẹ?’”

“Lúc đó, Luke nhìn tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, cảm giác đó như thể tôi chưa từng gặp anh ta trước đây. Anh ta trông như một con người khác. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy đôi mắt nào ớn lạnh như vậy, ánh mắt lạnh như băng - rất khó diễn tả. Bất chợt tôi nhận ra rằng trong tâm trí của Luke, đây là một kiểu trò chơi kiểm soát, một trò chơi mà tôi thua đứt. Tôi chết sững.”

Trong vòng một năm sau cảnh tượng này bên hồ bơi, Sydney rời Florida cũng như rời công việc ở trường đại học và cùng với Jonathan chuyển đến Boston để sống gần chị cô, cách xa Luke 2.400 km. Vài tháng sau đó, cô bắt đầu đợt trị liệu ngắn với tôi. Cô cần vượt qua một số vấn đề còn sót lại của cuộc hôn nhân, đặc biệt là cảm giác tự trách bản thân vì đã kết hôn với Luke. Cô là một người vô cùng mạnh mẽ, và tôi có đủ lý do để tin rằng cuộc sống của cô hiện đã hạnh phúc hơn. Thỉnh thoảng, cô đùa rằng trong trường hợp của cô với Luke, giải pháp “xa mặt cách lòng” lại có tác dụng, mặc dù cô biết rằng hành trình tha thứ bản thân sẽ phức tạp hơn.

Sydney đã có được sự hiểu biết về việc người chồng cũ không có lương tâm, và nhận thức mới này hữu ích với cô. Mối lo ngại lớn nhất còn lại của cô là sự tổn thương tình cảm của cậu con trai 8 tuổi, bé Jonathan. Lần cuối cùng tôi gặp Sydney, cô nói với tôi rằng mẹ con cô vẫn có những cuộc nói chuyện nhạt nhòa nước mắt về Florida và về việc bé cảm thấy thương xót bối rối đến mức nào.



bảy

NGUYÊN NHÂN CỦA CHỨNG BỆNH KHÔNG BIẾT HỐI HẬN: ĐIỀU GÌ TẠO RA SOCIOPATH?

Từ thời còn trẻ, tôi đã tự hỏi sao mà có quá nhiều kẻ lấy trò sỉ nhục người khác làm thú vui. Rõ ràng, việc một số người thấu cảm với khổ đau của người khác cho thấy thói thúc làm tổn thương người khác không phải là đặc điểm phổ biến của bản chất con người.

- Alice Miller

Xét về nhiều mặt, Luke, Doreen và Skip khác xa nhau. Luke ưa chuộng sự thụ động. Anh ta thích nằm ườn ra và để cho những “người bạn” có tinh thần trách nhiệm và người thân trong gia đình chăm lo mọi việc. Doreen thèm muốn chiếm đoạt và không bao giờ biết thỏa mãn. Cô ta hao tổn tâm sức nhằm hạ người khác xuống để nâng bản thân mình lên. Còn Skip muốn thống trị thế giới vì lợi ích cá nhân, dĩ nhiên, và xem đó là một trò giải trí quy mô lớn. Nhưng ba con người có động cơ khác hẳn nhau này có điểm chung là *chúng có thể làm bất cứ điều gì để đạt được tham vọng cá nhân mà không một chút hối hận nào*. Mỗi người bọn chúng khao khát một mục đích khác nhau, nhưng cả ba đều giành được thứ mình muốn theo cùng một kiểu là không hề cảm thấy hổ thẹn. Skip làm trái luật, hủy hoại sự nghiệp và cuộc sống của người khác nhưng hắn vẫn thản nhiên như không. Doreen sống

một cuộc đời dối trá, giày vò bệnh nhân để có được cảm giác hào hứng từ việc hạ thấp hình ảnh của đồng nghiệp, và cô ta làm tất cả chuyện này mà không có chút ngượng ngùng hay cảm thấy có trách nhiệm. Luke kết hôn mà không hề yêu một người phụ nữ đang muốn xây dựng tổ ấm, vì hắn muốn có người chăm lo cho hắn và một ngôi nhà có hồ bơi không mất tiền thuê. Rồi sau đó, hắn đánh cắp một phần hạnh phúc thời thơ ấu của con trai hắn, nhằm duy trì sự lệ thuộc của đứa trẻ vào hắn. Và hắn đưa ra những quyết định đó mà không chút đắn đo, nói chi đến cảm giác dằn vặt vì tội lỗi.

Không kẻ nào trong số những kẻ này có nhận thức về bản phận đi kèm với sự gắn bó tình cảm. Buồn thay, mặc dù đây là đặc điểm chung nhưng nó không khiến bọn chúng trở nên cực kỳ hiếm hoi mà nó khiến bọn chúng trở nên khác biệt sâu sắc với tất cả những người thật sự có lương tâm. Cả ba đều là thành viên thuộc một nhóm tách biệt, một nhóm người có chung nét đặc trưng - không có lương tâm - xuyên suốt những đặc điểm tính cách khác, thậm chí giới tính xét theo phương diện là mỗi cá nhân có cách nhận thức môi trường xung quanh và sống cuộc đời riêng. Doreen giống Luke và Skip hơn là giống bất kỳ người phụ nữ nào có lương tâm trên thế giới, còn Luke kiệm lời và Skip quyền lực giống nhau hơn là giống bất kỳ người đàn ông hay phụ nữ nào có lương tâm và có bất kỳ đặc điểm tính cách nào.

Điều gì vạch ra đường phân chia sâu sắc nhưng vô hình một cách kỳ lạ này giữa loài người? Tại sao một số người lại không có lương tâm? Điều gì tạo ra *sociopath*?

Tương tự nhiều đặc điểm tính cách khác của con người, cả về phương diện sinh lý lẫn tâm lý học, câu hỏi chính yếu nằm ở bản chất tự nhiên hay quá trình dưỡng dục. Tính cách này là do trời sinh hay do môi trường tạo ra? Đối với những điểm

đặc trưng thuộc tâm lý phức tạp nhất, câu trả lời là do cả hai, có khả năng lăm chừ. Nói cách khác, xu hướng của tính cách là bẩm sinh nhưng môi trường quyết định cách nó thể hiện. Điều này đúng với những tính cách mà chúng ta xem là tiêu cực và với những tính cách mà chúng ta cho là tích cực. Ví dụ, trí thông minh của một người có vẻ như chủ yếu là do di truyền nhưng các yếu tố môi trường cũng ảnh hưởng, chẳng hạn như chăm sóc tiền sản, sự kích thích giai đoạn đầu đời, chế độ dinh dưỡng và kể cả thú tự ra đời.

Các nhà tâm lý học đã biết từ lâu rằng nhiều mặt tính cách như tính hướng ngoại và tính nhạy cảm thái quá đều do các yếu tố di truyền ảnh hưởng ở một mức độ nào đó. Nhiều nghiên cứu đã đưa ra bằng chứng khoa học cho vấn đề này khi so sánh những trẻ sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng. Tiền đề cơ bản trong nghiên cứu này là những cặp song sinh cùng trứng có chung môi trường và chung bộ gien, trong khi cặp song sinh khác trứng có chung môi trường nhưng chỉ giống nhau nửa bộ gien. Đối với bất kỳ nét tính cách nào, các nhà khoa học cho rằng nếu sự tương đồng (hoặc giống nhau) của cặp song sinh cùng bộ gien lớn hơn đáng kể so với mối tương quan của cặp song sinh khác bộ gien, thì ít nhất có sự ảnh hưởng nào đó về gien lên nét tính cách này.

Các nhà nghiên cứu sử dụng con số làm nhân đôi sự khác biệt giữa mối tương quan của cặp sinh đôi cùng trứng và cặp sinh đôi khác trứng để chỉ ra rằng lối tư duy khác nhau là do yếu tố gien quyết định. Con số này được xem là “sự di truyền” của tính cách, và những nghiên cứu trên các cặp sinh đôi đã chứng minh rằng đặc điểm tính cách được quyết định bởi bảng câu hỏi (như tính hướng ngoại, nhạy cảm thái quá, tính độc đoán, sự đồng cảm, v.v.) có khả năng di truyền từ 35% đến 50%. Nói cách khác, các nghiên cứu về các cặp sinh đôi chỉ ra rằng xác suất hầu hết tính cách của con người có nguồn gốc bẩm sinh là 35-50%.

Những nghiên cứu về tính di truyền chứa đựng thông tin quan trọng về *sociopath*. Một số nghiên cứu trong đó bao gồm *Thang đo Pd (Psychopathic Deviate)* về mức độ rối loạn nhân cách trong *Bảng đánh giá Đa nhân cách của Đại học Minnesota (MMPI)*. Thang đo Pd trong MMPI có các câu hỏi nhiều lựa chọn được sắp xếp nhằm phân loại nhóm người mang đặc điểm tính cách *sociopath* với các nhóm người còn lại. MMPI còn có nhiều thang đo tính xác thực bao gồm “Thang đo dối trá” để vạch trần những chiêu trò qua mặt bài kiểm tra. Nhìn chung, các nghiên cứu này cho thấy xác suất các cặp sinh đôi cùng trứng có số điểm tương tự nhau trên Thang đo Pd là cao gấp đôi hoặc hơn so với các cặp sinh đôi khác trứng. Điều này cho thấy một cách mạnh mẽ rằng gien di truyền có vai trò nào đó liên quan đến mức độ rối loạn nhân cách (mức độ Pd).

Vào năm 1995, một nghiên cứu lớn mang tính dài hạn đã được công bố về việc điều tra những đặc điểm của *sociopath* và sự thiếu vắng những đặc điểm đó trên 3.226 cặp sinh đôi nam được xác định thông qua danh sách đăng ký của những người đã phục vụ trong quân đội Mỹ trong suốt cuộc Chiến tranh Việt Nam. Với cùng một mô hình toán học, người ta phát hiện ra 8 triệu chứng vô nhân tính và sự thiếu vắng 8 triệu chứng này có tính di truyền đáng kể. Theo thứ tự giảm dần về mặt di truyền trên lý thuyết, 8 triệu chứng đó là: “không tuân theo các chuẩn mực xã hội,” “hung hăng,” “liều lĩnh,” “bốc đồng,” “không tuân thủ nghĩa vụ tài chính,” “việc làm không nhất quán,” “không theo quan điểm một vợ một chồng,” và “không biết ăn năn hối cải.” Mặc dù vậy, những nghiên cứu khác còn phát hiện ra rằng *sociopath* khó “đồng thuận,” thiếu “tận tâm,” và không “né tránh thiệt hại,” tất cả những phương diện tính cách này đều có yếu tố di truyền.

Dự Án Nhận Con Nuôi Texas đã và đang phát triển hơn 30 năm nay là một nghiên cứu dài hạn được đánh giá cao thực

hiện trên hơn 500 trẻ em được nhận làm con nuôi. Nghiên cứu này xem xét quá trình tiếp nhận trí thông minh và nhiều đặc điểm tính cách khác nhau, bao gồm mức độ Pd, bằng cách so sánh các trẻ em được nhận nuôi, giờ đây đã trưởng thành, với cả cha mẹ ruột và cha mẹ nuôi của chúng. Xét về Thang đo Pd, Dự Án Nhận Con Nuôi Texas cho biết các đối tượng nghiên cứu có sự tương đồng với mẹ đẻ, người mà các em chưa bao giờ gặp mặt, nhiều hơn đáng kể so với cha mẹ nuôi, những người đã nuôi dưỡng các em. Từ nghiên cứu này, ước tính có 54% xác suất di truyền, và thật thú vị là con số về mức độ Pd này lại nhất quán với con số ước lượng về khả năng di truyền là 35-50% - được phát hiện rộng rãi trong những nghiên cứu khác, trên những đặc điểm tính cách trung lập hơn (tính hướng ngoại, đồng cảm, vân vân).

Hết lần này đến lần khác, những nghiên cứu về tính di truyền đã đưa ra số liệu thống kê cho thấy những mối liên hệ về chính trị và xã hội về mặt cảm xúc - đó là khuynh hướng một người sở hữu những đặc điểm của *sociopath* phần nào là do bẩm sinh, với xác suất lên đến khoảng 50%. Để làm rõ hơn bản chất đáng suy ngẫm của nghiên cứu này - nghiên cứu này chỉ ra rằng trước khi mở mắt chào đời, trong giai đoạn thai nghén, những kẻ như Doreen, Luke và Skip đã phần nào có khuynh hướng lừa lọc, liều lĩnh, xảo trá và không biết hối hận. Khi chúng ta đưa ra những tuyên bố liên quan đến xác suất di truyền của năng lực thể chất hoặc tính hướng nội, hoặc thậm chí chúng rối loạn lưỡng cực hoặc tâm thần phân liệt, vì một lý do nào đó, thông tin này không có vẻ gây sốc. Nhưng những phát biểu tương tự về khuynh hướng chống xã hội lại mang đến cảm giác tồi tệ, mặc dù cùng một phương pháp thống kê được sử dụng.

Quan trọng là ta cần nhận thấy rằng những tính cách vô cùng phức tạp đó không thể nào do một gen duy nhất quyết

định, mà gần như chắc chắn là do sự kết hợp của nhiều gien với nhau. Và cách thức chính xác mà các gien này hoạt động làm định hình chức năng não bộ, rồi đến hành vi vẫn là một ẩn số. Điểm ADN của một người đến khái niệm hành vi nhiều lớp, như “không tuân thủ nghĩa vụ tài chính,” là một hành trình dài, mang tính sinh hóa học, thần kinh học và tâm lý học rõ rệt, vì lẽ đó mà dễ làm các nhà nghiên cứu nản lòng thoái chí.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng đã mang lại cho chúng ta một vài manh mối. Một mắt xích quan trọng trong phân khúc hành vi sinh học thần kinh này có thể bao gồm hoạt động thay đổi chức năng vỏ não của *sociopath*. Một vài trong số những thông tin thú vị nhất về chức năng vỏ não của *sociopath* được phát hiện thông qua những nghiên cứu về cách con người xử lý ngôn ngữ. Hóa ra, thậm chí ở cấp độ điện sinh học của não, những người bình thường phản ứng lại những từ biểu thị cảm xúc (như yêu, ghét, ám áp, đau đớn, hạnh phúc, mẹ) một cách nhanh chóng hơn và mạnh mẽ hơn so với những từ tương đối trung tính (như cái bàn, cái ghế, mười lăm, sau đó, v.v.). Nếu tôi được giao nhiệm vụ quyết định đâu là từ và đâu không phải là từ, thì tôi sẽ nhận ra từ *sự sợ hãi* nhanh hơn nhiều so với từ *mảnh đất*, trong một phần triệu giây, so với việc tôi chọn giữa từ *cửa sổ* và *bến tàu*, và phản ứng mạnh mẽ của tôi đối với từ biểu thị cảm xúc sợ hãi có thể được đo lường bằng cách ghi nhận một phản ứng điện nhỏ được gọi là “điện thế gọi” trong vỏ não của tôi. Những nghiên cứu như vậy chỉ ra rằng não bộ của những người bình thường sẽ chú ý, ghi nhớ và nhận ra những từ liên quan đến những trải nghiệm cảm xúc hơn là những từ mang tính trung lập về cảm xúc. Từ yêu sẽ được nhận ra nhanh hơn từ *nhìn*, dẫn đến điện thế gọi mạnh hơn trong não, như thể yêu là một thông tin quan trọng và ý nghĩa hơn từ *nhìn*.

Điều này không xảy ra với các đối tượng *sociopath* được kiểm tra qua quy trình xử lý ngôn ngữ. Về thời gian phản ứng và điện thế gợi trong vỏ não, đối tượng *sociopath* trong những thí nghiệm này đã phản ứng với những từ thể hiện cảm xúc không khác biệt gì so với những từ trung tính. Ở *sociopath*, điện thế gợi trước từ *khóc lóc* hay từ *hôn* không lớn hơn từ *ngồi* hay *liệt kê*, như thể những từ chỉ cảm xúc không có ý nghĩa, hoặc không được khắc sâu vào bộ não của họ, hơn bất kỳ từ nào khác.

Trong một nghiên cứu có liên quan sử dụng máy chụp cắt lớp đơn photon (kỹ thuật chụp hình não), các đối tượng *sociopath* cho thấy lượng máu tăng cao đến thùy thái dương, so với những đối tượng khác, khi họ được giao một nhiệm vụ quyết định liên quan đến từ ngữ thể hiện cảm xúc. Để tăng sự tập trung, bạn hay tôi có thể gia tăng lượng máu lên não bộ nếu chúng ta được yêu cầu phải giải quyết một vấn đề thử thách lý trí. Nói cách khác, khi *sociopath* cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao liên quan đến từ ngữ thể hiện cảm xúc, một nhiệm vụ gần như là phản xạ ngay lập tức đối với người bình thường, những người này phản ứng như thể được yêu cầu phải giải một bài toán đại số.

Khi kết hợp với nhau, những nghiên cứu như thế cho thấy chúng vô nhân tính có liên quan đến một quy trình kích thích cảm xúc được thay đổi ở cấp vỏ não. Lý do tại sao xảy ra quy trình thay đổi này vẫn chưa được khám phá, nhưng nhiều khả năng đó là kết quả của sự khác biệt trong việc phát triển hệ thần kinh di truyền mà có thể được yếu tố văn hóa hoặc quá trình nuôi dạy bù đắp lại hoặc làm cho tệ hại hơn. Ít nhất, sự khác biệt về việc phát triển thần kinh này phần nào chịu trách nhiệm cho những khác biệt về tâm lý học vẫn chưa được biết đến giữa *sociopath* và mọi người khác, và ngụ ý của nó khiến chúng ta phải sững sờ. Chúng vô nhân tính không

chỉ xoay quanh sự thiếu vắng lương tâm, riêng điều này thôi cũng đủ bi kịch lắm rồi. Chứng vô nhân tính là hiện tượng mất khả năng xử lý trải nghiệm cảm xúc, bao gồm tình yêu và sự quan tâm, ngoại trừ khi trải nghiệm đó có thể được tính toán như một nhiệm vụ đơn thuần thiên về trí tuệ.

Cũng giống như việc lương tâm không đơn thuần chỉ là sự hiện diện của cảm giác tội lỗi và ăn năn hối hận, mà nó còn dựa trên khả năng trải nghiệm những cảm xúc và sự gắn bó có được từ những cảm nhận của ta, chứng vô nhân tính cũng không chỉ là sự thiếu vắng của cảm giác tội lỗi và ăn năn hối hận. Nó là sự thiếu khả năng sở hữu và thiếu khả năng trân trọng những trải nghiệm cảm xúc (không tính toán) trong thực tế, dẫn đến thiếu khả năng kết nối với người khác trong những mối quan hệ (không tính toán) trong thực tế. Để trình bày tình huống này một cách chính xác hơn và có lẽ là hơi rõ ràng đến mức không thoái mái, ta có thể nói như sau: Không giống như việc sở hữu lương tâm, chứng vô nhân tính không có một cảnh báo nào về ý thức đạo đức trong bối cảnh thậm chí còn lớn hơn, bởi vì lương tâm không bao giờ tồn tại mà thiếu đi khả năng yêu thương, và chứng vô nhân tính xét cho cùng là dựa trên cơ sở mất năng lực yêu thương.

Sociopath là kẻ “không tuân theo các chuẩn mực xã hội,” hoặc là kẻ “không theo quan điểm một vợ một chồng,” hoặc là kẻ “không tuân thủ các nghĩa vụ tài chính,” bởi lý do rõ ràng là nghĩa vụ là điều mà một người cảm thấy cần làm với một người, hoặc với một nhóm người, những người quan trọng với họ về mặt cảm xúc. Còn đối với *sociopath*, những người khác không quan trọng.

Về bản chất, chứng vô nhân tính giống với một ván cờ lạnh nhạt thờ ơ. Theo nghĩa này, nó khác với sự giả dối và tính ái kỷ thông thường, thậm chí sự bạo lực, những thứ mang theo nhiều cảm

xúc. Khi cần, hầu hết tất cả chúng ta đều sẽ nói dối để bảo vệ mạng sống của người thân, và thật sáo rỗng khi nói rằng một thành viên trong băng nhóm bạo lực (có lẽ đối lập với tên cầm đầu vô nhân tính của anh ta) có thể dành lòng trung thành và sự ám áp cho những thành viên trong băng nhóm và đối xử tử tế đối với mẹ và anh chị em của anh ta. Nhưng Skip, ngay cả khi còn là một đứa trẻ, đã không quan tâm đến bất kỳ ai, bác sĩ Littlefield không thể chăm sóc bệnh nhân của cô ta, còn Luke thậm chí không thể yêu thương vợ hắn hoặc đứa con ruột của hắn. Trong cơ chế hoạt động của những bộ não đó, người khác, thậm chí người thân và “bạn bè” tối đa cũng chỉ là những mảnh ghép hữu ích trong trò chơi. Tình yêu không phải là một khả năng có thể xảy ra, hay thậm chí không phải là thứ có thể lĩnh hội khi người khác thể hiện.

Cảm xúc duy nhất mà những *sociopath* có vẻ thật sự cảm nhận được là điều được gọi là phản ứng cảm xúc “sơ khai” xuất phát từ cơn đau về thể xác và niềm vui tức thì, hay từ sự thất vọng và thành công trong khoảnh khắc. Sự thất vọng có thể khởi dậy sự giận dữ hoặc cơn thịnh nộ ở *sociopath*. Và thành công theo kiểu săn mồi, giành chiến thắng trong trò mèo vờn chuột (ví dụ, Doreen thành công trong việc khiến Jenna chạy băng qua bãi cỏ đầy bùn đất ở bệnh viện vì tin lời của cô ta), thường mang đến hiệu ứng hùng hổ và phấn khích, một “luồng cảm xúc” được trải nghiệm trong giây phút hân hoan. Những phản ứng cảm xúc này hiếm khi kéo dài lâu, và nó được cho là “sơ khai” về mặt thần kinh là bởi vì cũng giống như mọi cảm xúc khác, nó bắt nguồn từ hệ viễn cổ xưa trong quá trình tiến hóa, nhưng không giống với những cảm xúc “cấp cao hơn,” nó không được bổ sung đáng kể bởi chức năng của vỏ não.

Đối nghịch với chứng vô nhân tính, điều kiện dẫn đến chứng ái kỷ đặc biệt thú vị, hữu ích và đầy đủ thông tin. Ái kỷ, theo nghĩa ẩn dụ, là một nửa của chứng vô nhân tính. Ngay cả

những kẻ ái kỷ lâm sàng cũng có thể cảm nhận được hầu hết cảm xúc một cách mạnh mẽ như bất kỳ ai, từ cảm giác tội lỗi và buồn bã cho đến tình yêu mù quáng và niềm đam mê. Một nửa khiếm khuyết ở đây là một năng lực quan trọng để hiểu được cảm nhận của người khác. Chúng ái kỷ không phải là không có lương tâm mà là không có sự đồng cảm, vốn là khả năng tiếp nhận cảm xúc của người khác, từ đó phản hồi lại một cách thích hợp. Xét về mặt cảm xúc, một người ái kỷ tội nghiệp chỉ biết có bản thân mình mà không quan tâm đến người khác, và theo Pillsbury Doughboy, bất kỳ thông tin nào từ bên ngoài vào sẽ nhanh chóng tan biến như thể không có gì đã xảy ra. Không giống như *sociopath*, những người ái kỷ thường bị tổn thương về tâm lý, và đôi khi tìm đến phương pháp trị liệu tâm lý. Khi người ái kỷ tìm kiếm sự giúp đỡ, một trong những vấn đề nền tảng mà anh ấy không hề hay biết thường là anh ấy đang đẩy các mối quan hệ ra xa do thiếu sự đồng cảm với người khác, và anh ấy đang cảm thấy bối rối, bị bỏ rơi và cô độc. Anh ấy nhớ những người mà anh ấy yêu thương nhưng không biết cách kéo họ trở về. Ngược lại, *sociopath* không quan tâm người khác, và cũng không nhớ họ khi họ xa lánh hoặc bỏ đi, ngoại trừ việc *sociopath* có thể cảm thấy tiếc nuối khi thiếu vắng một công cụ hữu dụng mà vì lý do nào đó đã mất đi.

Vì những lý do riêng, có lúc *sociopath* kết hôn, nhưng bọn chúng không bao giờ kết hôn vì tình yêu. Chúng không biết yêu thương ai thật lòng, với người bạn đời, con cái hoặc ngay cả với thú cưng. Các chuyên viên lâm sàng và những nhà nghiên cứu đưa ra nhận định rằng khi nói đến những cảm xúc cấp cao hơn, *sociopath* có thể biết bề mặt nhưng không hiểu được sâu xa bên trong. Chúng phải học cách tỏ ra có cảm xúc giống như cách bạn và tôi học một ngôn ngữ thứ hai, tức là học bằng quan sát, bắt chước và thực hành. Và cũng giống như bạn hoặc tôi nhờ luyện tập mà trở nên thuần thục một ngôn ngữ khác, nên một *sociopath* thông minh có thể thông thạo “cảm xúc trong

đối thoại” một cách thuyết phục. Trên thực tế, đây có vẻ là một nhiệm vụ không quá thử thách về mặt trí tuệ, dễ hơn nhiều so với việc học tiếng Pháp hoặc tiếng Hoa. Bất kỳ người nào có thể quan sát hành động của con người thậm chí một cách hời hợt bên ngoài, hoặc ai có thể đọc tiểu thuyết và xem những bộ phim xưa, đều có thể học cách thể hiện sự lâng mạn, hoặc thích thú hoặc mềm lòng. Hầu như ai cũng đều có thể học nói “Anh yêu em,” “Em yêu anh,” hoặc tỏ ra day dứt và nói những từ như “Ôi chao! Chú chó con dễ thương quá!” Nhưng không phải người nào cũng có khả năng trải nghiệm cảm xúc ẩn chứa đằng sau hành vi. *Sociopath* không bao giờ làm được điều này.

SỰ DƯỠNG DỤC

Tuy nhiên, như chúng ta được biết từ nghiên cứu về nhiều tính cách khác của con người, khả năng di truyền và những khác biệt về sinh học thần kinh không bao gồm những định mệnh không thể né tránh. “Hòn đá” di truyền của cuộc đời chúng ta đã được định sẵn trước khi ta ra đời, nhưng sau khi ta mở mắt chào đời, thế giới cầm lấy “con dao của nhà điêu khắc” và bắt đầu đục dẽo một cách quyết liệt, lên trên bất kỳ bản chất nguyên liệu nào được cung cấp. Những nghiên cứu về di truyền cho ta thấy rằng đặc biệt đối với chứng vô nhân tính, sinh học tối đa cũng chỉ là một nửa câu chuyện. Bên cạnh yếu tố di truyền, môi trường khác nhau cũng ảnh hưởng đến điều kiện dẫn đến việc không có lương tâm, mặc dù vậy, như chúng ta sắp sửa thấy, những ảnh hưởng này là gì thì vẫn còn là một điều mơ hồ.

Suy đoán về những yếu tố xã hội mang lại cảm nhận gần gũi nhất và phù hợp với trực giác nhất chính là hành vi ngược đai thời thơ ấu. Có lẽ một số người được di truyền chứng vô nhân tính cuối cùng sẽ trở thành *sociopath*, còn những người khác thì không phải vậy, bởi vì những người trở thành *sociopath* này bị ngược đai hồi còi nhỏ, và sự ngược đai đó khiến cho tình trạng

tâm lý, thậm chí chức năng thần kinh đã tổn thương của họ trở nên tồi tệ hơn. Xét cho cùng, chúng ta biết chắc chắn rằng hành vi ngược đai thời thơ ấu gây ra rất nhiều hệ lụy tiêu cực khác, trong số đó là tình trạng phạm pháp và bạo lực ở tuổi vị thành niên (*không mắc chứng vô nhân tính*), trầm cảm ở người trưởng thành, tự sát, phân ly nhân cách cùng nhiều dạng ý thức khác nhau, biếng ăn, lo lắng mãn tính, và lạm dụng chất gây nghiện. Những nghiên cứu xã hội học và tâm lý học cho ta thấy chắc chắn rằng hành vi ngược đai thời thơ ấu là liều thuốc độc cho tinh thần.

Nhưng khác với hành vi phạm pháp và bạo lực thông thường ở tuổi vị thành niên không mắc chứng vô nhân tính, vấn đề của việc cho rằng hành vi ngược đai thời thơ ấu dẫn đến chứng vô nhân tính là không có những phát hiện đáng thuyết phục về mối liên kết giữa đặc điểm cốt lõi của *sociopath* - chính là không có lương tâm - với sự ngược đai thời thơ ấu. Ngoài ra, nhóm *sociopath* không bị ảnh hưởng bởi những hậu quả bi kịch khác của sự ngược đai thời thơ ấu, chẳng hạn như trầm cảm và lo âu, và ta biết từ nhiều nghiên cứu rằng những người từng chịu ngược đai trong những năm đầu đời, dù cho họ có phạm pháp hay không, cũng không mắc phải những vấn đề như thế.

Trên thực tế, có một số bằng chứng cho thấy những *sociopath* bị ảnh hưởng bởi trải nghiệm ở những năm đầu đời *ít hơn* so với những người bình thường. Ví dụ, trong nghiên cứu thống kê và chẩn đoán bằng cách sử dụng *Danh Sách Kiểm Tra Chứng Vô Nhân Tính* của Robert Hare lên những tù nhân người Mỹ, thì với những tù nhân được chẩn đoán là *psychopath*, chất lượng cuộc sống gia đình thời thơ ấu không có tác động gì đến thời điểm phạm tội. Dù cuộc sống gia đình có ổn định hay không, thì những người được chẩn đoán là *psychopath* lần đầu tiên xuất hiện trước tòa án ở độ tuổi trung bình là 14 tuổi. Ngược lại, những tù nhân không bị chẩn đoán là *psychopath* (tức là

họ có cấu trúc tính cách nền tảng bình thường hơn), độ tuổi bắt đầu hành vi phạm tội có mối liên kết mạnh mẽ với chất lượng nền tảng gia đình. Những người có quá khứ tốt hơn lần đầu tiên xuất hiện trước tòa án ở độ tuổi trung bình là 24 tuổi, còn những người có xuất thân nhiều vấn đề ra tòa lần đầu tiên khoảng năm 15 tuổi. Nói cách khác, cuộc sống mưu sinh khổ khó là nguyên nhân dẫn đến các hoạt động phạm tội thông thường, như cách mọi người thường nghĩ, còn hành vi phạm tội xuất phát từ việc không biết hối hận của *sociopath* là tự bên trong mỗi người và theo “lịch trình” định sẵn.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu về những ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển chứng vô nhân tính, nhiều nhà khoa học đã quay sang khái niệm *rối loạn gắn bó* thay vì chỉ đơn thuần là sự ngược đai thời thơ ấu. Sự gắn bó thông thường là một hệ thống bẩm sinh trong não bộ có tác dụng thôi thúc trẻ sơ sinh tìm kiếm sự gần gũi với cha mẹ, hay bất kỳ người chăm sóc nào đang hiện diện, để mỗi quan hệ tương tác đầu tiên này có thể được hình thành. Mỗi quan hệ đầu tiên này cực kỳ quan trọng không chỉ bởi vì nhu cầu sinh tồn của đứa bé mà còn bởi vì nó cho phép hệ viền cồn non nớt của trẻ “sử dụng” những chức năng đã phát triển của não bộ người trưởng thành để tự tổ chức. Khi cha mẹ biểu hiện phản ứng đồng cảm với trẻ sơ sinh, những cảm xúc tích cực của trẻ, như hài lòng và phấn chấn, sẽ được khích lệ, còn những cảm xúc tiêu cực có khuynh hướng áp đảo, như thất vọng và sợ hãi, có thể được tiết chế. Sự sắp xếp này thúc đẩy ý thức về trật tự và sự an toàn mà cuối cùng sẽ được mã hóa trong bộ nhớ của chính đứa trẻ, mang đến cho đứa trẻ phiên bản di động của điều mà John Bowlby gọi là “nền tảng an toàn” trong thế giới của tác phẩm *Attachment and Loss (Sự Gắn Bó và Sự Mất Mát)*.

Nghiên cứu chỉ ra rằng sự gắn bó đủ đầy trong thời thơ ấu mang lại nhiều kết quả tốt đẹp, bao gồm sự phát triển khả

năng tự điều chỉnh cảm xúc theo chiều hướng lành mạnh, kỹ ức tự thuật và năng lực suy ngẫm về những trải nghiệm và hành động của bản thân. Có lẽ sự gắn bó quan trọng nhất trong thời thơ ấu giúp cho một cá nhân tạo ra sự ràng buộc tình cảm với người khác về sau. Sự gắn bó trong những năm đầu đời được hình thành ở giai đoạn trẻ được 7 tháng tuổi, và hầu hết những đứa trẻ sơ sinh thành công trong việc tạo sự gắn bó với người chăm sóc đầu tiên theo cách phát triển những năng lực quan trọng này.

Rối loạn gắn bó là một hiện tượng tồi tệ xảy ra khi sự gắn bó thời thơ ấu bị gián đoạn do sự kém cỏi của cha mẹ (như chứng rối loạn cảm xúc nghiêm trọng ở cha mẹ) hoặc chỉ vì trẻ sơ sinh bị bỏ một mình quá nhiều (như trong các trại mồ côi). Những trẻ em và người lớn bị rối loạn gắn bó nghiêm trọng, nghĩa là trong suốt 7 tháng đầu đời không nhận được sự gắn bó nào, sẽ không có khả năng kết nối cảm xúc với người khác, từ đó bị đưa đẩy đến với số phận có thể cho là còn tệ hơn cái chết. Trong trường hợp cực độ, như được khám phá ở Mỹ trong các trại trẻ mồ côi cực kỳ sạch sẽ của thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, những đứa trẻ sơ sinh không được chạm vào người nhằm mục đích đạt được sự vô trùng hoàn hảo, thật sự rất dễ tử vong. Hiện tượng tử vong bí ẩn này vào thời điểm đó được gọi là *marasmus*, một từ Hy Lạp có nghĩa là “kiệt sức” - một chứng rối loạn mà hiện nay được gọi là “suy nhược cơ thể do nguyên nhân phi thực thể.” Gần như tất cả những đứa trẻ không được chạm vào người trong trại trẻ mồ côi này đều chết. Trong khoảng một thế kỷ, các nhà tâm lý học phát triển và bác sĩ khoa nhi đã phát hiện ra rằng việc ăm bồng, ôm ấp, trò chuyện và âu yếm trẻ nhỏ là cực kỳ quan trọng, và hậu quả của việc thiếu đi những cử chỉ đó thật sự rất đau lòng.

Ở Tây Âu và Mỹ (trớ trêu thay lại là một trong những xã hội ít thể hiện tình cảm bằng những cử chỉ vuốt ve âu yếm nhất),

sự đau buồn và mất mát mà sự rối loạn gắn bó gây ra đã xảy ra ở nhiều gia đình trong giai đoạn mọi người đổ xô nhận nuôi những đứa trẻ mồ côi ở Romania vì lòng trắc ẩn vào đầu thập niên 90. Vào năm 1989, khi chế độ Cộng sản ở Romania sụp đổ, những hình ảnh khủng khiếp được công bố trên toàn thế giới cho thấy hàng trăm trẻ em mồ côi đã bị giam giữ bí mật bởi kẻ độc đoán tâm thần Nicolae Ceausescu. Dưới sự cai trị của ông ta, Romania là một quốc gia nghèo khổ cùng cực, vậy mà Ceausescu còn cấm phá thai và cấm kiểm soát sinh sản. Hậu quả là hàng trăm nghìn trẻ em chịu đói khát, và gần 100.000 trẻ em mồ côi được đưa vào các tổ chức nhà nước. Nhìn chung, trong các trại trẻ mồ côi này, tỷ lệ trẻ mồ côi trên số lượng nhân viên trong trại là khoảng 40/1. Điều kiện trong trại cực kỳ mất vệ sinh, và ngoại trừ việc được cung cấp đủ thức ăn để sống sót, những đứa trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ đều bị bỏ mặc.

Giải pháp phù hợp nhất có vẻ như là phải để những người nước ngoài giàu có nhận nuôi càng nhiều đứa trẻ mồ côi này càng tốt. Những người Tây Âu và Bắc Mỹ tốt bụng đã mang những đứa trẻ Romania về nhà và cố gắng yêu thương chăm sóc các em khỏe mạnh trở lại. Sau đó, một cặp vợ chồng ở Paris nhận thấy rằng họ không tài nào dỗ được đứa bé gái xinh xắn 10 tháng tuổi của mình, họ càng cố gắng ẵm bồng thì cô bé càng gào khóc to hơn. Rồi có một cặp vợ chồng ở Vancouver bước vào phòng ngủ của cậu con trai 3 tuổi và phát hiện ra cậu bé vừa ném con mèo con mới nuôi qua cửa sổ. Và một cặp vợ chồng ở Texas cuối cùng phải tự thừa nhận rằng họ không thể nào ngăn được cậu bé con 5 tuổi nhìn chằm chằm vào góc tường suốt cả ngày, và rằng đôi khi cậu bé tấn công những đứa trẻ khác lúc nửa đêm khi chúng đang ngủ. Tây Âu và Bắc Mỹ đã mang về đất nước mình cơn ác mộng của chứng rối loạn gắn bó do một *sociopath* tàn bạo người Romania đã chết gây ra. Bị tước đoạt hoàn toàn sự gắn bó trong thời thơ ấu, nhiều đứa trẻ trong số những đứa trẻ được cứu sống này đã mất đi khả năng yêu thương.

Vào tháng 6 năm 2001, ban lãnh đạo mới của Romania đã ban hành lệnh cấm người nước ngoài nhận con nuôi, không phải vì lý do nhân đạo, mà vì lý do chính trị và tài chính. Liên minh châu Âu (EU) vừa mới thông báo rằng quốc gia Romania nghèo khổ, cùng số lượng lớn trẻ mồ côi, đã trở thành “thị trường về trẻ em,” và sẽ không được chấp thuận là thành viên trong liên đoàn 15 nước thịnh vượng trừ khi chính sách sai lầm về việc người nước ngoài nhận con nuôi phải được xóa bỏ. Tại thời điểm công bố văn bản này, hơn 40.000 trẻ em - tương đương với một thành phố nhỏ - vẫn đang sống trong các tổ chức ở nước Cộng hòa Romania vốn đang nhắm đến vị trí thành viên EU vào năm 2007.

Đặc biệt kể từ khi cuộc khủng hoảng trẻ mồ côi ở Romania bị phơi bày, các nhà tâm lý học đã tự hỏi liệu chứng rối loạn gắn bó có phải là gốc rễ môi trường gây ra chứng vô nhân tính hay không. Sự tương đồng là rõ rệt. Những đứa trẻ mắc chứng rối loạn gắn bó trớn nên bốc đồng và lạnh lùng về mặt cảm xúc, đôi khi có hành vi bạo lực nguy hiểm đối với cha mẹ, anh chị em, bạn bè và thú cưng. Các em có xu hướng trộm cắp, phá hoại, phóng hỏa, và thường ở trong các trại cải tạo khi còn nhỏ và vào tù khi đã trưởng thành, cũng giống như *sociopath*. Và những đứa trẻ bị rối loạn gắn bó nghiêm trọng chính là những đứa trẻ gây khiếp sợ cho chúng ta như những *sociopath* nhỏ tuổi.

Những nét tương đồng này đã được chú ý đến ở nhiều nơi trên thế giới. Ví dụ, trong ngành tâm thần học trẻ em ở Scandinavia, chứng “thất vọng về cảm xúc thời ấu thơ” được cho là do sự thiếu hụt tình cảm gắn bó giữa mẹ và con, và ở Scandinavia, thuật ngữ chẩn đoán này được sử dụng để cảnh báo nguy cơ cao hơn mức trung bình về chứng rối loạn tính cách theo hướng vô nhân tính của một đứa trẻ trước giai đoạn trưởng thành. Theo số liệu thống kê, sự thất vọng về cảm xúc ấu thơ có mối liên kết với những yếu tố có thể khiến cho sự gắn bó giữa mẹ và trẻ sơ

sinh trở nên khó khăn hơn, chẳng hạn như sinh thiếu tháng, mức cân nặng của trẻ lúc chào đời cực thấp và lạm dụng chất kích thích của người mẹ trong quá trình mang thai.

Có vài vấn đề nhỏ về thiết kế của loại hình nghiên cứu này. Ví dụ, một số yếu tố nhất định, như người mẹ nghiện chất kích thích trong quá trình mang thai có thể ám chỉ chứng vô nhân tính ở người mẹ, từ đó quay lại cách lý giải về mặt di truyền. Tuy nhiên, bất chấp sự tương đồng về mặt khoa học, vấn đề chính của phương trình rối loạn gắn bó và chứng vô nhân tính nằm ở *sự khác biệt* dai dẳng và không thể phủ nhận về những đặc tính của chứng vô nhân tính. Không giống với *sociopath*, trẻ em và người trưởng thành bị ảnh hưởng bởi chứng rối loạn gắn bó hiếm khi có sức thu hút hoặc khéo léo trong giao tiếp. Ngược lại, những người kém may mắn này thường có vẻ khó chịu, và họ cũng không nỗ lực “giả vờ” là người bình thường. Nhiều người trong số họ sống cô lập. Cảm xúc của họ chỉ có “một màu” và gây khó chịu, đôi lúc còn tấn công người khác trực tiếp, và họ có khuynh hướng di chuyển giữa thái cực lanh đạm thờ ơ và thái cực thiếu thốn tình cảm không thể bù đắp. Không đặc tính nào ở trên cho thấy khả năng biến đổi để thao túng và thực hiện những trò lừa đảo như *sociopath* với nụ cười giả tạo và sức hút làm người khác không đề phòng, cũng không cho thấy những thành quả về vật chất mà những *sociopath* có khả năng giao tiếp tốt thường đạt được.

Nhiều bậc cha mẹ và chuyên viên lâm sàng cho biết những đứa trẻ *sociopath* không xây dựng mối quan hệ ấm áp với các thành viên trong gia đình. Chúng có xu hướng sống tách biệt, cả về thể chất lẫn tinh thần. Và, dĩ nhiên, những đứa trẻ bị chứng rối loạn gắn bó cũng vậy. Nhưng không giống với hoàn cảnh đau buồn của đứa trẻ bị rối loạn gắn bó, nhiều khả năng là sự tách biệt khỏi gia đình là *hệ quả* của cách tồn tại trên thế giới của đứa trẻ *sociopath* chứ không phải là nguyên nhân tạo ra cách sống đó.

Vậy thì, nói tóm lại, chúng ta có một số ý niệm về một trong những khiếm khuyết thần kinh nền tảng ở chứng vô nhân tính. Những *sociopath* được nghiên cứu cho thấy sự khác thường rõ rệt về khả năng xử lý thông tin cảm xúc ở cấp độ vỏ não. Và từ việc xem xét những nghiên cứu về di truyền, chúng ta có thể suy đoán rằng nền tảng sinh học thần kinh của các đặc điểm tính cách cốt lõi của *sociopath* có đến 50% là do di truyền. Những nguyên nhân còn lại, 50% còn lại, thì mập mờ hơn. Không phải sự ngược đãi thời thơ ấu, cũng không phải chứng rối loạn gắn bó, là nguyên nhân góp phần gây ra thái độ vô cảm, mánh khóe và không biết hối hận mà các nhà tâm lý học gọi là chứng vô nhân tính. Cách thức mà các yếu tố không thuộc về di truyền ảnh hưởng đến sự phát triển của chứng vô nhân tính, và nó chắc chắn có sự tác động, vẫn còn là một câu đố. Câu hỏi còn lại được đặt ra là: Một khi đứa trẻ được sinh ra với khiếm khuyết thần kinh này, những yếu tố môi trường nào quyết định liệu đứa trẻ sẽ thể hiện toàn bộ triệu chứng của chứng vô nhân tính hay không? Và tại thời điểm hiện tại, chúng ta không có câu trả lời.

VĂN HÓA

Hoàn toàn khả thi là những ảnh hưởng của môi trường lên chứng vô nhân tính chắc chắn có mối liên kết với những đặc tính văn hóa chung hơn bất cứ yếu tố dưỡng dục nào cụ thể. Thật vậy, việc liên hệ chứng vô nhân tính với văn hóa cho đến nay đã mang lại kết quả cho các nhà nghiên cứu nhiều hơn là khi đi tìm câu trả lời trong điều kiện nuôi dưỡng trẻ. Thay vì là sản phẩm của hành vi ngược đãi thời thơ ấu trong gia đình, hay của chứng rối loạn gắn bó, có lẽ chứng vô nhân tính có liên quan đến mối tương tác giữa kết nối thần kinh bẩm sinh của các cá nhân và xã hội rộng lớn bên ngoài, nơi mà họ sống đến hết cuộc đời.

Giả thuyết này chắc chắn khiến một số người thất vọng, bởi mặc dù việc thay đổi các điều kiện về thai kỳ, sinh đẻ, nuôi dạy trẻ ở phạm vi lớn không phải là vấn đề nhỏ, nhưng việc thay đổi hệ thống giá trị và niềm tin của cả một nền văn hóa thậm chí còn là một nhiệm vụ to tát hơn, cùng khoảng thời gian có vẻ dài dằng dẵng và làm nản lòng thoái chí. Chúng ta sẽ cảm thấy phấn chấn hơn nếu buộc phải xác định một tập hợp những hành vi nuôi dưỡng trẻ cần được sửa chữa trong quãng đời ta sống. Nhưng có lẽ xã hội chính là bậc cha mẹ đích thực của một số thứ nhất định, và cuối cùng ta sẽ nhận ra rằng, như William Ralph Inge đã nói vào đầu thế kỷ 20, “Thời điểm thích hợp để tác động đến tính cách của một đứa trẻ là khoảng 100 năm trước khi đứa bé chào đời.”

Từ những quan sát được ghi nhận, chúng ta biết rằng *sociopath* đã tồn tại, dưới nhiều tên gọi, trong mọi hình thái xã hội, trên toàn thế giới và xuyên suốt lịch sử. Để minh họa, nhà nhân loại học và tâm thần học Jane M. Murphy miêu tả khái niệm *kunlangeta* của người Eskimo, ý nói về một người mà “tâm trí anh ta biết phải làm gì nhưng anh ta lại không làm điều đó.” Murphy viết rằng ở miền Tây Bắc Alaska, *kunlangeta* “là từ dùng để nói về một người liên tiếp nói dối, lừa lọc, trộm cắp, không đi săn bắn, và lợi dụng lúc những người đàn ông khác ra khỏi làng, anh ta sẽ quan hệ tình dục với nhiều phụ nữ.” Những người Eskimo cho rằng *kunlangeta* không thể sửa đổi. Và vì vậy, theo Murphy, phương pháp truyền thống của người Eskimo đối với những người đàn ông như thế là cương quyết bắt anh ta đi săn, rồi sau đó, khi không có ai chứng kiến, sẽ trừ khử anh ta bằng cách đẩy anh ta rớt khỏi tảng băng.

Mặc dù chứng vô nhân tính có vẻ như ở đâu cũng có, thời nào cũng có, nhưng vẫn có bằng chứng đáng tin cậy cho thấy rằng một số nền văn hóa có ít *sociopath* hơn những nền văn hóa khác. Thú vị ở chỗ là *sociopath* có vẻ tương đối hiếm ở một số

nước Đông Á, nhất là ở Nhật và Trung Quốc. Những nghiên cứu được tiến hành ở cả vùng nông thôn và thành thị tại Đài Loan cho thấy tỷ lệ rối loạn tính cách chống xã hội cực kỳ thấp, từ 0,03% đến 0,14 %, ít hơn nhiều so với tỷ lệ trung bình xấp xỉ 4% ở phương Tây, nghĩa là trong 25 người thì có 1 kẻ là *sociopath*. Thật đáng lo ngại, tỷ lệ *sociopath* ở Mỹ dường như ngày càng tăng. Nghiên cứu Khu vực Dịch tễ năm 1991, được tài trợ bởi Viện nghiên cứu Quốc gia về Sức khỏe Tâm thần, cho biết trong 15 năm trước khi tiến hành cuộc nghiên cứu, tỷ lệ rối loạn tính cách chống xã hội gần như là tăng gấp đôi trong giới trẻ ở Mỹ. Thật khó và gần như không thể giải thích được sự thay đổi cực kỳ nhanh chóng đó về mặt di truyền hay thần kinh học. Rõ ràng, những tác động của văn hóa đóng một vai trò rất quan trọng trong sự phát triển (hoặc không phát triển) của chứng vô nhân tính ở bất kỳ dân số nào.

Một vài người sẽ không đồng ý với ý kiến cho rằng, từ Miền Tây Hoang Dã trong quá khứ đến những tổ chức sống ngoài vòng pháp luật thời nay, xã hội Mỹ có vẻ cho phép, thậm chí cổ xúy cho thái độ đặt bản thân lên trước nhằm theo đuổi quyền thống trị. Robert Hare viết, “xã hội chúng ta đang vận động theo hướng cho phép, củng cố, và trong một số trường hợp, còn thật sự coi trọng một số đặc tính liệt kê trong *Danh Sách Kiểm Tra Chứng Vô Nhân Tính* - những đặc tính như bốc đồng, vô trách nhiệm, không biết hối hận.” Về quan điểm này, ông nhận được sự ủng hộ của những nhà lý luận cho rằng văn hóa Bắc Mỹ, vốn lấy chủ nghĩa cá nhân làm giá trị trung tâm, có khuynh hướng thúc đẩy sự phát triển của những hành vi chống xã hội, đồng thời che giấu những hành vi đó.

Tôi tin rằng vấn đề này vẫn có mặt tốt của nó, và mặt tốt này nằm ở lý do tại sao một số nền văn hóa có vẻ như thúc đẩy những hành vi xã hội tích cực. Mặc dù rất khó xảy ra, làm thế nào mà một số xã hội lại tạo được tác động tích cực lên những

sociopath từ thuở áu thơ, những người mà từ lúc chào đời đã không có năng lực xử lý cảm xúc trong giao tiếp theo cách thông thường? Tôi cho rằng hệ thống niềm tin chính yếu của những nền văn hóa nhất định thúc đẩy sự bù đắp về mặt nhận thức cho những gì mà *sociopath* bẩm sinh bị thiếu về mặt cảm xúc. Trái với việc chú trọng quá mức vào chủ nghĩa cá nhân và khả năng tự kiểm soát, một số nền văn hóa nhất định, đặc biệt là ở Đông Á, tập trung vào mối tương quan của tất cả các sinh vật sống. Thật thú vị, giá trị này cũng là cơ sở của lương tâm, vốn là ý thức trách nhiệm bắt nguồn từ ý thức về sự kết nối. Nếu một người không có, hoặc không thể về mặt thần kinh, trải nghiệm sự kết nối với người khác về mặt cảm xúc, thì có lẽ một nền văn hóa xem sự kết nối là vấn đề niềm tin có thể trui rèn sự thấu hiểu về trách nhiệm giữa người với người.

Ý thức về nghĩa vụ của một người đối với những người khác không có thuộc tính giống với cảm xúc chi phối mạnh mẽ mà chúng ta gọi là lương tâm, nhưng có lẽ nó đủ để tách hành vi xã hội tích cực ra khỏi ít nhất là một số cá nhân sẽ chỉ có những hành vi chống xã hội nếu họ sống trong một xã hội chú trọng chủ nghĩa cá nhân thay vì coi trọng sự gắn bó giữa người và người. Mặc dù *sociopath* thiếu đi cơ chế bên trong cho họ biết rằng họ đang kết nối với người khác, nhưng nền văn hóa rộng lớn bên ngoài khẳng định rằng họ đang cực kỳ kết nối - trái với nền văn hóa phương Tây thể hiện mạnh mẽ rằng năng lực hành động vì bản thân một cách vô tư chính là lợi thế vượt trội. Điều này giải thích lý do tại sao một gia đình phương Tây tự thân họ không thể bù đắp cho đứa con là *sociopath* bẩm sinh, bởi vì có quá nhiều tiếng nói khác trong xã hội ám chỉ rằng cách tiếp cận thế giới của đứa trẻ *sociopath* đó là đúng đắn.

Một ví dụ nhỏ, nếu như Skip được sinh ra trong một nền văn hóa tín ngưỡng Phật giáo, hay Thần đạo Nhật Bản, thì liệu hắn ta có giết chết tất cả những con ếch đó hay không? Có thể đúng,

hoặc có thể không đúng. Tư duy của hắn là một, nhưng tất cả những con người gần gũi với hắn đã không khẳng định hắn phải tôn trọng sự sống đó. Những người xung quanh hắn có lẽ có cùng tư tưởng, bao gồm người cha người mẹ giàu có, thầy cô, bạn bè của hắn và thậm chí có thể những người nổi tiếng hắn nhìn thấy trên ti-vi. Skip sẽ vẫn là Skip. Hắn đã không có chút lòng từ bi nào đối với bầy ếch, không cảm thấy tội lỗi khi sát hại chúng, không vấp phải sự phản đối nào, nhưng hắn có thể e ngại thực hiện điều đó nếu nền văn hóa của hắn đã kiên quyết dạy cho hắn bài học về cách ứng xử phù hợp, về cách hòa nhập - một bài học mà trí thông minh của hắn thừa sức hiểu thấu đáo. Những *sociopath* không quan tâm đến thế giới xã hội, nhưng bọn họ lại muốn và cần phải hòa nhập với thế giới đó.

NHỮNG CHIẾN BINH

Trong bối cảnh xã hội loài người là một tổng thể, xuyên suốt các nền văn hóa, liệu có điều gì liên quan đến việc thiếu quan tâm và thiếu lương tâm lại được xem là tích cực, hay ít nhất là hữu ích hay không? Ở một góc độ nào đó, điều này thật sự hiện hữu. Dù cho nạn nhân là một con ếch hay một con người, thì *sociopath* cũng có thể giết chết mà không cảm thấy dần vặt; vì vậy, những người không có lương tâm trở thành những chiến binh xuất chúng, không có nhiều cảm xúc lẩn lộn. Và gần như mọi xã hội - Phật giáo, Thần đạo, Cơ đốc giáo, hoặc chủ nghĩa tư bản thuần túy - đều gây chiến tranh.

Ở một mức độ nào đó, chúng ta có thể nghĩ rằng *sociopath* là do xã hội định hình và duy trì, bởi các quốc gia thường xuyên cần có những sát thủ máu lạnh, từ lính bộ binh vô danh cho đến những kẻ xâm lược đã, đang và sẽ tiếp tục tạo ra lịch sử nhân loại. *Sociopath* là những chiến binh mạnh mẽ không biết sợ hãi, những tay lính bắn tỉa, những kẻ ám sát bí mật, những đặc vụ, lính tuần tra, và những người lính tấn công trực diện, bởi họ

không cảm thấy khiếp sợ khi ra tay giết người (hoặc khi ra lệnh giết người) và không cảm thấy tội lỗi sau khi thực hiện hành động. Hầu hết mọi người - số đông quân đội của chúng ta - không thể vô cảm đến vậy, và nếu họ không được chuẩn bị kỹ càng, phần lớn những người bình thường sẽ chỉ trở thành những tên giết người dở tệ, ngay cả khi việc lấy đi mạng sống của người khác được cho là một việc cần thiết. Một người có thể nhìn thẳng vào mắt người khác và bình tĩnh nổ súng bắn chết họ là một người không bình thường và trong chiến tranh, đó là một người có giá trị.

Thật kỳ lạ, một vài hành động vô cảm đến nỗi nó đòi hỏi phải có sự vắng bóng của lương tâm, giống như vật lý thiên văn học đòi hỏi phải có trí thông minh và nghệ thuật đòi hỏi phải có năng khiếu. Nói về những chiến binh có thể hành động không có lương tâm, Trung tá Dave Grossman viết trong quyển *On Killing* (Về Sự Giết Chóc): “Dù bị gọi là *sociopath*, chó chăn cừu, chiến binh, hay người hùng, thì họ vẫn tồn tại, họ là một thiểu số riêng biệt, và trong lúc nguy cấp, tổ quốc rất cần đến họ.”

Tuy nhiên, chính những quốc gia này phải trả một cái giá bí mật cho vinh quang mà họ đã ban cho những sát thủ máu lạnh trên chiến trường. Con đường đi đến vinh quang đó vẫn được những người khác biết đến, những người xem việc giết chóc không gорм tay là một kỹ năng đặc biệt, những người sẽ không bao giờ cho phép bản thân hoạt động bên phía kẻ địch. Những người đảm nhận vai trò đặc biệt đó vẫn tiếp tục khi trở về nhà, ở giữa chúng ta, và phần lớn không bị phát hiện. Từ Rambo đến Baghdad, việc ca tụng hành động giết người - việc tuyên dương hành vi phạm tội sâu sắc nhất của một lương tâm bình thường - là đặc tính lâu đời của nền văn hóa chủ đạo của chúng ta, và có thể tác động độc hại lên những tư duy vô nhân tính dễ bị ảnh hưởng ở giữa chúng ta. Người sở hữu tư duy như thế không nhất thiết phải giết người, nhưng như chúng ta sắp thấy ở chương tiếp theo, thì khi người đó giết người, không phải lúc nào hắn ta cũng bị nghi ngờ.



tâm

KẺ ÁC CẠNH BÊN

Có lẽ chúng ta là những con rối - những con rối bị xã hội giật dây. Nhưng ít ra, ta là con rối có quan điểm, có nhận thức.

Và có thể, nhận thức của ta chính là bước đầu tiên
đưa ta đến với sự tự do.

- Stanley Milgram

“Em muốn nói chuyện với ai đó, em nghĩ lý do là vì bố em đang ở tù.” Hannah, một cô gái xinh đẹp 22 tuổi có đôi môi mỏng, bệnh nhàn mới của tôi, vừa nói nhỏ vừa đưa mắt nhìn về phía kệ sách nằm phía bên tay phải của tôi. Một lúc sau, cô rụt rè nhìn tôi, lặp lại câu nói: “Em cần nói chuyện với ai đó. Bố em đang ở tù.”

Cô thở hắt ra như thể cố gắng nói ra câu này đã rút cạn hơi sức của cô, và rồi cô im lặng.

Đặc biệt khi một người đang rất hoảng sợ, một phần của tâm lý trị liệu là đơn thuần biết cách diễn giải lại câu nói của người đang ngồi trước mặt bạn, mà không tỏ ra phán xét hay kẻ cả. Tôi hơi cúi người về phía trước, các ngón tay ôm lấy đầu gối, và cố gắng tìm ánh mắt của Hannah lúc này đang dán chặt xuống tấm thảm trải sàn họa tiết phượng Đông màu đỏ gạch nằm giữa hai chúng tôi.

Tôi thì thầm, “Bố em đang ở tù ư?”

“Vâng ạ.” Cô từ từ ngược nhìn lên trong lúc trả lời, có vẻ hơi bất ngờ, như thể tôi có được thông tin này bằng thần giao cách cảm.

“Ông ấy đã giết người. Ý em là ông ấy không cố ý, nhưng ông ấy đã giết người.”

“Và bây giờ ông ấy đang ở tù?”

“Vâng. Đúng vậy.”

Cô đỏ mặt và úa nước mắt.

Tôi luôn cảm động trước thực tế là dù chỉ một chút lắng nghe, một chút tử tế, cũng khiến cảm xúc trào dâng ngay lập tức. Tôi nghĩ đó là vì chúng ta hầu như không bao giờ thật sự được lắng nghe. Trong công việc điều trị tâm lý, mỗi ngày tôi đều nhìn thấy rõ thực tế là bất kỳ ai trong chúng ta cũng không được lắng nghe thường xuyên, và hành động của ta rất ít khi được thấu hiểu. Và một trong những điểm trớ trêu của “công việc lắng nghe” này là nghề này dạy tôi rằng phần lớn, mỗi người trong chúng ta cuối cùng vẫn là một bí ẩn với mọi người xung quanh.

“Bố em ở tù bao lâu rồi?” tôi hỏi.

“Khoảng 41 ngày. Quá trình xét xử rất lâu. Họ không giam bố em trong lúc xét xử.”

“Và em cảm thấy là mình cần nói chuyện với ai đó?”

“Vâng. Em không thể... Chỉ là em... quá buồn. Em nghĩ em sắp bị trầm cảm. Em phải nhập học trường y.”

“Trường y? Ý em là vào tháng 9?”

Lúc đó đang là tháng 7.

“Vâng ạ. Uớc gì em không phải nhập học.”

Những giọt nước mắt chảy xuống một cách lặng lẽ, không có tiếng nấc, như thể phần còn lại của cô không biết rằng cô đang khóc. Dòng nước mắt chảy xuống chiếc áo lụa màu trắng của cô, tạo thành những vệt mờ. Trừ đi điều này ra thì cô không thể hiện cảm xúc gì khác. Mặt cô không xụ xuống.

Tôi luôn xúc động trước thái độ kiên cường. Thái độ đó ở Hannah là cực độ. Tôi cảm thấy hứng thú.

Dùng cả hai ngón trỏ, cô vén mái tóc đen thẳng ra sau vành tai. Mái tóc cô bóng mượt đến mức trông như được đánh bóng vậy. Cô nhìn lướt qua tôi, hướng về phía cửa sổ, và hỏi, “Chị có biết cảm giác khi bối mình ở tù thế nào không?”

“Không, chị không biết. Em có thể nói cho chị biết.”

Và thế là Hannah kể cho tôi nghe câu chuyện của cô, hoặc cũng có thể chỉ là phần này trong câu chuyện.

Bố cô là hiệu trưởng một trường trung học phổ thông công lập ở vùng ngoại ô dành cho giới trung lưu, cách Boston hơn 1.600 km về phía tây. Đây là nơi Hannah đã lớn lên. Theo lời Hannah, ông ấy là một người cực kỳ dễ mến và có sức lôi cuốn tự nhiên - cô gọi ông là một “ngôi sao.” Ông được học sinh và giáo viên trong trường cũng như tất cả mọi người trong cộng đồng nhỏ quanh trường yêu quý. Ông luôn có mặt ở những lần tập cổ vũ, các trận bóng, và việc đội nhà có thắng trận hay không là rất quan trọng với cá nhân ông.

Sinh ra và lớn lên ở vùng nông thôn Trung Tây Hoa Kỳ, ông có “các giá trị bảo thủ nặng nề,” Hannah nói. Ông tin vào lòng yêu nước và một đất nước phòng ngự mạnh mẽ, và ông cũng tin vào

giáo dục và nỗ lực phát triển bản thân. Hannah là con một, và khi cô còn bé, ông đã nói với cô rằng dù cô không phải là con trai nhưng cô có thể làm mọi điều mình muốn. Con gái có thể làm bất kỳ điều gì họ muốn. Con gái có thể trở thành bác sĩ. Hannah có thể trở thành bác sĩ.

Hannah yêu bố hết mực. “Bố em là người đàn ông dịu dàng nhất, đạo đức nhất trên thế giới. Thật sự là vậy. Giá mà chỉ nhìn thấy tất cả những người đến dự phiên tòa. Họ ngồi đó khóc suốt. Họ thấy thương bố lắm nhưng họ không giúp gì được. Chỉ biết đó? Lực bất tòng tâm.”

Vụ giết người xảy ra vào một đêm tháng Ba khi Hannah đang là sinh viên năm hai, và đang ở nhà trong kỳ nghỉ xuân. Vào lúc rạng sáng, cô bị đánh thức bởi một tiếng động rất lớn ở phía ngoài nhà.

“Sau này em mới biết đó là tiếng súng,” cô nói với tôi.

Cô thức dậy, nhìn xung quanh trong trạng thái ngái ngủ, và thấy mẹ cô đang đứng bên trong nhà, trước cánh cửa đang mở, khóc thảm thiết và siết chặt hai tay vào nhau. Không khí lạnh tháng Ba ùa vào.

“Chị biết không, đó là một cảnh tượng kỳ dị. Giờ em vẫn có thể nhắm mắt và nhìn thấy mẹ em đứng như vậy - gió thổi chiếc váy ngủ của mẹ bay phất phơ - và cảm giác như thể em đã biết tất cả, những chuyện đã xảy ra, vào thời điểm đó, thậm chí trước khi em biết chuyện gì. Em biết chuyện gì đã xảy ra. Em biết bố em sẽ bị bắt. Em nhìn thấy hết. Giống như một cảnh trong cơn ác mộng, phải không? Mọi thứ như một cơn ác mộng. Chị không thể tin nổi chuyện đó đang xảy ra trong đời thật, và chị cứ nghĩ là chị sẽ tỉnh dậy. Thỉnh thoảng, em vẫn nghĩ em sẽ tỉnh dậy và mọi chuyện chỉ là một cơn ác mộng khủng khiếp

mà thôi. Nhưng làm sao mà em biết được mọi chuyện trước khi em biết về nó? Em thấy mẹ em đứng đó như... như một chuyện đã xảy ra trước đây, kiểu như déjà vu hay đại loại thế. Thật kỳ dị. Hoặc có lẽ không. Có thể đó chỉ là cảm giác khi em nhớ lại. Em không biết nữa.”

Vừa nhìn thấy Hannah, mẹ cô tóm lấy cô như thể đang kéo con gái mình ra khỏi đường ray của một đoàn tàu đang lao đến và hét thất thanh, “Đừng ra ngoài đó! Đừng ra ngoài đó!” Hannah không hề bước ra, cũng không hỏi mẹ cô lý do. Cô chỉ đứng đó trong vòng tay hoảng sợ của mẹ.

“Em chưa bao giờ thấy mẹ em như thế. Nhưng mà em vẫn cảm thấy như là em đã trải qua chuyện này. Em biết là em nên ở trong nhà.”

Một lúc sau - Hannah không chắc là bao lâu sau đó - bố cô bước vào nhà, qua cánh cửa đang mở rộng, tiến đến chỗ hai mẹ con cô đang đứng ôm nhau.

“Hắn không cầm súng. Hắn bỏ nó ở đâu đó ngoài sân.”

Mặc mỗi chiếc quần pijama, ông đứng trước gia đình nhỏ của mình.

“Bố em trông vẫn ổn. Bố có thở hổn hển, nhưng ý em là bố không có vẻ hoảng sợ hay gì hết, và trong tích tắc, em nghĩ có lẽ mọi chuyện sẽ ổn.”

Khi nói tôi nghe điều này, Hannah lại chảy nước mắt.

“Nhưng em quá sợ hãi không dám hỏi bố chuyện gì đã xảy ra. Sau một lúc, mẹ buông em ra. Mẹ vào nhà gọi cảnh sát. Em nhớ mẹ đã hỏi bố, ‘Hắn có bị thương không?’ Và bố trả lời, ‘Chắc là

có. Anh nghĩ anh làm hắn bị thương nặng.’ Và rồi mẹ vào bếp gọi cảnh sát. Đó là việc cần làm, đúng không chị?’”

“Đúng rồi,” tôi đáp. Đó chắc hẳn không phải là một câu hỏi tu từ.

Từng chút một, Hannah biết được chuyện gì đã xảy ra. Trong đêm kinh hoàng đó, mẹ Hannah, vốn là người ngủ không sâu, đã nghe thấy tiếng động phát ra từ phòng khách giống như tiếng kính vỡ, nên bà đã gọi chồng dậy. Thêm nhiều tiếng động nữa. Bố Hannah tin chắc là có kẻ đột nhập vào nhà và ra khỏi giường để chuẩn bị đối phó. Theo lời mẹ cô kể lại sau này thì dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn đọc sách nhỏ xíu, bố cô lấy ra chiếc hộp đựng súng mà ông ấy cất trong tủ đồ phòng ngủ, mở khóa và lên đạn. Mẹ cô van nài ông hãy báo cảnh sát. Bố cô thậm chí không trả lời bà. Ông gằn giọng ra lệnh, “Ở yên đây!” và đi ra phòng khách trong bóng tối mờ mịt.

Nhin thấy ông, hoặc nhiều khả năng là nghe thấy tiếng ông, kẻ đột nhập chạy ra khỏi nhà qua cửa trước. Bố Hannah đuổi theo, bắn vào hắn ta và “hoàn toàn ngẫu nhiên,” như một trong những luật sư của ông nhận định sau này, bắn trúng sau đầu hắn và giết chết hắn ngay tại chỗ. Vấn đề là hắn ta ngã xuống ở khoảng giữa bãi cỏ và lề đường. Điều này nghĩa là, theo luật pháp hiện hành, bố Hannah đã bắn một người không vũ trang trên đường phố.

Thật lạ lùng và khó tin, không một người hàng xóm nào ra khỏi nhà.

“Mọi thứ rất yên ắng sau đó. Cực kỳ yên ắng,” Hannah nói với tôi trong văn phòng.

Cảnh sát nhanh chóng có mặt sau khi mẹ Hannah gọi điện, tiếp theo có thêm vài người và một chiếc xe cứu thương không mở còi. Cuối cùng, cảnh sát đưa bố mẹ cô về đồn.

“Mẹ em gọi dì dượng đến ở với em đến hết đêm ấy, kiểu như em đột nhiên bé lại vậy đó. Dì dượng cũng chẳng giúp được gì. Họ khá là kích động, còn em thì kiểu không có cảm xúc gì.”

Hôm sau và mấy tuần sau đó, báo đài địa phương đều quan tâm đến sự việc này. Vụ nổ súng xảy ra ở một vùng ngoại ô yên tĩnh dành cho giới trung lưu. Người bắn là một người đàn ông trung lưu bình thường, không có tiền sử bạo lực. Lúc đó, ông không say rượu, cũng không sử dụng chất kích thích. Người chết là một người đã có tiền án tiền sự, nghiện ma túy, và ngay trước khi bị bắn, hắn đã đột nhập vào căn nhà qua lối cửa sổ. Không ai ngoài ủy viên công tố quận tranh cãi về việc hắn là kẻ cướp, hay về việc bố Hannah đã đuổi theo và bóp cò vì hắn đã đột nhập vào nhà.

Đây là vụ án về quyền của nạn nhân. Đây là vụ án về kiểm soát súng đạn. Đây là vụ án về siết chặt tội phạm. Vụ án này cho thấy rõ những nguy hiểm mà các hiệp sĩ đường phố phải đối mặt. Hoặc có lẽ vụ án này cho thấy chủ nhà cần có nhiều quyền hơn. Hiệp hội Dân quyền Mỹ (ACLU) nổi giận, Hiệp hội Súng trường Mỹ (NRA) còn tức giận hơn.

Như Hannah đã nói, phiên xử kéo dài, rồi thêm đơn kháng cáo và thêm một phiên xử kéo dài nữa. Cuối cùng, bố Hannah bị tuyên án ngộ sát và kết án 10 năm tù giam. Các luật sư nói khả năng là “chỉ” 2 hay 3 năm tù.

Tin tức về một hiệu trưởng trường phổ thông trung học bị kết án 10 năm tù vì bắn một tên trộm ở bãi cỏ trước nhà của mình khiến dư luận sôi sục. Phản đối đến từ mọi phía: Quyết định

Ấy là trái hiến pháp. Nó trái với lẽ tự nhiên. Phạm nhân này là một kẻ nguy hiểm vì tự cho bản thân quyền tự quyết và vi phạm nhân quyền. Ông ấy là người hùng của nước Mỹ và là người bảo vệ gia đình. Ông ta là một tên điên bạo lực. Ông ấy hành động vì chính nghĩa, vì nhiều chính nghĩa.

Khó có thể tin được, sau tất cả mọi chuyện, Hannah vẫn đến trường, đạt điểm cao, và nộp đơn vào trường y, những điều mà cô đã được người bố mạnh mẽ của cô truyền đạt.

“Bố không cho phép cuộc đời em bị hủy hoại bởi những thứ ‘ngu ngốc.’ Bố em nói như thế.”

Hannah được nhận vào gần như tất cả trường y mà cô nộp đơn, bất chấp vụ án của bố cô. Cô nói với tôi rằng “toàn bộ chuyện này đã giúp em thi đậu. Bố em chính là lý do để em phấn đấu.”

Kể xong câu chuyện, Hannah lục tìm khăn giấy trong chiếc túi nhỏ bằng da, thấm nước mắt trên má và chấm nhẹ trên áo. Cô làm vậy mặc dù có một hộp khăn giấy dày áp nầm sờ sờ trước mắt trên chiếc bàn nhỏ ngay khuỷu tay trái của cô.

“Chị thấy đó, rõ ràng là em không cần ‘trị liệu tâm lý’. Nhưng em rất muốn nói chuyện với ai đó. Em thật sự không muốn mang cảm giác u uất này khi nhập học trường y. Em không biết nữa. Chị có nghĩ là mọi chuyện sẽ ổn khi em gặp chị hay không?”

Hannah đã tác động đến tôi với câu chuyện và cách hành xử của cô. Tôi cảm thấy cảm thông sâu sắc với cô, và tôi đã nói với cô như thế. Trong thâm tâm, tôi tự hỏi cô sẽ có thể chấp nhận sự giúp đỡ từ tôi đến đâu, một nhà trị liệu chấn thương tâm lý mà cô gọi đến vì thấy tên tôi xuất hiện trên một bài báo. Chúng tôi đồng ý gặp nhau mỗi tuần một lần để Hannah có người nói

chuyện cùng. Trường y mà cô lựa chọn là ở Boston, và trước sự thúc giục của mẹ, cô đã chuyển đến đó ngay sau khi tốt nghiệp để “ổn định” trước khi vào học và tránh xa những điều diên rồ ở quê nhà. Mẹ cô cảm thấy tình thế mà chồng bà gặp phải là “tiêu cực” cho con gái. Hiếm khi nào tôi nghe một câu nói giảm nói tránh như thế, và tôi cam đoan với Hannah rằng đúng vậy, mọi chuyện sẽ ổn khi cô đến gặp tôi.

Sau khi Hannah rời đi, tôi đi tới đi lui trong văn phòng chừng một hai phút, nhìn ra ngoài cửa sổ về phía Vịnh Back của Boston, bước đến bàn làm việc để sắp xếp mớ giấy tờ đang bày bừa bộn, rồi lại quay ra nhìn cửa sổ, như tôi vẫn thường làm sau một buổi trị liệu mà bệnh nhân nói với tôi rất nhiều điều nhưng không phải tất cả mọi thứ. Trong lúc rảo bước quanh văn phòng, vấn đề mà tôi quan tâm không phải là những câu hỏi pháp lý và chính trị như ai, cái gì, khi nào, ở đâu, mà là câu hỏi tại sao muôn thuở trong tâm lý học.

Hannah đã không đặt câu hỏi tại sao - kiểu như “*Tại sao bố em lại nổ súng? Tại sao bố không để hắn đi?*” Tôi cho rằng về phương diện cảm xúc, cô không thể hỏi tại sao vì câu trả lời có thể rất khó chấp nhận. Toàn bộ mối quan hệ với bố cô có thể bị rạn nứt. Và có lẽ đây là lý do cô cần tôi, để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi khó khăn đó. Có lẽ trong khoảnh khắc giận dữ, bố cô đã bóp cò và như lời luật sư là “hoàn toàn ngẫu nhiên,” trúng đầu kẻ đột nhập. Hoặc có lẽ bố cô thật sự tin rằng gia đình mình đang gặp nguy hiểm, và bản năng bảo vệ đã chế ngự ông. Hoặc có lẽ bố của Hannah, người đàn ông hết lòng vì gia đình, vị hiệu trưởng bình thường của một trường trung học ở khu trung lưu, là một tên sát nhân.

Trong những buổi trị liệu tiếp theo trong mùa hè năm ấy và vào mùa thu khi Hannah bắt đầu nhập học trường y, cô kể cho tôi nghe thêm về bố cô. Trong công việc mà tôi đang làm, tôi

thường nghe về những hành vi và sự kiện mà bản thân bệnh nhân đã quá quen thuộc và cho rằng đó là chuyện bình thường, nhưng đối với tôi những điều đó lại rất bất thường và có khi là đáng báo động. Chẳng bao lâu sau, tôi bắt đầu nghe được những điều này từ Hannah. Khi cô tả về bố cô, mặc dù rõ ràng cô tin rằng đó là những chuyện không có gì đặc biệt, nhưng tôi đã ghép lại thành hình ảnh một con người lạnh lùng, với những hành vi xấu xa và kiểm soát khiến tôi phải rùng mình. Tôi cũng trở nên quen thuộc và hoàn toàn hiểu được làn sương mù che mắt cô bệnh nhân trẻ tuổi thông minh của tôi khi nhìn nhận bố cô theo đúng bản chất của ông ta.

Tôi phát hiện ra bố Hannah đối xử với người vợ xinh đẹp và cô con gái giỏi giang của ông ta như những chiến lợi phẩm hơn là con người. Ông ta thường không ngó ngàng gì đến vợ con khi họ mắc bệnh hay gặp những vấn đề khó khăn khác. Nhưng Hannah lại diễn giải cách đối xử nhẫn tâm của bố mình một cách đầy tình cảm.

Cô nói, “Bố rất tự hào về em, hoặc là do em lúc nào cũng nghĩ thế - vậy nên bố không chịu được khi em phạm lỗi. Hồi em học lớp 4, cô giáo gửi thư về nhà báo rằng em không làm bài tập về nhà. Bố đã không nói chuyện với em suốt 2 tuần sau đó. Em biết là 2 tuần vì em có một cuốn lịch nhỏ - giờ em vẫn còn cất ở đâu đó - và em đánh dấu từng ngày một. Mọi chuyện như thế em đột nhiên không còn tồn tại vậy. Thật kinh khủng. À, thêm một ví dụ nữa: em đã vào trường trung học rồi - trường của bố, chị biết đó? - và em có một vết xước to và xấu ở trên má.” Cô chỉ vào một chỗ trống trên gương mặt đáng yêu của mình. “Bố em không nói với em một lời - thậm chí không thèm nhìn em - trong suốt 3 ngày. Bố là một người cầu toàn như thế đó. Em đoán là bố muốn khoe về em, và khi có gì đó không ổn, thì bố không làm được điều đó. Đôi khi, việc này khiến em cảm thấy tồi tệ về bản thân mình, nhưng em cho là em ít nhiều cũng hiểu được tại sao.”

Hannah kể lại hồi nhỏ, có lần mẹ cô bị bệnh nặng và nằm viện gần 3 tuần. Hannah tin rằng mẹ cô bị viêm phổi, nhưng cô nói, “Hồi đó em còn nhỏ quá nên không nhớ rõ.” Dì của Hannah đã dẫn cô vào thăm mẹ trong thời gian này, còn bố cô không đến bệnh viện thăm vợ một lần nào, và khi mẹ cô xuất viện về nhà, bố cô trở nên giận dữ và khó chịu vì lo ngại người vợ xanh xao và yếu ớt của ông “có thể không lấy lại được vẻ đẹp như xưa,” theo cách Hannah diễn tả.

Còn với người mẹ xinh đẹp của mình, Hannah nói, “Không có gì nhiều để kể cả. Mẹ em dịu dàng, hòa nhã. Mẹ chăm sóc em chu đáo, nhất là khi em còn nhỏ. Mẹ thích làm vườn và mẹ làm từ thiện rất nhiều và những việc tương tự như thế. Mẹ em là người phụ nữ vô cùng tử tế. À, mẹ còn là hoa khôi thời phổ thông trung học nữa. Bố thích kể với mọi người điều đó.”

Khi tôi gắng hỏi Hannah về phản ứng của mẹ cô trước cách cư xử lạnh nhạt của cha cô, cô nói, “Em không biết. Ý em là, nói thật là, có những chuyện mà nếu em là mẹ, thì em sẽ thật sự nổi giận, nhưng mà mẹ không bao giờ nói gì cả. Mẹ chỉ sống theo cách của mẹ thôi. Như em nói đó, mẹ là một người phụ nữ dịu dàng, hòa nhã - nếu chị hỏi ai về mẹ thì sẽ được nghe nhận xét như thế - và em nghĩ với tính cách đó, mẹ chưa khi nào nói lên chính kiến của mình. Chắc chắn là mẹ chẳng bao giờ nói thẳng với bố. Ý em là em sẽ xỉu mất nếu mẹ làm vậy. Mẹ là quý cô hoàn hảo. Khiếm khuyết nhỏ duy nhất của mẹ, nếu gọi đó là khiếm khuyết, chính là niềm kiêu hãnh về vẻ bề ngoài của mẹ. Mẹ em tuyệt đẹp, và em nghĩ là mẹ biết điều đó, nên mẹ dành rất nhiều thời gian chăm sóc mái tóc và vóc dáng. Em nghĩ mẹ xem đó là quyền năng duy nhất mà mẹ có, nếu điều đó có thể hiểu được.”

Hannah nhìn tôi với vẻ dò hỏi, và tôi gật đầu cho thấy tôi hiểu điều cô muốn nói.

“Đáp lại, bố em rất trân trọng điều đó của mẹ. Bố gửi hoa tặng mẹ khi đi xa, và bố luôn khen mẹ đẹp. Em nghĩ điều đó rất có ý nghĩa với mẹ.”

“Bố em gửi hoa tặng mẹ em khi ông ấy vắng nhà ư? Ông ấy đi đâu?”

Khi tôi hỏi câu “Ông ấy đi đâu?” thì vẻ điềm tĩnh của Hannah có chút suy chayển. Cô cựa mình trên ghế và không nói một lời nào trong một lúc. Cuối cùng, cô đáp, “Em không biết rõ. Nghe không hay cho lắm nhưng em không biết thật. Thỉnh thoảng, bố về nhà rất khuya, hoặc thậm chí vắng nhà suốt cuối tuần. Mẹ sẽ nhận được hoa - em muốn nói là đó là chuyện giữa bố mẹ ấy. Thật kỳ quặc, nên em cố lờ đi.”

“Việc ông ấy vắng mặt là kỳ quặc?”

“Vâng, à thì... Đó là em cảm thấy vậy. Em không biết mẹ cảm thấy ra sao về chuyện đó.”

“Em có đoán được là ông ấy đi đâu không?” tôi gặng hỏi, có thể hơi quá đồn ép, nhưng đó có vẻ là thông tin quan trọng.

“Không, em luôn cố lờ nó đi,” cô lặp lại. Rồi cô lại dán mắt vào kệ sách của tôi.

Tuần tiếp theo, tôi hỏi Hannah câu hỏi cần lưu ý rằng bố cô có từng “thượng cẳng chân hạ cẳng tay” với cô hay mẹ cô không. Ông ta có bao giờ đánh họ không?

Mặt cô sáng bừng lên và cô trả lời một cách hào hứng. “Ô không. Bố chưa từng làm vậy. Em không thể tưởng tượng nổi điều đó. Thật sự là nếu có ai làm tổn thương em hay mẹ, chắc bố sẽ giết chết họ luôn.”

Tôi đợi một chút để cô nhận thức về từ ngữ mà cô dùng, nhưng cô có vẻ không nhận thấy. Cô lại cưa mình và nhấn mạnh câu trả lời, “Không. Bố chưa bao giờ đánh mẹ và em. Chuyện đó chưa từng xảy ra.”

Không hiểu sao cô lại rất hài lòng khi trả lời tôi như vậy, và vì lý do nào đó mà tôi muốn tin cô, rằng bố cô chưa khi nào có hành vi bạo lực trong gia đình. Nhưng sau 25 năm trị liệu cho các bệnh nhân bị chấn thương tâm lý, tôi đã biết được rằng đánh đập là một trong những kiểu tấn công dễ chịu đựng hơn các kiểu tấn công khác.

Tôi thử cách khác. Tôi nói, “Chị biết em yêu bố, và em cần giữ chặt lấy tình cảm đó vào lúc này. Nhưng tất cả mối quan hệ đều có những khó khăn. Nếu được thì em muốn thay đổi điều gì về bố?”

“Vâng, rất đúng ạ. Em thật sự cần giữ chặt lấy bố. Và bố rất xứng đáng được tất cả mọi người thông cảm sâu sắc, đặc biệt là bây giờ...”

Cô dừng lại, ngoái cổ nhìn cánh cửa hai lớp của văn phòng tôi phía sau lưng cô. Rồi cô quay lại nhìn tôi một lúc lâu như để đánh giá động cơ của tôi, cuối cùng cô nói, “Nhưng vì chị muốn biết em muốn thay đổi điều gì, thì thật sự là có một điều như vậy.”

Cô bật cười một tiếng nhỏ rồi đỏ mặt tía tai.

“Gì vậy?” tôi hỏi, một cách thản nhiên nhất có thể.

“Một điều ngớ ngẩn, rất ngớ ngẩn, đó là... Thỉnh thoảng, bố tán tỉnh các bạn em, đại loại thế, và em thấy rất khó chịu. Thật sự là bây giờ em nói ra thì điều đó nghe còn lố bịch hơn nữa. Lẽ ra em không nên khó chịu nhiều như vậy. Nhưng thật sự là rất khó chịu.”

“Ông ấy tán tỉnh các bạn em? Ý em là sao?”

“Từ hồi cấp hai, khoảng thời gian đó... Em có mấy đứa bạn rất xinh đẹp, chị biết đó? Đặc biệt có một bạn tên là Georgia... Và bố tán tỉnh các bạn ấy. Bố nháy mắt với các bạn và kiểu như là ôm lấy tụi nó rồi cù vào người tụi nó cho cười. Và đôi khi bố còn nói mấy câu đầy ngụ ý - như ‘Hôm nay thả rông ngực sao Georgia?’ hay gì đó - nhưng có lẽ là em hiểu lầm. Ôi không, bây giờ em nói ra rồi, nghe cực kỳ ngu xuẩn, chị có nghĩ vậy không? Đáng lẽ em không nên có chút khó chịu nào về việc đó.”

Tôi nói, “Nếu chị là em, chị nghĩ là chị sẽ cực kỳ khó chịu.”

“Thật ạ?” Cô trông có vẻ “mở cờ trong bụng” được một chút, rồi lại iu xiu. “Chị biết đó, ở trường của bố - trường trung học phổ thông nơi em học - phụ huynh có lên tiếng nói rằng bố ‘không cư xử đúng đắn’ với con họ. Có 3 lần, em nhớ vậy, hoặc ít nhất là em nghe nói 3 lần. Em nhớ có một lần, phụ huynh giận sôi lên và cho con họ chuyển trường luôn. Sau đó mọi người nói đỡ cho bố. Họ nghĩ thật đáng buồn khi mà một người đàn ông tốt bụng tử tế như thế lại bị buộc tội sàm sỡ chỉ vì ôm hay sao đó với học sinh của mình.”

“Còn em nghĩ gì?”

“Em không biết. Chắc là em sẽ bị đầy xuống địa ngục khi thú nhận điều này, nhưng sự thật là em không biết - có lẽ là vì em đã thấy bố làm quá nhiều chuyện mà mọi người dễ hiểu sai. Chị biết đó? Ý em là nếu chị là hiệu trưởng và chị tiến đến từ phía sau một cô học sinh 16 tuổi nóng bỏng ở ngoài hành lang rồi vòng tay ôm eo nó, chị phải biết là cha mẹ nó sẽ phản ứng nếu việc này đến tai họ. Em không biết tại sao bố không hiểu điều đó.”

Lần này, Hannah không yêu cầu tôi xác nhận lại ý kiến của cô. Cô nhìn chăm chăm vào kệ sách một lúc và im lặng.

Cuối cùng, một cách gấp gáp, cô nói, “Và chị biết gì nữa không? Em chưa bao giờ kể chuyện này cho ai nghe, và em hy vọng chị sẽ không coi thường em bởi vì em nói cho chị biết, nhưng một lần, có đứa con gái mà em biết - em không biết bạn ấy rõ nhưng bạn ấy học cùng trường em - đến ngồi cạnh em trong thư viện và bắt đầu viết xuống vài dòng. Bạn ấy cười và viết, ‘Cậu có biết bố cậu nói cho mình biết gì về trường Central High không?’ rồi bạn ấy đưa mẫu giấy cho em. Em viết, ‘Không biết. Gì thế?’ rồi bạn ấy viết, ‘Thầy ấy nói với mình rằng Central là ‘tiệm sex.’ Bạn ấy viết chữ ‘tiệm sex’ trong ngoặc kép. Em tức giận suýt khóc, nhưng em rời khỏi nơi đó, rồi sau đó em không biết làm gì với mẫu giấy ấy, nên em vo nó lại bỏ túi, và khi về đến nhà, em quẹt diêm đốt nó trong bồn rửa.”

Nói xong một tràng, cô nhìn xuống tâm thảm màu đỏ gạch.

“Chị rất tiếc, Hannah. Em thật sự không đáng phải chịu điều đó. Chắc hẳn em rất xấu hổ và đau lòng. Nhưng tại sao em lại nghĩ chị sẽ coi thường em vì em nói cho chị biết?”

Hannah trả lời với chất giọng trẻ con so với tuổi 22, “Lẽ ra em nên giữ kín chuyện đó. Đó là phản bội.”

Hannah và tôi tiếp tục các buổi trị liệu với nhau. Trong nhiều buổi trị liệu, vừa bắt đầu là cô đã nói cho tôi nghe về những tin nhắn điện thoại lạ lùng mà mẹ cô đang nhận được ở nhà.

“Sau đêm trộm đột nhập đó, gia đình em gần như không nhận điện thoại nổi nữa. Có quá nhiều những tay tự nhận là nhà báo, quá nhiều những kẻ kỳ quặc. Thời điểm đó, mẹ em luôn để chế độ trả lời tự động, và nếu đó là người mà mẹ muốn nói chuyện,

mẹ mới nhác máy. Em nghĩ vậy cũng tốt. Mẹ chỉ cần phớt lờ những người kỳ quặc đi. Nhưng đạo gần đây, mẹ em bắt đầu nhận được những tin nhắn lạ về ma túy. Mẹ lo lắng lắm. Mấy tin này ghê lắm, ghê hơn cả ghê nữa.”

“Mẹ có nói cho em biết nội dung tin nhắn hay không?” tôi hỏi.

“Có chút chút. Mẹ lo lắng đến nỗi nói năng hơi lộn xộn khó hiểu qua điện thoại, nhưng em nghĩ đại loại là họ buộc tội bố em buôn bán ma túy hay kiểu vậy. Nghe thật buồn cười - nhưng nó khiến mẹ lo. Mẹ nói bọn họ muốn có ‘thông tin’ gì đó trong nhà, nếu không họ sẽ làm hại bố. Em đoán họ liên tục nói về ‘thông tin,’ và việc làm hại bố. Nhưng không có gì trong nhà cả, ý em là bố đâu có ở nhà. Bố đang ở tù mà.”

“Mẹ em đã báo cảnh sát về vụ tin nhắn này chưa?”

“Chưa ạ. Mẹ sợ mẹ sẽ khiến bố gặp rắc rối.”

Trong một khoảnh khắc, tôi không nghĩ ra câu trả lời phù hợp với nhận định vừa rồi của Hannah, và khi tôi im lặng, Hannah nói luôn, “Em biết, em biết. Thật vô lý.”

Khi Hannah học hết năm nhất ở trường y, mẹ cô đã nhận được hơn cả chục tin nhắn đe dọa và khó hiểu ấy, và cả hai mẹ con vẫn không ai báo cảnh sát về vụ việc này.

Vào tháng 5, Hannah quyết định bay sang thăm người cha đang ở tù. Chúng tôi nói về việc chuyến ghé thăm này sẽ khiến cô tổn thương tinh thần như thế nào, nhưng cô vẫn quyết tâm đi. Chúng tôi có vài cuộc đối thoại về chuyến đi sắp tới của cô, cố gắng chuẩn bị cho cô đối mặt với những tình huống khác nhau mà cô có thể gặp phải và cả những cảm xúc mà cô có thể có khi gặp bố mình trong tù. Nhưng có những chuyện cả tôi lẫn

Hannah đều không thể lường trước được. Nhớ lại, tôi tin rằng chắc hẳn ông ta đã đạt đến mức độ là mong muốn có một khán giả cho trò chơi thao túng tâm lý của ông ta, một kiểu tư duy tương tự như của Skip khi hắn dụ đưa em gái nhỏ ra bờ hồ. Tôi không nghĩ ra được lý do thỏa đáng nào khác để giải thích tại sao bố của Hannah lại bất ngờ trở nên thẳng thắn đến thế với con gái mình. Về phía Hannah, cô đã không nói cho tôi biết là cô có ý định hỏi thẳng bố cô. Có lẽ ngay cả chính cô cũng không ngờ đến việc này. Theo tôi thấy thì hành vi ghé thăm bố trong tù của Hannah là một trong những minh họa tốt nhất về việc một người có thể biết rất nhiều về người khác mà không ý thức mình biết điều đó.

Khi trở lại Boston, cô kể cho tôi nghe về cuộc nói chuyện của họ như thế này. Tôi nghĩ là họ nói nhiều hơn thế, nhưng dưới đây là tất cả những gì Hannah chia sẻ với tôi. Cô nghẹn ngào mở đầu câu chuyện khi nói về những khổ sở và tồi tệ của quá trình thăm tù. Sau đó cô ngừng khóc và kể cho tôi nghe phần còn lại của câu chuyện một cách bình tĩnh và rõ ràng rành mạch.

Cô nói, “Em rất sợ sẽ nhìn thấy vẻ đau khổ đáng thương của bố, nhưng bố không hề trông có vẻ gì như thế cả. Bố trông rất ổn. Bố trông... em không biết nữa - vẫn sống tốt là điều em muốn nói. Ánh mắt bố lấp lánh. Em đã từng thấy bố như thế trước đây, nhưng em không nghĩ là lại nhìn thấy sự rạng rỡ đó của bố trong tù. Bố có vẻ vui mừng khi thấy em - bố hỏi về điểm số của em. Em tưởng bố sẽ hỏi thăm mẹ nhưng không có. Và rồi em nghĩ sao mình lại chần chừ, thế là em hỏi bố.”

Cô nói ra câu này như thể tôi biết ý cô là gì, nhưng tôi không biết. Tôi hỏi, “Em hỏi bố chuyện gì?”

“Em hỏi, ‘Người đàn ông đó tìm gì trong nhà vậy bố?’ Bố nói, ‘Người nào?’ Nhưng em chắc chắn là bố biết em đang nói gì. Bố

không có vẻ gì xấu hổ hay hổ thẹn cả. Em nói, ‘Người mà bố đã bắn ấy.’ Bố thậm chí không chớp mắt. Bố chỉ nói, ‘À, người đó à. Hắn ta tìm thông tin của một số người nhưng không tìm được. Bố có thể đảm bảo với con điều đó.”

Nãy giờ Hannah nói mà không nhìn tôi. Giờ cô nhìn tôi và nói, “Bác sĩ Stout, vẻ mặt của bố... Vẻ mặt của bố khi đó giống như là bố và em đang nói về một điều gì đó rất vui. Em muốn bỏ chạy khỏi đó, nhưng em đã không chạy.”

“Chị không ngờ em sẽ hỏi ông ta. Em giỏi lắm.”

“Kinh khủng lắm chị,” cô nói tiếp, dường như không nghe thấy lời khen của tôi về hành động của cô. “Em nói, ‘Vậy là bố biết hắn?’ Và bố nói, ‘Đĩ nhiên là bố biết hắn. Chẳng có gì bố lại giết một kẻ hoàn toàn xa lạ?’ Và rồi bố bật cười. Bố cười, bác sĩ Stout ạ.”

Nhin thẳng vào tôi, mặc dù vẫn kìm né cảm xúc về sự việc, cô tiếp tục: “Và rồi em hỏi, ‘Bố có dính đến ma túy không?’ Bố không thật sự trả lời em, mà chỉ nói rằng em là người thông minh. Chị có tin được không? Bố nói là em thông minh.”

Cô lắc đầu tỏ vẻ không tin được và ngồi yên lặng một lúc.

Cuối cùng, tôi thúc cô. Tôi nói, “Em có hỏi bố gì nữa không, Hannah?”

“Có. Có, em có hỏi bố. Em hỏi, ‘Bố có từng giết người nào khác không?’ Và chị biết bố nói gì không?”

Sau đó cô lại im lặng.

Sau một lúc, tôi đáp, “Không, chị không biết. Ông ấy nói gì?”

“Bố nói, ‘Bố sẽ không trả lời câu hỏi này.’”

Đến đây thì Hannah lại khóc, lần này không còn cố gắng kìm néo nữa. Nỗi đau thấu tâm can đột ngột trào dâng về người cha của cô khiến tôi nhớ đến một câu nói của Emerson. Ông nói rằng trong tất cả những cách mất đi một người, cái chết là cách tử tế nhất.

Cô khóc rất lâu, nhưng tôi cảm thấy nhẹ lòng khi thấy rằng sau khi khóc xong, cô có thể chuyển suy nghĩ về sự an toàn của bản thân. Lấy khăn giấy từ trong hộp ra để lau mặt, cô nhìn tôi và nói bằng một giọng điềm tĩnh, “Chị biết không, các luật sư sẽ giúp bố ra tù. Em sẽ làm gì đây?”

Và tôi nghe tiếng mình trả lời một cách cương quyết hơn cách tôi thường nói trong các buổi trị liệu, “Em sẽ bảo vệ bản thân mình, Hannah à.”

NGƯỜI CÓ LƯƠNG TÂM LÀM GÌ ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI KẺ VÔ NHÂN TÍNH?

Những kẻ là *sociopath* không hề hiếm. Ngược lại, bọn chúng chiếm một tỷ lệ đáng kể trong dân số. Mặc dù trải nghiệm của Hannah đặc biệt thâm cận và riêng tư, nhưng bất kỳ ai trong cuộc đời mà chưa từng biết đến một người như thế là điều gần như bất khả thi.

Những kẻ không có lương tâm trải nghiệm cảm xúc rất khác với bạn và tôi, và bọn chúng không hề có cảm giác yêu thương, cũng như không có bất kỳ tình cảm gắn bó nào với những người xung quanh. Sự thiếu hụt này, một điều khó tưởng tượng được, khiến cho cuộc sống của chúng trở thành một cuộc chơi không hồi kết nhằm thống trị người khác. Đôi lúc, *sociopath* trở nên bạo lực,

như bố của Hannah. Thường thì bọn chúng không như vậy, mà chúng thích “chiến thắng” bằng những thủ đoạn trên thương trường hoặc công việc - hay đơn giản là bằng cách vắt kiệt ai đó trong mối quan hệ ký sinh như gã chồng hờ của Sydney đã làm.

Ở thời điểm hiện tại, căn bệnh vô nhân tính là “không chữa trị được”; hơn nữa, *sociopath* hầu như không bao giờ muốn được “chữa trị.” Trên thực tế, nhiều khả năng là dựa trên những đặc điểm thần kinh sinh học của *sociopath*, một số nền văn hóa, đặc biệt là phương Tây, còn thúc đẩy các hành vi chống xã hội, bao gồm bạo lực, giết người và châm ngòi chiến tranh.

Những sự thật này khó chấp nhận với hầu hết mọi người. Bọn chúng thật kinh tởm, theo chủ nghĩa bất bình đẳng và rất đáng sợ. Nhưng hiểu và chấp nhận rằng bọn chúng là một phần của thế giới là quy tắc số 1 trong “13 Quy Tắc Đối Phó Với Kẻ Vô Nhân Tính Trong Đời Sống Hàng Ngày” của tôi dành cho các bệnh nhân như Hannah và cho những ai khác muốn bảo vệ bản thân và những người mà họ yêu thương.

Sau đây là 13 quy tắc:

13 QUY TẮC ĐỐI PHÓ VỚI *SOCIOPATH* TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

1. Quy tắc đầu tiên là nuốt trôi sự thật tàn khốc rằng có một số người thật sự không có lương tâm.

Những người này không thường có vẻ ngoài giống như mấy tên giết người trong phim kinh dị. Bọn chúng trông giống như chúng ta.

2. Trong cuộc tranh đấu giữa những gì mà bản năng bạn mách bảo và những gì được cho là gắn liền với vai trò xã hội của một người - nhà giáo dục, bác sĩ, nhà lãnh đạo, người yêu động vật, nhà hoạt động nhân quyền, phu huynh - hãy nghe theo bản năng của bạn.

Dù muốn hay không thì bạn vẫn luôn là người quan sát hành vi con người và những ấn tượng không qua sàng lọc của bạn, dù có gây hoang mang và rất dối kỳ quặc, sẽ giúp ích cho bạn nếu bạn cho phép nó. Bản năng ưu việt trong bạn sẽ tự khắc hiểu mà không cần được dạy bảo, rằng những danh hiệu to tát và nghe có vẻ đạo đức sẽ không mang lại lương tâm cho những kẻ không có nó từ lúc đầu.

3. Khi cân nhắc bất kỳ mối quan hệ mới nào, hãy thực hành Quy tắc 3 trước những lời tuyên bố, hứa hẹn và trách nhiệm của một người. Hãy biến Quy tắc 3 thành nguyên tắc riêng của bạn.

Một lời nói dối, một câu hứa hão huyền, hay một trách nhiệm bị lăng quên có thể là một sự hiểu lầm. Hai lần có thể là sai lầm nghiêm trọng. Nhưng ba lời nói dối cho bạn biết rằng bạn đang gặp một kẻ dối trá, và dối trá chính là cốt lõi của hành vi vô lương tâm. Hãy “bỏ của chạy lấy người” càng sớm càng tốt. Rời bỏ, mặc dù rất khó, nhưng chấm dứt lúc này sẽ dễ dàng hơn so với sau này và cái giá phải trả cũng ít hơn.

Đừng trao tiền bạc, công việc, bí mật hay tình cảm của bạn cho kẻ dối trá 3 lần. Những món quà quý giá của bạn sẽ bị lăng phí.

4. Chất vấn uy quyền.

Một lần nữa - bạn hãy tin tưởng bản năng và những lo âu của bạn, đặc biệt đối với những kẻ tuyên bố rằng thống trị người khác, bạo lực, chiến tranh hay những việc trái lương tâm là thượng sách để giải quyết một vấn đề nào đó. Hãy làm điều này ngay cả khi, và nhất là khi, mọi người xung quanh đã *ngừng hẳn* việc chất vấn những người nắm giữ quyền lực. Hãy nhắc bản thân nhớ về những gì Stanley Milgram đã dạy chúng ta về sự phục tùng: Trong số 10 người thì có ít nhất 6 người sẽ quáng phục tùng mệnh lệnh của nhà cầm quyền.

Tin tốt lành là sự hỗ trợ của xã hội sẽ làm tăng khả năng mọi người chất vấn nhà cầm quyền hơn. Hãy khuyến khích những người xung quanh bạn cùng chất vấn.

5. Hoài nghi sự tâng bốc

Những lời khen thật “bùi tai,” nhất là khi nó xuất phát từ tấm lòng thành. Ngược lại, *tâng bốc* thì lại thái quá và đề cao cái tôi của chúng ta một cách thiếu thực tế. Nó là nguyên liệu của súc thu hút giả tạo và gần như luôn nhằm mục đích thao túng. Thao túng bằng cách tâng bốc có lúc vô hại và có lúc là hiểm họa. Hãy để mắt đến cái tôi đang được ve vuốt của bạn và nhớ hoài nghi những lời tâng bốc.

“Quy tắc tâng bốc” này áp dụng với từng cá nhân cũng như tập thể, thậm chí cả một quốc gia. Từ cổ chí kim, những lời kêu gọi chiến tranh luôn kèm theo những lời tuyên bố “nghe sướng tai” rằng chiến thắng sẽ làm thay

đổi thế giới theo cách tốt đẹp hơn, rằng đó là một thắng lợi đáng tuyên dương về mặt đạo đức, đầy tính nhân văn, mang tính độc nhất trong lịch sử nhân loại, chính nghĩa và đáng được mang ơn. Kể từ khi con người bắt đầu ghi chép lịch sử nhân loại, mọi cuộc chiến tranh lớn đều được truyền đạt theo cách này, bởi tất cả các bên đều nghịch, và mọi ngôn ngữ trên thế giới đều dùng tính từ tương đương với từ *thiêng liêng* để nói về *chiến tranh*. Hoàn toàn có thể thấy một điều rằng nhân loại sẽ sống trong hòa bình khi các dân tộc cuối cùng nhìn thấu những lời có cánh bậc thầy này.

Giống như một người được thổi phồng bởi sự tâng bốc của kẻ thao túng sẽ có khuynh hướng hành xử ngu xuẩn, thì lòng yêu nước được thổi phồng đến mức cường điệu là một điều nguy hiểm.

6. Nếu cần, hãy định nghĩa lại khái niệm nể trọng của bạn.

Thường thì chúng ta nhầm lẫn sợ hãi là nể trọng, và càng sợ hãi một người nào đó, ta càng nhìn nhận đó là người đáng nể trọng.

Tôi có một con mèo đốm Bengal mà con gái tôi hồi chập chững biết đi đã đặt tên cho là nó là Ông Lực Sĩ, bởi vì từ khi là một con mèo con, nó đã trông như một tay đô vật nhà nghề. Giờ thì nó to lớn hơn nhiều so với hầu hết những con mèo nhà khác. Bộ móng khủng của nó trông giống như bộ móng vuốt của tổ tiên của nó, loài mèo báo châu Á, nhưng tính tình nó rất hiền hòa thân thiện. Nhà hàng xóm của tôi có một con mèo tam thể nhỏ. Rõ ràng là bản năng săn mồi của con mèo

tam thể này rất mạnh và nó rất giỏi chiếu ánh mắt sát thủ vào những con mèo khác. Mỗi khi con mèo nặng 3 kg này đến gần Ông Lực Sĩ trong phạm vi 5 mét, Ông Lực Sĩ nặng 7 kg bỗng trở nên khum núm, mợp người xuống với vẻ sợ hãi và tôn kính của loài mèo.

Ông Lực Sĩ là một con mèo tuyệt vời. Nó rất ấm áp, đáng yêu và tôi rất thương nó. Tuy nhiên, tôi muốn tin rằng một số phản ứng của nó mang tính nguyên sơ hơn của tôi. Tôi mong là mình không nhầm lẫn sợ hãi là nể trọng, bởi vì làm vậy là tôi tự biến mình thành nạn nhân. Hãy sử dụng trí tuệ ưu việt của loài người để áp đảo bản năng khuất phục của động vật bên trong chúng ta trước kẻ săn mồi, để chúng ta có thể cởi bỏ lo lắng và sợ hãi. Trong một thế giới hoàn hảo, con người sẽ tự động dành sự nể trọng cho những người mạnh mẽ, tử tế và can trường. Những kẻ hưởng lợi từ việc dọa nạt bạn không có những phẩm chất trên.

Kiên quyết tách rời sự nể trọng ra khỏi sợ hãi thậm chí còn quan trọng hơn đối với tập thể và quốc gia. Một chính trị gia, dù nhỏ hay lớn, đe dọa dân chúng bằng cách thường xuyên nhắc nhở về mầm mống tội ác, bạo lực hay khủng bố rồi sau đó dùng nỗi sợ đã bị thổi phồng đó để chiếm lấy lòng trung thành của họ, thì nhiều khả năng là một tên lừa đảo thành công chứ không phải là một nhà lãnh đạo đường đường chính chính. Điều này luôn đúng trong suốt lịch sử nhân loại.

7. *Đừng tham gia trò chơi.*

Kích thích trí tò mò là công cụ của *sociopath*. Hãy cưỡng lại sự cám dỗ cạnh tranh với một *sociopath* quyến rũ, đừng

cố gắng tỏ ra thông minh hơn hắn, đừng phân tích tâm lý, hay thậm chí giấu cợt với hắn. Không chỉ hạ thấp bản thân xuống ngang hàng với hắn, bạn còn khiến mình lơ là khỏi việc quan trọng, đó là bảo vệ bản thân.

8. Cách tốt nhất để bảo vệ bản thân khỏi sociopath là tránh xa hắn, không tiếp xúc hay tương tác dưới bất kỳ hình thức nào.

Các nhà tâm lý học thường không đưa ra lời khuyên tránh xa, nhưng trong trường hợp này, tôi chủ ý tạo ra một ngoại lệ. Phương pháp đối phó duy nhất thật sự hiệu quả khi bạn đã xác định được ai là *sociopath* chính là không cho phép hắn tham gia vào cuộc sống của bạn. *Sociopath* hoàn toàn không tuân theo các quy tắc xã hội, và vì vậy mà việc để bọn chúng bước vào các mối quan hệ hoặc các dàn xếp xã hội khác là rất nguy hiểm. Hãy cắt đứt mối quan hệ cá nhân và đời sống xã hội với hắn. Bạn sẽ không làm tổn thương cảm xúc của bất kỳ ai. Dù nghe có vẻ lạ lùng và dù bọn chúng có thể cố gắng giả vờ bị tổn thương, nhưng *sociopath* thật sự không có bất kỳ cảm xúc nào như vậy, nên chúng không hề bị tổn thương.

Có lẽ bạn không bao giờ giải thích được cho gia đình và bạn bè hiểu tại sao bạn lại tránh xa một người nào đó. *Sociopath* rất khó bị phát hiện và giải thích cho người khác hiểu còn khó hơn nữa. Dù sao đi nữa, cũng hãy tránh xa hắn.

Nếu việc tránh tiếp xúc hoàn toàn là không thể, hãy lập kế hoạch để đạt càng gần đến mục tiêu tránh tiếp xúc hoàn toàn càng tốt.

9. Xem lại xu hướng thương người quá dễ dàng của bạn.

Sự nể trọng nên dành cho những người tử tế và can trường. *Lòng thương người* là một phản ứng xã hội quý giá khác, và nó nên được dành cho những người vô tội đang phải gánh chịu nỗi đau, sa cơ thất thế hay gặp tình cảnh không may. Thay vào đó, nếu bạn thấy mình thương xót một kẻ liên tục làm tổn thương bạn hay người khác, và nếu kẻ đó chủ động khơi dậy lòng thương cảm của bạn, khả năng gần như chắc chắn 100% là bạn đang gặp phải một *sociopath*.

Liên quan đến điểm này - tôi khuyến nghị bạn suy xét một cách nghiêm túc nhu cầu phải tỏ ra lịch thiệp của bản thân trong mọi hoàn cảnh. Với những người trưởng thành bình thường trong nền văn hóa của chúng ta, cư xử theo cách mà ta cho là “văn minh” cũng giống như phản xạ vậy, và thường thì ta cũng tự động tỏ ra lịch thiệp ngay cả khi có ai đó khiến ta nổi điên, liên tục lừa dối ta, hay đâm sau lưng ta. *Sociopath* lợi dụng triệt để phản xạ lịch thiệp này trong những tình huống cần lợi dụng.

Đừng sợ bản thân mình ngừng tỏ ra thân thiện và hãy giữ thái độ bình tâm khi xử lý vấn đề.

10. Đừng cố gắng cứu kẻ “hết thuốc chữa.”

Cơ hội thứ 2 (thứ 3, thứ 4 và thứ 5) là dành cho những người có lương tâm. Nếu bạn gặp phải một kẻ không có lương tâm, hãy biết cách chấp nhận sự thật phũ phàng và tìm cách thoát thân.

Ở một thời điểm nào đó, hầu hết chúng ta đều cần phải học bài học cuộc sống quan trọng nhưng cay đắng, đó là bất kể ý định của ta có tốt đẹp đến đâu, ta cũng không thể điều khiển hành vi - huống chi là bản chất - của người khác. Hãy tiếp nhận thực tế này về cuộc sống con người và tránh có cùng tham vọng với kẻ vô nhân tính: kiểm soát người khác.

Nếu bạn không có mong muốn điều khiển ai, mà thay vào đó muốn *giúp đỡ* người khác, thì hãy giúp những người thật sự cần được giúp đỡ. Tôi nghĩ bạn sẽ nhận thấy rằng những kẻ không có lương tâm không thuộc nhóm này.

Hành vi của *sociopath* không phải lỗi của bạn, cho dù là từ góc độ nào. Đó cũng không phải là sứ mệnh của bạn. Sứ mệnh của bạn là cuộc sống của chính bạn.

11. Cho dù là vì thương xót hay vì bất kỳ lý do nào khác thì cũng không bao giờ đồng ý giúp *sociopath* che giấu bản chất của hắn.

Câu “đừng nói ai biết” thường được thốt lên trong nước mắt và đau đớn. Đó chính là lời van nài điển hình của bọn trộm cắp, lạm dụng trẻ em - và *sociopath*. Đừng nghe những câu nói ngọt ngào này. Những người khác xứng đáng được cảnh báo nhiều hơn là *sociopath* xứng đáng được bạn giữ bí mật.

Nếu một kẻ không có lương tâm khăng khăng cho rằng bạn “nợ” anh ta hay cô ta, hãy nhớ lại những gì mà bạn sắp đọc tới đây: “Anh nợ tôi” là câu cửa miệng của *sociopath* trong hàng ngàn năm nay và đến giờ vẫn vậy. Đó là câu Rasputin đã nói với nữ hoàng nước Nga. Đó cũng là điều

mà bố của Hannah đã ám chỉ sau cuộc đổi chất của cô với ông ta trong tù.

Chúng ta có xu hướng coi câu “Anh nợ tôi” là một lời tuyên bố đầy sức thuyết phục, nhưng điều đó không đúng. Đừng nghe theo. Đồng thời, hãy phớt lờ câu nói kiểu như “Anh cũng chỉ như tôi thôi.” Bạn không hề nhu vậy.

12. Bảo vệ tư tưởng của bạn.

Đừng cho phép một kẻ không lương tâm, hay thậm chí một loạt những kẻ nhu vậy, thuyết phục bạn tin rằng loài người là tồi tệ. Đa số mọi người đều có lương tâm. Đa số mọi người đều có khả năng yêu thương.

13. Sống tốt là cách báo thù tốt nhất.

LỜI BẠT

Thỉnh thoảng, tôi vẫn gặp Hannah.

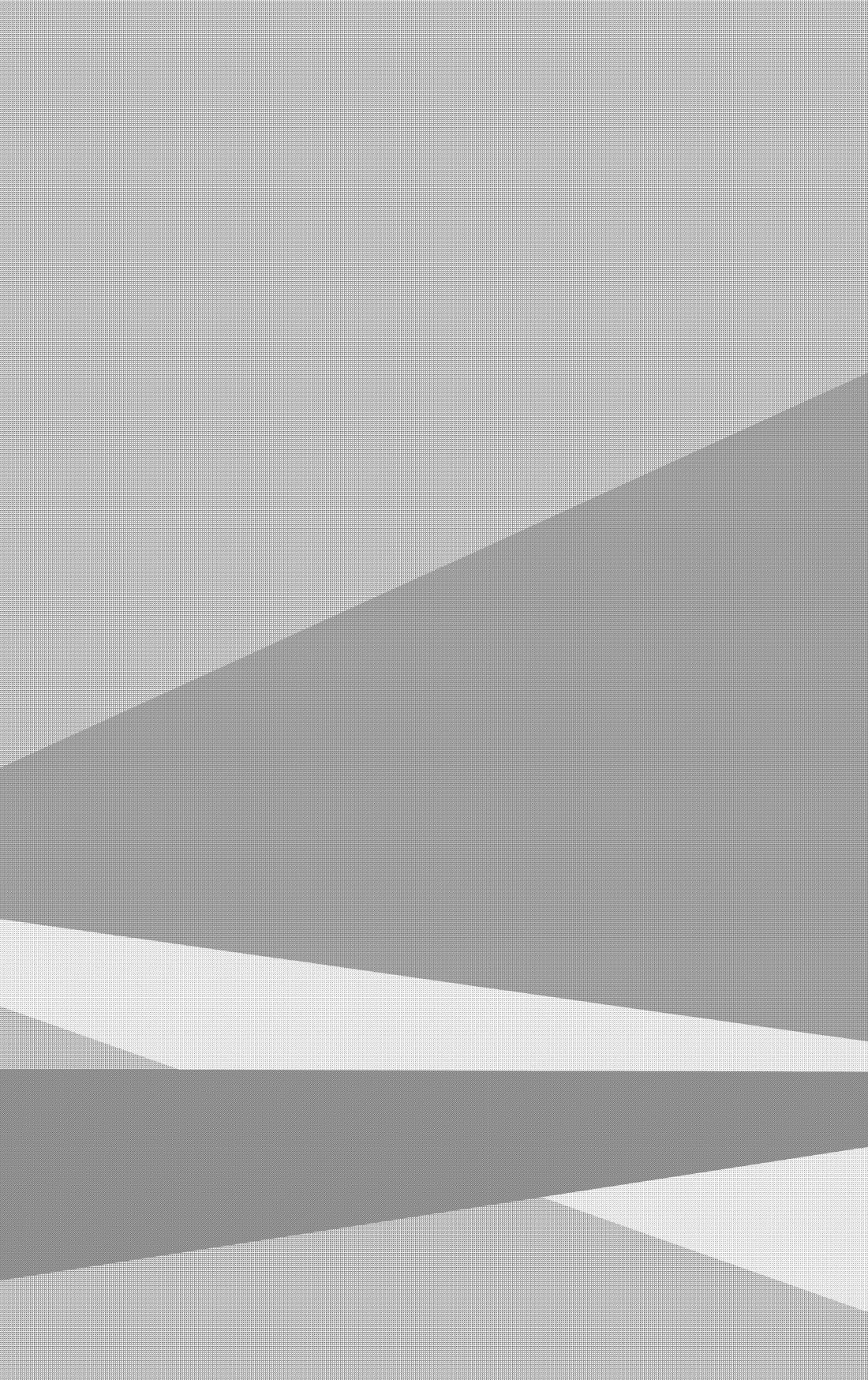
Bố cô được cho ra tù, nhưng cô không gặp ông ta, thậm chí không nói chuyện với ông ta trong 6 năm qua. Sự mất mát này và nguyên nhân của nó vẫn mãi là nỗi buồn khôn nguôi trong lòng cô.

Cha mẹ cô giờ đã ly hôn, không phải vì những hành vi phạm tội của ông ta, điều mà mẹ Hannah và cả xã hội vẫn không chịu thừa nhận, mà là vì bà bắt quả tang ông ta lên giường với một đứa học trò cũ 19 tuổi.

Bằng chứng cho trí thông minh và sự mạnh mẽ của mình là Hannah đã tốt nghiệp danh dự trường y. Nhưng chẳng bao lâu sau, cô phát hiện điều hiển nhiên - rằng trở thành bác sĩ là hoài bão của bố cô dành cho cô, chứ không phải của chính cô. Ông ta xem nghề y là nghề danh giá nhất.

Vượt lên mọi chuyện, Hannah vẫn duy trì khả năng cảm thấy gần gũi với những người đáng yêu và đáng tin cậy và vẫn giữ được sự hài hước của mình. Chẳng hạn như khi bỏ ngành y, cô nói với tôi là cô chợt nhận ra rằng lời thề y đức, “Một, không làm hại ai,” chẳng hợp với bố cô chút nào.

Cô nộp đơn vào nhiều trường luật và được chấp nhận. Cô chọn học chuyên sâu về bào chữa và nhân quyền.



chín

NGUỒN GỐC CỦA LƯƠNG TÂM

Có gì mà một động vật bất kỳ, được xác định rõ là một cá thể độc lập, lại lựa chọn từ bỏ cuộc sống của chính nó để giúp kẻ khác?

- Lewis Thomas

Chúng ta biết rõ một điều rằng thiên nhiên là một cuộc cạnh tranh khốc liệt, vậy thì tại sao tất cả loài người không phải là những kẻ giết người như bố của Hannah? Tại sao phần lớn chúng ta, trong hầu hết các trường hợp, đều nghe theo giác quan thứ bảy là không giết chóc, ngay cả khi ta có thể hưởng lợi từ việc đó? Tình trạng vi phạm pháp luật cũng ít hơn: Tại sao ta thường cảm thấy tội lỗi khi ta trộm cắp, hoặc nói dối hoặc làm tổn thương người khác?

Chúng ta đã bàn về điều gì gây ra chứng vô nhân tính, và hoàn toàn hợp lý khi ta đi tìm đáp án cho câu hỏi đi đôi với nó: Điều gì tạo ra lương tâm? Từ một góc độ nào đó, câu hỏi này không chỉ đơn thuần là một câu hỏi song song; mà nó thật sự là một câu hỏi hay hơn và phức tạp hơn. Kể từ khi Darwin xuất bản *The Origin of Species* (*Nguồn Gốc Các Loài*) vào năm 1859, phần lớn các giả thuyết khoa học đều cho rằng tất cả mọi sinh vật, bao gồm con người đều tiến hóa theo quy luật chọn lọc tự nhiên. Theo quy luật này, bất kỳ đặc tính nào thúc đẩy sự sinh tồn và sinh sản (từ đó tiếp nối các yếu tố di truyền của chính nó) sẽ có xu hướng được duy trì. Nếu một đặc điểm thể chất hoặc

một xu hướng hành vi mang lại lợi thế sinh tồn này trên các cá thể, trải qua vô số thế hệ, trong nhiều tình huống và nhiều môi trường sống, nó có thể dần dần trở thành một phần trong bộ gien chuẩn của giống loài.

Theo quy luật chọn lọc tự nhiên, hổ có móng vuốt, tắc kè thối đổi màu sắc, chuột tránh xa những nơi thoáng đãng, chồn *possum* giả chết, và khỉ không đuôi sở hữu bộ não lớn bởi vì những con hổ có móng vuốt, những con tắc kè biết ngụy trang, những con thú gặm nhấm biết sống chui rúc, những con chồn *possum* biết giả vờ, và những con linh trưởng cực kỳ thông minh có xu hướng sống sót lâu hơn và vì thế sinh con đẻ cái nhiều hơn những đồng loại khác. Lần lượt, thế hệ tiếp theo này sống sót tốt hơn và sinh sản thường xuyên hơn những đồng loại kém may mắn không được thừa hưởng di truyền các vũ khí tự nhiên, kỹ thuật ngụy trang, sự lo lắng giúp sống còn, khả năng kịch nghệ hay trí thông minh vượt trội.

Nhưng theo quy luật chọn lọc tự nhiên cực kỳ tàn khốc này, những giới hạn và sự can thiệp của ý thức đạo đức mạnh mẽ có tác dụng gì đối với những cá thể thuộc loài ăn thịt - đối với con người thì là những kẻ săn mồi? Ví dụ, hãy tưởng tượng một con cá mập trắng có lương tâm. Nó sẽ sống được bao lâu? Vậy thì điều gì có thể được cho là nguồn gốc tiến hóa của lương tâm con người?

Hãy thử đặt câu hỏi khác thường này theo một cách khác. Hãy hình dung mọi người bị mắc kẹt trên một hòn đảo nhỏ xa xôi hẻo lánh với nguồn tài nguyên có hạn. Về lâu dài, loại người nào dễ sống sót hơn - người thật thà nhân từ, hay kẻ tàn nhẫn như Skip? Jackie Rubenstein tử tế và giàu lòng trắc ẩn, hay ả Doreen Littlefield? Sydney, hay tên Luke luôn chỉ biết nghĩ đến bản thân? Hannah, hay bố của Hannah? Nếu chỉ còn một vài người khác trên đảo để cho những người sống sót sinh con đẻ

cái - và thêm một điều là chứng vô nhân tính do gien di truyền quyết định một phần - thì qua nhiều thế hệ, rốt cuộc có phải những người sống trên hòn đảo đó phần lớn sẽ là những kẻ vô lương tâm? Và rồi liệu những *sociopath* chiếm số đông này có khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên của hòn đảo không chút ngại ngần, rồi tất cả đều chết hay không? Và ngược lại, nếu những người có lương tâm vẫn còn tồn tại trên đảo, nơi mà sự sống rất mong manh và sự tàn nhẫn được đền đáp, thì điều gì trong thế giới tự nhiên có thể tiếp tục nuôi dưỡng ý thức đạo đức của họ đây?

Chính vì thử thách dường như là bất khả thi đối với thuyết tiến hóa này mà từ lâu, các nhà tự nhiên học, xã hội học, các nhà tâm lý học so sánh và các nhà triết học đã rất hứng thú về nguồn gốc của đức tính không vị kỷ ở con người và các động vật khác. Bất kỳ khi nào chúng ta quan sát một cách cẩn trọng hành vi của các động vật cấp cao, ta luôn thấy một sự tách bạch rõ ràng giữa chủ nghĩa sống còn vị kỷ và mối quan tâm xã hội sâu sắc. Và đương nhiên, không đâu có sự phân chia rõ rệt bằng ở loài người. Chúng ta cạnh tranh một cách hung hăng, và ta dạy con cái cạnh tranh. Ta rót tiền vào những cuộc chiến tranh và các vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nhưng đồng thời ta cũng gây quỹ, thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội, xây mái ấm cho người vô gia cư và dạy dỗ con trẻ - cũng là những đứa trẻ đó - sống tử tế.

Giống loài của chúng ta đã sản sinh ra cả Napoléon và Mẹ Teresa. Nhưng theo thuyết tiến hóa cơ bản, đáng lẽ ra là Mẹ Teresa không thể nào được sinh ra, bởi vì sự thiện tâm hay ý thức về thiện và ác đều có vẻ như không có ý nghĩa gì đối với quy luật chọn lọc tự nhiên. Vậy điều gì đang diễn ra ở đây? Như David Papineau đã hỏi trong phần nhận xét của mình về quyển *The Origins of Virtue (Nguồn Gốc Đức Hạnh)* của Matt Ridley trên tờ *New York Times*, “Nếu những người tốt luôn về cuối vào

thời tổ tiên của chúng ta đi tìm thức ăn trên vùng thảo nguyên của châu Phi, thì tại sao ngày nay đạo đức lại đến với chúng ta một cách quá đỗi tự nhiên như vậy?"

Và con người không phải là động vật hiếm hoi duy nhất có thể trở nên không vị kỷ. Những con linh dương của Thomson nhảy lên nhảy xuống gây chú ý khi thấy bóng dáng của động vật săn mồi, làm giảm cơ hội sống sót của bản thân nhưng giúp tăng cơ hội trốn thoát cho bầy đàn. Tình tinh chia sẻ thịt cho nhau và có khi thậm chí là những quả ngọt quý giá nhất mà chúng có. Theo nhà tâm lý học Frans de Waal, một con quạ khi phát hiện có xác động vật sẽ báo hiệu cho đàn quạ bằng tiếng kêu vang, nhưng tiếng kêu này cũng khiến nó bị bầy sói chú ý.

Nói đến sự sống còn, rõ ràng có một sự đối lập nhất định về lợi ích giữa cá thể và bầy đàn/cộng đồng, và những tranh cãi liên quan đến nguồn gốc của điều mà các nhà tâm lý tiến hóa gọi là "hành vi vị tha" nhìn chung là xoay quanh vấn đề *chọn lọc đơn vị* trong quá trình tiến hóa. Có phải sự chọn lọc tự nhiên chỉ "chọn" những cá thể có khả năng sống sót, hay sự chọn lọc này có thể phân tích theo cấp độ nhóm, từ đó chọn ra nhóm có khả năng sống sót cao hơn nhóm khác?

Nếu "sự sống còn dành cho loài thích nghi cao nhất" chỉ áp dụng đối với cá thể được chọn lọc, thì sự tiến hóa của tính không vị kỷ gần như không giải thích được, với cùng lý do mà những kẻ tàn nhẫn như Skip, Doreen, Luke và bố của Hannah, ở vị trí từng cá thể riêng biệt, rất có khả năng sẽ tồn tại lâu hơn số người còn lại trong chúng ta trên hoang đảo đó. Nhưng nếu đơn vị chọn lọc là một nhóm thì ta có thể phần nào đó giải thích được chủ nghĩa vị tha. Một cách đơn giản, một nhóm gồm những cá thể hợp tác và quan tâm lẫn nhau sẽ có nhiều khả năng sống sót *nhiều nhóm hơn* là một tập hợp những cá thể chỉ biết cạnh tranh hoặc phớt lờ nhau. Nói về phương diện sống sót, nhóm

thành công sẽ là nhóm hoạt động ở một mức độ nào đó như một thực thể, chứ không phải là nhóm mà trong đó mỗi cá nhân tìm kiếm vị trí số một để loại trừ những người khác.

Sự chọn lọc theo nhóm, và tất cả những yếu tố ám chỉ bản chất thật sự của chúng ta, luôn là tư tưởng cực kỳ gây tranh cãi giữa các nhà tiến hóa; điều này phản ánh sự thật rằng thuyết tiến hóa vẫn đang tiến hóa. Lúc đầu, những thuyết chọn lọc theo nhóm đã giả định khả năng rằng vào giai đoạn đầu, những nhóm gắn kết các cá thể theo chủ nghĩa vị tha (động vật có vú phát ra hành vi cảnh báo, loài chim báo tín hiệu có thức ăn cho đàn, những con linh trưởng biết chia sẻ, vân vân) là những nhóm được chọn lọc đầu tiên. Giả định với lập luận yếu kém này - tập hợp những người theo chủ nghĩa vị tha một cách bất chợt - thật khó chấp nhận đối với nhiều học giả, những người đã gọi đây là khoa học kém cỏi.

Vào năm 1966, George C. Williams thuộc đại học Chicago xuất bản một quyển sách giờ đã trở thành kinh điển có tựa đề *Adaptation and Natural Selection (Sự Thích Ứng Và Chọn Lọc Tự Nhiên)*, trong đó ông đã tranh luận rằng mặc dù chọn lọc theo nhóm là một thuyết khả thi, nhưng nó rất ít có khả năng xảy ra trong tự nhiên. Williams viết rằng không phải nhóm cũng không phải cá thể là đơn vị căn bản của sự chọn lọc tự nhiên, mà ông cho rằng đơn vị thật sự của sự chọn lọc tự nhiên chính là gien. Đối với những sinh vật sinh sản hữu tính, trái với những sinh vật sinh sản vô tính, gien là đơn vị duy nhất tự nhân bản một cách tương đối chính xác qua thời gian. Con cái không phải là bản sao y hệt của cha mẹ, nhưng gien thì nhân bản khá giống. Vậy nên, Williams khẳng định rằng gien chắc chắn là đơn vị duy nhất mà sự chọn lọc tự nhiên có thể sử dụng hiệu quả. Nói cách khác, “sự sống sót của giống loài thích nghi tốt nhất” có nghĩa là sự sống sót của những gien mạnh nhất (hoặc đúng hơn là thông tin được mã hóa trong gien), không

nhất thiết phải là những cá thể hay những nhóm mạnh nhất. Đối với Williams, cá thể hay nhóm chỉ đóng vai trò là môi trường tạm thời cho thông tin mang tính di truyền.

Và 10 năm sau, vào năm 1976, trong một quyển sách hiện vẫn còn nổi tiếng có tựa *The Selfish Gene* (*Gien Vị Kỷ*), Richard Dawkins đã mở rộng thuyết lấy gien làm trọng tâm của Williams và khai niệm *chọn lọc huyết thống* của nhà sinh học W. D. Hamilton vốn giải thích lại nghịch lý tiến hóa của những hành vi không vị kỷ ở cấp độ cá thể bằng cách viện dẫn ý tưởng “sự vị kỷ” ở cấp độ gien. Đây là một khái niệm khá lạ lẫm và cần được giải thích thêm.

Chọn lọc huyết thống nghĩa là các thiết kế di truyền của một cá thể (khía cạnh sinh học duy nhất của cá thể có cơ hội “bất tử,” có thể nói vậy) sẽ thích ứng tốt hơn nếu cá thể đó không chỉ bảo vệ xác suất sống sót và sinh sản của chính nó, mà còn bảo vệ xác suất sống sót và sinh sản của những cá thể khác có chung một vài gien trong cấu trúc gien của nó. Nếu một cá thể hào phóng và bảo bọc họ hàng huyết thống, xác suất sống sót và sinh sản được tăng cao của cá thể này sẽ làm tăng số lượng gien của nó trong các thế hệ tương lai, vì giữa cá thể này và họ hàng có nhiều gien giống nhau.

Đương nhiên, cụm từ “gien vị kỷ” không ngụ ý ADN là một thú có suy nghĩ, cảm xúc với những mong muốn riêng. Dawkins sử dụng cụm từ “gien vị kỷ” như một phép ẩn dụ. Ý của ông là đặc điểm của một giống loài được quyết định bởi các gien khiến cho các cá thể suy nghĩ, cảm nhận và hành xử theo cách giúp tối đa hóa sự tồn tại của các gien đó trong một tập hợp gien, bất chấp sự ảnh hưởng của những suy nghĩ, cảm xúc và hành vi lên chính cá thể đó. Ví dụ, nếu bộ não của tôi cho phép tôi hình thành những gắn kết tình cảm, và tôi cảm thấy thật ấm áp với anh chị em họ của mình và muốn chia sẻ ngọt bùi với những người đó, thì cuộc sống của cá nhân tôi có thể bị rút

ngắn, nhưng tính trung bình, xác suất các gien của tôi sẽ tiếp tục tồn tại trong dân số lại tăng lên gấp nhiều lần, vì gien của tôi đã được chia sẻ một phần với anh chị em họ. Và những gien mà tôi đã cống hiến cho tập hợp gien bằng cách kéo dài cuộc đời của anh chị em họ có thể sẽ bao gồm những gien đã khiến tôi cảm thấy có sự gắn kết tình cảm.

Nói cách khác, những gien tạo ra sự gắn kết tình cảm là “vị kỷ” theo ý nghĩa là nó tồn tại để thúc đẩy sự sinh sôi nảy nở của chính nó, và nó làm điều này mà không màng đến hạnh phúc hay thậm chí sự tồn tại của chính cá thể đó. Điều này giống như câu nói nổi tiếng của Samuel Butler, “Con gà là cách mà quả trứng tạo ra một quả trứng khác.”

Theo nhiều nhà tiến hóa, bởi vì chúng ta có nhiều gien bổ sung với cha mẹ, anh chị em và con cái ta nhất, cho nên sự chọn lọc huyết thống dẫn đến việc ta có xu hướng nghĩ cho cha mẹ, anh chị em và con cái nhiều hơn là cho họ hàng xa và những người xa lạ. Ngoài ra, sự chọn lọc huyết thống còn lý giải tại sao ta nuôi dưỡng và bảo vệ con cái bất chấp điều đó có thể làm giảm nguồn năng lượng và tài nguyên sinh tồn của từng cá nhân. Từ góc độ nhìn nhận này, *lương tâm* là cơ chế được lập trình về mặt di truyền nhằm đảm bảo ta không bỏ qua những yếu tố di truyền khác với những yếu tố di truyền bên trong ta.

Về nhận thức lương tâm được thiết kế về mặt di truyền của chúng ta đối với họ hàng xa hay những người xa lạ như đã đề cập ở trên - các nhà tiến hóa với chủ trương lấy gien làm trọng tâm đề xuất rằng cách nhìn nhận về sự chọn lọc tự nhiên của họ ưu ái các gien mang lại “chủ nghĩa vị tha tương hỗ,” hoặc cách ứng xử đôi bên cùng có lợi như phân công công việc, tìm bạn, hợp tác và tránh xung đột. Những hành vi ứng xử này có thể được hình thành từ những cảm xúc như sự biết ơn, lòng trắc ẩn và lương tâm, và vì thế những cảm xúc như vậy sẽ có lợi thế trong quá trình chọn lọc tự nhiên của gien.

Nhưng trong quá trình xem xét lại quan điểm về sự chọn lọc theo nhóm, các nhà khoa học theo thuyết tiến hóa khác, trong đó có David Sloan Wilson và Stephen Jay Gould đã phải cần tới cả khoa học sinh học và khoa học hành vi để đi đến kết luận rằng sự tiến hóa trên thực tế có thể diễn ra ở những cấp độ cao hơn cấp độ lấy gien làm trọng tâm. Nhà tự nhiên học Gould đã xem xét lại bằng chứng từ cổ sinh vật học và khẳng định rằng quá trình chọn lọc tự nhiên diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau, từ gien cho đến cá thể cho đến nhóm, và thậm chí - hay đặc biệt - là ở giống loài. Ngoài ra, ông còn đưa ra được lý do tại sao những thứ hoạt động theo cách ít gia tăng hơn nhiều so với quá trình chọn lọc tự nhiên, và nhanh hơn nhiều so với thời xa xưa - đó là những sự kiện bao gồm các thảm họa toàn cầu hoặc gần như toàn cầu - đã ảnh hưởng đáng kể đến quá trình tiến hóa và có thể tác động như vậy một lần nữa.

Những mức độ khác nhau của sự chọn lọc tự nhiên có vẻ như mâu thuẫn lẫn nhau, cụ thể là đối với những hành vi ứng xử vị tha và những cảm xúc như lương tâm. Ở cấp độ gien và cả cấp độ nhóm, lương tâm có khả năng thích ứng, và sự chọn lọc tự nhiên ủng hộ điều đó. Nhưng đối với cấp độ từng cá thể, *sự vắng mặt* của lương tâm thỉnh thoảng làm tăng khả năng thích nghi để sinh tồn. Theo cách này, tự nhiên sẽ liên tục nuôi dưỡng lương tâm trong hầu hết chúng ta, trong khi đó, ở một cấp độ khác, nó vẫn tiếp tục hỗ trợ cho số lượng cá thể chiếm nhỏ hơn có thể phát triển mạnh mà không cần đến sự gắn bó cảm xúc và lương tâm.

Như nhà tiến hóa David Sloan Wilson đã nói, “Có những lý do mang tính trí tuệ và thực tiễn đầy thuyết phục để phân định những hành vi ứng xử thành công nhờ đóng góp vào tổ chức ở cấp độ nhóm với những hành vi ứng xử thành công nhờ gây rối tổ chức ở cấp độ nhóm. Đó là cách mà những từ ‘vị kỷ’ và ‘không vị kỷ,’ ‘đạo đức’ và ‘vô đạo đức’ luôn được nói đến trong ngôn ngữ

hàng ngày.” Theo cách này, điều mà Wilson mô tả vừa rồi rầm vừa cực kỳ quen thuộc: đa số những người tư duy và cảm nhận theo cách giảm thiểu xung đột, chia sẻ khi cần và sống gần gũi với những người mà họ yêu quý, và thiểu số những người thu lợi từ xung đột, và cuộc sống của họ không gì ngoài việc cạnh tranh liên tục để giành quyền thống trị.

Vậy nên chúng tôi thấy rằng thậm chí ở cấp độ sinh học tối giản nhất, cuộc đấu tranh giữa thiện và ác còn cổ xưa hơn cả nhân loại. Tuy nhiên, trận đấu này có khả năng đi đến phần kết ở thời đại chúng ta, và giải pháp cuối cùng sẽ phụ thuộc vào cách chúng ta đối mặt với những thử thách cao ngất trời mà loài người đã mang đến thế giới này, trong số đó có vấn đề của chúng vô nhân tính. Theo sự hiểu biết non nớt của chúng ta, quá trình chọn lọc tự nhiên đã phần nào ưu ái cho lòng vị tha ở con người và đã giúp tạo nên một chủng loài có khả năng yêu thương và gắn kết với nhau với mục đích tốt đẹp bằng một giọng nói nhỏ tinh lặng của lương tâm. Ít nhất thì 96% trong chúng ta về mặt cơ bản là như vậy. Cuối cùng chúng ta sẽ làm gì để xử lý vấn đề sinh tồn của chủng loài do nhóm 4% còn lại gây ra thì, tại thời điểm hiện tại, là không thể biết được.

TÌNH HUỐNG NAN GIẢI CỦA HEINZ

Chuyển từ tâm lý học tiến hóa sang tâm lý học phát triển, chúng ta đối diện với một câu hỏi thú vị về quá trình phát triển lương tâm của trẻ em. Liệu lương tâm có hình thành một cách tự nhiên trong tâm trí của trẻ trong quá trình những khả năng trí tuệ khác phát triển hay không, hay liệu trẻ có tiếp nhận và điều chỉnh ý thức đạo đức của bản thân từ trải nghiệm cuộc sống, từ sự dạy dỗ của gia đình, xã hội và văn hóa hay không?

Lương tâm là một cảm xúc không được nghiên cứu theo cách này, nhưng chúng ta có thể rút ra được nhiều điều từ “người

bạn” trí tuệ của lương tâm, đó chính là *lý luận đạo đức*. Lý luận đạo đức là quá trình tư duy hỗ trợ cho lương tâm và giúp lương tâm quyết định nên làm gì. Nếu thử, chúng ta có thể diễn giải lý luận đạo đức bằng từ ngữ, khái niệm và nguyên tắc.

Joe đã thực hiện quá trình lý luận đạo đức khi anh lái chiếc Audi với lương tâm dần vặt và cố gắng quyết định liệu anh có nên đến buổi họp quan trọng ở công ty hay quay về nhà cho chú chó Reebok ăn. *Lương tâm*, như ta biết, là sự can thiệp của ý thức trách nhiệm của Joe dựa trên sự gắn bó cảm xúc của anh với chú chó. *Lý luận đạo đức* là quá trình anh đưa ra quyết định rằng trách nhiệm đó bao gồm những gì và làm thế nào để hoàn thành nó. (Chính xác là chú chó sẽ bị đói đến mức nào? Nó có chết khát hay không? Điều gì quan trọng hơn, cuộc họp hay Reebok? Đâu là việc đúng nên làm?)

Khả năng tự vấn về khía cạnh đạo đức này của chúng ta, ở khắp mọi nơi, về mọi thứ từ việc liệu có nên cho chó ăn đến phóng tên lửa, từ đâu mà có vậy?

Nhà tâm lý học người Thụy Sĩ Jean Piaget đã bắt đầu nghiên cứu lý luận đạo đức một cách có hệ thống vào những năm 1930. Trong một trong những công trình có sức ảnh hưởng nhất của ông, *Sự Phán Xét Đạo Đức Của Đứa Trẻ*, Piaget đã phân tích thế giới quan của trẻ về quyền lực, việc nói dối, trộm cắp và khái niệm về sự công bằng. Ông bắt đầu bằng việc ghi nhận những quan sát chi tiết về cách mà trẻ em ở những độ tuổi khác nhau tiếp thu luật lệ và chơi trò chơi, và về cách mà trẻ phân tích những tình huống đạo đức nan giải. Phương pháp của Piaget mang tính “cấu trúc,” nghĩa là ông tin rằng theo tâm lý học và triết học thì con người phát triển theo từng giai đoạn, mỗi giai đoạn phát triển nhận thức được xây dựng trên giai đoạn trước đó, và rằng tiến trình phát triển này diễn ra theo cùng một trình tự với tất cả trẻ em.

Piaget miêu tả hai giai đoạn phát triển đạo đức chung. Giai đoạn đầu tiên là “đạo đức trong khuôn khổ,” hay “chủ nghĩa hiện thực đạo đức,” trong đó trẻ em phải tuân theo các luật lệ bởi vì luật lệ được xem là không thể thay đổi. Ở giai đoạn lý luận trắng đen rõ ràng này, trẻ em tin rằng một hành động cụ thể là hoàn toàn đúng hoặc hoàn toàn sai và rằng con người sẽ không thể tránh khỏi sự trừng phạt khi bị phát hiện ra hành động sai trái của mình, một kỳ vọng mà Piaget gọi là “công lý tương lai gần.” Giai đoạn thứ hai của Piaget là “đạo đức của sự hợp tác,” hay “tương hỗ.” Ở giai đoạn này, trẻ em nhìn nhận luật lệ là tương đối và có thể được thay đổi trong các tình huống nhất định, và quan niệm về công lý của trẻ có cân nhắc tới ý định của con người. Những trẻ em ở độ tuổi lớn hơn có thể bớt đề cao quan điểm của mình (giảm cái tôi xuống), và luật lệ đạo đức được hiểu là có vai trò quan trọng trong việc vận hành xã hội chứ không chỉ là cách để tránh né hậu quả cá nhân.

Tiếp nối tư tưởng của Piaget, đồng thời chịu ảnh hưởng bởi nghiên cứu của triết gia người Mỹ John Dewey, nhà tâm lý và giáo dục học Lawrence Kohlberg bắt đầu nghiên cứu về sự phán xét đạo đức vào cuối những năm 1960 tại Trung tâm Giáo dục Đạo đức của Đại học Harvard. Mong muốn của Kohlberg là khám phá ra liệu có thật sự tồn tại những giai đoạn phát triển đạo đức phổ quát hay không.

Học thuyết của Kohlberg dựa trên các cuộc phỏng vấn với những cậu bé từ 6-16 tuổi ở Mỹ, Đài Loan, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và Yucatán. Trong những cuộc phỏng vấn này, các em được nghe 10 câu chuyện, mỗi câu chuyện liên quan đến một tình huống đạo đức khó xử. Câu chuyện phổ biến nhất trong số này, một câu chuyện được viết ra cách đây gần 40 năm, làm người ta nghĩ đến cuộc tranh luận hiện đang xoay quanh các tập đoàn dược phẩm và chi phí thuốc kê đơn. Tình huống này được gọi là tình huống tiến thoái lưỡng nan của Heinz và được tóm tắt như sau:

Vợ của Heinz sắp chết vì một căn bệnh ung thư hiếm gặp. Theo các bác sĩ, có một loại thuốc có thể cứu sống cô ấy, một hợp chất phóng xạ radium mà một nhà bào chế thuốc trong thị trấn của Heinz vừa mới khám phá ra. Lúc đầu, nguyên liệu dùng để bào chế thuốc này rất đắt và nhà bào chế tính giá bán ra gấp 10 lần chi phí bào chế loại thuốc này. Ông ta tốn 200 đô-la để mua radium và bán cho người bệnh với giá 2.000 đô-la cho một liều dùng nhỏ. Heinz đã đến gấp tất cả mọi người mà anh có thể nghĩ tới để募 tiền. Tuy vậy, cuối cùng anh cũng chỉ có được khoảng 1.000 đô-la. Heinz giải bày với nhà bào chế thuốc rằng vợ anh sẽ chết nếu không có thuốc, và xin ông ta bán giá thấp hơn hoặc cho anh khất nợ. Nhưng nhà bào chế đáp, “Không được, tôi đã tạo ra loại thuốc này và tôi sẽ kiếm tiền từ nó.” Heinz trở nên tuyệt vọng. Anh đã đột nhập tiệm thuốc và trộm thuốc cho vợ.

Heinz có nên làm như vậy không?

Kohlberg không chỉ quan tâm chủ yếu đến câu trả lời có hoặc không của các em cho câu hỏi “Heinz có nên làm như vậy không?” mà ông còn chú tâm vào những lý do đằng sau câu trả lời được ghi nhận của các em. Dựa trên nhiều cuộc phỏng vấn, ông cho rằng trẻ em tuân theo một quá trình phổ quát từ tư lợi cho đến những hành vi có nguyên tắc được miêu tả bằng 3 cấp độ của sự phát triển đạo đức. Ba cấp độ phát triển đạo đức này đòi hỏi những mô thức tư duy càng ngày càng phức tạp và trừu tượng hơn, mỗi cấp độ sau thay thế cấp độ trước khi đứa trẻ trưởng thành về mặt nhận thức.

Theo thuyết phát triển đạo đức của Kohlberg, trẻ em từ 7-10 tuổi lý luận ở “cấp độ tiền quy ước.” Ở cấp độ này, trẻ phục tùng quyền lực của người lớn và tuân thủ luật lệ đơn thuần dựa trên các hình thức thưởng phạt. Kohlberg cho rằng lý luận tiền quy ước của trẻ em về cơ bản chính là “tiền đạo đức.” Phản ứng “tiền

đạo đức” tiêu biểu nhất trong tình huống tiến thoái lưỡng nan của Heinz sẽ là “Không, lẽ ra Heinz không nên làm điều đó, vì bây giờ anh ta sẽ bị trừng phạt.”

Bước được khoảng 10 tuổi, trẻ chuyển sang cấp độ lý luận đạo đức “quy ước” (quy ước ở đây là quy ước xã hội), khi hành vi của trẻ được dẫn dắt bởi quan điểm của những người khác và mong muốn hòa hợp. Ở cấp độ này, việc tuân theo quyền lực trở thành một giá trị mà không cần đến sự thưởng phạt tức thì hay những nguyên tắc cao hơn. Kohlberg tin rằng đến tuổi 13, hầu hết các câu hỏi về đạo đức của trẻ đều được trả lời ở cấp độ quy ước. Lập luận theo quy ước về hành vi ăn trộm của Heinz sẽ là “Không, lẽ ra anh ta không nên trộm thuốc. Trộm cắp là vi phạm pháp luật. Ai cũng biết thế.”

Theo Kohlberg, vào một lúc nào đó ở thời niên thiếu, một vài người phát triển vượt qua cấp độ quy ước đến cấp độ thứ ba và cũng là cấp độ cao nhất mà ông gọi là “đạo đức hậu quy ước.” Cấp độ thứ ba này đòi hỏi cá nhân phải tạo ra những nguyên tắc đạo đức trừu tượng và hành động dựa trên những nguyên tắc đó nhằm thỏa mãn lương tâm của chính họ, hơn là để đạt được sự chấp thuận của người khác. Ở cấp độ hậu quy ước này, lý luận đạo đức vượt qua những quy luật cụ thể của xã hội, những quy luật mà ở giai đoạn này người ta thường cho là mâu thuẫn lẫn nhau. Thay vào đó, lý luận đạo đức của họ được dẫn dắt bởi những khái niệm trừu tượng, linh động chẳng hạn như tự do, phẩm hạnh, công lý và quý trọng cuộc sống. Điều mà Heinz quan tâm là, lý luận của một người ở cấp độ hậu quy ước có thể khẳng khăng rằng cuộc sống của con người quý giá hơn tiền bạc, và rằng sự thiêng liêng của cuộc sống là một quy tắc đạo đức thay thế cho các luật lệ của xã hội về trộm cắp. (“Vâng, đây là một vấn đề khó, nhưng có thể thông cảm được vì Heinz ăn trộm loại thuốc cứu mạng mà nhà bào chế thuốc đã giữ lại vì tiền.”)

Kohlberg tin rằng hầu hết mọi người không bao giờ hoàn toàn đạt đến lý luận đạo đức hậu quy ước, ngay cả ở giai đoạn trưởng thành, vì khi ông phỏng vấn các cậu bé và thanh thiếu niên trong nghiên cứu của mình, ông nhận thấy chưa đến 10% trong số họ đưa ra câu trả lời ở cấp độ ba một cách rõ ràng. Để chú thích chỗ này, tôi muốn nói thêm rằng quan điểm này của Kohlberg, nếu đúng, có thể giúp lý giải cho một thực tế kỳ lạ rằng sự phản nỗ đạo đức từ công chúng là tương đối hạn chế khi liên quan đến các công ty dược phẩm giàu có ở trên. Có lẽ hầu hết mọi người trong chúng ta, đặc biệt là người Mỹ, có khuynh hướng chấp nhận lời tuyên bố sở hữu bản quyền của nhà bào chế thuốc, “Tôi đã bào chế ra loại thuốc này và tôi sẽ kiếm tiền từ nó.” Tôn vinh quyền sở hữu trên mọi yếu tố khác của tình huống là một phần trong lý luận đạo đức quy ước - hay ít nhất là giữa những người lớn lên ở Bắc Mỹ.

YẾU TỐ GIỚI TÍNH VÀ VĂN HÓA

Có yếu tố nào mà hệ thống phát triển đạo đức của Kohlberg đã bỏ qua, ngay cả ở cấp độ cao nhất? Câu trả lời: Mỗi quan hệ của Heinz với vợ, một yếu tố mang tính cá nhân hơn và có lẽ thuyết phục hơn cả tầm hiểu biết cao nhất về sự thiêng liêng của cuộc sống.

Và đâu là thiếu sót lớn trong nghiên cứu của Kohlberg? Đó chính là lúc đâu ông đặt ra những câu hỏi về đạo đức, ông chỉ đặt ra cho những cậu bé. Kohlberg, một nhà khoa học xã hội xuất sắc, vì một lý do nào đó lại bỏ qua một nửa nhân loại.

Sơ suất này đã được đề cập vào năm 1982, trong một quyển sách mang tính đột phá của Carol Gilligan, có tựa *In a Different Voice: Psychological Theory and Women's Development* (Theo Tiếng Nói Khác: Học Thuyết Tâm Lý Và Sự Phát Triển Của Nữ Giới). Là một học trò của Kohlberg, Gilligan cũng hứng thú với việc

thúc đẩy giai đoạn phô quát của thuyết phát triển đạo đức, nhưng bà kịch liệt phản đối phần nội dung hạn chế của những cấp độ đạo đức mà Kohlberg đưa ra. Bà nói rằng Kohlberg đã tạo ra một mô hình lý luận đạo đức dựa trên cái gọi là “đạo đức lý lẽ,” một thiên kiến về “luật lệ,” cho dù là cụ thể hay trừu tượng. Gilligan tin rằng Kohlberg chỉ đưa ra được “đạo đức lý lẽ” vì ông chỉ phỏng vấn nam giới, và nếu nữ giới cũng được ông phỏng vấn, thì có thể đã xuất hiện một hệ tư tưởng rất khác biệt. Bà đã phỏng vấn những phụ nữ đã có những quyết định quan trọng trong cuộc đời họ và khám phá ra rằng những phụ nữ này nghĩ về những mối quan tâm đến người khác, hơn là cân nhắc “luật lệ.” Gilligan cho rằng phụ nữ lý luận đạo đức dựa trên “đạo đức tình cảm” hơn là “đạo đức lý lẽ.” Bà đưa ra giả định này là bởi vì những cô con gái đồng cảm với mẹ của họ và có xu hướng tích lũy trải nghiệm trong những gia đình chú trọng tương tác cá nhân.

Gilligan tranh luận hùng hồn rằng không góc nhìn nào vượt trội hơn góc nhìn nào, nhưng cả hai lý luận đạo đức này đơn thuần truyền tải hai tiếng nói khác nhau. Nam giới nói lên sự gắn kết với những luật lệ cá nhân và xã hội, trong khi nữ giới nói lên sự gắn kết với con người. Theo Gilligan, sự phát triển đạo đức của nữ giới không chỉ dựa trên thay đổi về năng lực nhận thức mà còn dựa trên thay đổi về sự trưởng thành theo cách mà chính bản thân và môi trường xã hội được lĩnh hội.

Phán xét hậu quy ước của phụ nữ trong trường hợp khó xử của Heinz có thể xét đến tầm quan trọng của mối quan hệ giữa anh ta và vợ, và cũng có thể khẳng định rằng lời tuyên bố của nhà bào chế thuốc là vô đạo đức vì ông ta đã để mặc cho một người chết trong khi ông ta có thể ngăn chặn điều đó. Gilligan tin rằng lý luận hậu quy ước của nữ giới tập trung vào giá trị của việc không gây hại cho bản thân hay người khác. Điều này mang tính cụ thể hơn và dễ liên hệ hơn, và theo nhiều góc độ, nó

đòi hỏi nhiều hơn là một nguyên tắc chẳng hạn như là sự thiêng liêng chung chung của cuộc sống.

Nhờ có Carol Gilligan, các nhà tâm lý học và giáo dục học ngày nay đã nhìn nhận lý luận đạo đức đa chiều hơn, và hiểu được rằng con người phát triển đạo đức theo cách phức tạp hơn những gì chúng ta biết được lúc đầu. Trong 20 năm qua, những nghiên cứu mới cho thấy cả nữ giới và nam giới đều có thể sử dụng “đạo đức tình cảm” lẫn “đạo đức lý lẽ” trong cách lý luận đạo đức. Hai giọng nói này tạo nên một hợp xướng phức tạp, và sự khác biệt giới tính thì phức tạp hơn rất nhiều so với việc chỉ đơn thuần là một lần ranh rõ rệt giữa một bên toàn nữ và một bên toàn nam.

Giờ đây, chúng ta cũng biết rằng có thể không có những giai đoạn phát triển đạo đức phổ quát mà tất cả mọi người ở bất cứ nơi đâu đều phải trải qua, ngay cả khi ta chia con người thành hai giới. Tính tương đối về văn hóa tồn tại ngay cả trong phạm vi đạo đức. Và nếu lý luận đạo đức có hai mặt, một thuộc về lý lẽ và một thuộc về tình cảm, thì tại sao không có 3 mặt, hay 100 mặt, hay nhiều hơn? Tại sao cách nhìn nhận lại không nhiều bằng tình huống cuộc sống, giá trị, và cách nuôi dạy con cái?

Một minh họa về tầm quan trọng của hoàn cảnh và văn hóa đối với sự phán xét đạo đức là nghiên cứu của Joan Miller và David Bersoff thuộc Đại học Yale. Miller và Bersoff đã nghiên cứu về trẻ em và người lớn ở New Haven, bang Connecticut của Mỹ so với trẻ em và người lớn ở thành phố Mysore thuộc nam Ấn Độ. Họ chỉ ra rằng nền văn hóa Mỹ đề cao cái tôi - tự do ý chí và thành tựu cá nhân cho cả nam và nữ - ngược lại, nền văn hóa Ấn Độ khuyến khích sự phụ thuộc lẫn nhau cho cả 2 giới - giá trị của mỗi ràng buộc vĩnh viễn với người khác và giá trị của những tham vọng cá nhân đối với mục đích của tập thể.

Trong các nghiên cứu về sự phát triển đạo đức, Miller và Bersoff đã phát hiện ra rằng người Ấn Độ theo đạo Hindu có xu hướng xem trách nhiệm giữa các cá nhân là nghĩa vụ đạo đức xã hội cần phải được thực hiện, ngược lại với suy nghĩ của người Mỹ xem những việc này là quyết định cá nhân. Ví dụ, người Mỹ xem việc chăm sóc hay không chăm sóc anh/chị/em bị hội chứng Down sau khi cha mẹ không có khả năng làm việc đó nữa là một lựa chọn, một quyết định mang tính đạo đức, nhưng vẫn là một lựa chọn. Cùng tình huống này lại được người Ấn Độ xem như một bối phận đạo đức bắt buộc, cùng với sự trông đợi rằng gia đình sẽ thúc ép việc thực hiện nghĩa vụ này nếu cần thiết. Ngoài ra, người Ấn Độ còn tin rằng dù sao thì nghĩa vụ giữa các cá nhân là một điều hiển nhiên mà hầu hết mọi người đều hướng đến, trái với người Mỹ tin rằng những mong đợi của xã hội và ước muốn cá nhân gần như là luôn trái ngược nhau, và vì vậy mà họ phải tìm cách “cân bằng” giữa hai bên.

Sự khác biệt này trong niềm tin và giáo dục từ nhỏ là rất lớn, và nó có xu hướng tạo ra sự đa dạng đáng kể giữa các nền văn hóa trong lý luận đạo đức. Miller và Bersoff cho biết người Ấn Độ, cả nam lẫn nữ, phát triển theo “thế giới quan dựa trên nghĩa vụ,” một phương diện phán xét đạo đức khác biệt với cả “đạo đức lý lẽ” lẫn “đạo đức tình cảm.” Mặc dù nhiều quá trình phán xét đạo đức đa dạng được tạo nên bởi những nền văn hóa nhân loại khác nhau, nhưng xét cho cùng thì có một điều liên quan đến trọng tâm vấn đề, một điều sâu sắc hơn và ít biến đổi hơn. Yếu tố tâm lý cố định này chính là cảm giác của chúng ta về cuộc tranh đấu bất phân thắng bại giữa các lực lượng đạo đức. Nhận thức chung về thiện và ác như là hai mặt trong cuộc sống có vẻ như rất phổ biến một cách đáng kinh ngạc (ít nhất là đối với các nhà khoa học xã hội). Thiện ác đối lập là một kịch bản muôn đời của nhân loại, ở mọi nền văn hóa và khuynh hướng đấu tranh đạo đức ở bên trong được nhận thấy ở cả hai giới. Tôi sẽ kỳ vọng một người phụ nữ đến từ miền nam Ấn Độ có cảm

nhận nền tảng này về hai phân cực đạo đức, và ngược lại cô ấy cũng sẽ kỳ vọng ở tôi điều tương tự. Ví dụ, xét về trường hợp anh Heinz nghèo khó tuyệt vọng, dù cho anh giải quyết tình huống nan giải của mình thế nào - việc anh nên làm và không nên làm - thì sẽ luôn có sự đồng thuận chung, nếu không nói ra, giữa các nền văn hóa rằng Heinz, với tình cảm gắn bó với người anh yêu, có nền tảng đạo đức cao hơn ngay từ đầu câu chuyện và rằng nhà bào chế thuốc vị kỷ có cách cư xử tồi tệ.

Không có sự nhất quán toàn cầu trong bản thân quá trình lý luận đạo đức, trong cách chúng ta tư duy qua các tình huống đạo đức nan giải và quyết định cụ thể việc phải làm. Nhưng liệu có sự thống nhất gần như là toàn cầu trong phản ứng cảm xúc của ta đối với cuộc đấu tranh giữa thiện và ác hay không; liệu có tồn tại giác quan thứ bảy mà ta có thể dựa vào để bỏ qua mọi khác biệt và ranh giới hay không?

Và nếu có thì cảm giác đó như thế nào?

MỐI GẮN KẾT CHUNG

Tôi bắt đầu viết phần kết của chương sách về nguồn gốc của lương tâm này vào sáng ngày 11/9/2003. Tôi thường thích sự yên tĩnh trong lúc làm việc, nhưng sáng này, tôi đã bật chiếc ti-vi ở phòng khác lên để nghe các em nhỏ đang có mặt tại nơi từng là Tòa Tháp Đôi đọc từng tên một của những người đã ngã xuống nơi đó. Trước đó trong buổi sáng này, tôi đã đưa đứa con gái đi học cũng giống như buổi sáng ngày 11/9 hai năm về trước. Sự khác biệt chính là cách đây 2 năm, giữa thời điểm con tôi đến trường và thời điểm con tôi về nhà, cả thế giới đã thay đổi.

Tôi nhận thấy cảm xúc vẫn ùa về, cho dù hai năm đã trôi qua kể từ ngày đó.

Trong tất cả những phản ứng bất ngờ mà một người có thể có khi đối mặt với một thảm họa, một trong những phản ứng gây bất ngờ hơn cả đối với tôi chính là đột nhiên, tôi có cảm giác gắn kết một cách có ý thức với tất cả những người mà tôi đã quen biết trong đời, từ thời ấu thơ, tất cả những người đã trở nên quan trọng với tôi dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, bất kỳ người nào mà tôi đã yêu mến. Trong những ngày sau ngày 11/9/2001, tôi đã nhớ đến những người tôi đã không gặp lại hay nghĩ đến trong nhiều năm, một vài trường hợp là cả mấy chục năm. Hình ảnh của họ hiện lên trong tâm trí tôi rõ ràng đến mức đáng sợ. Tôi không biết nhiêu người trong số những người này đang ở đâu, đã lâu lăm rồi kể từ khi tôi biết đến họ, nhưng tôi không kìm được mong muốn nhấc điện thoại lên và gọi cho tất cả họ. Tôi muốn hỏi họ dạo này họ thế nào - thầy dạy viết chữ hồi xa xưa ở trường trung học Bắc California, cô bạn cùng phòng thời đại học, chủ tiệm tạp hóa tốt bụng mà tôi thường ghé mua ở Philadelphia, người hay tặng luôn món thực phẩm cho những ai không đủ tiền mua, rồi bắt những vị khách khác không được tiết lộ về việc này. Họ có ổn không? Tôi đã gọi cho tất cả những ai mà tôi có thể. Không ai thậm chí cảm thấy điều này thật kỳ lạ. Chúng tôi đơn giản là hỏi thăm nhau.

Lý luận đạo đức - cách chúng ta nghĩ về những tình huống đạo đức nan giải - không hề mang tính nhất quán và phổ biến. Nó khác biệt theo độ tuổi và theo giới tính. Nó khác biệt giữa các nền văn hóa, giữa vùng miền, thậm chí giữa những gia đình khác nhau. Ví dụ, suy nghĩ của tôi về nạn khủng bố và về việc chúng ta nên làm gì để đối phó với khủng bố nhiều khả năng sẽ có chút khác biệt với những gì hàng xóm của tôi nghĩ, và gần như chắc chắn là sẽ khác biệt với niềm tin của những người sống cách tôi cả đại dương hay lục địa. Nhưng có một điều kỳ diệu của nhân loại, một điều bất biến đối với hầu hết chúng ta - chỉ một vài trường hợp ngoại lệ đặc biệt - đó chính là sự gắn kết sâu sắc giữa con người với nhau. Sự gắn kết tình cảm là một

phần trong số đông chúng ta, xuống tới những phân tử cấu tạo nên cơ thể và trí não ta, và có đôi khi, chúng ta được nhắc nhớ lại điều đó một cách mạnh mẽ. Bắt đầu từ trong gien của chúng ta và lan tỏa đến mọi nền văn hóa, niềm tin và tôn giáo, là lời thì thầm rằng tất cả chúng ta là một. Và cho dù nguồn gốc xuất phát từ đâu đi nữa, thì đây chính là cốt lõi của lương tâm.

mười

LỰA CHỌN CỦA BERNIE: TẠI SAO CÓ LƯƠNG TÂM THÌ TỐT HƠN

Hạnh phúc là khi những điều bạn nghĩ, những lời bạn nói và những việc bạn làm hòa hợp với nhau.

- Mahatma Gandhi

Nếu bạn không có sự ràng buộc của lương tâm - không đắn đo về đạo đức, cũng không có chút cảm giác tội lỗi nào - thì bạn nghĩ bạn sẽ làm gì với cuộc đời mình?

Khi tôi đặt ra câu hỏi này cho mọi người, như tôi thường tự vấn bản thân, câu trả lời thông thường của họ là “Ôi!” hoặc “Trời ơi!” rồi kéo theo là một khoảng lặng trong lúc họ nhăn mặt nghĩ ngợi, như thể ai đó vừa hỏi họ bằng một thứ ngôn ngữ mà họ chỉ hiểu được phân nửa vậy. Sau đó, hầu hết mọi người đều cười trừ, có vẻ bối rối trước uy quyền của lương tâm trong cuộc sống và đáp lại kiểu như, “Tôi không biết tôi sẽ làm gì, nhưng tôi chắc chắn đó không phải là những gì mà tôi đang làm hiện giờ.”

Sau tiếng “Ôi!” và một khoảng lặng, một người có trí tưởng tượng đặc biệt phong phú sẽ bật cười và nói, “Có lẽ tôi sẽ trở thành nhà độc tài của một quốc gia nhỏ hay đại loại vậy.” Anh ta nói điều này như thể đó là một tham vọng có vẻ thông minh hơn và ấn tượng hơn sự nghiệp mang giá trị xã hội mà anh ta hiện đang theo đuổi.

Nếu không có lương tâm, liệu ta có thông minh hơn không? Liệu ta có hạnh phúc hơn không? Chúng ta biết rằng những nhóm người này cuối cùng sẽ rơi vào rắc rối - những quốc gia toàn *sociopath*, ai ai cũng vì bản thân họ. Nhưng thực tế mà nói, ở cấp độ cá nhân, liệu bạn hay tôi, trong vai trò những cá thể riêng biệt, có hạnh phúc hơn và sống tốt hơn nếu chúng ta có thể vạch ra giới hạn cho lương tâm? Đôi khi, mọi chuyện có vẻ là thế. Những kẻ dõi trá năm giữ vị trí quyền lực, những kẻ cắp nơi công sở sắm phi cơ Gulfstream và du thuyền, còn chúng ta làm việc có trách nhiệm và phải cân nhắc mua chiếc xe nào “phù hợp.” Nhưng sự thật của vấn đề này là gì? Từ góc độ tâm lý học, liệu *sociopath* có thật sự có cuộc sống tốt hơn ta, hay việc sở hữu lương tâm vì lý do nào đó giúp ta hạnh phúc hơn?

Trớ trêu một cách thực dụng, từ lúc khởi đầu, chúng ta đã được tự nhiên lựa chọn là những sinh vật xã hội, biết chia sẻ, não bộ của ta được lập trình kết nối cảm xúc với nhau, và có mối liên kết với lương tâm. Hay đúng hơn, tất cả đều đi con đường này, ngoại trừ một số ít người. Hưởng lợi từ quy trình chọn lọc khác biệt, một số ít đã tiến hóa thành những kẻ lừa đảo, lạnh nhạt với anh chị em, với bộ não bị ngắt kết nối về mặt cảm xúc chỉ biết nhắm đến những mục đích có lợi cho bản thân. Dựa trên quan điểm của thế kỷ 21 và qua lăng kính tâm lý học, giữa hai thứ đối lập từ xa xưa này, có lương tâm hoặc vô lương tâm, ta có thể nói điều gì mang lại lợi ích cho bản chất con người hơn?

MẶT TRÁI CỦA CHIẾN THẮNG

Thật khó bác bỏ thực tế rằng những người không có chút ràng buộc nào của lương tâm đôi khi lại đạt được quyền lực và sự giàu có, ít nhất là một thời gian. Có quá nhiều chương trong quyển sách lịch sử loài người, từ những dòng đầu tiên cho đến những dòng đương thời đều xoay quanh thành công ngoạn mục của những kẻ xâm lược, những kẻ viễn chinh, những tên trộm

cướp và những nhà xây dựng đế chế. Những cá nhân đó hoặc là đã chết từ lâu hoặc là có quá nhiều đặc quyền không thể được đánh giá theo cách mà một nhà tâm lý học lâm sàng muốn. Nhưng theo những hành vi ứng xử đã được ghi nhận và được nhiều người biết đến của họ, ngay cả khi không hề biết kết quả của họ trên Thang đo Pd, chúng ta cũng cho rằng phần lớn trong số họ sẽ không có ý thức trách nhiệm dựa trên sự gắn bó tình cảm với người khác. Nói cách khác, một số trong bọn họ đã, và đang, là *sociopath*.

Để làm mọi chuyện tồi tệ hơn, những kẻ xâm lược tàn bạo và những nhà xây dựng đế chế lại thường được những người cùng thời tôn sùng và khi họ còn sống, họ thường được xem là hình mẫu cho toàn nhân loại. Không nghi ngờ gì cả, vào thế kỷ 13, vô số cậu bé Mông Cổ được ru ngủ bằng những câu chuyện về Thành Cát Tư Hãn bất khuất, và ta tự hỏi rằng có ai trong số những người hùng thời hiện đại mà ta kể cho bọn trẻ nghe cuối cùng sẽ được lịch sử khắc ghi là những kẻ tư lợi tàn nhẫn.

Những kẻ không có lương tâm cũng rất ham mê tình dục. Minh chứng cho quan điểm này chính là Truật Xích, con trai cả của Thành Cát Tư Hãn, có đến 40 con trai. Là con trai trưởng trong gia đình, Truật Xích được quyền chọn những cô gái xinh đẹp nhất của vùng lãnh thổ bị xâm lược. Những người còn lại của vùng đất bị xâm lược đó, cùng với những đứa con trai của họ, thường thì sẽ bị giết chết. Một trong số những người cháu của Thành Cát Tư Hãn, Hốt Tất Liệt, người gây dựng nên triều đại nhà Nguyên, có 22 người con trai chính thống, và mỗi năm ông tuyển nạp vào hậu cung của mình thêm 30 trinh nữ. Và tại thời điểm tôi viết ra những dòng này, gần 8% nam giới sinh sống ở khu vực thuộc Đế chế Mông Cổ cũ, tương đương 16 triệu người, có nhiễm sắc thể Y gần như giống hệt nhau. Các nhà di truyền học tin rằng điều này có nghĩa là 16 triệu người sống ở thế kỷ 21 đang mang dấu ấn của nạn diệt chủng và hãm hiếp từ thời Thành Cát Tư Hãn vào thế kỷ 13.

Thành Cát Tư Hãn là một ngoại lệ trong số những tên bạo chúa vô nhân tính đã không chết trong sự tàn bạo hay ô nhục. Thay vào đó, ông ta chết do ngã ngựa trong một chuyến đi săn vào năm 1227. Cho đến nay, hầu hết những tên tội đồ diệt chủng và hâm hiếp tập thể cuối cùng đều tự kết liễu cuộc đời mình hoặc bị giết chết, thường là bởi những người trước đó đi theo phục vụ đã giận dữ phản kháng vì chịu hết xiết. Bạo chúa Caligula đã bị sát hại bởi một trong những cận vệ của hắn. Người ta tin rằng Hitler đã tự dí súng vào miệng mình, và xác của hắn đã được hỏa táng bằng dầu diesel. Mussolini bị bắn và xác của hắn bị treo ngược ở quảng trường. Tổng thống Romani, Nicolae Ceausescu và vợ Elena đã bị xử bắn vào năm 1989, đúng ngày Giáng sinh. Pol Pot của Campuchia đã chết trong một túp lều trong lúc bị những người từng là cộng sự của hắn giam giữ như tù nhân, xác của hắn được thiêu chung với rác và vỏ xe.

Sociopath trên khắp toàn cầu thường không đi đến kết cục tốt đẹp, và xu hướng này cũng được thể hiện ở phạm vi hẹp hơn. Xét cho cùng thì chứng vô nhân tính có vẻ thiên về phần bại, bất kể quy mô. Ví dụ, bố của Hannah đã mất tất cả mọi thứ từng rất quý giá đối với ông ta. Đến tuổi 50, ông ta bị mất việc, mất vị trí trong cộng đồng, mất người vợ xinh đẹp và cả đứa con gái yêu quý, tất cả chỉ vì cảm giác phấn khích khi là một người chơi nhỏ trong cuộc chơi ma túy, và cuối cùng, ông ta suýt nữa là đã chết bởi một viên đạn vào đầu từ một tên tội phạm tép riu. Luke, gã chồng cũ lười biếng của cô bệnh nhân Sydney của tôi, cũng đã mất tất cả những thứ quý giá - vợ, con trai, kể cả cái bể bơi. Skip Siêu Sao, mặc dù luôn tự cho rằng mình quá vui vẻ và quá thông minh không thể bị hạ gục bởi những thứ kiểu như SEC (Ủy ban Giao dịch và Chứng khoán Hoa Kỳ), có thể sẽ chứng minh điều ngược lại khi cuối cùng SEC “sờ gáy” hắn. “Bác sĩ” Doreen Littlefield, ngay cả khi đủ thông minh để lấy tấm bằng tiến sĩ thật lại trở thành một kẻ giả mạo chạy đến những nơi ngày càng heo hút, chơi cùng một trò chơi tệ nhạt với

những người tử tế mà cô ta ganh ghét, cho đến khi không còn chỗ nào để trốn nữa. Ở tuổi 50, những đợt di chuyển và lòng tham không đáy sẽ khiến cô ta rỗng túi và biến cô ta thành một bà lão 70 tuổi buồn chán.

Danh sách những cái kết thê lương như vậy có thể cứ kéo dài mãi. Trái với những gì dường như đã trở thành niềm tin phổ biến của tất cả mọi người, hành động tàn ác cuối cùng không mang lại cho bạn nhiều điều tốt hơn trong cuộc sống. Ngược lại, một người quan sát cực kỳ kiên nhẫn thậm chí có thể khẳng định rằng để nhận biết một người có thật sự là *sociopath* hay không chính là chờ đến cuối đời của hắn và chứng kiến cảnh hắn tự hủy hoại bản thân, một phần hoặc thậm chí hoàn toàn. Liệu hắn có thật sự sở hữu những gì bạn ao ước trong cuộc sống, hay thay vào đó, hắn phải sống cô độc, héo mòn và buồn chán?

Kể từ khi chúng ta bắt đầu ghi nhận những cuộc chiến tranh, xâm lược và những kế hoạch diệt chủng, các nhà sử học thường nhận định rằng loại người độc ác tàn bạo có vẻ vẫn luôn sinh sôi nảy nở trong thế giới loài người. Ngay khi một kẻ vừa bị loại bỏ thì sẽ có kẻ khác xuất hiện đâu đó trên hành tinh này. Từ góc độ di truyền học quần thể, truyền thuyết này có một phần là sự thật. Và bởi vì chúng ta không hiểu được bọn chúng, và bởi vì tâm lý của chúng quá đỗi lạ lùng đối với hầu hết chúng ta, nên ta thường không nhận ra hoặc không ngăn cản chúng lại cho đến khi chúng đã hủy hoại loài người theo những cách không thể đo lường được. Nhưng Gandhi đã nói ra một điều mang lại sự bất ngờ nhẹ nhõm, “cuối cùng thì bọn chúng luôn thất bại - hãy nghĩ về điều đó, luôn là như vậy!”

Hiện tượng tương tự cũng xảy ra ở quy mô nhỏ hơn. Những người bình thường không có lương tâm gây ra nỗi đau cho người thân và cộng đồng, nhưng cuối cùng, bọn chúng có xu hướng tự hủy hoại bản thân. Những *sociopath* nhỏ này sẽ sống sót đủ lâu

để thống trị một số người khác trên hoang đảo giả tưởng, có lẽ sẽ để lại vài gien di truyền nhưng rồi cuối cùng, bọn chúng cũng tự chuốc lấy trái đắng mà thôi.

Một phần lý do dẫn đến cái kết này rất rõ ràng, đặc biệt trong trường hợp của những kẻ độc tài khét tiếng như Mussolini hay Pol Pot bị giết chết và xâu xé bởi cơn thịnh nộ của những người từng đi theo chúng. Nếu bạn áp bức, cuống bóc, giết người và cưỡng hiếp nhiều người, sau cùng thì một vài nạn nhân trong số đó sẽ hợp lại để trả thù bạn. Chúng ta cũng thấy điều này qua câu chuyện về Doreen Littlefield. Mọi chuyện luôn đi ngược lại ý muốn của cô ta, và cuối cùng thì cô ta cũng gây chuyện với nhầm người. Nhưng có những lý do khác khó thấy hơn dẫn đến kết cục cay đắng về lâu dài của thói sống không có lương tâm, những lý do gắn liền với trạng thái tâm lý của chứng vô nhân tính, hơn là với cơn thịnh nộ của người khác.

Và lý do đầu tiên trong số này là sự chán chường, tẻ nhạt và đơn điệu.

TẤT CẢ CHỈ CÓ VẬY THÔI SAO?

Mặc dù chúng ta đều biết sự buồn chán là như thế nào, nhưng hầu hết những người trưởng thành bình thường ít khi trải nghiệm sự buồn chán đơn thuần. Chúng ta căng thẳng, vội vã và lo âu, nhưng ta hiếm khi đơn thuần buồn chán - một phần bởi vì ta đã quá căng thẳng, vội vã và lo âu rồi. Khoảng thời gian mà không có điều gì phải bận tâm thường mang lại cảm giác thư giãn, chứ không phải sự buồn tẻ. Để hiểu cảm giác buồn chán đơn thuần là gì, ta phải quay về thời thơ ấu. Trẻ em và trẻ vị thành niên thường hay buồn chán, đến mức không chịu nổi. Nhu cầu phát triển hoàn toàn bình thường của trẻ đòi hỏi sự kích thích liên tục, sự khám phá và tìm tòi học hỏi, nhưng nhu cầu này thường bị cản trở bởi những chuyến đi dài, những chiều mưa và phong

học. Ở thời thơ ấu, sự buồn chán có thể cực kỳ khó chịu, như chứng đau đầu mãn tính về mặt tinh thần hay cơn khát cháy cổ mà không có nước uống. Nó có thể khó chịu đến mức khiến đứa trẻ đáng thương muôn hét thật to hoặc ném mạnh thứ gì đó vào tường. Sự buồn chán cực độ có thể được xem như một dạng của nỗi đau.

Thật may mắn cho chúng ta, những người trưởng thành không có nhu cầu được kích thích liên tục như vậy. Mặc cho những cảng thẳng, ta có xu hướng kiểm soát sự phấn khích khá tốt, không quá nhiều cũng không quá ít đến mức không chịu nổi - ngoại trừ *sociopath*. Một số *sociopath* cho biết bọn chúng gần như thèm khát sự kích thích không ngừng. Một số dùng từ *nghiện*, như *nghiện cảm giác ly kỳ*, *nghiện cảm giác mạo hiểm*. Những cơn *nghiện* như thế xuất hiện bởi vì liệu pháp chữa trị thích hợp nhất (có thể là duy nhất) cho sự thiếu kích thích chính là đời sống tình cảm của chúng ta, nhiều đến độ mà trong nhiều tài liệu tâm lý học, thuật ngữ *sự phản khích và phản ứng cảm xúc* được sử dụng thay thế cho nhau. Ta được kích thích bởi những mối ràng buộc ý nghĩa, sự dàn xếp, những khoảnh khắc vui buồn với người khác, còn *sociopath* thì không có được đời sống cảm xúc này. Chúng không được trải nghiệm những lúc đau khổ tổn thương, những lúc hồi hộp xúc động, sự phấn khích mà sự tồn tại của nó không tránh khỏi việc đi cùng với sự gắn kết chân thành với người khác.

Các thí nghiệm sốc điện và tạo tiếng động lớn cho thấy ngay cả những phản ứng sinh lý (đổ mồ hôi, tim đập mạnh, vân vân) thường đi đôi với sự lo lắng và sợ hãi lại ít khi thể hiện ở *sociopath*. Để có đủ sự kích thích, *sociopath* chỉ có mỗi trò chơi thống trị, và trò chơi này nhanh chóng trở nên nhảm chán. Giống như ma túy, trò chơi này phải được chơi nhiều lần, lớn hơn, hay hơn và phụ thuộc vào nguồn lực và tài năng của một *sociopath* cụ thể, điều này có thể bất khả thi. Vậy nên bên trong những *sociopath*, nỗi đau của sự chán chường gần như là liên tục.

Khuynh hướng xoa dịu cảm xúc chán chường trong chốc lát là một phần lý do tại sao *sociopath* thường là những kẻ nghiện rượu và chất kích thích. Một nghiên cứu quan trọng về hiện tượng này được công bố vào năm 1990 trên tạp chí *Hiệp hội Y khoa Hoa Kỳ* ước tính khoảng 75% *sociopath* nghiện rượu và 50% lạm dụng các chất kích thích khác. Và vì thế mà *sociopath* thường là những con nghiện theo đúng nghĩa đen, bên cạnh việc nghiện cảm giác mạo hiểm theo nghĩa bóng. Với cảm giác “lâng lâng” và những nguy hiểm của nó, văn hóa nghiện ngập có nhiều dạng hấp dẫn đối với những kẻ vô lương tâm, và đây là nơi mà nhiều *sociopath* cảm thấy thoải mái nhất.

Một nghiên cứu khác, công bố năm 1993 trên tờ *Tạp chí Tâm thần học Hoa Kỳ*, phát hiện ra 18% người chích ma túy bị chẩn đoán mắc chứng rối loạn chống xã hội có kết quả dương tính với HIV, trong khi chỉ có 8% người chích ma túy không mắc chứng rối loạn chống xã hội có kết quả dương tính với HIV. Tỷ lệ nhiễm HIV cao trong số *sociopath* được giả định là do họ có nhiều hành vi liều lĩnh hơn.

Những số liệu thống kê này đưa chúng ta quay lại với câu hỏi mà tôi đã đặt ra ở chương đầu tiên: Có phải thiếu lương tâm là một tình trạng thích ứng, hay là một chứng rối loạn tâm thần? Một định nghĩa được đưa vào sử dụng về chứng rối loạn tâm thần là bất kỳ điều kiện tâm lý nào làm “cản trở cuộc sống” một cách đáng kể, nghĩa là những hạn chế bất thường và nghiêm trọng về khả năng hoạt động của một người cũng như được kỳ vọng dựa trên sức khỏe tổng quát và mức độ thông minh của người đó. Cảm nhận thông thường nói cho ta biết rằng *sự xuất hiện* của bất kỳ chứng rối loạn tâm thần nào được công nhận - trầm cảm nặng, lo âu mãn tính, hoang tưởng, vân vân - nhiều khả năng sẽ làm “cản trở cuộc sống.” Nhưng còn *sự thiếu vắng* của những thứ mà chúng ta thường xem là một đặc điểm đạo

đúc khắt khe thì sao? Chúng ta biết rằng *sociopath* hầu như không bao giờ tìm cách chữa trị, nhưng dù vậy, liệu bọn chúng có đang bị “cản trở cuộc sống” hay không?

Một cách tiếp cận vấn đề này là suy xét điều gì có ý nghĩa trong cuộc sống đối với *sociopath* - chiến thắng và thống trị - và sau đó cân nhắc đến câu hỏi kỳ lạ sau đây: Tại sao tất cả *sociopath* không nắm giữ vị trí quyền lực ghê gớm? Với động cơ hết sức tập trung và sự tự do mặc sức hành động từ việc không có lương tâm, tất cả bọn chúng lẽ ra đều phải là những nhà lãnh đạo quốc gia hoặc những CEO quốc tế, hoặc ít nhất là những chuyên gia cấp cao hoặc nhà độc tài của những quốc gia nhỏ. Tại sao *không phải* lúc nào bọn chúng cũng giành chiến thắng?

Bởi vì bọn chúng không hề như vậy. Thay vào đó, hầu hết bọn chúng là những kẻ vô danh, chỉ quanh quẩn trong việc kiểm soát con trẻ, hoặc người bạn đời trầm cảm, hoặc có lẽ là một vài nhân viên hay đồng nghiệp. Một số lượng lớn *sociopath* bị bắt vào tù, giống trường hợp bố của Hannah, hoặc gặp vấn đề trong sự nghiệp hoặc cuộc sống. Ít người siêu giàu như Skip. Số người có tên tuổi còn ít hơn. Không tạo ra dấu ấn gì trên thế giới, phần đông bọn chúng sống một cuộc đời sa sút, và khi qua hết tuổi trung niên, bọn chúng sẽ hoàn toàn kiệt sức. Chúng có thể tạm thời cướp bóc và hành hạ ta, đúng vậy, nhưng về cơ bản, bọn chúng là những mảnh đời thất bại.

Từ góc độ của nhà tâm lý học, ngay cả những người có vị thế, ngay cả những người có danh tiếng, cũng là những mảnh đời thất bại. Đối với đa số chúng ta, hạnh phúc đến từ năng lực yêu thương, năng lực xây dựng cuộc đời theo những giá trị cao cả (trong phần lớn thời gian) và năng lực cảm nhận được sự thỏa mãn một cách tương đối bên trong chúng ta. *Sociopath* không có năng lực yêu thương, nên về bản chất thì bọn chúng không

có những giá trị cao cả, và chúng gần như không bao giờ cảm thấy thoái mái về bản thân. Bởi chúng không biết yêu thương, không biết lý lẽ và luôn đeo mang cảm giác chán chường, ngay cả khi một số ít bọn chúng trở nên giàu có và quyền lực.

Và bọn chúng không thoái mái về bản thân bởi nhiều lý do hơn là cảm giác buồn chán. Việc lúc nào cũng chỉ nghĩ đến bản thân của chúng vô nhân tính tạo ra khả năng nhận thức bản thân đến từng chi tiết nhỏ như từng cơn đau và co giật nhỏ trong cơ thể, từng cảm giác lướt qua trong đầu và trong ngực, còn tai thì nghe thấy từng mồi bận tâm cá nhân trên radio và ti-vi, từ những con rệp trong chăn nệm đến chất độc ricin. Bởi vì mỗi quan tâm và nhận thức của bọn chúng chỉ hướng tới bản thân, nên đôi khi *sociopath* sống trong nỗi giày vò của chứng lo sợ quá mức. Bị giấy cưa đứt tay là một việc nghiêm trọng, còn bị cảm cúm giống như là mọi chuyện sắp đến hồi kết thúc.

Có lẽ ví dụ nổi tiếng nhất trong lịch sử về nỗi ám ảnh với cơ thể của *sociopath* chính là Adolf Hitler, người mà cả cuộc đời luôn pháp phồng lo sợ căn bệnh ung thư. Với nỗ lực chế ngự bệnh ung thư và tiêu diệt một danh sách dài những vấn đề sức khỏe trong tưởng tượng, ông ta đã uống “liều thuốc” được bào chế đặc biệt bởi bác sĩ riêng Theodore Morell. Nhiều viên thuốc này có chứa độc tố gây ảo giác. Theo cách này, dần dần Hitler đã tự đâm độc mình và mắc bệnh thật sự. Nhiều khả năng chính nguyên nhân này đã dẫn đến chứng run tay trái (căn bệnh thật sự) của Hitler và đến giữa năm 1944, ông ta không cho phép ai chụp ảnh mình nữa.

Sociopath đôi khi dùng chứng hoang tưởng này để trốn việc. Bởi chúng mới đó vẫn ổn, vậy mà đến lúc phải thanh toán hóa đơn hoặc tìm việc làm hoặc giúp một người bạn chuyển sang nhà mới, thì bỗng dưng chúng bị đau ngực hoặc đau tay. Và những vấn đề sức khỏe tưởng tượng và sự đau yếu này thường

được chữa trị đặc biệt, chẳng hạn như là người cuối cùng được khám trong phòng khám đông nghịt.

Nói chung, bọn chúng không thích sự phán đoán liên tục, cũng không thích những dự án công việc có tính tổ chức sắp xếp, và dĩ nhiên, việc ưa chuộng sự dễ dàng này làm hạn chế thành công trong thế giới thực. Thức dậy sớm vào mỗi buổi sáng và làm việc liên tục trong nhiều giờ liền là điều mà bọn chúng không bao giờ cân nhắc đến. *Sociopath* thích những con đường dễ dàng, những việc chỉ cần làm một lần, hơn là mỗi ngày chăm chỉ làm việc, hướng tới mục tiêu hay kế hoạch dài hạn. Ngay cả khi *sociopath* làm những công việc cấp cao, thì những vị trí này thường có danh sách công việc mơ hồ, hoặc có những người bị thao túng để làm việc thay cho chúng. Trong bối cảnh như thế, một *sociopath* khôn ngoan thỉnh thoảng có thể duy trì công việc bằng kết quả có lúc gây được sự chú ý, hoặc bằng lời nói ngon ngọt và sức hút cá nhân, hoặc bằng thủ đoạn đe dọa. Anh ta hoặc cô ta thường thể hiện mình là một quản lý xa cách, hoặc là một “người mang tiền về,” hoặc là một “thiên tài luôn trong trạng thái căng thẳng.” Những kẻ này thường xuyên đi nghỉ mát hoặc nghỉ phép dài ngày, hành tung bí ẩn. Công việc kéo dài, chìa khóa đích thực của thành công bền vững - làm việc cần mẫn, chấp nhận sự tẻ nhạt, chăm chút vào chi tiết - lại quá gân với trách nhiệm.

Buồn thay, yếu tố tự giới hạn này có khuynh hướng hiện hữu ở cả những *sociopath* có năng khiếu và tố chất bẩm sinh. Thái độ tận tụy và làm việc mỗi ngày là điều kiện cần thiết để phát triển nghệ thuật, âm nhạc hay bất kỳ loại hình sáng tạo nào, nhưng đây thường là điều bất khả thi với *sociopath*. Nếu thành công do may mắn mà có, và chỉ cần nỗ lực trong thời gian ngắn, thì có thể được. Nhưng nếu nghệ thuật đòi hỏi quá trình đầu tư lâu dài, thì không thể. Cuối cùng thì mối liên kết với khả năng bên trong của *sociopath* cũng tương tự như mối liên kết của chúng với người khác, không hề được *sociopath* nuôi dưỡng.

Và *sociopath* gần như luôn đơn thương độc mã, một chiến thuật cũng có lúc hiệu quả trong nhất thời, nhưng thường không có tác dụng trong dài hạn. Vì một lý do quá rõ ràng là không ngừng nghĩ cho bản thân, *sociopath* là những đồng đội tệ hại. *Sociopath* chỉ biết có chính mình. Khi anh ta làm việc với một người khác, hay với một nhóm người, anh ta thường dùng các chiêu thức như nói dối, nịnh hót và tạo ra nỗi sợ. Những phương pháp này khó mà mang lại thành công và cực kỳ thiến bần vũng, so với sự kết nối chân thành, khả năng lãnh đạo và quan hệ cá nhân. Những mục tiêu vốn có thể đạt được thông qua sự cộng tác hoặc nỗ lực liên tục của một nhóm thường bị triệt tiêu bởi mỗi bạn tâm duy nhất về chính mình của *sociopath*. Con đường đi đến thất bại sau cùng này thường được lựa chọn bởi những tên bạo chúa khét tiếng, cũng như bởi vô số chủ doanh nghiệp, đồng nghiệp, bạn đời không có tên tuổi.

Khi cảm giác phấn khích của việc thao túng người khác dâng trào, như những gì xảy ra với *sociopath*, mọi mục tiêu khác bị lu mờ, và hậu quả “cản trở cuộc sống” này, dù là dưới hình thức khác, cũng nghiêm trọng như hậu quả của chứng trầm cảm nặng, lo âu mãn tính, hoang tưởng và những căn bệnh tâm thần khác. Tình trạng cạn kiệt cảm xúc của *sociopath* nghĩa là *sociopath* không bao giờ có được trí thông minh cảm xúc đích thực, một năng lực thấu hiểu người khác vốn không gì có thể thay thế được trong cuộc sống giữa người và người. Cũng như Doreen thật sự tin rằng cô ta có thể tự nâng mình lên bằng cách hạ người khác xuống, cũng như Skip tự cho rằng mình có thể chống lại cộng đồng và các quy tắc xã hội, cũng như kẻ độc tài bại trận cảm thấy bối rối vì chính những người từng đi theo mình giờ lại căm ghét chống lại mình, những kẻ không có lương tâm, ngay cả những kẻ khôn ngoan, có khung hướng thiển cận và ngây thơ một cách đáng kinh ngạc để rồi cuối cùng ra đi trong sự buồn chán, suy kiệt tài chính hoặc bằng một viên đạn.

LƯƠNG TÂM CỰC DOAN

Tuy vậy, lý do lớn nhất của mong muốn có lương tâm, thay vì không có lương tâm, không thuộc về danh sách những điểm bất lợi tai hại của chứng vô nhân tính. Không hề, phần tuyệt vời nhất của việc sở hữu ý thức đạo đức chính là món quà tuyệt đẹp và sâu nhất đến từ bên trong chúng ta, và chỉ từ bên trong mà thôi, lớp bọc bên ngoài của lương tâm. *Năng lực yêu thương* nằm trong lương tâm, cũng như linh hồn nằm trong cơ thể của ta vậy. Lương tâm là hiện thân của tình yêu, thẩm nhuần trong cơ quan sinh học của ta. Nó hiện diện trong phần não bộ có chức năng phản ứng cảm xúc theo hướng có lợi cho những người mà ta yêu thương khi họ cần sự quan tâm, giúp đỡ, thậm chí là sự hy sinh của ta. Ta đã nhìn thấy khi tâm trí của một người không được trang bị để yêu thương thì anh ta cũng không có lương tâm thật sự, bởi vì lương tâm là ý thức trách nhiệm dựa trên sự kết nối cảm xúc với người khác. Nay giờ, chúng ta hãy lật ngược phương trình tâm lý này lại. Một sự thật khác là nếu một người không có lương tâm, anh ta sẽ không bao giờ biết yêu thương thật lòng. Khi loại bỏ ý thức trách nhiệm bắt buộc ra khỏi tình yêu thương, thì những gì còn lại là một thứ mong manh kế tiếp - ý muốn sở hữu, và đây chắc chắn không phải là tình yêu thương.

Chỉ sau ngày 11/9/2001, ngay cả khi một chương đặc biệt đen tối và tàn bạo trong lịch sử nước Mỹ bắt đầu, anh bạn Bernie của tôi, một nhà tâm lý học, cũng không ngần ngại nói với tôi rằng anh sẽ chọn lương tâm hơn là không có lương tâm, nhưng anh không thể giải thích tại sao. Tôi tin rằng lựa chọn trực giác này của Bernie là do mối liên kết không thể tách rời giữa lương tâm và năng lực yêu thương, và rằng nếu được lựa chọn giữa mọi quyền lực, danh tiếng, tiền bạc trên thế giới với đặc quyền được yêu thương các con của mình, Bernie sẽ chọn cái sau trong tích tắc. Một phần vì Bernie là một người tốt bụng và cũng bởi

vì anh là một nhà tâm lý học giỏi, nên anh biết điều gì thật sự mang lại hạnh phúc cho con người.

Có tồn tại mong muốn sở hữu và mong muốn thống trị, và rồi có tồn tại tình yêu thương. Cho dù nói ra được lý do của mình ngay lúc đó hay không, thì bằng việc chọn lương tâm, nhà tâm lý học Bernie đã thực sự lựa chọn tình yêu thương, và điều này không khiến tôi ngạc nhiên. Sự thống trị có thể mang lại cảm giác phấn khích tạm thời, nhưng nó không làm cho con người hạnh phúc. Tình yêu thương thì có.

Nhưng liệu lương tâm có thể bị *thái quá* hay không? Liệu có nhà tâm lý học nào cho rằng, thay vì hạnh phúc, con người lại bị lương tâm hành hạ rồi rơi vào trạng thái trầm cảm nặng hay không?

Có và không. Freud quan sát thấy rằng một siêu ngã quá hăng hái có thể khiến cho chủ nhân của nó trở nên trầm cảm, thậm chí đi đến tự sát. Nhưng siêu ngã, với tiếng nói cằn nhặt khắt khe ở bên trong đến từ những trải nghiệm trong quá khứ của chúng ta, không phải là lương tâm. Lương tâm cũng không phải là thứ mà các nhà tâm lý học gọi là “cảm giác xấu hổ tiêu cực,” vốn không phải là cảm giác xấu hổ thật sự, theo định nghĩa là một phản ứng cảm xúc khi thực hiện một hành động xấu. Đây cũng là một niềm tin phi lý, được tạo nên từ những thông điệp tiêu cực thời thơ ấu, rằng toàn bộ một người nào đó là tồi tệ, đáng kinh tởm và vô dụng. Thậm chí một chút cảm giác xấu hổ tiêu cực cũng là thái quá, nhưng cảm giác này không hề giống với một lương tâm bình thường, vốn được định nghĩa là ý thức trách nhiệm, chứ không phải là cảm giác khó chịu của sự vô dụng và chỉ mang đến tai ương. Khi các nhà tâm lý học đương thời nói rằng lương tâm cực đoan là có hại, họ đang không cẩn trọng trong ngôn từ. Điều mà họ nói đến không phải là lương tâm, mà là cảm giác xấu hổ tiêu cực hoặc là siêu ngã đang làm việc quá mức.

Lương tâm, giác quan thứ bảy của chúng ta, là một hiện tượng hoàn toàn khác. Nó là ý thức trách nhiệm dựa trên tình yêu thương. Vậy thì câu hỏi đặt ra là: Lương tâm cực đoan sẽ làm chúng ta suy yếu hay làm chúng ta mạnh hơn?

Để hiểu được sức ảnh hưởng của lương tâm lên tinh thần con người, chúng ta có thể quan sát cuộc sống và mức độ hạnh phúc của những người đã phát triển ý thức đạo đức bên trong thành nguồn lực cảm xúc mạnh mẽ. Mỗi người chúng ta có những người hùng đạo đức riêng, từ những nhân vật lịch sử hay nhân vật công chúng cho đến những người quen biết cá nhân đã tạo được ấn tượng với chúng ta về phẩm chất đạo đức tốt. Trong một nghiên cứu có hệ thống về những người như thế, Anne Colby ở Trung tâm Nghiên cứu Henry Murray của Radcliffe và William Damon ở Bộ phận Giáo dục của Đại học Brown đã có những lựa chọn của riêng mình. Về tình trạng khan hiếm của những nhà lãnh đạo có đạo đức ngày nay, Colby và Damon đã chọn ra 23 cá nhân mà họ cho là “tấm gương đạo đức,” trong đó có 11 đàn ông và 12 phụ nữ thể hiện phẩm chất đạo đức ở những đóng góp nổi bật trong nhiều lĩnh vực: dân quyền, tự do dân sự, xóa đói giảm nghèo, tự do tôn giáo, bảo vệ môi trường và hòa bình. Hai mươi ba người này khác nhau về sắc tộc, tôn giáo, địa vị kinh tế xã hội và những mục tiêu cụ thể, nhưng tất cả có chung một điểm: lương tâm mạnh mẽ vượt trội nhằm mang lại cuộc sống hạnh phúc cho cộng đồng mà họ quan tâm. Từ góc độ của nhà tâm lý học, họ đại diện cho cảm xúc và lý trí hoàn toàn trái ngược với những *sociopath* mà chúng ta đã thảo luận.

Trong danh sách “tấm gương đạo đức” của Colby và Damon có nhà hoạt động dân quyền Virginia Foster Durr, người đã ôm Rosa Parks khi bà ấy bước ra khỏi cửa nhà tù; Suzie Valadez, người đã dành nhiều năm cung cấp thực phẩm, quần áo và dịch vụ y tế cho hàng ngàn người Mexico nghèo khó ở Ciudad Juárez; cựu hiệu trưởng trường đại học Haverford - Jack Coleman - người nổi

tiếng với những công việc lao động chân tay như đào mương, thu gom rác, làm người vô gia cư; doanh nhân Cabell Brand, người đã góp phần tạo nên tổ chức xóa đói giảm nghèo Total Action Against Poverty (TAP) ở Roanoke, bang Virginia; và Charleszetta Waddles, nhà sáng lập tổ chức Perpetual Mission với sứ mệnh giúp đỡ người già, người nghèo, phụ nữ “không chồng mà chưa,” gái mại dâm và trẻ em bị bạo hành ở Detroit, bang Michigan.

Hai nhà nghiên cứu trên đi sâu vào tự truyện, lịch sử qua lời kể và thực hiện các cuộc phỏng vấn toàn diện với từng người trong số 23 tấm gương đạo đức và đồng nghiệp của họ. Trong quyển sách ghi chép lại những khám phá của họ có tựa là *Some Do Care: Contemporary Lives of Moral Commitment* (Có Những Người Thật Sự Quan Tâm: Những Tấm Gương Đạo Đức Đương Thời), hai nhà nghiên cứu cho biết có ba điểm chung nổi bật giữa những tấm gương đạo đức này. Các tác giả gọi ba điểm chung này là (1) “sự chắc chắn,” (2) “sự tích cực,” và (3) “sự thống nhất giữa bản thân và mục tiêu đạo đức.” “Sự chắc chắn” nằm ở việc những người này hiểu cực kỳ rõ về những gì mà họ tin tưởng là đúng, cũng như ý thức trách nhiệm phải hành động của họ dựa trên những niềm tin này. “Sự tích cực” của họ thể hiện ở thái độ sống kiên quyết, tận hưởng niềm vui trong công việc, tinh thần lạc quan, dù là trong tình huống khó khăn hay thậm chí hiểm nguy. Còn “sự thống nhất giữ bản thân và mục tiêu đạo đức” miêu tả sự hòa hợp giữa quan điểm đạo đức với hình ảnh bản thân, cũng như tính tương đồng giữa mục tiêu đạo đức và mục tiêu cá nhân.

“Sự thống nhất” có nghĩa là đối với những người này, lương tâm không chỉ là ánh sáng soi đường chỉ lối. Lương tâm là *chính bản thân họ*. Một trong những tấm gương đạo đức, Cabell Brand, đã nói về hình ảnh bản thân trong một cuộc phỏng vấn như sau, “Hình ảnh bản thân tôi nằm ở những gì tôi có thể làm và những

gì mà tôi cảm nhận trong mọi thời điểm - mỗi ngày, mỗi phút giây... Tôi khó mà tách biệt được hình ảnh bản thân với những gì tôi muốn làm và những gì tôi đang làm.”

Colby và Damon cho rằng điểm chung thứ ba này, “sự thống nhất giữa bản thân và mục tiêu đạo đức,” là phát hiện quan trọng nhất của họ, và nó đặc biệt quan trọng trong quá trình tìm hiểu về lương tâm cũng như sự ảnh hưởng của lương tâm. Khi lương tâm phát triển đủ mạnh, có vẻ như nó tạo nên sự thống nhất về mặt tinh thần của con người theo hướng độc đáo và hữu ích, và thay vì “cản trở cuộc sống,” lương tâm cực đoan lại làm tăng đáng kể cảm giác mãn nguyện. Colby và Damon viết, “Những tấm gương đạo đức của chúng tôi dễ bị tác động bởi hậu quả làm suy yếu của việc thiếu vắng lương tâm, bởi tất cả những gì họ cần để đạt được thành công cá nhân chính là hành trình hiện thức hóa sứ mệnh đạo đức của họ.” Ngược lại với khuynh hướng văn hóa của chúng ta đặt lương tâm và lợi ích cá nhân ở thế đối lập nhau, những tấm gương đạo đức của Colby và Damon “đo lường hạnh phúc và lợi ích cá nhân theo mức độ đạo đức. Họ cảm thấy vô cùng vui vẻ và mãn nguyện, ngoại trừ một số rất ít trường hợp ngoại lệ.” Thay vì khiến họ cảm thấy khổ sở, hoặc làm họ dễ bị lừa, ý thức trách nhiệm vượt bậc của họ với người khác lại mang đến hạnh phúc cho họ.

Lương tâm, ý thức trách nhiệm đối với người khác, giúp chúng ta chung sống với nhau trong cùng một mái nhà và trên cùng một hành tinh. Nó tạo ra ý nghĩa cuộc sống và nó đứng giữa chúng ta và sự tồn tại trống rỗng của những cuộc cạnh tranh vô nghĩa. Một lương tâm to lớn có thể hợp nhất mục tiêu đạo đức, mong muốn cá nhân, và hình ảnh bản thân trong tâm trí - hành động đúng đắn trở thành *bản chất con người bên trong ta* - và vì lý do này, lương tâm cực đoan có vẻ như là chiếc chìa khóa vừa vặn hiếm hoi cho cánh cửa hạnh phúc của nhân loại.

Vì vậy, đây là lời khuyên tâm lý chân thành nhất của tôi dành cho bạn: Khi bạn nhìn ra thế giới xung quanh, cố hiểu xem chuyện gì đang diễn ra và ai đang là người nắm giữ “phân thắng,” đừng mong ước lương tâm của mình sẽ giảm đi. Hãy ước mình có nhiều lương tâm hơn.

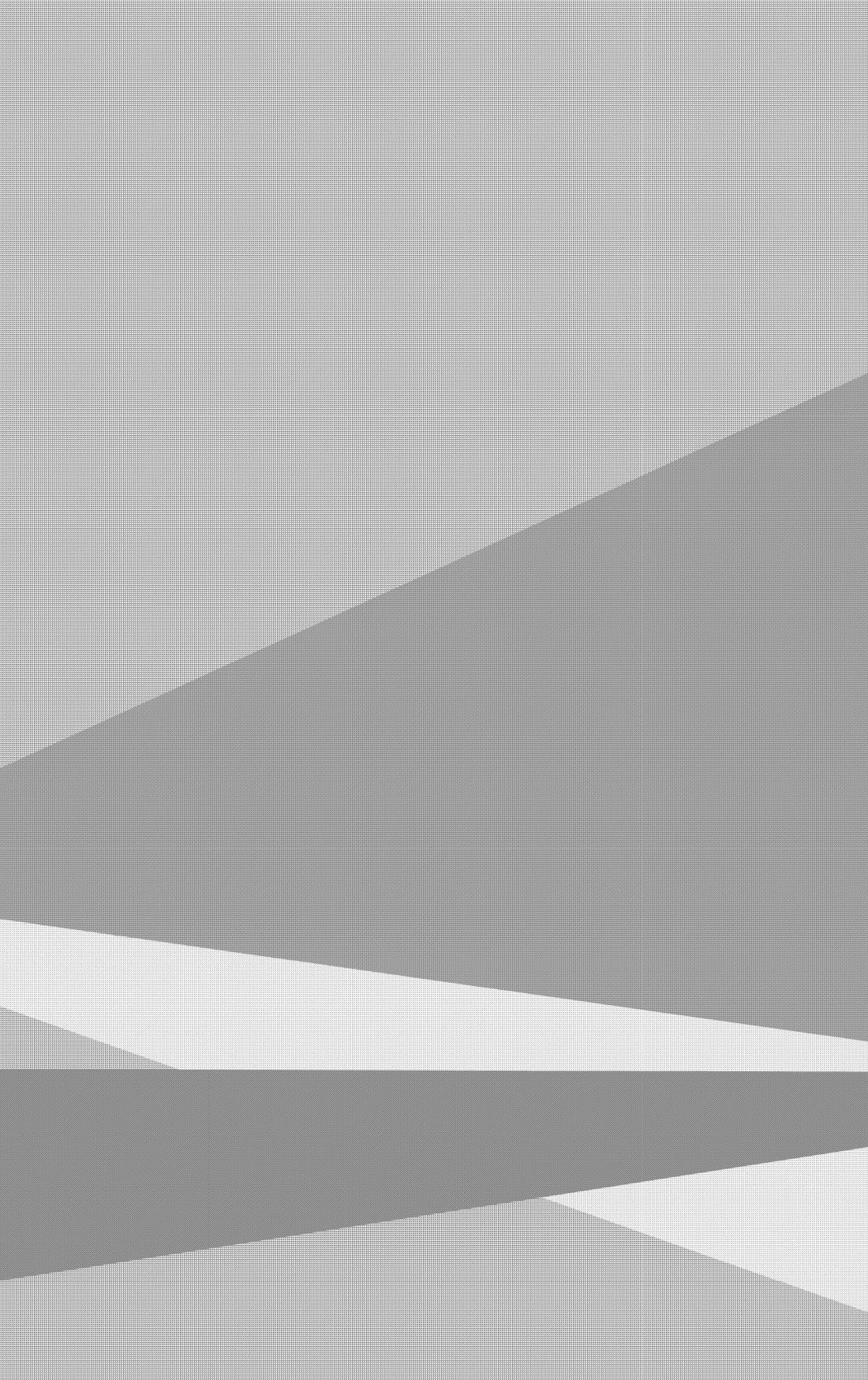
Hãy tôn vinh định mệnh của bạn.

Có lương tâm, có thể bạn không bao giờ có khả năng thực hiện một việc chính xác như bạn mong muốn, hoặc đơn giản là bạn sẽ không có được điều bạn cần để thành công một cách dễ dàng hoặc chạm được đến vạch đích thành công trong thế giới vật chất. Và vì thế mà có lẽ bạn sẽ không bao giờ giành được quyền lực chính trị hay tài chính để đàn áp người khác. Có lẽ bạn sẽ không bao giờ bắt được người khác phải tôn trọng bạn hay sợ hãi bạn. Trái lại, có lẽ bạn sẽ phải gánh chịu sự đấu tranh đau đớn của lương tâm, khiến cho bạn hành động ngược lại với những mong muốn vì lợi ích của bản thân. Và có lẽ bạn sẽ phải làm việc cật lực suốt cả cuộc đời, từ bỏ những cảm dỗ phụ thuộc vào người khác như những đứa trẻ không bao giờ lớn, bởi vì bạn muốn con cái mình phát triển. Bản thân bạn có lẽ sẽ có lúc bị sập bẫy của *sociopath*, và với tính thận trọng của mình, có lẽ bạn sẽ không bao giờ “ăn miếng trả miếng” một cách thỏa đáng với những người đã làm bạn tổn thương. Và, đúng vậy, có lẽ bạn sẽ không bao giờ trở thành nhà độc tài của một quốc gia nhỏ.

Nhưng bạn sẽ có thể nhìn các con ngù say trên giường với niềm hạnh phúc tột cùng và cảm giác biết ơn. Bạn sẽ vẫn giữ được những người khác sống mãi trong tim khi họ đã rời xa. Bạn sẽ có những người bạn chân thành. Không giống với một số ít người trống rỗng, thích cảm giác mạo hiểm vì thiếu đi giác quan thứ bảy, bạn sẽ bước qua cuộc đời này, cảm nhận trọn vẹn sự ấm áp, sự thoải mái thư giãn, sự giận dữ, sự bối rối, sự hứng thú, có khi là sự hiện diện tràn ngập niềm vui của những người

xung quanh, và với lương tâm, bạn sẽ được trao cơ hội đón nhận rủi ro to lớn nhất, như tất cả chúng ta đều biết, đó là tình yêu thương.

Lương tâm đích thực là món quà giá trị của Mẹ Thiên Nhiên. Giá trị của lương tâm là rất rõ trên phạm vi lịch sử rộng lớn, và như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, lương tâm rất đáng quý đối với chúng ta, thậm chí trong cách ứng xử thường nhật với bạn bè và hàng xóm láng giềng. Bây giờ, cùng với những người hàng xóm xung quanh, chúng ta hãy dành ra một ngày với một người phụ nữ kém may mắn và mắc chứng vô nhân tính tên là Tillie. Từ Tillie, chúng ta có thể học được - dù bà ấy sẽ không bao giờ học được - rằng lương tâm giúp cho những trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày trở nên đáng giá.



mười một

NGÀY CHUỘT CHỦI

*Thứ gì không tốt cho cả đàn ong thì
cũng không tốt cho con ong.*

- Marcus Aurelius

Tillie là người có đặc điểm tính cách mà nhà lý luận Theodore Millon gọi là *sociopath* thô lỗ. Tillie là *sociopath* nhưng đáng tiếc cho bà ta, bà ta lại thiếu sức thu hút và sự khéo léo thường có của một *sociopath*. Thay vào đó, theo lời của Millon thì bà ta “hành động một cách công khai, trực tiếp gây gỗ và sinh sự” và “tất cả mọi thứ và tất cả mọi người đều là đối tượng của hành vi đay nghiến và công kích.” Biệt tài của Tillie là “chuyện bé xé to.” Bà ta rất giỏi châm ngòi thù hận ở những nơi yên bình, cũng như rất thao châm chọc những người vốn dĩ hiền hòa.

Trong vũ trụ của Tillie, Tillie luôn luôn đúng và bà ta tìm vui trong việc dùng thái độ tự cho mình là đúng này để chống lại và chọc tức các đối thủ, những người mà dường như đâu đâu cũng có và luôn luôn sai. Sứ mệnh trên cõi đời của bà ta là sửa sai cả thế giới, một tiếng gọi mà bà ta đi theo không ngần ngại hay day dứt. Trong quá trình thực thi sứ mệnh, bà ta cho rằng mình không được người khác công nhận, và đây là lý do mà bà ta dùng để biện minh cho những hành vi của mình đối với họ.

Sáng hôm nay, Tillie phát hiện thấy một con chuột chũi ở sân sau. Từ trong căn phòng tràn ngập ánh nắng, bà ta dõi mắt nhìn theo nó đứng bằng hai chân sau tròn vo trên bãi cỏ, quay cái mặt bé xíu dáo dác nhìn xung quanh như thể nó đang khảo

sát đất đai nhà Tillie vậy. Khi Tillie kéo cánh cửa trượt để nhìn rõ hơn, con vật cứng đơ người trong một khoảnh khắc rồi lạch bạch bỏ đi và biến mất vào lòng đất ở rìa bãi cỏ, chỗ giáp ranh giữa sân nhà Tillie và nhà hàng xóm Catherine và Fred.

Tillie ghi nhớ vị trí hang chuột chũi, sau đó bà ta bước ra ngoài và đứng bên hiên nhà, một bà lão 70 tuổi tóc bạc phơ trong một chiếc váy mặc ở nhà có kẻ sọc ca-rô màu xanh da trời, tỏ ra với tất cả mọi người trên thế giới này rằng bà là một bà lão thông thái và tử tế điển hình. Khi Tillie đưa mắt nhìn chằm chằm xung quanh bãi cỏ, bất kỳ ai nhìn thấy đều sẽ cho là thái độ và dáng vẻ phục phịch của bà ta trông chẳng khác gì con chuột chũi đó cả.

Hàng xóm ở cạnh nhà Tillie và hướng lên đồi là Greta và Jerry. Tình cờ lúc này họ đang ăn sáng trong phòng và nhìn thấy Tillie đứng đó. Vì khoảng cách quá xa nên họ không để ý thấy con chuột chũi. Họ chỉ thấy cảnh tượng bà Tillie 70 tuổi đang đứng bất động trong chiếc váy kẻ sọc ca-rô xanh.

Greta, 35 tuổi, quản lý của một cửa tiệm bách hóa trong vùng, nói với chồng cô là Jerry, một nhà thầu xây dựng, “Chết tiệt, em ước gì mụ già gớm ghiếc ấy chuyển đi nơi khác. Bà ta đã ở đây bao lâu rồi nhỉ?”

“15 tháng,” Jerry đáp.

Greta cười rầu rĩ. “Nhưng ai quan tâm cơ chứ? Em biết là không nên xua đuổi người khác, nhưng bà ta xấu tính cực kỳ. Và còn thích kiểm soát nữa. Em không hiểu sao bà ta có thể sống vậy được.”

Jerry thở dài, “Có lẽ mình nên mua lại căn nhà bà ta đang ở.”

Greta định bật cười thì bỗng nhận ra Jerry không hề đùa. Bất chợt, cô hiểu rằng người chồng bình thường hiền như cục đất của mình cũng ác cảm với Tillie nhiều như cô vậy. Cô cảm thấy rùng mình và một thoáng hối hận, cô vào nhà bếp lấy thêm chút cà phê nóng.

Khi cô quay lại, Jerry vẫn đang nhìn chăm chú bà lão đang đứng bên hiên nhà. Anh nói, “Không, mình không đủ tiền mua lại nhà của bà ta. Có lẽ bà ta sẽ chuyển đi. Nghĩ xem ai mà ở nổi khi bị hàng xóm ghét cay ghét đắng như cách mọi người căm ghét bà ta.”

Greta chỉ ra, “Mà vấn đề là bà ta đi đến đâu cũng bị ghét vậy à.”

“Ừ, chắc vậy. Trước đây bà ta sống ở đâu nhỉ?”

“Ai mà biết,” Greta trả lời. Sau đó, cảm thấy có chút hả dạ vì Jerry cùng chung cảm nhận với mình, cô nói, “Anh có tin nổi chuyện này không? Tuần rồi, em nghĩ là vậy, bà ta gọi cho em và nói vợ chồng mình không được cho thêm củi vào lò sưởi. Bà ta ‘dị ứng với khói củi,’ anh biết không?”

“Cái gì? Sao em không kể với anh! Đồ điên!” Jerry nắm chặt tay lại, rồi đổi ý. “Không, như vậy là không hề điên. Đồ rác rưởi mới đúng. Tôi nay mình sẽ đốt lò sưởi cho bõ ghét. Anh sẽ bỏ thêm củi vào lò trước khi đi làm.”

“Nhưng hôm nay trời nóng lắm đó.”

“Ai quan tâm?”

Lần này thì Greta cười to. “Anh có thấy chúng ta buồn cười lắm không hả?”

Jerry nhìn vợ có vẻ ngượng, khóe miệng anh nhếch lên. Anh thả lỏng nắm tay và bẻ các khớp ngón tay vài lần để giải tỏa căng thẳng.

Người hàng xóm ở bên kia đường, cách nhà Greta và Jerry 3 căn là một bà lão góa chồng tên Sunny. Đúng lúc này, dù bà ấy không thật sự nhìn thấy Tillie đứng ở hiên nhà như Greta và Jerry, nhưng Sunny cũng đang nghĩ về việc Tillie xấu tính đến mức nào. Ngày hôm qua, Tillie gọi cảnh sát vì Sunny đỗ xe ở ngoài đường ngay trước nhà của Sunny. Sunny luôn đỗ xe ở khoảng trống giữa mặt đường và nhà mình, kể từ khi chồng bà qua đời cách đây 10 năm, bởi vì bà sợ phải de xe từ nhà ra đường. Viên cảnh sát trẻ đến và yêu cầu bà đỗ xe ở lối vào nhà. Anh ấy xin lỗi bà nhiều lần nhưng vẫn nói là bà Tillie đúng. Đỗ xe sai chỗ là vi phạm luật. Sunny vẫn chưa ăn sáng và bà đang phát khiếp khi nghĩ đến việc phải đến cửa hàng thực phẩm hôm nay, bởi vì bà sẽ phải tự de xe ra. Bà chực khóc. Và chiếc xe đó không hề đỗ gần nhà bà Tillie một chút nào!

Trong lúc Sunny than vãn ở bên kia đường, thì Tillie đang ở hiên sau nhà, khẳng định rằng con chuột chui sẽ không xuất hiện lại ngay bây giờ. Bà ta quay vào nhà, nơi mà Greta và Jerry không còn nhìn thấy bà ta từ chỗ ăn sáng nữa. Trong khi Greta và Jerry uống nước ly cà phê và cố gắng nói sang chuyện khác, thì ở trong bếp nhà mình, Tillie nhấc điện thoại lên và gọi cho Catherine, người hàng xóm sát bên nhà đang có chung con chuột chui với bà ta.

Catherine dạy cho học sinh lớp sáu. Bà đi dạy từ năm 22 tuổi, và bà sắp mừng sinh nhật lần thứ 60. Bà nghĩ là mình nên về hưu, nhưng ý nghĩ này khiến bà buồn lòng. Nghề dạy học và những đứa trẻ là cả thế giới đối với bà, và bà thật sự không muốn nghỉ dạy. Fred, chồng bà, lớn hơn bà 7 tuổi và đã nghỉ hưu, rất hiểu việc này và tỏ ra kiên nhẫn với bà.

Ông luôn nói, “Bất cứ lúc nào em săn sàng. Dù sao thì anh cũng thích sửa cái này cái kia trong nhà.” Rồi cả hai vợ chồng đều cười. Có mỗi việc thay bóng đèn thôi mà ông còn chật vật. Cho đến khi miễn cưỡng từ bỏ vị trí quan trọng của mình hồi năm ngoái, ông là biên tập viên của một tờ báo địa phương. Ông tốt bụng, trầm tính, thích đọc sách, yêu nghề và đến giờ vẫn là thành viên danh dự đóng góp cho một mục báo hấp dẫn có tên “Những Người Bạn Nên Biết.”

Khi điện thoại reng, Fred đang đọc sách trong phòng khách, còn Catherine đang ở trong bếp, chuẩn bị đi làm sớm. Tiếng chuông điện thoại reng vào giờ này khiến Catherine nhảy dựng lên. Bà nhanh chóng nhắc máy.

“A lô?”

“Catherine,” Tillie gần từng chữ như thể đang tức giận.

“Vâng, Catherine đây. Chị Tillie? Ôi trời, chị Tillie, mới 7 giờ sáng à. Chị ổn chứ?”

“Ừ, tôi ổn. Tôi vừa nhìn thấy một con chuột chui trong sân, và tôi nghĩ là cô muốn biết.”

“Một con gì? Chuột chui à?”

“Ừ, ở sân sau, giữa hai nhà.”

“À, chuyện này... thú vị thật. Chắc nó dễ thương lắm hả?”

“Chắc vậy. Tôi biết là cô bận lắm. Tôi chỉ nghĩ là cô cần biết về con vật này. Chúng ta sẽ nói chuyện này sau. Chào.”

“Đã được. Mình nói chuyện này sau. Chào chị Tillie.”

Catherine cúp máy, cảm thấy bối rối, lúc đó thì Fred cất tiếng hỏi, “Có chuyện gì vậy?”

Catherine đi vào phòng khách, chỗ Fred đang đọc sách rồi nói, “Chị Tillie gọi.”

“Ồ,” Fred đưa mắt với vẻ chán ngán. “Chị ta muốn gì?”

“Chị ta muốn nói cho em biết là chị ta nhìn thấy một con chuột chui ở sân sau.”

“Tại sao chị ta muốn nói em biết chuyện đó?”

Catherine chậm rãi lắc đầu và nói, “Em chẳng hiểu nổi.”

“A Tillie!” Fred kêu lên, giơ cánh tay phải lên cao qua đầu ra vẻ chế giễu.

Trong lúc Catherine chuẩn bị mọi việc cho buổi sáng, bà cảm thấy bối rối và hơi khó chịu, biết rằng đối với Tillie, lúc nào cũng có chuyện gì bí ẩn đằng sau và kết quả luôn là kiểm soát và phiền toái. Nhưng cả đời này, bà không tưởng tượng nổi vấn đề chuột chui này là như thế nào. Có phải Tillie muốn đuổi nó đi chỗ khác không? Có phải Tillie đang xin phép bà một cách vòng vo không? Ngoài ra, Catherine và Fred đã sống trong ngôi nhà này được 30 năm rồi và chưa lần nào họ nhìn thấy chuột chui trong sân. Kỳ quái thật.

Khi bà chuẩn bị ra khỏi nhà để đến trường dạy học, điện thoại reng lần hai. Bà tin chắc lại là bà Tillie, nhưng đó là cuộc gọi của người hàng xóm Sunny dịu dàng, nhỏ nhẹ và bà ấy đang khóc. Sunny nói cho Catherine biết là Tillie bắt bà phải đậu xe ở lối đi vào nhà, và giờ thì bà bị kẹt cứng một chỗ. Có ai giúp được bà không? Catherine và Fred có chở được bà đến cửa hàng

hôm nay không? Nghe xong hành động chèn ép mới nhất của Tillie, Catherine cảm thấy máu dồn lên mặt mình, nhưng với giọng bình tĩnh nhất, bà an ủi Sunny rằng đương nhiên, Fred sẽ chở bà đến cửa hàng. Còn buổi trưa thì sao? Fred quen thân với cảnh sát trưởng, và có thể có cách giải quyết vấn đề đỗ xe của bà Sunny.

Cả ngày dạy học cho các em lớp sáu, Catherine không còn nhớ đến Tillie nữa, nhưng khi về nhà vào khoảng 4g30 chiều, bà nhớ đến cuộc gọi sáng sớm nay và lại bắt đầu cảm thấy không thoải mái. Bà định chợp mắt chút trước bữa tối, nhưng khi ngồi lên giường, cảm giác khó chịu trong bà đột ngột trở nên mạnh hơn và nó thôi thúc bà đến bên cửa sổ. Phòng ngủ của bà nằm trên tầng hai và từ vị trí này, Catherine nhìn rõ toàn bộ sân sau của nhà mình và của Tillie. Thời tiết hôm nay trở ấm, và những cây hoa mai vàng tuyệt đẹp mà Fred trồng ở sân bắt đầu nở rộ. Có một bãi cỏ rộng, tiếp đến là hàng hoa mai vàng khoe sắc rực rỡ, tiếp nữa là bông rừng cây vẫn còn trụi lá tạo thành ranh giới của toàn bộ sân sau phía bên này đường.

Và kia, thật lạ lùng, Tillie đang đứng ngay giữa bãi cỏ nhà bà ta, vẫn mặc chiếc váy ca-rô xanh và đội thêm chiếc nón rơm rộng vành, như thể bà ta là một quý bà đang chuẩn bị làm vườn. Nhưng Tillie không bao giờ làm vườn cả.

Dỗi mắt nhìn từ cửa sổ phòng ngủ, Catherine thấy Tillie ngó quanh sân, có vẻ như đã phát hiện ra thứ mà bà ta đang tìm và tiến đến chỗ đó. Bà ta cúi xuống và gắng sức nhắc một vật lên khỏi mặt đất mà Catherine thấy giống một hòn đá màu trắng lớn có hình dạng và kích cỡ của một quả dưa hấu nhỏ. Quan sát kỹ hơn, Catherine nhận thấy vật đó quả thật là một hòn đá, và dường như nó quá nặng đối với Tillie. Nhưng Tillie ôm hòn đá bằng cả hai cánh tay, nhìn lom khom thấy tội, rồi bắt đầu khẽ nệ ôm nó đi loạng choạng về hướng những cây hoa mai vàng của Fred.

Câu nói trong cuộc điện thoại sáng nay vắng vắng trong đầu Catherine - “ở sân sau, giữa hai nhà” - và vào giây phút này, Catherine biết chính xác Tillie đang làm gì. Hang chuột chui! Tillie định dùng hòn đá để bít cái hang của con chuột chui mà bà ta đã nói.

Catherine cảm thấy kinh hãi. Bà cảm thấy là người đi và muốn buồn nôn, như thể bà đang chứng kiến một vụ giết người. Bà cần phải làm gì đó, nhưng bước ra ngoài đó gặp Tillie lúc này chẳng khác gì đối đầu với một con sói điên. Sự thật là mặc dù Catherine không muốn thú nhận điều này nhưng Tillie khiến bà thấy sợ mà không thể giải thích tại sao. Tại sao một bà lão 70 tuổi không có gì ghê gớm lại khiến bà sợ sệt?

Và bằng cách nào mà Tillie biết mình đang bị theo dõi ngay lúc này? Bà ta có biết không?

Catherine đi tới đi lui trong phòng ngủ, từ cửa sổ đến cái tủ quần áo cổ bằng gỗ sồi rồi quay lại cửa sổ. Bà thấy Tillie thả hòn đá một cách vụng về xuống một chỗ cạnh hàng cây hoa mai, giữa hai cây liễu nhỏ tại bìa rừng. Bà cẩn thận ghi nhớ vị trí đó vào tâm trí. Sau đó, bà bước lại tủ quần áo và nhìn chằm chằm vào hình ảnh của mình trong tấm gương kiểu cổ. Trong khi Tillie phù đất trên phần trước của chiếc váy xuống và hiên ngang băng qua bãi cỏ trở về hiên nhà mình, Catherine tiếp tục dán mắt vào gương. Con vật nhỏ đáng thương ấy, bà nghĩ miên man. Lõi nó bị kẹt trong đó thì sao?

Cuối cùng, Catherine biết mình muốn làm gì. Và bà phải nói cho Fred biết. Chồng bà có thể giúp được.

Fred đang ở tòa soạn, ghé thăm vài người bạn cũ. Khi ông về nhà, Catherine nói cho ông biết Tillie đã làm gì. Ông nói, “Chà, anh nghĩ trong vụ này thì Tillie đã bắn một mũi tên trúng hai đích rồi.”

“Ý anh là sao?”

“Em và con chuột chui đó.”

“Ô, đúng thế. Đúng vậy rồi phải không anh?” Catherine râu rí nói.

“Có vẻ là thế. Em chắc chắn là em không muốn anh qua đó và nói chuyện thẳng thắn với chị ta chứ?”

“Không được đâu, chị ta sẽ làm lần nữa. Em muốn giúp con chuột chui để nó sống yên ổn. Nghe em nha?”

“Anh có lựa chọn à?”

Catherine mỉm cười và ôm lấy chồng. “Không hẳn,” bà nói.

Họ ăn tối cùng nhau theo thói quen thường ngày và đợi đến khoảng 9 giờ tối, khi ngoài trời đã tối đen. Fred đề nghị bật đèn pin nhưng Catherine nghĩ Tillie sẽ nhìn thấy họ.

“Chị ta sẽ biết mình thả nó ra, và chị ta sẽ nhớt nó lại vào ngày mai.”

“Chúng ta phải đem theo ít nhất là một cây đèn pin để tìm hang của nó khi đến đó.”

“Đúng vậy. Được rồi, đem theo đèn pin dạng bút nhé? Đến nơi hẵng dùng.”

Họ lẩn mò trong bóng đêm và băng qua sân một cách chậm chạp. Fred dẫn đầu, Catherine theo sau, bà giơ hai cánh tay ra phía trước như người mông du để giữ thăng bằng. Khi đến cuối bãi cỏ, họ men theo hàng cây hoa mai cho đến khi không còn

cây hoa nào nữa. Sau đó, hiếu kỳ như một đứa trẻ, Catherine bước một bước vào bóng tối đen thẳm phía trước, hy vọng là tay mình, chứ không phải mặt mình, chạm được vào cây liễu.

Bà chạm trúng một cành cây, hít một hơi thật sâu rồi thì thầm, “Thấy rồi, anh Fred. Đèn pin.”

Fred lấy đèn ra khỏi túi quần, để nó gần sát mặt đất và bật đèn. Một lúc sau, họ tìm thấy một hòn đá cõi trái dưa hấu, dễ hơn họ nghĩ, vì hòn đá này trơn láng, có màu trắng còn lớp đất xung quanh thì màu đen. Catherine thở hắt ra và vén sợi tóc lòe xòa ra sau vành tai trái. Họ cúi xuống và cùng nhau nhắc hòn đá lên, một cái lỗ nhỏ bất ngờ lộ ra trên mặt đất, đúng là hang của một con chuột chui béo ú.

Catherine nôn nóng rời đèn vào trong miệng hang để xem con chuột có bị gì không. Nhưng rồi bà nhận ra là bà sẽ không thấy được gì và có thể làm con vật sợ.

Bà và Fred khoác tay nhau, vừa thì thầm vừa cười, lần mò đi về nhà.

Tillie không thấy họ. Khi họ quay về nhà sau khi hoàn thành nhiệm vụ, bà ta đã uống rượu và gắt gỏng nhiều giờ liền, như thường lệ. Bà ta ngồi trên ghế sofa trong phòng khách và rót cho mình vài ly Glenlivet, cố gắng xoa nhòa cảm giác đơn điệu trong cuộc đời và những kẻ ngu ngốc mà bà ta phải liên tục xử trí. Điều duy nhất khiến cho buổi tối này khác với những buổi tối khác là những thùng đồ đang chất đống quanh bà ta.

Mụ mị trong men say, bà ta tự ăn mừng về ý tưởng tuyệt vời của mình là đã không dựng bảng rao BÁN NHÀ lần này. Bà ta nghĩ, ta sẽ khiến bọn ngu này bất ngờ đến há hốc mồm.

Gã môi giới nhà đất vô tích sự liên tục bảo bà ta rằng không dựng bảng rao bán là hành động dại dột và theo ý gã, bà ta nên đợi giá cao hơn. Người mua này đưa ra giá thấp hơn giá rao của bà ta. Nhưng Tillie không đợi nổi. Bà vốn không thích chờ đợi. Bà ta sẽ gặp thời và “thời” của bà là vào sáng mai. Và rồi tất thảy mọi người sống ở khu vực lân cận kinh khủng này sẽ choáng váng khi biết tin bà ta chuyển đi. Bà ta biết chắc là như vậy. Gã môi giới không hiểu tại sao phải giữ kín việc bán nhà, nhưng gã đó là một tên ngốc, vậy nghe theo gã làm gì? Bà ta đã bán lỗ nhiều lần trước đây khi muốn nhanh chóng rời khỏi căn nhà. Chỉ là một cuộc chơi thôi, bà ta tự nhủ. Chỉ là một cuộc chơi. Ta không thể ở một nơi mà không ai nghe theo ta. Và làm cho họ một cú “nhớ đời” trước khi ra đi là cực kỳ quan trọng.

Tillie thừa hưởng một quỹ tín thác từ người cha quá cố, đủ cho bà ta sống gần hết đời. Hiện giờ, bà ta nói mình đã “về hưu,” nhưng bà ta đã đi làm bao giờ đâu. Thời trẻ, thỉnh thoảng bà ta có vẽ tranh màu nước nhưng chưa bán bức nào cả. Bà ta muốn đổi nhà đẹp hơn nhưng bà mẹ đáng ghét của bà ta cứ lẩn lùa mãi, thế nên bà ta không thể thâu tóm hết số tiền còn lại. Mẹ bà ta đã gần 100 tuổi mà vẫn chưa chịu chết. Tillie lại bị mắc kẹt giữa những người hàng xóm tầng lớp trung lưu tồi tệ này. Bà ta biết lẽ ra là mình có quyền sống một cuộc sống giàu sang hơn. Thỉnh thoảng bà ta đến thăm mẹ, bởi vì chắc chắn là bà ta không muốn bị xóa tên khỏi di chúc và bà lão nằm liệt giường ấy luôn làm bà ta nhớ đến con vẹt đuôi dài bị vặt lông kêu quang quác trong lồng. Những gì mẹ bà ta nói cũng khá thú vị.

Không có gì là rất thú vị đối với bà ta cả, thật sự là như vậy. Làm cho cái đồ gặm nhấm đó bị chết ngạt thì cũng vui được mấy phút, và bà ta mong là Catherine nhìn thấy cảnh tượng đó. Catherine sẽ lên cơn đột quy cho mà xem. Nhưng rồi xong vụ này thì chẳng có việc gì khác để làm nữa. Bà ta không tưởng tượng nổi là lũ người ngu ngốc sống xung quanh bà ta bận

chuyện gì mà cứ hối hả thế nhỉ. Chắc hẳn bọn họ có bộ não bắng hạt đậu.

Bà ta rót thêm cho mình một ly rượu và nhấp một ngụm. Bức tranh bà ta vẽ hồi những năm 20 tuổi vẫn chưa được bỏ vào thùng. Đang được treo phía trên cái lò sưởi bỏ không, bức tranh phai màu đến nỗi khó mà nhận ra trong ánh sáng lờ mờ của phòng khách. Khom người trên ghế sofa, bà ta ngược nhìn lên bức tranh và mang máng nhớ lại khung cảnh bãi biển mà bà ta đã đến mấy mươi năm về trước. Rồi tất cả những gì bà ta nhìn thấy là những chấm sao trước mắt mà gần như đêm nào bà ta cũng chờ đợi, trước khi bà ta rơi vào giấc ngủ mê man.

Sáng hôm sau là ngày thứ Bảy, hơi lạnh một chút so với ngày hôm trước và bầu trời không một bóng mây.

Bên kia con đường cách đó vài căn, Sunny kéo tấm màn ren cửa sổ trước nhà, và khi ánh mặt trời tràn vào, bà vui mừng thấy chiếc xe của mình đang đỗ ở chỗ nó nên được đỗ - ở ngoài đường. Và nó sẽ được đỗ ở đó. Fred đã nói chuyện với cảnh sát trưởng sau bữa trưa ngày hôm qua, và giải quyết mọi chuyện êm xuôi cho bà. “*Sự tự do*,” bà thở thào nhẹ nhõm. Bà cố gắng nghĩ những việc bà có thể làm để cảm ơn Fred và Catherine. Có lẽ bà sẽ nướng món gì đó cho họ. Tưởng tượng họ sẽ thích điều đó như thế nào, bà cảm thấy hân hoan hơn nữa.

Trong ngôi nhà hướng lên đồi, Greta có một cuối tuần thánh thør; cô và Jerry ngủ dậy muộn. Khi họ khoan thai thức giấc rồi đi ra phòng ngoài để uống cà phê, họ chú ý thấy một chiếc xe tải lớn đang di chuyển trên lối đi vào nhà bà Tillie.

“Có phải như anh nghĩ không?” Jerry hỏi, nhìn chăm chú chiếc xe tải. “Hay là chúng ta vẫn đang ngủ mơ?”

Greta cũng nhìn chăm chú. “Chắc là mơ đó. Em đâu có thấy bảng bán nhà đâu. Anh có thấy bên đó rao bán nhà bao giờ không?”

“Không.”

Vừa lúc đó, hai người đàn ông mặc bộ áo liền quần bước ra khỏi nhà bà Tillie, mỗi người khiêng một đầu ghế sofa. Greta và Jerry nhìn nhau và cười phá lên. Jerry cười nhiều đến mức làm đổ một chút cà phê ra ngoài.

Greta hỏi chồng, “Anh nghĩ là tại sao bà ta lại giữ kín chuyện này?”

“Chúng ta có hiểu những việc bà ta làm đâu. Nhưng giờ điều đó không còn quan trọng nữa, đúng không? Không thể nào tin được.”

Greta trầm ngâm trong một phút, rồi lên tiếng, “Anh nghĩ bà ta bao nhiêu tuổi rồi?”

“Anh không biết. Không còn trẻ.”

“Em tự hỏi liệu bà ta có con cái gì không. Chao ôi! Anh có tưởng tượng nổi mình là con bà ta thì sẽ như thế nào không?”

“Tệ hơn nữa, em có tưởng tượng được mình là chính bà ta không?”

“Vậy anh có nghĩ là mình nên cảm thấy thương xót bà ta?”
Greta hỏi.

Jerry cười toe toét và phẩy tay về cảnh tượng khuân vác đồ đạc ở đằng xa. “Uhm, anh không chắc, em yêu à. Nhưng nếu chúng

ta muốn thương xót bà ta, hãy làm điều đó trong bữa sáng nhé?
Em nhớ mình có món bánh nướng nhân trái cây chứ?”

“Em nhớ mà!” Greta chép miệng rồi cầm hai ly cà phê lên. Họ rời khỏi phòng để vào nhà bếp thưởng thức món bánh yêu thích. Vì nhà của Catherine và Fred ở cạnh nhà Tillie nên họ cũng thấy cảnh khuân vác đồ đặc ra xe tải. Họ thắc mắc tại sao họ chưa bao giờ nhìn thấy bảng BÁN NHÀ hay nghe Tillie nói bà ta sẽ dọn đi. Fred lại đưa mắt ra vẻ không tin nổi còn Catherine thì lắc đầu. Nhưng rồi sau đó, họ bị phân tâm bởi một cuộc gọi khác, lần này là cuộc gọi từ vợ chồng cô con gái, thông báo rằng hai tuần nữa, vợ chồng cô và bé Katie 4 tuổi sẽ bay đến thăm ông bà. Catherine không giấu nổi sự hào hứng, và công cuộc chuyển nhà của Tillie, vẫn đang diễn ra bên ngoài, bị chìm vào quên lãng.

Hai giờ sau, khi chiếc xe tải rời khỏi nhà Tillie, không còn ai quan sát nữa. Mọi thứ yên tĩnh trở lại.

Ở sân sau nhà Catherine và Fred, xa xa cuối hàng cây hoa mai, con chuột chui bò ra khỏi lỗ hang thứ hai và đứng rướn người hết cỡ trên cặp chân sau ngắn ngủn. Đôi mắt đen nhánh của nó sáng lấp lóá trong nắng, nó nhìn sang phía bên kia hòn đá lớn màu trắng nằm gần cái hang đầu tiên, ở đầu bên kia của bụi hoa vàng rực rỡ. Sau đó, nó nhìn về phía ngôi nhà trống hoác của Tillie. Cuối cùng, nó chuyển hướng sang khóm bồ công anh đang mọc trên lớp đất tối xốp ngay phía trước mặt. Một con chuột chui khác, nhỏ hơn một chút, lạch bạch bò ra khỏi hang. Cả hai con đều ngồi theo kiểu chuột chui, cùng ung dung nhấm nháp bữa trưa là những càنه cây non, và bước đi thong thả vào rừng.

mười hai

**LƯƠNG TÂM
Ở DẠNG THUẦN KHIẾT NHẤT:
PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC
ĐƯỢC ỦNG HỘ**

*Một tín đồ Hồi giáo không tốt là người ăn uống no say mà để
cho hàng xóm ôm bụng đói.*

- Muhammad

*Người có được cả thế giới trong lòng bàn tay mà đánh mất linh
hồn của chính mình thì có ích gì?*

- Chúa Giê-su

*Người biết phân tách nguyên tử mà trái tim không biết yêu
thương sẽ trở thành một con quái vật.*

- Krishnamurti

Bằng cách này hay cách khác, một cuộc sống không có lương tâm là một cuộc sống tệ hại. Những ai trong số chúng ta biết yêu thương và có lương tâm thật sự là những người rất may mắn, ngay cả khi cuộc sống hàng ngày của ta chỉ xoay quanh công việc, cho đi nhận lại theo phản xạ và những niềm vui bình dị.

Và thường lương tâm chỉ đơn giản vậy thôi: một phản xạ tự nhiên và rất đỗi bình thường. Không phô trương và hẫu như không được chú ý, lương tâm mang đến ý nghĩa từng chút một trong những tương tác tự nhiên đời thường với mọi người và mọi thứ xung quanh ta. Catherine và Fred không nghĩ đến những nguyên tắc cao cả khi họ lên kế hoạch giải cứu chuột chũi, mà

cuối cùng là nó không hề bị kẹt trong hang ngay từ lúc đầu. Họ không tỏ ra đạo đức hay dũng cảm, không mấy hiệu quả và chắc chắn không cân nhắc thiệt hơn. Đơn giản là việc cố gắng cứu giúp con vật có vẻ là điều đúng đắn nên làm và vì lý do nào đó giúp họ *cảm thấy vui*. Hành động dời hòn đá đi chỗ khác, theo cách nói xa xưa là, “tốt cho linh hồn của họ.”

Nói về chủ đề lương tâm, qua hàng thế kỷ, nền văn hóa phương Tây đã đi từ đức tin vào nguồn tri thức không thể thay đổi do Thượng đế ban cho về đâu là đúng và đâu là sai, cho đến niềm tin vào khái niệm siêu ngã khắc khe của Freud, cho đến quan điểm cho rằng lương tâm dựa trên sự kết nối thông thường và tích cực giữa người này với người kia. Là ý thức trách nhiệm gắn liền với sự gắn kết cảm xúc, lương tâm đã tiến hóa thành một ý niệm tâm lý học thuần khiết. Tuy vậy, như tâm lý học đi một vòng tròn rồi quay về nơi khởi đầu là thế giới tâm linh, lương tâm cũng là nơi mà tâm lý học và tâm linh gặp nhau, một vấn đề mà những lời khuyên tâm lý học và những lời giáo huấn của các tín ngưỡng lớn trên thế giới có chung góc nhìn. Một điểm chung nổi bật - ngay cả tư duy của những người theo chủ nghĩa duy vật cực đoan và những người theo thuyết huyền bí cũng ngầm giống nhau - chính là ngành khoa học hành vi, tâm lý học tiến hóa và tất cả các thuyết thần học truyền thống cũng đồng ý rằng việc sở hữu lương tâm mạnh mẽ là một lợi thế lớn, và rằng không có chút lương tâm nào thường sẽ dẫn đến thảm họa, đối với đội nhóm lẫn cá nhân.

Một nhà tâm lý học sẽ nói rằng khi chúng ta cảm thấy phần nào có trách nhiệm với cuộc đời của người khác, thì hành động của ta sẽ cảm thấy tự nhiên (hay còn gọi là “hòa hợp với bản ngã”) và cảm giác mãn nguyện trong cuộc sống của ta sẽ tăng lên. Kinh Thánh đơn thuần có câu, “Cho đi mang lại hạnh phúc nhiều hơn nhận về.” Là nhà tâm lý học, tôi có thể nói với bạn rằng việc thiếu đi ý thức trách nhiệm dựa trên gắn kết cảm xúc

có liên quan đến việc không ngừng mong muốn thống trị, mà thường là vô ích, và hậu quả gánh chịu chính là sự cản trở cuộc sống đáng kể, để rồi đi đến sự hủy hoại sau cùng. Đức Phật nói rằng: “Toàn bộ con người chúng ta là kết quả của những gì ta suy nghĩ. Nếu một người nói gì hay làm gì với ý nghĩ xấu xa, nỗi đau sẽ đi theo người đó. Nếu một người nói gì hay làm gì với ý nghĩ trong sạch, hạnh phúc sẽ đi theo người đó, như cái bóng không bao giờ rời xa họ.”

Trong nghiên cứu tâm lý học về những tấm gương đạo đức, Anne Colby và William Damon viết, “Sự tích cực mà trong đó bao gồm thái độ lạc quan, tình yêu thương và niềm hân hoan... gắn chặt với phẩm chất đạo đức, như chúng ta nhìn thấy trong cuộc đời của những tấm gương đạo đức.” Đức Phật một lần nữa đồng tình, “Để an toàn vượt qua mê cung cuộc đời, con người cần ánh sáng của trí tuệ và sự dẫn dắt của đức hạnh.”

Và, dĩ nhiên, có một Quy Luật Vàng, vốn là nền tảng đạo đức cổ xưa nhất về mối quan hệ tương hỗ, và có lẽ cũng là đạo lý súc tích nhất và hẳn là dễ áp dụng nhất, từng xuất hiện từ trước đến nay. Khổng Tử chỉ đơn thuần ghi chép lại câu châm ngôn Trung Quốc lâu đời như sau, ‘Điếc mình không muốn thì đừng làm cho người khác,’ và khi Chúa Giê-su nói, “Thương người như thể thương thân,” Ngài muốn nói đến câu tục ngữ Do Thái lâu đời như sau, “Hãy đối xử với người khác theo cách mà bạn muốn được đối xử. Đây chính là quy luật: phần còn lại chỉ là diễn giải thêm.” Sử thi Mahabharata dạy những tín đồ Ấn Độ giáo như sau, “Đây là Giáo pháp: ‘Điếc gì gây đau đớn cho bạn thì đừng làm với người khác.’” Và theo truyền thống địa phương - người Yoruba ở Nigeria nói, “Nếu ai muốn dùng que nhọn để đâm vào con chim non thì nên thử làm điều đó với chính mình trước để cảm nhận nó đau đến mức nào.” Còn nhà lãnh đạo tinh thần của người da đỏ Lakota, Black Elk, dạy rằng: Tất cả mọi thứ đều có mối liên hệ với chúng ta; những gì chúng ta làm với mọi thứ, chúng ta làm với chính mình. Tất Cả thật sự là Một.”

Một số ít tôn giáo thời nay không tuân theo quy tắc tương hổ đạo đức, và bản chất ghê sợ của những tôn giáo này có xu hướng khiến cho phẩm chất đạo đức trong Quy Luật Vàng cổ xưa có vẻ như còn hấp dẫn hơn xưa. Để minh họa, chúng ta có thể trích dẫn Tổ chức Sáng Tạo (Creativity Movement), một nhóm chống Do Thái và kháng Cơ Đốc giáo có tên gọi chính thức là Hội thánh Thế giới của Đáng sáng tạo (World Church of the Creator). Đây là một tín ngưỡng đặt trên nền tảng tình yêu thương dành cho “Chủng Tộc Da Trắng” và bắt buộc phải căm ghét tất cả những người còn lại. Theo tôn giáo này, tất cả những ai không phải “Người Da Trắng” thì được cho là thuộc về một trong những “chủng tộc thấp kém.” Đạo lý trọng tâm của Tổ chức Sáng tạo này được thể hiện như sau: “Điều gì tốt cho Chủng Tộc Da Trắng là phẩm hạnh cao quý nhất; điều gì xấu cho Chủng Tộc Da Trắng là tội lỗi tột cùng.” Không có gì ngạc nhiên, mục tiêu dài hạn của Tổ chức Sáng tạo là để đưa “Chủng Tộc Da Trắng” lên thống trị thế giới.

Ngược lại, phần lớn tôn giáo và tín ngưỡng tuân theo Quy Luật Vàng, đồng thời có niềm tin tương tự như “Tất Cả thật sự là Một” của Black Elk. Một số tôn giáo chú trọng vào tính hợp nhất hơn một số khác và lấy đó làm nguyên lý nền tảng. Ví dụ, mặc dù Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo hướng các môn đồ đến việc yêu thương hàng xóm láng giềng, chủ nghĩa thần bí của phuơng Tây dạy rằng tính cách cá nhân, cái tôi là một ảo ảnh, rằng chúng ta không tách biệt với Thượng đế hoặc với nhau, do đó mà ở khía cạnh tâm linh, chúng ta *chính là* hàng xóm láng giềng của ta. Trong quyển sách *Peace Is Every Step (An Lạc Từng Bước Chân)*, thiền sư Thích Nhất Hạnh lý giải khía cạnh tư duy phuơng Đông này cho những người phuơng Tây hiểu bằng cách nói rằng chúng ta “là nhau.” Chúng ta không thể tránh khỏi việc gắn kết chặt chẽ với tất cả mọi người và tất cả mọi thứ trong vũ trụ. Trạng thái gắn kết lẫn nhau này là lý do mà chúng ta không nên theo đuổi mục tiêu và quyền lực cá nhân một cách ích kỷ (và vô ích).

Dù là tôn giáo nào đi chăng nữa, phần thực hành tâm linh nào chú trọng vào nhận thức gắn kết lẫn nhau sẽ có xu hướng tạo ra hiệu ứng tâm lý phụ thú vị: đó chính là mang lại niềm hạnh phúc đời thường cho những người sùng đạo, gần như bất chấp hoàn cảnh bên ngoài. Trong một quyển sách do nhà tâm lý học Daniel Goleman và Đức Đạt Lai Lạt Ma làm đồng tác giả, có tựa đề *Destructive Emotions: A Scientific Dialogue with the Dalai Lama* (*Cảm Xúc Tiêu Cực: Cuộc Đối Thoại Mang Tính Khoa Học Với Đức Đạt Lai Lạt Ma*), Goleman viết, “Có vẻ như chính hành động vì lợi ích của người khác tạo ra một trạng thái hạnh phúc lớn hơn ở bên trong mỗi người.” Trong những năm gần đây, càng ngày càng có nhiều nhà khoa học đồng tình với phát hiện này. Trong hội nghị năm 2002 về khoa học và tư duy, có sự tham gia của Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà sinh học thần kinh tài ba người Úc, Jack Pettigrew, đã đưa ra nhận định: “Nếu bạn đi đến Dharamsala [nơi ở của cộng đồng Tây Tạng bị lưu đày], sau khi đi xuyên qua màn sương mù giữa mùa đông, bạn sẽ nhìn thấy ánh mặt trời sáng chói, cảnh tượng đó giống như là bạn đã đến được thiên đường. Đập vào mắt bạn là những gương mặt mỉm cười đầy hạnh phúc của người Tây Tạng. Họ không có nhiều của cải, họ từng rơi vào tình trạng cực kỳ túng quẫn, nhưng họ rất hạnh phúc. Vậy thì tại sao họ lại hạnh phúc?”

Lương tâm dựa trên những mối ràng buộc cảm xúc giữa người và người. Ở dạng thuần khiết nhất, lương tâm được gọi là tình yêu. Và thật tuyệt vời, cả các nhà tâm lý học thần bí và các nhà tâm lý học tiến hóa vốn không mấy đồng tình về nhiều vấn đề khác lại có chung quan điểm rằng những con người với bản tính bình thường có khả năng sống yêu thương hơn là sống ác độc. Kết luận này đưa ra xuất phát điểm ngoạn mục khác với quan điểm thông thường mang tính hoài nghi hơn của chúng ta về bản thân.

Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma hứng thú trong việc đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này một cách khoa học, cũng như đi tìm bí quyết lâu đời trong việc tạo ra lòng trắc ẩn của sự gắn kết lẫn nhau mà những người Tây Tạng thực hành môn thiền Phật giáo đã đạt được. Hướng tới mục đích này, Ngài tổ chức nhiều cuộc đối thoại ở tâm vóc quốc tế giữa các nhà khoa học và học giả Phật giáo. Cuộc đối thoại gần đây nhất diễn ra vào năm 2003 do Viện Tâm thức và Sự sống (Mind and Life Institute) ở Colorado và Viện McGovern của Viện Công nghệ Massachusetts đồng tài trợ. Đức Đạt Lai Lạt Ma mong muốn là những cuộc đối thoại này sẽ mang lại các giải pháp thực tiễn cho trạng thái tâm trí tiêu cực mà cả các Phật tử lẫn các nhà khoa học đều nhìn nhận là nguồn gốc tạo ra mâu thuẫn và khổ đau của nhân loại.

Là nhà tâm lý học, tôi đặc biệt thích cách mà Đức Đạt Lai Lạt Ma miêu tả những người mà tôi gọi là *sociopath* hoặc là những người thiếu đi ý thức trách nhiệm dựa trên sự kết nối với người khác. Ngài nói những cá nhân này là “những người không có được một cuộc sống phát triển tốt.” Cụ thể hơn, Ngài nói về cuộc tấn công Trung tâm Thương mại Thế Giới như sau, “Công nghệ là một điều tốt, nhưng cách sử dụng công nghệ trong bàn tay của những người không có được một cuộc sống phát triển tốt có thể gây ra thảm họa.”

Nói về khả năng có được một cuộc sống phát triển tốt của một người được thúc đẩy hay bị giới hạn bởi trí thông minh của người đó, quan điểm này của Phật giáo về chứng vô nhân tính nêu bật một trong những điểm hội tụ thú vị nhất giữa tôn giáo và tâm lý học thâm kinh. Có lẽ chứng vô nhân tính là một bài học cuộc sống do sự yếu kém về mặt cảm xúc mang lại, chứ không phải do một ưu điểm hay giới hạn về mặt thể chất. Nói cách khác, một số người phải học cách sống với vẻ đẹp rạng ngời, hoặc với việc không có chân, hoặc trở thành người ăn mày. Còn những người khác, những người không có lương tâm, phải

học cách sống mà không có khả năng quan tâm đến bất kỳ ai. Trớ trêu ở chỗ là lập luận này có thể là lý do để chúng ta cảm thấy thương hại *sociopath*, giống như cách chúng ta xót thương những đứa trẻ mồ côi bị mù lòa, dù cho ta có tin vào quy luật nhân quả hay không.

Mặc dù ngành tâm lý học công nhận giá trị của lòng trắc ẩn và ý niệm hợp nhất, các nhà tâm lý học cho đến nay vẫn chưa tìm ra bất kỳ con đường trực tiếp nào để đạt được những điều trên, bởi vậy mà đối với *sociopath* và đặc biệt là những người tin vào tâm lý học, làm thế nào để có lương tâm nhiều hơn vẫn là một vấn đề còn đang bỏ ngỏ. Nhằm tăng cảm giác mãn nguyện trong cuộc sống, các nhà khoa học ngày càng khích lệ việc giáo dục đạo đức đối với trẻ em, cũng như thúc đẩy hoạt động cho đi và tình nguyện đối với người lớn, nhưng các nhà tâm lý học trước đây từng quan tâm nhiều đến các nỗ lực như “củng cố ranh giới giữa các cá nhân với nhau” và “đào tạo kỹ năng giao tiếp hiệu quả.” Về mặt này, phạm vi tâm lý học kết nối với tâm linh nhắc tôi nhớ đến người lữ hành đói khát trong truyện ngữ ngôn thời xưa của Ấn Độ có tựa đề “Viên Đá Của Người Đàm Bà Khôn Ngoan.” Một phiên bản của truyện ngữ ngôn này, mà tác giả của nó đã trở thành người thiên cổ từ lâu, có thể được tìm thấy trong bộ truyện được tổng hợp bởi Arthur Lenehan và do (trở trêu thay) Thời báo Kinh tế đăng vào năm 1994.

Một người đàn bà khôn ngoan đang đi trên núi thì phát hiện thấy một viên đá quý trong lòng suối. Ngày kế tiếp, bà ấy gặp một người lữ hành đói khát, và người đàn bà khôn ngoan mở chiếc túi ra để chia sẻ thức ăn của mình. Người lữ hành đói khát nhìn thấy viên đá quý và bảo người đàn bà cho mình viên đá đó. Bà ấy cho người lữ hành viên đá mà không chút do dự.

Người lữ hành rời đi, vui mừng với món đồ quý giá của mình. Anh ta biết rằng viên đá này có giá trị cho anh ta đủ ăn đủ mặc cả đời. Nhưng vài ngày sau, anh ta quay lại để trả viên đá cho người đàn bà khôn ngoan.

“Tôi đã suy nghĩ,” anh ta nói, “tôi biết là viên đá này giá trị đến mức nào, nhưng tôi đem trả nó lại với hy vọng là chị có thể cho tôi một thứ khác quý giá hơn. Hãy cho tôi thứ mà chị đang có bên trong chị đã khiến chị cho tôi viên đá đó.”

Những Phật tử Tây Tạng thông thái và hạnh phúc, và chắc chắn là cả Đức Đạt Lai Lạt Ma, làm gợi nhớ đến những tấm gương đạo đức của Colby và Damon, chẳng hạn như Suzie Valadez mang thức ăn cho người nghèo ở Mexico, và cựu hiệu trưởng Jack Coleman cố gắng thúc đẩy sự gắn kết lẫn nhau và lòng trắc ẩn bằng cách trở thành người đào mương, thu gom rác và vô gia cư. Cả những nhà sư lẫn những tấm gương đạo đức cho thấy ý thức xuất phát từ lương tâm cực đoan giúp cải thiện cuộc sống con người và khiến họ hạnh phúc. Niềm hạnh phúc này không phải là sản phẩm của bất kỳ cách thức tư duy nào, cũng không phải do sự quy kết những thất bại nhất thời cho vũ trụ, còn thành công dài hạn là nhờ chính bản thân mình. Trong thực tế, Colby và Damon cho biết hầu hết các tấm gương đạo đức là những người có óc thực tế, bất kể trong hoàn cảnh nào, ngay cả khi khả năng của họ bị giới hạn trong việc thay đổi điều kiện sống. Không hề, thay vì đơn thuần là sự thích ứng về mặt tư duy, lương tâm cực đoan gắn liền với cảm giác mạnh mẽ và vững chắc của việc trở thành một điều gì đó to lớn hơn bản thân mỗi người.

Quả thật, có vẻ như lương tâm là điểm trọng tâm của tâm lý và tâm linh. Nhận định này được hình thành từ những gì mà các nhà tâm lý học giờ đây đã phát hiện về hiệu ứng đặc biệt của

việc nâng cao ý thức đạo đức dựa trên sự kết nối cảm xúc. Trong thế giới tín ngưỡng và tâm linh, trải nghiệm tại điểm trọng tâm này được gọi bằng những cái tên như sự hòa hợp, tính đồng nhất, sự gắn kết lẫn nhau. Trong tâm lý học, trải nghiệm này được gọi là lương tâm hoặc ý thức đạo đức. Cho dù có tên gọi là gì đi nữa thì đây cũng là sự hợp nhất đầy uy lực của tư duy, cảm xúc và hành động của con người, vốn có nguồn gốc từ quá khứ sinh học nguyên thủy của chúng ta. Thông qua bộ gien, não bộ và có lẽ chính tâm hồn ta, nó đã trở thành một nguồn lực mang tính bảo vệ, mang lại hiệu quả, giúp ổn định tâm trạng trong đời sống tâm lý, xã hội của ta. Trong hàng ngàn năm, nó đã đối thoại với những tín ngưỡng tối cao và với những thành viên xuất chúng của tổ tiên ta. Từ thời giống loài của ta còn nằm trong trứng nước, lương tâm là một tiếng nói nhỏ bé vẫn luôn nỗ lực nói cho ta biết rằng chúng ta là MỘT thể thống nhất về mặt tiến hóa, cảm xúc và tâm linh, và rằng nếu ta mưu cầu hòa bình và hạnh phúc, thì ta phải hành xử theo cách ấy.

Lương tâm, và chỉ duy nhất lương tâm, có thể thúc ép ta vượt ra khỏi bản thân và đặt mình vào hoàn cảnh của người khác. Lương tâm đặt nền móng trên sợi dây ràng buộc cảm xúc giữa người với người. Ở thể thuần khiết nhất, lương tâm được gọi là tình yêu thương. Và thật tuyệt vời, cả những người theo chủ nghĩa thần bí và những nhà tâm lý học tiến hóa, vốn không có chung nhiều quan điểm cho lắm, đã có cùng ý kiến cho rằng bản chất bình thường của con người có khuynh hướng thiện nhiều hơn ác. Kết luận này cho thấy sự khác biệt thú vị so với cách nhìn nhận thông thường, có phần cay nghiệt của chúng ta về bản thân mình.

Các nhà thần học và các nhà khoa học cũng đồng ý rằng những sai lầm vốn đi ngược lại với bản tính thiện lương của con người bao gồm hai loại. Sai lầm đầu tiên là mong muốn thao túng người khác và chế ngự thế giới. Động cơ này xuất phát từ ảo

tưởng cho rằng sự thống trị là một mục tiêu quan trọng. Đây là ảo tưởng luôn tồn tại trong tâm trí của *sociopath*. Và sai lầm bi thảm thứ hai là sự loại trừ đạo đức. Chúng ta biết rằng thật nguy hại khôn lường khi khẳng định đối phuơng thiếu đi những khả năng của con người - đối phuơng ở đây có thể là một giới tính khác, chủng tộc khác, người nước ngoài, “kẻ thù,” và thậm chí là chính *sociopath* - đó là lý do tại sao câu hỏi cần phải làm gì với những kẻ vi phạm đạo đức là một câu hỏi day dứt trong thần học và cả tâm lý học. Chúng ta phải đối mặt với thử thách có thể gây ra thảm họa về những con người đơn giản là “không có cuộc sống của con người phát triển bậc cao” như thế nào đây? Cho đến nay, ngành tâm lý học đã để câu hỏi này bỏ ngỏ, mặc dù có vẻ như đây là một vấn đề càng ngày càng mang tính khẩn thiết hơn bao giờ hết khi công nghệ phát triển. Sau cùng thì ác quỷ cũng đang tiến hóa đó thôi.

Còn để trả lời cho câu hỏi ai may mắn hơn, là kẻ tàn nhẫn chỉ chăm chăm vào những việc hăm muộn làm, hay là bạn, người có sự ràng buộc của lương tâm - một lần nữa, hãy tưởng tượng xem bạn sẽ như thế nào nếu không có giác quan thứ bảy. Nhưng lần này, trong lúc bạn hình dung về tâm ảnh hưởng và sự giàu có của mình, hay về những lúc nhàn rỗi thường xuyên mà không chút vương vấn tội lỗi, hãy nghĩ đến những gì mà chỉ có lương tâm mới có thể mang lại cho cuộc sống con người, những gì mà nó đã mang lại cho cuộc sống của bạn. Hãy mường tượng rõ ràng gương mặt của người mà bạn yêu thương hơn tất cả tài sản mà bạn sở hữu, người mà vì họ, bạn sẽ xông thẳng vào tòa nhà đang cháy nếu cần - cha, mẹ, anh chị em, bạn thân, bạn đời, đứa con. Hãy cố gắng hình dung vẫn là gương mặt ấy - gương mặt của cha mẹ, hoặc của cô con gái hoặc của cậu con trai - đang giàn giụa nước mắt vì đau buồn hay đang mỉm cười trong bình yên và hạnh phúc.

Và bây giờ, hãy tưởng tượng về một khoảnh khắc đặc biệt đối với bạn và bạn cảm thấy hoàn toàn trống rỗng, không chút yêu thương, không chút mong muốn giúp đỡ hay thậm chí mỉm cười đáp lại.

Nhưng đừng tưởng tượng sự trống rỗng nặng nề ấy quá lâu, cho dù đúng là cảm giác đó sẽ kéo dài xuyên suốt cả đời người nếu bạn là kẻ không có lương tâm, sẵn sàng làm bất kỳ chuyện gì mà không hề hối hận. Bây giờ, hãy quay lại với những cảm xúc của bạn. Trong tâm trí, bạn nhìn thấy gương mặt mà bạn yêu thương, chạm vào má, nghe tiếng cười rộn rã.

Lương tâm trao cho mỗi người chúng ta ý nghĩa cuộc sống như thế này mỗi ngày. Không có lương tâm, ta sẽ sống trong sự vô cảm và nỗi chán chường, và ta sẽ dành những chuỗi ngày trong đời để theo đuổi những trò chơi lặp đi lặp lại do ta tạo ra một cách lầm lạc.

Đối với hầu hết mọi người, trong hầu hết thời gian, lương tâm là thứ quá bình thường, xảy ra quá thường xuyên, và quá tự nhiên đến nỗi ta thậm chí không chú ý đến. Nhưng lương tâm quan trọng hơn chính ta rất nhiều. Là nhà tâm lý học và là thành viên của loài người, tôi bầu chọn cho những người có lương tâm, cho những ai biết yêu thương và gắn bó, cho những linh hồn hòa nhã và hào phóng. Tôi cực kỳ ấn tượng với những người đơn giản là cảm thấy việc tổn thương người khác là sai trái và biết rằng sự tử tế là điều đúng đắn, và những người hành động dựa trên ý thức đạo đức này trong cuộc sống hàng ngày. Bản thân họ là những người xuất chúng. Họ là những bậc cao niên và họ là những người trẻ tuổi. Họ là những người đã qua đời hàng thập kỷ và họ là những đứa bé sẽ chào đời vào ngày mai. Họ đến từ các quốc gia, nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Họ là thành viên có mục tiêu rõ ràng và có ý thức nhất trong loài người. Và họ chính là hy vọng của chúng ta, luôn luôn là thế.



VỀ TÁC GIẢ



Tiến sĩ **MARTHA STOUT** hiện là nhà tâm lý học lâm sàng ở một phòng khám tư. Bà từng làm việc cho Khoa Tâm thần học của Trường Y Harvard trong 20 năm. Bà cũng là tác giả quyển *The Myth of Sanity (Bí Ẩn Của Sự Minh Mẫn)*. Bà sống ở Cape Ann thuộc bang Massachusetts, Mỹ.

Dịch giả Uông Xuân Vy

Uông Xuân Vy là một phụ nữ trẻ tràn đầy nhiệt huyết. Từng là học sinh lớp Chuyên Ngữ trường Bùi Thị Xuân, tốt nghiệp xuất sắc và được tuyển thẳng vào Đại học Kinh tế, chị lại tiếp tục thi đậu vào khoa Quản trị Kinh doanh của trường **Đại học Quốc gia Singapore** (National University of Singapore - NUS).



Sau khi tốt nghiệp đại học, chị đã làm việc nhiều năm tại tập đoàn **Yahoo!** tại Singapore. Nhưng chỉ đến khi tham gia dịch, góp phần điều chỉnh nội dung và rất thành công với quyển sách **Tôi Tài Giỏi, Bạn Cũng Thế!**, chị mới nhận thấy niềm đam mê thật sự của mình là mang kho tàng kiến thức của thế giới về Việt Nam thông qua những quyển sách được chuyển ngữ kỹ lưỡng, thiết kế cẩn thận và in ấn chu đáo, đúng như tính cách của chị.

Quyết tâm sống vì đam mê của mình, chị đã lựa chọn từ bỏ công việc đang phát triển rất tốt tại Yahoo! để trở về quê hương đồng sáng lập **TGM CORP** và **UFUTURE** đồng thời nắm giữ vai trò **COO (Phó Tổng giám đốc)**. Hiện chị cũng đang giảng dạy trong khóa học **Dịch Giả Tương Lai**.

Với phương châm "*Mang chất lượng vào kiến thức*", những quyển sách do chị lãnh đạo **TGM BOOKS** xuất bản được đầu tư công phu từ việc chọn lọc nội dung đến công đoạn dịch thuật chính xác, rồi biên tập lại với ngôn từ trong sáng, dễ đọc, dễ hiểu, gần gũi với văn hóa Việt Nam... Tất cả nhằm mang lại những giá trị to lớn nhất cho độc giả người Việt. Vì vậy, **TGM BOOKS** nói chung và chị nói riêng luôn tự hào về những quyển sách liên tục nằm trong danh sách bán chạy nhất, cũng như đạt giải thưởng sách được độc giả cả nước yêu thích nhất.

Sau hơn **10 năm** làm công việc dịch thuật chuyên nghiệp, cho tới nay, nhiều quyển sách nổi tiếng của chị đã tới tay **hơn 1.000.000 độc giả** trên toàn quốc.

Chị từng xuất hiện nhiều lần trên các báo như **Tuổi Trẻ, Thanh Niên, VNExpress, Người Lao Động, Sinh Viên Việt Nam...** và các kênh truyền thanh truyền hình như **HTV1, VTV3, HTV7, HTV9, VTC1, VTC10,...**

Bạn có thể giao lưu với Dịch giả Uông Xuân Vy tại trang:

<https://www.facebook.com/uongxuanvy>

Dịch giả Trần Đăng Khoa

Trần Đăng Khoa (sinh năm 1981) là một doanh nhân thành đạt, một diễn giả được công chúng ủng hộ và một dịch giả – tác giả sách được nhiều người yêu quý. Chỉ mới quay về Việt Nam từ năm 2009 sau gần 10 năm học tập và làm việc tại Singapore, nhưng những quyển sách, những buổi hội thảo và những khóa học của anh đã tạo nên nhiều ảnh hưởng tích cực mạnh mẽ đến hàng trăm nghìn người. Anh được yêu mến nhờ ý chí cũng như khát vọng vươn lên không ngừng từ sự kém cỏi, nghèo khó và hai bàn tay trắng. Chính vì thế, những đóng góp thiết thực của anh cho đất nước đã và đang ngày càng được xã hội công nhận.



Trong vai trò dịch giả, Trần Đăng Khoa đã có hơn 10 tựa sách lọt vào danh sách bán chạy nhất tại Việt Nam. Cho đến nay, những quyển sách của anh đã đến với hơn 1.000.000 độc giả trên khắp cả nước (bao gồm cả sách in và ebook).

Trong vai trò tác giả, Trần Đăng Khoa đã tạo nên một hiện tượng cho dòng sách kỹ năng tư duy thành công khi quyển sách đầu tay của anh - *Sống Và Khát Vọng* - có hơn 10.000 bản được bán ra chỉ sau 2 tháng phát hành và lọt vào **TOP 10 Sách Kỹ Năng Được Độc Giả Yêu Thích (2014)**.

Trong vai trò diễn giả, Trần Đăng Khoa được công nhận là **Master Trainer** (Chuyên Gia Đào Tạo Cao Cấp) bởi Tập đoàn Giáo dục và Đào tạo hàng đầu khu vực - Adam Khoo Learning Technologies Group. Cho đến nay, anh đã đào tạo cho hơn 120.000 người tại Singapore, Malaysia và Việt Nam.

Trong vai trò doanh nhân, Trần Đăng Khoa góp phần đưa **TGM GROUP** từ một công ty non trẻ chỉ có vài nhân viên khi mới được thành lập vào đầu năm 2009 trở thành một công ty trị giá hàng triệu đô.

Thông tin về anh Trần Đăng Khoa và những đóng góp của anh đã nhiều lần xuất hiện trên các báo như Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Sài Gòn Giải Phóng, Doanh Nhân Sài Gòn... và các kênh truyền thanh truyền hình như VTV1, VTV2, HTV3, HTV7, SCTV...

Bạn có thể giao lưu với **anh Trần Đăng Khoa** tại trang:

<https://www.facebook.com/trandangkhoa.tgm>

KẺ ÁC CẠNH BÊN

Tác giả: Tiến sĩ Martha Stout

Dịch giả: Uông Xuân Vy - Trần Đăng Khoa

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: KHÚC THỊ HOA PHƯỢNG

Biên tập: Nguyễn Thị Bình Phương

Trình bày: Đoan Vy

Bìa: Xuân Trịnh

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

39 Hàng Chuối, Hà Nội

Đt: (024) 9.710717 - 9.717979 - 9.717980

9.716727 - 9.712832

Fax: (024) 9.712830

Email: nxbphunu@vnn.vn

CHI NHÁNH

16 Alexandre De Rhodes - Q.1 - TP. HCM

Đt: (028) 234806

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN TGM

<https://tgm.vn>

133 Dương Bá Trạc, P. 1, Q. 8, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6674 7542 - Email: books@tgm.vn

In 3.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm.

Tại Công ty TNHH MTV Lê Quang Lộc. Địa chỉ 161 Lý Chính Thắng, P. 7, Q. 3, TP. HCM

Số KHXB: 4398-2019/CXBIPH/9-75/PN. Ký ngày 31/10/2019.

Số QĐXB: 1132/QĐ - PNVN. Ký ngày 6/11/2019.

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2019.

ISBN: 978-604-56-7149-8

“Một quyển sách cần thiết và hấp dẫn lôi cuốn về điều gì khiến người tốt làm việc tốt, còn người xấu làm việc xấu, và làm cách nào để người tốt tự bảo vệ bản thân khỏi kẻ ác.”

– Harold S. Kushner, tác giả quyển
When Bad Things Happen to Good People

Bạn có biết ai là kẻ ác không? Có phải người chồng cũ dối trá, lừa lọc của bạn không? Hay ông thầy thể dục tàn ác thời phổ thông trung học của bạn? Hay bà sếp thích làm bẽ mặt người khác trong cuộc họp?

Chúng ta thường nghĩ *sociopath* là những tên tội phạm bạo lực, nhưng trong tác phẩm *Kẻ Ác Cạnh Bên*, nhà tâm lý học lâm sàng Martha Stout tiết lộ rằng 4% người bình thường mắc chứng rối loạn thần kinh mà không bị phát hiện ra, triệu chứng của căn bệnh “không có lương tâm.” Họ có thể là đồng nghiệp, hàng xóm, thậm chí là người thân của bạn. Và họ có thể làm gần như bất cứ điều gì mà không hề cảm thấy tội lỗi, ăn năn hay hối hận. Trong *Kẻ Ác Cạnh Bên*, Tiến sĩ Stout dạy cho bạn cách phát hiện *sociopath* và làm thế nào để bảo vệ bản thân bạn khỏi những kẻ ác mà bạn gặp phải – và những kẻ có lẽ đã tàn phá cuộc đời bạn.

ĐẠT GIẢI THƯỞNG BOOKS FOR A BETTER LIFE AWARD

“Một cuốn cẩm nang hữu ích – và cũng đáng sợ – nhằm giúp bạn nhận ra những kẻ vô lương tâm...”

– Martha Beck, O, *The Oprah Magazine*

“Trong 25 người thì có 1 người là *sociopath* – vô lương tâm, không biết hối hận là gì. Đó có thể là cấp trên xấu tính hoặc người yêu cũ điên rồ của bạn. *Kẻ Ác Cạnh Bên* sẽ giúp bạn nhận biết được họ một cách dễ dàng.”

– *Newsweek*



<https://books.tgm.vn>

